NĂM THỨ CHÍN • #96 • APRIL 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

in tại PrecisionColor 818/937-6666

BUỔI CHIỀU BÊN ĐẠI VỰC **LÊ TẤT ĐIỀU**

XỬ NỮ **HÀ THÚC SINH**

KHỔNG GIÁO VÀ DÂN CHỦ

TRẦN THANH HIỆP • NHUỆ HỒNG • FUKUYAMA

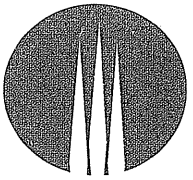

VNCR
VIETNAM
CALIFORNIA
RADIO
106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần
từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5am đến 7am
Buổi chiều: 12pm đến 4pm

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

MỚI LẠ! SAY MÊ! KINH NGẠC!

Với kỹ thuật tân kỳ về ÂM THANH và ÁNH SÁNG đi trước của năm 2000

Tất cả video Paris by Night từ trước đến nay, kể cả 37 và 38 dù đã lên TOP thị trường trong và ngoài nước, tất cả đều chào thua cuốn video xuất sắc nhất vừa mới thực hiện

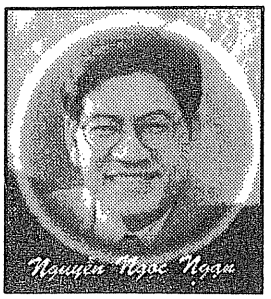

PARIS BY NIGHT 39

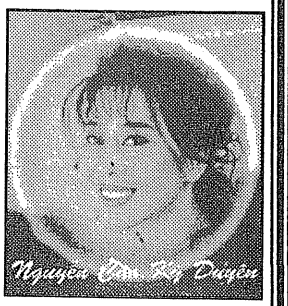

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYÊN CAO KỲ DUYÊN

Chủ Đề: **ÁNH ĐÈN MÀU**

với sự góp mặt các tài danh:

- Ái Vân - Bích Chiêu - Ý Lan - Như Quỳnh - Họa Mi
- Lưu Bích - Bảo Hân - Mỹ Huyền - Hoàng Lan
- Trang Thanh Lan - Lynda Trang Đài - Thiên Kim
- Thảo Mi - Đức Huy - Don Hồ - Thái Châu - Thế Sơn
- Nguyễn Hưng - Tommy Ngô- Hoài Nam - Khánh Hoàng
- Lay Minh - Ban Nhạc M.F.L. Toronto (Canada)

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

GIÁ $28 1/BỘ

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 • Westminster, CA 92683 - USA • Tel.: (714) 893-2860 • Fax (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave D'Ivry - 75013 • Paris, France • Tel.: 45-83-34-30
ÚC: 323 Chapel Rd. • Bankstown - N.S.W. 2200 • Australia - Tel.: (02) 796-722

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA		□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*		□ 1 năm / *1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*		□ 1 năm / *1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

KHAI THUẾ CẤP TỐC

Lấy tiền Thuế Bồi Hoàn Tối Đa trong 3 ngày

BẢO ĐẢM: Chỉ lấy lệ phí
Sau Khi Quý Vị Nhận Được Tiền

FREE Tax Refund Estimate! Tham Khảo Miễn Phí

Xin gọi số toll-free: 1-800-683-7094
Công Ty KHAI THUẾ Việt Mỹ TAX

Bảng Thuế Bồi Hoàn (Ví dụ) theo mức lương & số người phụ thuộc (Dependent)

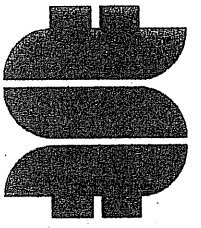

Mức Lương (Income)	*Độc Thân (Single)*	*Có 1 người phụ thuộc*	*Có 2 người phụ thuộc*
$ 2,500	$ 568	$ 1,234	$ 1,358
$ 7,500	$ 1,073	$ 2,459	$ 2,760
$ 5,000	$ 1,200	$ 3,277	$ 4,135
$ 10,000	$ 1,220	$ 3,652	$ 5,056
$ 15,000	$ 1,557	$ 3,803	$ 5,243
$ 20,000	$ 1,884	$ 3,338	$ 4,527
$ 25,000	$ 2,200	$ 2,863	$ 3,801
$ 30,000	$ 2,507	$ 3,170	$ 3,386
$ 35,000	$ 2,746	$ 4,616	$ 4,835
$ 40,000	$ 3,136	$ 5,356	$ 6,016

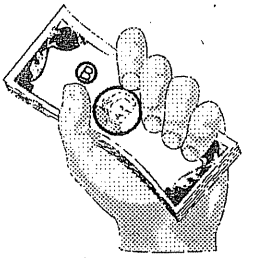

Lấy Thuế TỐI ĐA (MAXIMUM REFUND) NHANH CHÓNG, CHÍNH XÁC, TIỆN LỢI

Giảm Thuế Tối Đa: Nhận Khai Thuế cho các Cơ Sở Thương Mại

BUSINESS: GENERAL CONTRACTOR, FRUIT SALAD, RESTAURANT, CHINESE FOOD LUNC TRUCK, TAKE OUT, LABOR CONTRACTOR, NAIL SALON, BEAUTY SALON, JANITORIAL SERVICE, GARMENT SEWING CONTRACTOR

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

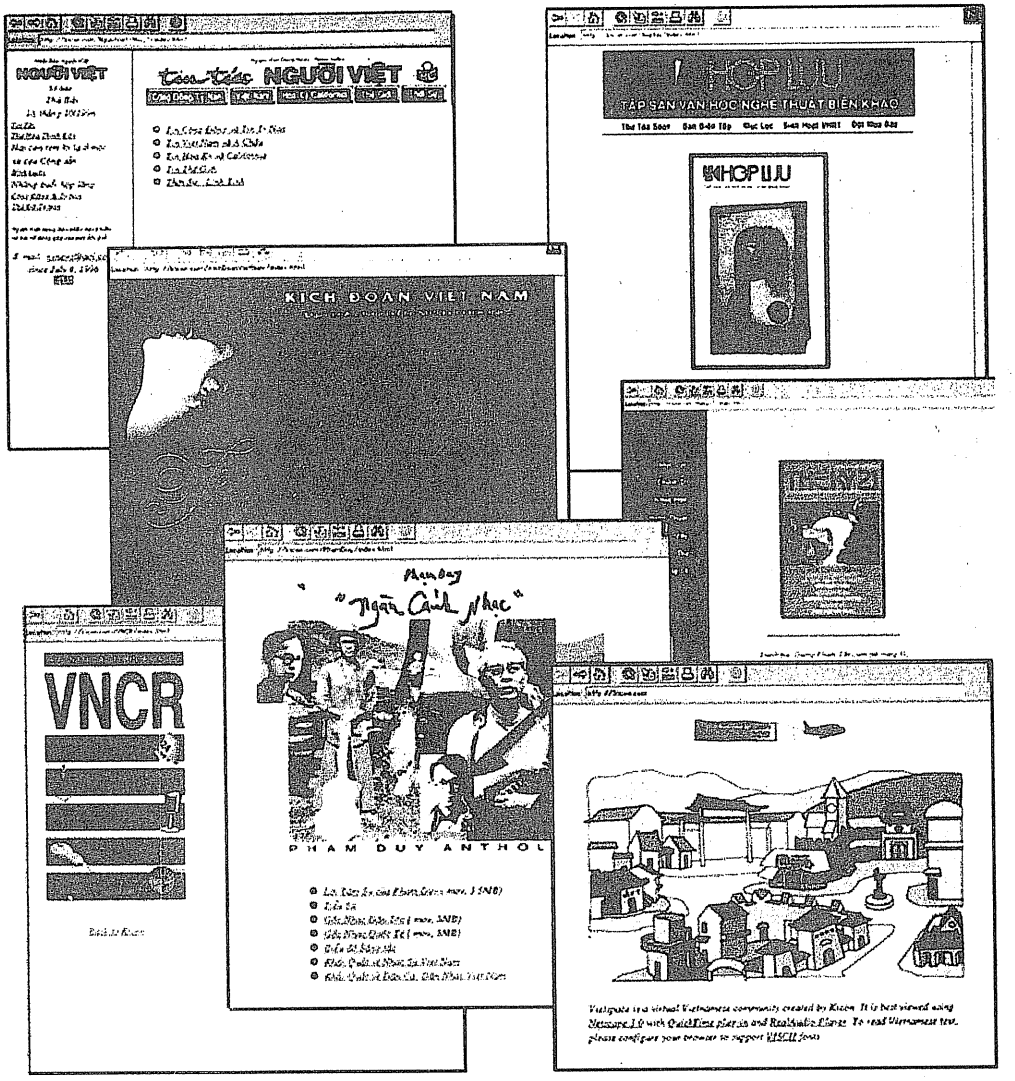

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ▫ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

▫ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

▫ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

▫ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

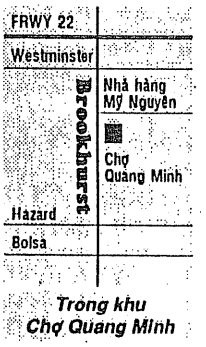

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NHÀ XUẤT BẢN

NGƯỜI VIỆT

Hân hạnh giới thiệu ba ấn phẩm mới nhất:

Món quà cho
cho các em thiếu nhi
Món quà cho
người yêu nhạc
Món quà cho
những người
bạn ngoại quốc

Mỗi gia đình
Việt Nam đều nên
có trong tủ sách
gia đình

Truyện cổ tích
Việt Nam
bằng tranh
cho các em
thiếu nhi
bằng hai thứ tiếng
Anh - Việt
của Nguyễn Thị Hợp
và Nguyễn Thị Nhuận
Giá: US$ 10

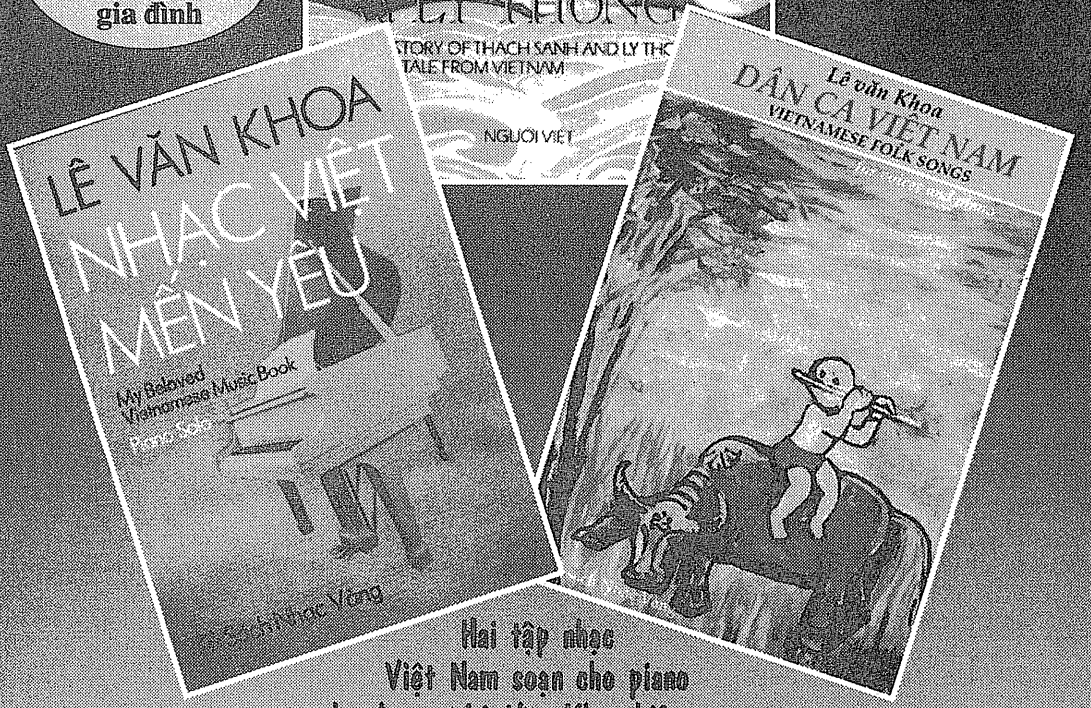

Hai tập nhạc
Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ Lê Văn Khoa biên soạn
Giá: US$ 12/mỗi tập

Hỏi mua tại các nhà sách địa phương hoặc liên lạc:

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT
14891 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714) 892-9414 - FAX: (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com - World Wide Web: http://kicon.com/NguoiViet

Tranh bìa: **Ngọc Dũng**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễ Thị Hợp, Đinh Cường**
Hí họa: **Hiếu Đệ**
Ảnh: **Lê Tam Ca**

MỤC LỤC

Số 96 . Tháng Tư 1997

CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ

13 Hà Nội, Bắc Kinh và dầu lửa ở Hoàng Sa - **Đỗ Trung Hiếu**
17 Đối thoại với người xưa: Khổng Tử và dân chủ - **Trần Thanh Hiệp**
24 Biện minh cho kẻ sĩ - **Nhuệ Hồng**
30 Khổng giáo và dân chủ - **Francis Fukuyama, Trần Khả Vi** dịch

VĂN HÓA - SỬ - ĐỊA

33 Thêm vài "mẩu chuyện" về cuộc đời Hồ Chí Minh - **Nguyễn Minh Cần**
41 Tìm hiểu nguồn gốc dân tộc Việt Nam... - **Phan Hưng Nhơn**
57 Trò chuyện với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện... - **Bửu Sao**
71 Nhận diện chân tướng vật tổ chim 'Lạc" - **Nguyễn Xuân Quang**
77 Địa danh Sài Gòn - **Phụng Nghi**
83 Thư viện Mittérand - **Nguyễn Thị Xuân Sương**

TIẾNG VỌNG

47 Giờ phút của sự thật đã điểm... -**Sơn Tùng**

VĂN

60 Buổi chiều bên đại vực -**Lê Tất Điều**
67 Chuyện viết trong phòng the - **Kinh Dương Vương**
68 Nhớ anh - **Phương Nghĩa**
81 Thủy đao lan - **Khuyết Danh Thị Ngh.**
86 Xử nữ - **Hà Thúc Sinh**
90 Cội mai - **Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm**
97 Mười Thừa - **Hoài Cẩm Lê Văn Hưng**

THƠ

56. Sao bỗng dưng nhớ con chuột nhắt - **Hoàng Chiều Nhân.**
70. Mài kiếm - **Nguyễn Ngọc Nga.**
78. Thương tiếc thầy Vương Hồng Sển -**Tân Văn Hồng.**
79. Tâm Đầu - **Võ Doãn Nhẫn.**
94. Kính mừng thầy Nguyễn Đăng Thục 90 tuổi - **Trần Vấn Lệ.**
95. Gọi tên - **Trần Mộng Tú**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư tòa soạn: Xã hội Khổng giáo và thể chế dân chủ
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc -**Phạm Phú Minh**
12 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
51 Sổ tay - **Thế Kỷ 21**
100 Khách trong tháng: Xuân đã về -**Lê Đình Điểu** và **Ngô Mạnh Thu**
101 Vòng chân trời VHNT - **Lê Tam Ca**
104 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô
Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

XÃ HỘI KHỔNG GIÁO VÀ THỂ CHẾ DÂN CHỦ

Đối chiếu Khổng giáo với chế độ dân chủ là một đề tài rất đáng quan tâm. Nhưng chúng ta có thể đi vào đề tài này qua nhiều khảo hướng khác nhau. Có người muốn tìm trong kinh điển các lời của Khổng, Mạnh, để chứng minh rằng hai vị thánh nhân đó có tư tưởng đề cao vai trò của người dân thường, khi so sánh với vai trò của vua quan. Tư tưởng như vậy phù hợp với các nguyên lí của chế độ dân chủ. Công việc đó có thể làm được, và có thể thuyết phục được rất nhiều người. Ngược lại cũng có người muốn tìm hiểu các xã hội Khổng giáo, phân tích các định chế của các xã hội đó để thấy thói quen đề cao uy quyền, hay quá chú trọng đến gia tộc, là những trở ngại khiến các xứ theo truyền thống Khổng Mạnh khó dân chủ hóa.

Dùng nhiều khảo hướng khác nhau, người ta còn mang nhiều hành trang khác nhau, do những "sở tri" của mình, khi nghiên cứu Khổng giáo.

Khi nói đến chế độ dân chủ, người ta thường đồng ý rằng một nền tảng của dân chủ là sự hình thành của xã hội công dân, tách khỏi nhà nước, độc lập với nhà nước. Các viên gạch xây nên xã hội công dân là các tập hợp tự nguyện, tự chủ nằm ở khoảng giữa gia đình và nhà nước. De Bary, cũng như Huntington đã nhận xét rất đúng rằng xã hội Trung Hoa thiếu các viên gạch đó, vì vai trò gia đình quan trọng quá. Fukuyama, trong bài trích dịch trong số này cũng nghĩ như vậy. Một cuốn sách về gia đình Khổng giáo của Patricia B. Ebrey, đã thử hỏi tại sao các bộ óc lỗi lạc nhất trong thế kỷ 11 ở Trung Hoa (Tư Mã Quang, 1019-86, hay Trình Dị, 1033-1108) lại để quá nhiều thời giờ biện minh cho một hệ cấp quyền lực. Chu Hi (1130-1200), khi soạn cuốn *Gia lễ*, không những đã định chế hóa cơ cấu gia đình mà còn tạo ảnh hưởng đến cả tổ chức xã hội Trung Hoa trong cả ngàn năm.

Nhưng như Fukuyama nhận xét, gia đình ở Nhật không có vai trò tương đối quan trọng như vậy. Ở Việt Nam, có lẽ nhờ ảnh hưởng của các truyền thống Nam Á, vai trò của phụ nữ đặt cao hơn. Và ngay trong làng xã của chúng ta có rất nhiều cơ cấu xã hội trung gian giữa nhà nước và gia đình, như tổ chức hàng giáp, các hội tương tế, các nhóm gọi họ (chơi hụi) hay các hội tư văn. Cũng như ở thành thị có các phường nghề nghiệp, mà Huntington tưởng là chỉ ở Âu châu mới có, trong xã hội cổ truyền Việt Nam phải chăng đã có sẵn những nền móng văn hóa để xây dựng Xã Hội Công Dân bây giờ?

Việc đối chiếu các xã hội Khổng giáo và chế độ dân chủ sẽ còn là đề tài lý thú rất đáng bàn luận tiếp. Nhưng chúng ta không nghiên cứu đề tài đó chỉ để thỏa mãn trí tò mò. Điều chúng ta quan tâm là thực hiện thể chế dân chủ, cho một xã hội cụ thể là nước Việt Nam hiện nay. Chúng ta không nên để bị lạc vào một cuộc chơi lý trí, mà nên đặt các câu hỏi thực tế. Ngay cả những người thuần lý thuyết, nghĩ rằng Khổng giáo không phù hợp với chế độ dân chủ, cũng vẫn có thể tin tưởng rằng 75 triệu người Việt Nam cần sống dân chủ, đáng sống dân chủ, và có khả năng sống dân chủ.

Riêng chúng tôi, các người đã giữ nhiệm vụ chủ nhiệm và chủ bút *Thế Kỷ 21*, muốn nhân số báo này, với đề tài về Khổng giáo, bày tỏ lòng biết ơn đối với giáo sư Nguyễn Đăng Thục, năm nay 90 tuổi, một vị thầy khả kính đã dậy dỗ chúng tôi rất nhiều về truyền thống Khổng giáo trong thập niên 1960 tại Sài Gòn.

ĐỖ NGỌC YẾN, LÊ ĐÌNH ĐIỂU, PHẠM PHÚ MINH
và VƯƠNG HỮU BỘT

Vấn đề Hợp đồng xã hội Việt Nam

Những ý kiến của anh Đoàn Thanh Liêm trong Thế Kỷ 21 (số 95 tháng ba 1997, tr. 44-45) rất hay và đáng được ghi nhận. Nó gợi cho tôi hai ý sau đây:

1/ Những người ưu tư về vấn đề hợp đồng xã hội Việt Nam trong tương lai nên mở một hồ sơ đặc biệt mang tên là: "Hồ sơ về Hợp đồng xã hội Việt Nam." Sẽ được xếp vào đó những tài liệu liên hệ, đặc biệt là những bài bản của những người hải ngoại *và trong xứ* chứa những nghiên cứu, phân tách, đề nghị về những vấn đề này. Ví dụ: "Năm điểm thảo luận" của anh Liêm, tập "Thử Thách và Hy Vọng: Dự án chính trị dân chủ đa nguyên" của nhóm Thông Luận, những đề nghị của nhiều người hay nhóm khác (mà không thể kê khai hết ở đây được), những tác phẩm của một số người trong nước không chấp nhận cộng sản nữa và đang đi tìm một con đường mới, như Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Lữ Phương v.v...

Những tài liệu này cần được nghiên cứu, phân tách kỹ càng và đúc kết thành những đề nghị cụ thể có tính cách dự án để được thảo luận rộng rãi giữa những người ngoài và *trong xứ* chia xẻ ưu tư này, và lâm thời đưa đến một sự đồng thuận giữa đại đa số người Việt ngoài và *trong xứ* về một đề án hợp đồng xã hội.

2/ Đến một lúc nào đó, sẽ có một hội thảo có sự tham dự rộng rãi của mọi giới, có đại diện *cả ngoài lẫn trong nước* ở một địa điểm có tính cách trung lập. Nếu cần (vì những người trong nước không được nhà cầm quyền cộng sản cấp chiếu khán xuất ngoại), có thể có hai hội thảo như thế, một ở ngoài nước và một ở trong nước (tất nhiên giữa những người chập nhận dân chủ).

Những ý kiến trên đây chỉ có tính cách sơ khởi, để gợi ý thêm cho những người khác cùng ưu tư về vấn đề này. Mong thấy nhiều người khác thảo luận và bổ túc để làm sáng tỏ thêm vấn đề. Như người Pháp nói: "Trois têtes valent mieux qu'une" (ba cái đầu hợp lại tất phải thấy rõ vấn đề hơn là chỉ một đầu thôi).

Tôn Thất Thiện *(Ottawa, Canada)*

Bìa báo và danh ngôn

Tôi rất yêu mến tạp chí Thế Kỷ 21 vì bài vở rất có giá trị và thông tin chính xác. Thích nhất là những câu danh ngôn lời hay ý đẹp, và cái hình bìa của tờ báo. Việc đầu tiên sau khi nhận được tờ báo là xem hình cái bìa, rồi đọc hết những câu danh ngôn rải rác cùng khắp tờ báo trước khi đọc những bài khác. Thích lắm. Hình bìa của tháng Hai 1997 rất đẹp vì tôi rất thích nét vẽ rất thuần túy quê hương, rất đậm đà tình dân tộc, mẹ hiền, con ngoan với mái tranh nghèo của họa sĩ Nguyễn Thị Hợp, và cũng rất thích màu sắc và đường nét huyền dịu trong những bức tranh của họa sĩ Trương Bửu Giám. Hy vọng sẽ còn thấy rất nhiều tranh của hai họa sĩ nầy trên bìa báo của Thế Kỷ 21 trong tương lai. Cảm ơn Thế Kỷ 21 đã in những hình bìa rất đẹp và có giá trị, thay vì những ca sĩ hay các cô model của các trung tâm thẩm mỹ.

Hoàng Tố Lan *(Orange County, CA)*

Những tấm lòng

1. Cảm ơn ông Trần Gia Phụng

Tôi đã đọc bài "Từ tú tài đến tiến sĩ" của ông Trần Gia Phụng trên TK 21 số 95, mục Tiếng Vọng để giải đáp thắc mắc của tôi đã đăng trên TK 21 số 92, và thấy rằng ông Phụng đã cho tôi và độc giả TK 21 thưởng thức một bài viết rất công phu, dẫn chứng thỏa đáng tiến trình khoa cử của cụ Trần Quý Cáp. Sử học là một ngành rất khó, đòi hỏi nhiều công phu sưu khảo không phải ai cũng làm được. Tôi xin gửi lời cám ơn chân thành đến ông Trần Gia Phụng.

2. Và những tấm lòng...

Nhân dịp này tôi cũng muốn nói thêm là báo Thế Kỷ 21 mỗi ngày càng đa dạng và súc tích vì quy tụ được nhiều cây viết chuyên gia có kiến thức chuyên môn thật uyên thâm. Vị nào cũng có một tấm lòng đầy ắp những "cỗi nguồn" không những để hướng về nguồn mà còn nhìn vào thế giới hiện tại trên mọi lãnh vực, mang những kiến thức thâu nhận được để chia sẻ cùng bạn đọc, từ chuyện con chim Lạc đến đồ đồng Đông Sơn, từ bài khảo cứu chiều cao của con người tăng trưởng theo với nền kinh tế thịnh vượng của một nước đến hạt vi *quack*, từ truyện Kiều đến bài thơ 28 chữ nhớ

tiếng chuông chùa nơi quê nhà của Cao Tiêu... nhất nhất đều vang dội trong tâm khảm người đọc như ý thơ lời nhạc Hòn Vọng Phu của Lê Thương... Tôi thấy Quý vị là những mắt xích quan trọng đang làm cái việc *"mang nghìn xưa nối lại với nghìn sau."* Xin nồng nhiệt hoan nghênh toàn thể quý vị.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*

Lê Thương

Bài "Đoàn Lữ Nhạc Đi Về Miền Texas" đăng trong TK 21 số 95 có nhắc nhiều đến tác phẩm Hòn Vọng Phu của Lê Thương. Tiếng hô lớn "Long Live Việt Nam" trong rạp sau khi nghe Hòn Vọng Phu khiến người đọc cũng lấy làm lạ. Dễ đồng ý rằng tiếng hô ấy là cảm xúc do màn trình diễn đem lại, nhưng đi xem hát thì thường bị cảm xúc lắm mà có ai hô lên như thế đâu. Vậy tôi nghĩ chính Lê Thương là nguyên do chính của cảm xúc ấy. Nghe Hòn Vọng Phu mà biểu lộ ngay ý nghĩ về sự bất diệt của nước Việt Nam thì hẳn trong trường ca ấy có chứa rất nhiều Việt Nam, nó khuấy động, làm sống dậy những tình cảm về đất nước vẫn nằm im lìm trong lòng người.

Lê Thương mất ở Sài Gòn năm ngoái, và nghe nói đám tang của ông cũng khá vắng vẻ. Vậy chắc là "có vấn đề" với chính quyền cộng sản rồi. Nhưng dù là vấn đề gì thì cũng không ảnh hưởng gì đến những đóng góp của ông đối với nền âm nhạc Việt Nam, đến ảnh hưởng lớn lao của ông đối với quần chúng Việt Nam. Cộng sản vẫn vùi dập những ai không theo cánh của họ, nhưng đó chỉ là chuyện bè đảng nhất thời. Những người như Lê Thương, như Khái Hưng thì nằm trong cái 'Long Live Việt Nam" kia, chứ bè đảng không phải là chỗ của họ. Bè đảng rồi sẽ có số phận của bè đảng, như chuyện cái mộ của Lê Đức Thọ ở Hà Nội chẳng hạn.

Sinh tiền chắc nhạc sĩ Lê Thương khó có thể ngờ có ngày tiếng nhạc của mình vang lên trên miền đất cao bồi, xứ Texas bao la, và làm xúc động lòng người đến thế. Trong một động tác như là mặc niệm ông, tôi đọc lại bài viết về ông của tác giả Đặng Mĩ Lộc trên báo Thế Kỷ 21 số 91, xin trích một đoạn ngắn để kết thúc bức thư này:

Người nhạc sĩ dung dị của chúng ta đã hát về những vinh quang và khổ nhục của phận người trong một đất nước bị giằng xé vì những buồn đau không nguôi. Làm được trọn vẹn vai trò đó trên sân khấu nghệ thuật Việt Nam trong thế kỷ XX là một việc không dễ dàng. Có quá nhiều yếu tố khiến cho văn nghệ của chúng ta không ngừng rơi xuống vũng lầy tha hóa. Người nhạc sĩ Lê Thương trong con người nhà giáo Ngô Đình Hộ đã chọn lựa làm một người trung thực.

Lê Văn Thành *(Seattle, WA)*

Mức độ tham nhũng

Tôi đọc bài Kinh Tế Việt Nam của ông Võ Quang (TK 21 số 94, Tháng Hai 1997) có nói là theo "một nghiên cứu" thì tham nhũng tại Trung Quốc được xếp ngang hàng với Nhật và tác giả ước đoán là Việt Nam cũng được xếp vào bậc trung, nghĩa là ngang với Trung Quốc, Nhật, Malaysia và Brasil. Không biết tác giả có thể cho độc giả biết xuất xứ của "một nghiên cứu" mà tác giả đề cập đến hay không? Tôi có đọc hồi năm ngoái một tài liệu trên báo mà tôi đã quên thì Singapour được xếp vào hạng ít tham nhũng, và Nhật tuy thua Singapour nhưng trên Trung Quốc khá xa. Trung Quốc và Việt Nam thì lại khá gần nhau và có nhiều nguồn tin xếp Trung Quốc và Việt Nam vào loại tham nhũng nhất Á châu.

Minh Đức *(Internet)*

Sự huyền bí của những linh vật thành Troie

Bài *Kho báu thành Troie* (của Nguyễn Thị Thu Hằng, TK 21 số 94) gợi cho tôi nhiều ý nghĩ và tình cảm khác nhau. Trước hết mấy tiếng "thành Troie" làm tôi nhớ lại một quá khứ khá xa, khi mình còn là một học sinh trung học ở Sài Gòn khoảng 40 năm trước, đi xem phim "Hélène de Troie," hình như do Brigitte Bardot đóng. Màn ảnh ký ức của tôi chỉ còn lại vài hình ảnh không rõ rệt lắm về cuốn phim, trong đó có cảnh các chiến sĩ ẩn mình trong bụng con ngựa khổng lồ bằng gỗ để xâm nhập vào thành Troie. Nhưng tên phim thì không hiểu sao tôi nhớ mãi, có lẽ vì nó mang tên một người đàn bà đẹp và một cái thành huyền thoại, và nó còn vang vọng quãng đời tươi đẹp thơ mộng nhất của tôi.

Nhưng cái thành Troie huyền thoại bỗng dưng trở thành sự thật, với hình ảnh những báu vật kèm theo bài viết. Đối với tôi đó là một bài tuyệt vời, có khả năng nối quá khứ với hiện tại, biến huyền thoại thành sự thực, và lại cho biết một sự thật lịch sử mà tôi không ngờ đến. Đó là cái nước Liên Xô từ mấy mươi năm đứng đầu một thế giới cách mạng đầy lý tưởng, từng là cảm hứng và mơ ước của rất nhiều cuộc cách mạng trên thế giới, trong vụ này hiện nguyên hình một tên... chôm chĩa! Bao nhiêu nét đẹp và hào quang của "cách mạng" bỗng biến đi

để nhường chỗ cho hình ảnh một anh vô sản tham lam, khi xâm nhập vào được một nhà giàu thì vơ lấy vơ để nhét đầy túi để thực hiện cái... lý tưởng "bao nhiêu lợi quyền tất qua tay mình." Hình ảnh đó cũng giống y như những người cộng sản Việt Nam khi vào Sài Gòn năm 1975, sự vơ vét trong chiến thắng năm ấy có một cái gì rất tội nghiệp, rất thảm, không ra tư cách gì cả. Sự kiện Liên Xô đem kho báu thành Troie về giấu kín không giám hé môi vì sợ thế giới lên án nó cũng phảng phất vẻ tội nghiệp như thế. Những thế kỷ trước các nước thực dân phương Tây cũng đi ăn cướp nhiều thứ từ các nước yếu, nhưng họ ăn cướp ra một tên ăn cướp, đem về công khai trưng bày cho thế giới biết, không vờ vĩnh dấu đút (vì đạo đức giả) như các ông xã hội chủ nghĩa trong cùng một hành vi ấy.

Thành Troie trong một thời gian dài được nói đến như một huyền thoại, nhưng "kho báu thành Troie" từ khi được tìm thấy lại có tác dụng biến huyền thoại thành sự thật lịch sử. Đối với Liên Xô kho báu ấy cũng có tác dụng tương tự: lột mặt nạ một kẻ tham lam từ lâu vẫn đóng vai kịch nhân nghĩa. Kho báu ấy đúng là những "linh vật!"

Phạm Quang Bình *(Paris, Pháp)*

Sửa sai vì lòng quý mến

Mấy câu thơ Đường trong bài của ông Thái Việt (số 93, tháng 1-1997) có sáu chỗ sai:

Trương 76, cột 1: *Hàn* (Hàm) tình dục thuyết cung trung sự

Trương 77, cột 2: Độc *thường* (thương) nhiên nhi thế hạ.·

(Lý Bạch - *Bá* (Bả) tửu *vân* (vấn) nguyệt)

Trương 78, cột 1: Phi điểu *mộ* (một) hà xứ?

Không chỉ chép *một* ra *mộ* làm chết cả câu thơ mà còn quên ghi xuất xứ: (Lưu Trường Khanh - Tiễn biệt Vương thập nhất nam du).

Vì quý tờ báo và thấy bài hay, lại biết quý vị không giận, nên tôi mới mạo muội viết mấy hàng này.

Nguyễn Hữu Thành *(Paris, Pháp)*

Đính chính

1. Do sơ xuất kỹ thuật của Tòa soạn, trong bài *Ngày Mới Trên Công Viên Lê Nin* đăng trên TK 21 số 95 có một vài chi tiết không đúng với nguyên bản của tác giả, xin quý bạn đọc vui lòng sửa lại:

- trang 74 cột 1 dòng 7: Thủ lãnh của họ là *nhà vật lý học Lê Châu (thay vì nhà toán học Phan Đình Tiếu).*

- trang 74 cột 1 dòng 32: ...khi mà chủ nghĩa Mác Lê chỉ còn là những dòng chữ chết trên những trang sách đã đóng bụi của thế kỷ trước (thiếu một dòng) *và tượng đài ngạo nghễ Lênin cuối cùng tại Việt Nam cũng đã bị giật sập.*

- trang 74 cột 2 dòng 23: ...là người sáng lập và chủ biên tập san *Vietnam Forum* (thay vì Diễn Đàn Tự Do).

2. Bài *Bác Sĩ Hồ Tá Khanh* số 95, có những sai, sót:

- trang 41, đầu cột một thiếu một dòng:*Năm 1940, ông kết hôn cùng bà Nguyễn Minh Nguyệt con ông Nguyễn Quý Anh, cháu nội* Nguyễn Thông.

- trang 41 cột 2 dòng 9 từ trên xuống: ...biến cố Mậu Thân, *chết* trong lúc...

Thành thật xin lỗi các tác giả và độc giả.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trần Doãn Nho, Trần Quán Niệm, Nhuệ Hồng, Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Đức Liên, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Vũ Quốc Thúc, Trần Mộng Tú, Trần Huy Sao, Cao Vị Khanh, Trần Minh Tùng, Hà Kỳ Lam, Bùi Tín, Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Ngọc Nga, Dạ Quỳnh, Nhất Uyên, Đỗ Quyên (Canada), Võ Doãn Nhẫn, Phan Lạc Tiếp, Nguyễn Văn Cường.

Bài sẽ đăng: TrTr của Miêng, NMTT của Nguyễn Lê Hồng Hưng.

Phạm Trọng Chánh *(Paris, Pháp)*: Xin lỗi vì những sơ sót. Câu đó đúng trăm phần trăm là do kỹ thuật, khi chạy trong máy ra thì nó "rớt" đâu mất tiêu, mà biến mất đột ngột không báo trước như vậy vào giờ chót nếu có phát hiện được thì chỉ là do tình cờ thôi. PXĐ cuối tháng Tư sẽ có mặt bên ấy, thế nào cũng liên lạc với bạn để... đi nhậu một bữa, theo như gợi ý của bạn. Chỉ mới nghĩ đến việc được gặp bạn bè mới cũ tại kinh đô ánh sáng, anh ta đã sung sướng ra mặt. Thân.

Trần Văn Tâm *(Marlton, NJ)*: Tháng nào anh cũng "cứu bồ" được một phần như vậy thì đỡ quá. Đúng như anh nói, công việc ấy nó lao tâm lẫn lao lực, mà rủi ra thì có thể mất bạn như chơi (cũng đã xảy ra rồi!). Chỉ biết cố gắng

"vô tư, trung thực, không mang ác ý." Có người hiểu được cho mình đã quý, mà lại còn giúp đỡ cho một tay thì rất biết ơn. Chúc vui.

Nguyễn Ngọc Nga *(South Melbourne, Australia)*: Vừa nhận được thư và thơ, xin cám ơn anh. Cũng phải nhân đây gửi lời cám ơn về ba cuốn sách nhận được đã mấy tháng nay. Trong rất nhiều chiêu thức khác nhau thì những đường gươm của anh rất hiểm và độc dành cho những kẻ ma đầu. Có khi nào anh nghĩ đến việc thay đổi đường gươm không?

Nguyễn Thanh Vân *(Kentwood, MN)*: Tấm lòng của anh đối với bạn bè như thế thật rất quý. Mà chúng tôi nghĩ những gì mình viết ra chính lứa bạn học cũ là dễ thông cảm hơn cả. Không ngờ anh là bạn thời nhỏ của TĐL ở Bạc Liêu, hơn bốn mươi năm còn "nhìn" ra nhau thì cũng thật hy hữu. Hai cuốn sách được giới thiệu trong số này, người đọc (đã có lần gặp anh ở quán cà phê "Bạt Mạng") rất lấy làm trân trọng tâm hồn đầy thơ của anh. Thân.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nguyễn Đức Thắng (Arlington TX), Nguyễn Trung Dũng (San Jose CA), Radio Free Asia Library (Washington DC), Nguyễn Thị Thu Hảo (San Diego CA), Lý Thị Đặng (Dallas TX), Nguyễn Văn Huân (GERMANY), Nguyễn Thị Chân Quỳnh (FRANCE), Cao Xuân An (FRANCE), Nguyễn Bích (FRANCE), Lan Nguyễn (Santa Clara CA), Mỹ Thiện Võ Nguyễn (Tampa FL), Nguyễn Văn Tha (San Diego CA), Trần Sĩ Tuấn (Northridge CA), Nguyễn D Diễm (Seattle WA), Nguyễn Văn Nghi (Gaithersburg MD), Sarah Nguyễn (Dublin OH), Nguyễn Văn Lợi (Bellingham WA), Hoàng Nguyễn Trần (Portland OR), Phạm Q Anh (San Jose CA), Nguyễn Ngọc Kim (Telford PA), Lê Khắc Ngọc Túy (San Jose CA), Phương Mai Huỳnh (Santa Rosa CA), Vũ Thị Mỹ (CANADA), Nguyễn Văn Châu (Ontario CA), Nguyễn Trung Giệm (Santa Ana CA), Minh Tiến Lê (CANADA), Trần Mộng Lâm (CANADA), Nguyễn Hoàng Thịnh (CANADA), Trà Lũ (CANADA), Can Đình Cận (Winnetka CA), Pham Hữu Thanh (FRANCE), Nguyễn Trung Dũng (San Jose CA), Phan Liêm (NOUVELLE CALEDONIE), Trần Ngọc Châu (Woodland Hills CA), Nguyễn Ngọc Lân (Garden Grove CA), Nguyễn Văn Hiến (Houston TX), Lê Thị Thuận (Portland OR), Nguyễn Hiếu Nghĩa (Irvine CA), Lê Ngọc Túy (San Jose CA), Phan Anh Dũng (San Diego CA), Bùi Văn Hanh (Los Angeles CA), Trần Đình Hòa (Houston TX), Tô Văn Chuyên (Chicago IL), Hà Đăng Tuấn (Oklahoma City OK), Lê Hữu Lễ (Dallas TX), Đinh Phá Thạch (Los Angeles CA), Hoàng Ngọc Cẩn (Honolulu HI), Phạm Mẫn (Baton Rouge LA), Ngô Văn Cường (San Jose CA), Lý Thị Minh (Northridge CA), Peter Nguyễn (Parsippany NJ), Lê Ngọc Thủy (Shalimar FL).

Bà Nguyễn thị Việt Thường *(Milpitas CA)*: Chúng tôi đã gởi ngay tờ báo khác, sau khi bà điện thoại cho biết báo bị rách đến không đọc được. Cám ơn bà đã có lời "an ủi" ban phát hành TK 21, vì quả thật đó là lỗi của bưu điện, chứ ai lại gửi báo rách cho độc giả! Bà có thể đổi sang hạng nhất để báo được bỏ vào bao thư, ít bị hư hại hơn là hạng bulk rate. Về cuốn sách bà hỏi, "Nửa Đời Nhìn Lại" của Tiêu Dao Bảo Cự, hiện đã hết, chờ tái bản. Nhà thơ Trần Mộng Tú cộng tác với TK 21, nhưng cư ngụ ở vùng Tây Bắc. Kính chúc bà vui luôn.

Nguyễn Trần Kiên *(Thụy Sĩ)*: Thưa ông, đúng như ông "đoán" đó là bút hiệu của quý vị đó. Hình như mỗi người còn có nhiều bút hiệu khác nữa, để dùng trong nhiều trường hợp khác nhau. Chúng tôi đã gởi ngay báo tới ông bác của ông ở Calédonie, theo yêu cầu trên phiếu tặng báo. Rất đồng ý với ông về việc tặng thêm báo nếu giới thiệu thêm độc giả. Có lẽ tòa soạn sẽ họp và thông báo trong những ngày sắp tới.

Đỗ Văn Đậu *(Gainsville FL)*: Việc tặng sách kèm theo báo mua dài hạn chỉ thực hiện một lần cách đây năm, sáu năm, do nhã ý của nhà xuất bản Văn Nghệ. TK 21 không dám nghĩ tới việc đó, vì tốn kém cũng có, mà vì sợ độc giả khó tính... chê là "dụ khị." Đã gửi ba số báo cũ ông đặt mua, rất may là các số đó còn trong kho, nhiều số khác đã "tuyệt bản." Chúc ông vui luôn.

Hoàng Châu, Lưu Văn Hoa, Nguyễn Duy Dương và **Nguyễn Đức Vĩnh** *(trên... lưới)*: Xin quý vị cứ gởi ngân phiếu bằng tiền Mỹ, kèm theo địa chỉ đầy đủ, chúng tôi gởi báo ngay. Hiện TK 21 chưa có thủ tục thanh toán bằng thẻ tín dụng, nên rất tiếc không làm theo ý hai vị Châu và Vĩnh được.

HÀ NỘI, BẮC KINH, VÀ DẦU LỬA Ở HOÀNG SA

ĐỖ HIẾU TRUNG

Tầu thủy Trung Quốc mang cả giàn máy khoan dầu đến khai thác mỏ ngoài khơi Việt Nam, thuộc vùng quần đảo Hòang Sa. Hà Nội phản đối. Nhưng ngoài công hàm ngoại giao gửi cho chính phủ Trung Quốc, hành động phản đối mạnh mẽ nhất chỉ là "mời đại sứ của các nước trong khối ASEAN đến bộ Ngoại giao, đọc cho họ nghe các lời than phiền mà Hà Nội đã gửi cho Bắc Kinh." Vị đại sứ Indonesia cho biết Hà Nội cũng không kêu gọi đại diện các nước ASEAN giúp chống lại ý định bành trướng của Trung Quốc.

Phản ứng của Việt Nam quá nhẹ, quá yếu ớt. Phản ứng đó thật trái ngược với các lời ông Đoàn Khuê mới kêu gọi quân đội **"bảo vệ từng tấc đất, từng ngọn cỏ, từng mỏm san hô" của tổ quốc!**

Những lời tuyên bố của Đoàn Khuê sẽ trở thành trống rỗng, vô giá trị, nếu Hà Nội tiếp tục chịu an phận trước những hành động gây hấn của Trung Quốc. Hai năm trước đây, Bắc Kinh đã ngăn cấm một công ty dầu của Mỹ, cấm họ không được ký kết với chính phủ Hà Nội một thỏa ước tìm dầu trong phạm vi một hòn đảo hiện do Việt Nam kiểm soát. Công ty dầu Mỹ ngoan ngoãn vâng lời, điều này dễ hiểu vì họ cũng đang tìm dầu ở hòn đảo khác do Trung Quốc kiểm soát, và họ biết thế cân bằng lực lượng ngả về nước nào. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là Hà Nội cũng ngoan ngoãn chịu đựng, an phận trước hành động "anh chị," bắt nạt đàn em, của Bắc Kinh. Chính thái độ ngoan ngoãn chịu đựng của Hà Nội những lần trước bây giờ dẫn tới các hành động gây hấn mạnh hơn của Bắc Kinh. Hành động của Bắc Kinh trâng tráo hơn nữa, vì hai nước mới ký một hiệp ước về biên giới trong năm 1996.

Cần phản kháng mạnh mẽ hơn

Nhưng nếu không chịu đựng và phản đối lấy lệ thì Hà Nội có thể làm gì? Họ có thể làm ít nhất một trong hai việc, hoặc lần lượt cả hai.

Trước hết là những hành động ôn hòa. Thay vì chỉ mời các đại diện ASEAN đến than phiền, Hà Nội phải dùng một diễn đàn quốc tế khác. Diễn đàn thứ nhất là Liên Hiệp Quốc. Việt Nam phải dùng diễn đàn này phản đối hành động của Bắc Kinh trước thế giới. Dù kết quả không làm Bắc Kinh thay đổi chính sách ngay thì cũng khiến lần sau họ phải suy nghĩ kỹ hơn trước khi có hành động bắt nạt. Diễn đàn thứ hai là Tòa án Quốc tế ở Den Haag, Hòa Lan. Hà Nội có thể kiện Trung Quốc tội xâm phạm lãnh thổ. Vụ phản đối và kiện tụng có thể kéo dài nhiều năm vẫn chưa có kết quả, nhưng cũng đủ khiến dư luận quốc tế phải chú ý đến thái độ bắt nạt nước nhỏ của Trung Quốc.

Nhưng các hành động ôn hòa trên không đủ. Hành động thứ hai là kể từ nay, hãy dùng hải quân ngăn đường các tầu thủy Trung Quốc khi họ tính đến đặt giàn máy khoan dầu. Khi đối đầu mgoài biển, tầu chiến Việt Nam không nên nổ súng trước, để chứng tỏ tình trạng tự vệ của Việt Nam, nhưng phải cương quyết cản đường để thách thức hải quân Trung Quốc bắn trước và chịu trách nhiệm. Liệu một cuộc chạm súng như vậy có đưa tới chiến tranh giữa hai nước hay không? Căn cứ trên tình trạng địa lý chính trị vùng Á đông thì hiện nay Trung Quốc không thể đi vào một cuộc phiêu lưu chiến tranh với Việt Nam.

Trung Quốc có dám gây chiến không?

Khi phải đương đầu với Trung Quốc, các nước chung quanh không ai chọn thái độ nhịn nhục và sợ hãi như chính quyền Cộng Sản Việt Nam. Hãy lấy thí dụ Đài Loan. Năm 1995, Bắc Kinh đe dọa trực tiếp Đài Loan để ngăn cản không cho tổng thống Lý Đăng Huy sang Mỹ. Ông Lý Đăng Huy vẫn lên đường sang Mỹ. Bắc Kinh sau đó đã bắn hỏa tiễn đầu đạn thật qua ngoài khơi hải cảng Cao Hùng và Cơ Long, nhưng dân Đài Loan coi đó như cảnh bắn pháo bông. Họ bỏ phiếu bầu ông Lý Đăng Huy thêm nhiệm kỳ tổng thống nữa! Đó là một thách thức của dân Đài Loan đối với Bắc Kinh.

Khi ông Lý Đăng Huy dự tính đi thăm các nước Á châu, Trung Quốc cũng ồn ào phản đối và đe dọa các nước đó. Nhưng các chính phủ Thái Lan, Indonesia, v.v. không phải vì thế mà sợ, họ vẫn mời ông ghé qua nước họ.

Phi Luật Tân cũng đang tranh chấp với Trung Quốc về chủ quyền trên các đảo ở Trường Sa, như Việt Nam và nhiều nước Đông Nam Á khác. Nhưng trong năm qua Phi Luật Tân đã can đảm đưa hải quân đến củng cố việc phòng thủ trên một nhóm đảo mà họ kiểm soát, mặc dù Bắc Kinh phản đối từ trước.

Nói chung, khi các nước lân bang tỏ thái độ cứng rắn và cương quyết thì Trung Quốc biết lẽ phải chăng, không thể dùng phương pháp đàn áp và đe dọa. Chỉ riêng đối với Việt Nam thì Bắc Kinh có một thái độ khinh thường, làm các hành động đơn phương bất nạt.

Tại sao Trung Quốc không muốn làm găng với các nước lân bang? Vì chiến tranh bây giờ không thể có tính cách cục bộ, địa phương nữa. Cả thế giới sẽ bị ảnh hưởng và sẽ phải tham dự trực tiếp hay gián tiếp. Trung Quốc không muốn gây chiến với thế giới.

Tại sao Trung Quốc không muốn và không thể lâm chiến với Việt Nam? Lý do đầu tiên là tất cả các nước trong vùng, từ Nhật Bản, đến Hàn Quốc, Indonesia, Thái Lan, và các cường quốc như Anh, Mỹ, Pháp sẽ không thể để cho một cuộc chiến tranh ngăn trở đường vận tải qua biển Nam Hải. Đó là con đường kinh tế huyết mạch cho cả vùng Á đông. Ngay khi có một cuộc chạm súng ngoài khơi Nam Hải, các nước trên sẽ phải yêu cầu hai bên hưu chiến và vào bàn hội nghị. Chỉ cần ngồi vào bàn hội nghị, công khai bàn chuyện hải phận, trên một diễn đàn quốc tế, đã là một thắng lợi đối với Việt Nam. Ngồi thảo luận trong một hội nghị như thế chắc chắn là có lợi hơn hành động đàm phán song phương, trong đó nước mạnh đe dọa và bắt nạt nước đàn em yếu đuối.

Từ đầu thế kỷ 19 đến nay, Trung Quốc đã có kinh nghiệm là chiến tranh với lân bang chỉ có hại. Cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này, Nhật Bản đã xâm lăng Trung Hoa hai lần. Tám trăm triệu dân Trung Quốc sống ở miền đồng bằng duyên hải phía đông, khi có chiến tranh thì tất cả nền kinh tế sẽ bị hủy diệt. Miền Tây lãnh thổ Trung Quốc là sa mạc nhưng đầy tài nguyên, cũng là nơi nhiều người gốc Thổ Nhĩ Kỳ, theo Hồi giáo. Chung quanh vùng Cam Túc, Tân Cương là các xứ chia sẻ cùng chủng tộc, ngôn ngữ và tôn giáo, nhiều nước thuộc Liên Xô cũ. Chúng ta không quên rằng trong lịch sử đã có năm lần các giống dân du mục xâm lăng Trung Quốc qua vùng biên cương này, và họ đã thành công, hoặc chiếm cứ một phần, hoặc cả lãnh thổ Trung Quốc!

Một lý do thứ hai là Trung Quốc đang cần ổn định, muốn tránh các xung đột với lân bang, ít nhất nếu tránh được thì có lợi hơn là Việt Nam, mà không tránh được thì có hại hơn. Đặng Tiểu Bình mới qua đời, nếu có chiến tranh thì địa vị các lãnh tụ dân sự như Giang Trạch Dân, Kiều Thạch, Lý Bằng sẽ xuống để cho phe quân sự lên. Tính đường dài thì Trung Quốc còn cần rất nhiều tiền đầu tư của ngoại quốc, từ Mỹ, Nhật, Nam Hàn, Đài Loan, cho đến các Hoa kiều từ các nước Đông Nam Á. Chiến tranh xảy ra sẽ làm cho tiền đầu tư ngừng chảy vào.

Muốn xây dựng kinh tế để trong vòng một thế hệ nữa dân Trung Quốc có mức sống bằng Đại Hàn thì Bắc Kinh phải duy trì các biên giới hòa bình. Bất cứ một đám lửa nhỏ nào ở biên giới cũng làm các nhà đầu tư quốc tế lo đóng thêm bảo hiểm đề phòng rủi ro. Mà biên giới Trung Quốc thì tự nó đã đầy rủi ro. Trung Quốc chung biên cương với 14 quốc gia, trong đó đã có xung đột nhiều khi đẫm máu với Nga, Ấn Độ, Việt Nam, Tajikistan, chưa kể Bắc Hàn. Tranh chấp hải phận đang xảy ra với Nam Hàn, Nhật, Việt Nam, Phi, Mã Lai, Indonesia, Brunei, chưa kể đụng chạm ảnh hưởng với hải quân Mỹ và Nga. Trong thế kỷ này Trung Hoa đã xung đột với bảy trong số 24 quốc gia mà họ bắt buộc phải đụng chạm.

Biết tình thế Trung Quốc như vậy, người Việt Nam không có gì phải sợ mà không đứng dậy bắt Trung Quốc phải thảo luận đứng đắn, thỏa hiệp và tương nhượng trong cuộc tranh chấp ở Hoàng Sa và Trường Sa. Như kinh nghiệm các nước khác đã cho thấy, Trung Quốc chỉ bỏ thái độ cha chú khi chúng ta cương quyết đối đầu.

Nước ta chưa bao giờ cô lập như ngày nay

Nhưng tại sao Hà Nội không dám đối đầu, chỉ mời các đại sứ ASEAN đến để than phiền xuông? ASEAN chỉ là một khối mậu dịch, không phải là một liên minh quân sự, mời họ đến nghe cũng vô ích! Hơn nữa từ 1978 đến gần đây, các nước ASEAN luôn luôn là đồng minh của Trung Quốc trong việc ngăn chặn mộng bành trướng của Cộng Sản Việt Nam tại Cam Bốt. Năm ngoái, khi ASEAN cho Việt Nam gia nhập, họ đã nhiều lần thanh minh rằng họ không có ý tạo thế lực để bao vây Trung Quốc!

Hà Nội chỉ trông cậy vào các nước ASEAN

vì lý do giản dị là họ không còn nơi nào khác để bấu víu! Họ đã làm cho nước Việt Nam thành một quốc gia cô lập đối với cả thế giới. Trong lịch sử không một chính quyền Việt Nam nào làm cho nước ta bị cô lập về ngoại giao như vậy, kể cả thời Tự Đức!

Từ 1959, khi đảng phát động cuộc chiến tranh ở miền Nam, Cộng Sản Việt Nam đã đem dân miền Bắc nước ta làm "đạo quân duy nhất" chiến đấu cho cuộc cách mạng Cộng Sản ở Á châu. Chính vì vậy Việt Nam trở thành mối đe dọa của các nước Đông Nam Á. Sau năm 1975, họ tiếp tục nhầm lẫn, đóng vai tiền đồn của Liên Xô, chống Trung Quốc. Thế là nước láng giềng lớn ở phương Bắc cũng coi Việt Nam là kẻ thù. Trong lịch sử không một nước nào lại dại dột và dốt nát nêu tên nước láng giềng lớn của mình vào trong hiến pháp, coi như kẻ thù truyền kiếp! Chỉ có đảng Cộng Sản Việt Nam của ông Lê Duẩn mới làm vậy! Với tình trạng tứ diện thọ địch, khi Liên Xô sụp đổ thì Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn trơ trọi, và dân ta bị vạ lây.

Năm 1990, đáng lẽ nên lợi dụng cơ hội khối Cộng Sản Quốc tế tan rã để cải tổ, đưa nước ta vào con đường dân chủ hóa, liên kết với các nước tư bản và dân chủ, thì Hà Nội lại muốn duy trì chế độ độc tài đảng trị. Kết quả là họ phải quay về với thiên triều, đề cao Trung Cộng như thành trì duy nhất của chủ nghĩa cộng sản quốc tế. Họ chịu đóng vai phụ dung của Trung Quốc, lệ thuộc về ý thức hệ, về chính trị và cả về kinh tế. Khi Lý Bằng đến dự Đại hội Đảng lần Tám năm qua, thủ tướng Trung Quốc đã nhấn nhủ rằng đảng Cộng Sản Việt Nam là do Hồ Chí Minh thành lập, và họ Hồ "là người bạn thân thiết của nhân dân Trung Quốc." Trong mối liên hệ này, khi Hà Nội bị "ông thầy" bắt nạt ở các đảo ngoài khơi thì các nước láng giềng ngoảnh mặt, coi như chuyện riêng trong nhà giữa hai "thầy trò" họ, không can dự gì đến người ngoài!

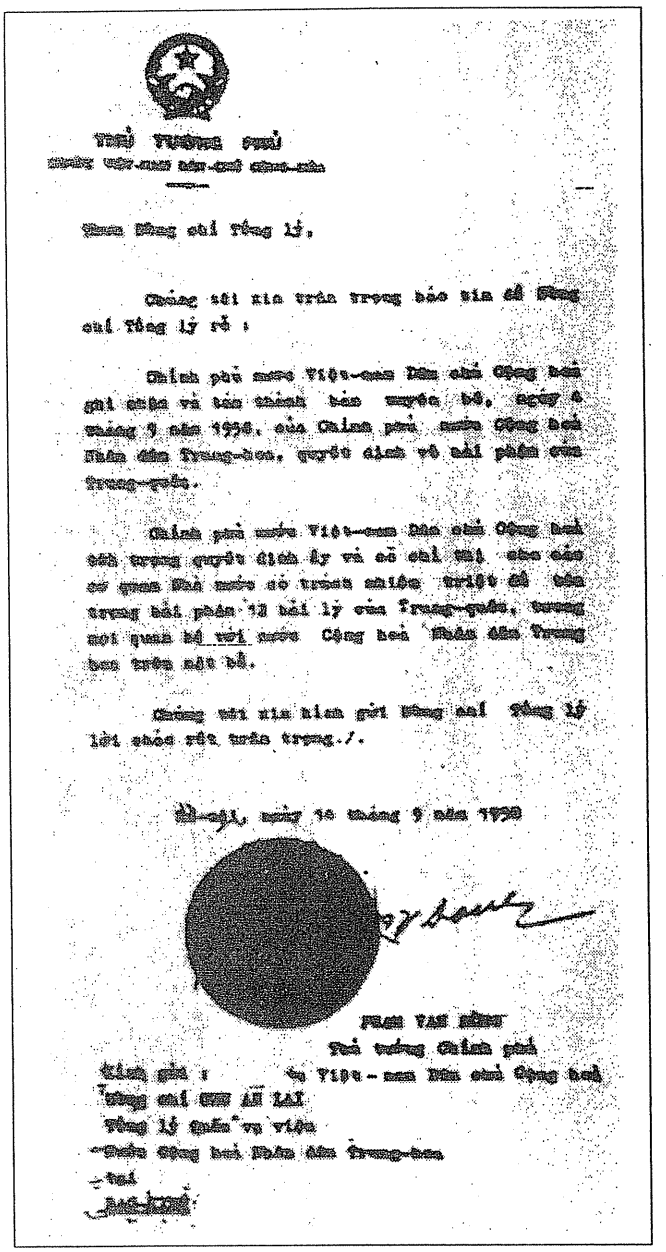

Bức thư Phạm Văn Đồng gửi Chu Ân Lai
(Trích từ: Indochina Report, Singapore, tháng 9, 1990)

Chứng cớ lịch sử

Một chính phủ đại diện thật sự cho dân tộc Việt Nam phải kiện Trung Quốc ra Tòa án Quốc tế ở Den Haag, Hòa Lan, khi họ mang giàn khoan dầu đến các hòn đảo ở Hoàng Sa.

Nếu cần đối chất với Trung Quốc về chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa (mà Trung Quốc gọi là Tây Sa và Nam sa), chúng ta có rất nhiều tư liệu minh chứng rằng chính Việt Nam, từ thời tự chủ cũng như trong thời Pháp thuộc, vẫn là chủ nhân các quần đảo này. Dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, các tranh chấp đã diễn ra với Trung Quốc. Năm 1956, chính phủ V.N.C.H. đã đưa quân chiếm đóng nhiều đảo ở Trường Sa, và đài khí tượng ở Hoàng Sa vẫn hoạt động liên tục từ thời Pháp thuộc. Năm

1959, trong khi bộ đội Bắc Việt đang lo xâm nhập miền Nam thì hải quân miền Nam đã đánh bật quân Trung Quốc ra khỏi đảo Duncan (Trung Quốc gọi là Chenghang Dao). Một tháng sau, hải quân Việt Nam lại đổ bộ lên đảo này khi thấy ngư dân Trung Quốc tới đó. Năm 1956, VNCH sát nhập Trường Sa vào tỉnh Phước Tuy. Hoàng Sa thì thuộc tỉnh Quảng Nam. Từ 1960 đến 1967, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã nhiều lần ghé các đảo khác, phá hủy các bảng tên đảo mà Trung Quốc đặt lên, vi phạm chủ quyền nước ta. Năm 1973, Việt Nam bắt đầu cho phép các hãng dầu ngoại quốc thăm dò dầu lửa ở hải phận các quần đảo trên. Một cuốn sách về Hoàng Sa và Trường Sa do Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa soạn đã được nhà xuất bản Khai Trí in tại Sài Gòn, như một đóng góp xác nhận chủ quyền dân tộc. Nỗ lực tư nhân này chỉ vì lòng yêu nước thôi thúc. Cuốn này đã được tái bản ở Cali hai năm trước đây.

Năm 1996, một nhà sử học Đại học Hà Nội, làm việc ở Úc đã khám phá ra, trong kho tài liệu về Á Châu của đại học Menzies, một tập bản đồ của Trung Quốc, chứng tỏ chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về nước ta. Bộ bản đồ này, gồm các bản in từ năm 1320 đến 1950, cho thấy mãi đến năm 1909 các quần đảo trên mới được ghi vào bản đồ Trung Quốc. Thủy sư đề đốc Lý Chuẩn thuộc tỉnh Quảng Đông đã tự coi ông ta là người "khám phá ra quần đảo Tây Sa," tức Hoàng Sa. Trước năm 1909, các bản đồ đời nhà Thanh chỉ ghi địa giới Trung Quốc đến phía nam đảo Hải Nam! Giáo sư Nguyễn Quang Ngọc còn tìm ra một cuốn sách in năm 1928, một tác giả Trung Quốc viết "Tra cứu về quần đảo Tây Sa không hề có trong sách địa chí, lại không có sách chuyên khảo nào ghi chép rõ..."

Tại sao CS Việt Nam nhịn nhục?

Với các chứng tích trên đây, trước tòa án quốc tế, Việt Nam có đầy đủ bằng cớ xác nhận chủ quyền của mình trên hai quần đảo trên. Nhưng tại sao Hà Nội không dám thưa kiện Trung Quốc trước tòa án quốc tế?

Lý do giản dị là trong thời gian quân đội Việt Nam Cộng Hòa đang đổ máu bảo vệ chủ quyền tổ quốc trên các quần đảo trên thì đảng Cộng Sản lại đứng ra bênh Trung Quốc! Năm 1958, sau các vụ xung đột Việt Trung, chính phủ Bắc Kinh tuyên cáo xác nhận chủ quyền Trung Quốc trên các quần đảo đó, thì ngày 14 tháng 9 năm 1959 thủ tướng Phạm Văn Đồng đã gửi thư cho Tổng lý Quốc Vụ viện Chu Ân Lai, với các câu nguyên văn như sau:

"Thưa đồng chí Tổng Lý,

... Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa **ghi nhận và tán thành** *bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1959, của chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, quyết định về hải phận của Trung Quốc. ... chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tôn trọng quyết định ấy..."*
(Chúng tôi in đậm để nhấn mạnh.)

Với bức thư của Phạm Văn Đồng trong tay, Bắc Kinh sẽ ra trước tòa án quốc tế với bằng cớ cụ thể là Cộng Sản Việt Nam đã "bán đứng" hai vùng quần đảo đó cho Trung Quốc từ măm 1959! Và đây là một dấu vết ô nhục mà đảng Cộng Sản không dám để cho Bắc Kinh nhân cơ hội trưng ra trước tòa án. Năm 1959 Hồ Chí Minh là chủ tịch đảng và chủ tịch nước, cùng với Phạm Văn Đồng và Lê Duẩn, cũng như toàn thể đảng Cộng Sản Việt Nam, phải chịu trách nhiệm trước lịch sử về lá thư này! Vì vậy ngày nay Hà Nội không thể nào để cho nhân dân Việt Nam, từ trong nước đến hải ngoại, nhìn lại một lần nữa dấu vết ô nhục đó! Đó là lý do họ chỉ tìm cách năn nỉ với Bắc Kinh chứ không dám mang nhau ra trước tòa án quốc tế!

Liệu Việt Nam có thể tỏ thái độ cương quyết bằng cách mang hải quân ra ngăn cản các giàn khoan dầu của Trung Quốc hay không?

Một lần nữa, vì quyền lợi đảng, ngược với quyền lợi quốc gia, họ không dám đương đầu. Vì hiện nay Trung Quốc là cái phao ý thức hệ mà đảng Cộng Sản Việt Nam phải bám víu, để giải thích chủ trương cởi trói kinh tế một phần trong khi tiếp tục đàn áp về chính trị, trói buộc về văn hóa. Xung đột với Trung Quốc là buông mất cái phao đó, họ làm sao nói năng với dân ta?

Chỉ một chính phủ do dân thực sự bầu ra, được dân một lòng ủng hộ, như ở Đài Loan, thì mới đủ sức đương đầu với thái độ chèn ép và khinh mạn của Bắc Kinh như vụ Hoàng Sa trong tháng qua.●

* Sự dối trá bắt đầu từ việc biến một sự lầm lẫn thành ra giống như sự thật, và kết thúc bằng việc biến sự thật thành ra như một lầm lẫn.
— Shenstone

* Chấp nhận sự bất hạnh có lẽ còn ít đau khổ hơn là tìm kiếm hạnh phúc.
— De Blocqueville

ĐỐI THOẠI VỚI NGƯỜI XƯA: KHỔNG TỬ VÀ DÂN CHỦ

TRẦN THANH HIỆP

Tự điển tên người, tên đất tiếng Pháp, *Robert*, đã giới thiệu Khổng Tử như một triết gia có tầm ảnh hưởng sâu rộng khắp xã hội Trung Quốc từ xưa cho đến bây giờ. Nhưng cũng không quên kết luận rằng những ảnh hưởng ấy hiện đang bị chối bỏ. Sự thật, việc có sự phản bác tư tưởng Khổng Tử là việc đã diễn ra từ thời tiên Tần, không phải ngày nay mới có. Tuy nhiên ngọn sóng chống đối Khổng học này, cũng như từ trước, đã chỉ là một cao trào dâng lên mấy thập niên để rồi tan biến vào trong những làn sóng đáy luân lưu không ngừng thế kỷ này đến thế kỷ khác. Cộng sản Trung Quốc kịch liệt đả phá Khổng Tử là muốn hạ kỳ được uy thế của khổng học để suy tôn học hệ mác xít. Vì hễ còn khổng học thì chủ nghĩa cộng sản không có chỗ đứng. Cộng sản Việt Nam không trực diện tấn công Khổng Tử như các bậc đàn anh Tàu mà chỉ nêu lên các chiêu bài chống phong kiến, địa chủ, tay sai thực dân v.v... để bẻ gãy uy thế của các thân hào nhân sĩ nho học hầu áp đặt sự chính thống cho đảng cộng sản. Chẳng những vậy, các lãnh tụ đầu đàn cộng sản Việt Nam đều đạo văn (hiểu theo nghĩa rộng) của khổng học (như *lo trước dân, vui sau dân, cần, kiệm, liêm, chính, trung với đảng, hiếu với dân v.v...)* Hiện nay thì "rượu cộng sản" đang được những người cộng sản đổ vào bình "khổng học" để đảng làm vua, cán bộ làm quan.

Đầu thế kỷ này trong phong trào Duy Tân cắt tóc, cắt móng tay, học chữ quốc ngữ, mặc lối Tây, Phan Chu Trinh tiên sinh nghiêm khắc lên án luân lý cổ truyền, đả phá quan lại ngu trung hèn nhát, cổ võ tư tưởng dân chủ tân tiến phương Tây. Những mũi tên tẩm thuốc độc này không nhắm vào Khổng Tử mà nhắm vào lớp cựu sĩ phu chỉ biết mù quáng tôn quân. Nghĩ cho cùng sở học của Phan tiên sinh đã không xuất phát từ nguồn tư tưởng nào khác hơn là khổng học. Một tiếng nói khác — tiếng nói Phan Khôi — tiếp tục lời cáo trạng Phan Tây Hồ cũng không hẳn là những lời nguyền rủa Khổng Tử. Đúng hơn, đó chỉ là sự biểu lộ của một nhân cách nhiệt thành muốn bỏ cũ nhưng chưa đủ bản lĩnh tìm ra hẳn cái mới.

Hai nhà nghiên cứu triết học Trung quốc ở miền Nam, Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, đã viết trong bộ sách *Đại cương Triết học Trung Quốc* của họ rằng "bình minh của triết học Trung Hoa xuất hiện ở nước Lỗ." Nước Lỗ là quê hương của Khổng Tử và giới nghiên cứu phương Tây đã gọi Khổng Tử là nhà hiền triết nước Lỗ.

Các nhà Nho hậu thế đã suy tôn Khổng Tử là "người thầy của muôn đời" (Vạn thế sư biểu). Danh hiệu này không phải là không có chỗ quá đáng. Trái lại, các bậc hậu học thời Tống có lý do để gọi thầy học của mình là "Chí thánh tiên sư" vì quả thật Khổng Tử, về nhiều mặt, đã là một người thày đầu tiên mở đường cho hàng tỉ người ở châu Á, theo hay không theo khổng học. Karl Jaspers, nhà tâm lý học và triết học nổi tiếng người Đức, trong tác phẩm ông nói về những triết gia lớn (Les grands philosophes, 1957) đã xếp Khổng Tử vào hàng những ngọn đỉnh của tư tưởng nhân loại vì Khổng Tử đã giúp cho hậu thế nhìn thấy đâu là giới hạn cùng tột của những gì gọi là tính người và do đó Khổng Tử đã là một trong những mạch suy tư triết học.

Phần nửa sau thế kỷ XX đã chứng kiến sự lựa chọn của người Việt Nam đối với thể chế dân chủ. Nhưng công bình mà nói, người Việt Nam vì nhiều nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan, chưa thiết lập được vững vàng thể chế này và vẫn còn phải đắm chìm trong khổ nạn chuyên chế.

Con đường lịch sử đã được mở ra: vấn đề là làm sao vượt qua mọi trở ngại để đi tới.

Người phương Tây hay người phương Đông hiện nay đều có nhu cầu tìm hiểu tư tưởng Khổng Tử. Người Việt Nam, vì có một quá khứ lâu dài chung sống với tư tưởng này, thiết tưởng không thể thờ ơ. Bãi bỏ hẳn, duy trì nguyên vẹn hay bổ sung tư tưởng Khổng Tử, sự lựa chọn

nào cũng là đề tài để bàn luận. Nhưng cần bàn luận với tinh thần cầu tiến, hướng về tương lai hơn là ôm cõng tình cảm hoài cựu tiêu cực. Dưới độ góc nhìn vấn đề như vậy, có thể tư tưởng Khổng Tử đóng góp cho việc xây dựng dân chủ đa nguyên tại Việt Nam. Hai luận cứ để chứng minh điều này: Thứ nhất, tư tưởng Khổng Tử là tư tưởng đa nguyên. Thứ hai, đa nguyên của Khổng Tử có tính dân chủ. Nhưng trước khi bàn về hai điểm này, cần xác định cách tiếp thu tư tưởng Khổng Tử.

1. Cách tiếp thu tư tưởng Khổng Tử

Để tiếp thu tư tưởng của Khổng Tử cần tránh hai thái độ cực đoan. Một mặt không nên chuyển dịch máy móc chuyện ngày xưa để coi như là chuyện ngày nay. Đằng khác cũng không nên chiếu rọi ánh sáng của chuyện ngày nay vào chuyện ngày xưa để đánh giá chuyện ngày xưa như đánh giá chuyện ngày nay. Khổng Tử nếu có tư tưởng đa nguyên, dân chủ, thì đương nhiên tư tưởng này phải mang những hạn chế của thời đại. Tiếp thu là tiếp nhận có cân nhắc, so sánh và chọn lọc, như chính Khổng Tử đã nói "ôn cũ mà biết mới." Tiếp thu tư tưởng Khổng Tử không phải là chấp nhận cả những việc làm của người đời sau đã nhân danh Khổng Tử để làm, sau khi đã pha chế, biến chất tư tưởng Khổng Tử.

Thử hỏi trong tư tưởng Khổng Tử có gì đa nguyên, là dân chủ để tiếp thu hay không? Theo tôi, người ta có thể tìm thấy trong tư tưởng của Khổng Tử chất liệu tốt cho việc hình thành tư tưởng đa nguyên cho người Việt Nam bây giờ. Với một số dè dặt. Tư tưởng Khổng Tử là loại tư tưởng tổng hợp của phương Đông thời cổ, nặng phần quy chuẩn, không phải là loại tư tưởng phân tích của phương Tây ngày nay có nhiều hào quang khoa học. Bởi vậy, không nên dựa vào sự kiện những ý kiến của Khổng Tử đã được nhắc lại rải rác trong các sách Luận Ngữ, Trung Dung, Đại Học v.v... thiếu tính hệ thống, tính khái quát mà đương nhiên bác bỏ chúng. Một nhà Trung quốc học nào đó đã nhận định rằng với tư tưởng tổng hợp, người phương Đông có thể cảm thấy những gì mà tư tưởng phân tích người phương Tây đã biết và làm được.

2. Khổng Tử và đa nguyên

Tư tưởng đa nguyên của Khổng Tử không phải là những suy tư về đời sống trừu tượng mà về đời sống thực tế trong xã hội. Cốt lõi của tư tưởng đa nguyên này, có hai điều: Khổng Tử không có óc giáo điều, không có tác phong độc tôn. Khổng Tử không hoàn toàn duy tâm hay duy vật. Nên tư tưởng Khổng Tử không nhất nguyên mà đa nguyên. Mặt khác, ông coi kẻ hạ ngu hay bậc thượng trí, dân, quan hay vua ai cũng đều là người cả. Tuy ông công nhận sự khác biệt vì phải chính danh định phận để tôn ti trật tự trong xã hội được tôn trọng nhưng từ xuất phát điểm, dưới mắt ông con người nào cũng phải có phẩm giá của nó để nó có thể khác biệt với súc vật. Định đề căn bản của tư tưởng Khổng Tử là con người không phải là súc vật nên không thể sống như súc vật và đối xử với nhau như súc vật. Do đó cống hiến độc đáo của Khổng Tử cho nhân loại là quan hệ giữa con người với con người phải thể hiện qua những hình thái sống mà ông gọi là "lòng nhân," đạo lớn của nhân sinh. Trong sách Luận ngữ, Khổng Tử đã nhắc tới chữ "nhân" (gần 60 lần) và đã đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về chữ "nhân" tùy nhân cách, trình độ hiểu biết, chí hướng của người đối thoại. Không Tử chưa có một công trình giảng giải có hệ thống về chữ "nhân" nhưng với sự đóng góp của người học trò hậu sinh kiệt xuất là Mạnh Tử, Khổng Tử đã để lại cho hậu thế một truyền thống nhân bản trải qua hai mươi lăm thế kỷ vẫn còn giá trị.

Tuy nhiên đa nguyên của Khổng Tử là đa

nguyên của những xã hội ngày xưa. Nếu chỉ có bấy nhiêu sợ rằng không khỏi khiên cưỡng khi khẳng định với người ngày nay là Khổng Tử có tư tưởng đa nguyên. Phải so sánh với khái niệm đa nguyên hiện nay xem tư tưởng ấy còn có chỗ khả dụng hay không. Làm công việc này sẽ thấy có nhiều ngạc nhiên rất thích thú.

Theo những từ điển triết học hiện nay và qua học thuyết của những người như Lotze, Herbat, Renouvier, William James v.v... mà các từ điển ấy coi như những nguồn gốc của tư tưởng đa nguyên thì "đa nguyên" là trạng thái trong đó các sinh vật (êtres) chung sống trong vũ trụ đều "nhiều" (multiples), "cá biệt" (individuels), "độc lập" (indépendants) và không thể bị coi như chỉ là những "hiện tượng" (phénomènes) của một thể "nhất nguyên" (moniste) độc nhất và tuyệt đối hay ngay cả "nhị nguyên" (dualiste) nữa. Nói một cách nôm na, tư tưởng đa nguyên không gộp các sinh vật thành một mối độc nhất hay hai mối chật hẹp mà phải để chúng ở tình trạng nhiều mối độc lập với nhau tuy liên lập. Đó chính là cái nhìn của Khổng Tử về nhân xã.

Trên bình diện chính trị, đa nguyên là một khái niệm mới về trật tự chính trị và pháp lý theo đó các phần tử nhân xã được quyền có ý kiến không bắt buộc phải giống nhau, theo đuổi những quyền lợi khác nhau và sống với nhau theo cách tập hợp họ mong muốn. Sự khác biệt này phải được bảo đảm bằng luật pháp và là điều kiện của sự tự do. Nhiều tên tuổi đã đóng góp vào sự hình thành của tư tưởng đa nguyên này mà những dấu mốc chính, kể từ giữa thế kỷ 17 đến nay, là John Locke, Montesqieu, James Madison, John Stuart Mill, John Rawls. Xã hội Mỹ có thể coi là một kiểu mẫu điển hình hiện đại về đa nguyên và đặc tính của nó là chấp nhận và duy trì tình trạng tranh chấp thường xuyên, dĩ nhiên với sự điều tiết để những cuộc tranh chấp ấy không đưa tới tiêu diệt tự do cá nhân hay tan rã của xã hội. Theo Robert A. Dahl, giáo sư chính trị học tại trường Đại học Yale những cuộc chia rẽ, tranh chấp để đòi quyền tự trị nếu thành công thường dẫn tới những xu hướng đa nguyên theo hai chiều hướng, "đa nguyên tranh chấp" (pluralisme conflictuel) và "đa nguyên tổ chức" (pluralisme organisationnel).

Như vậy là tư tưởng đa nguyên của Khổng Tử giống tư tưởng đa nguyên ngày nay ở một điểm và khác nó ở một điểm. Giống ở sự nhìn nhận một thực trạng của xã hội loài người trong đó con người tuy ở đầu sông có thể ngang nhau (tính bản thiện, tính tương cận) nhưng ở cuối sông thì không còn ngang nhau nữa và Khổng Tử không chủ trương xóa bỏ sự khác biệt này mà chỉ hạn chế sao cho cuộc sống ai ở phận nấy trong khác biệt không đưa tới tiêu diệt lẫn nhau. Khác ở chỗ Khổng Tử muốn dùng nhân nghĩa (lễ, nhạc, chính, giáo) để đưa một cách thực tiễn các khác biệt vào một trạng thái sống hòa hài (căng [kính, trang trọng] nhi bất tranh, quần nhi bất đảng, hòa nhi bất đồng).

Ngày nay nói tiếp thu tư tưởng đa nguyên của Khổng Tử không có nghĩa là tái lập lại những định chế xã hội thời Khổng Tử hay nói chung tất cả những định chế phong kiến, mà là tiếp nhận hai điều. Một điều tích cực: nhìn nhận sự đa nguyên như một nguyên tắc sống trong xã hội để đặc biệt chối bỏ nguyên tắc nhất nguyên về cuộc sống ấy. Một điều tiêu cực: không duy trì nguyên vẹn những định chế xã hội nào trên lý thuyết có tính đa nguyên nhưng trên thực tế đã biến chất thành nhất nguyên mà phải thay đổi các định chế này theo mục đích bảo đảm đa nguyên. Cũng nên lưu ý là mức độ phát triển kinh tế, khoa học của xã hội Việt Nam chưa ngang bằng mức độ của nhiều xã hội phương Tây. Hệ quả của điều này là sống quá lâu đời trong môi trường "đa nguyên tổ chức" nhân nghĩa "tu, tề, trị, bình," thể hiện qua một mô thức xã hội dân sự đặc thù (gia đình, làng xã, phép vua lệ làng), đa số người Việt Nam không thể một sớm một chiều đổi sang "đa nguyên tổ chức" phương Tây mà nội dung đa dạng hơn, phức tạp hơn. Vả lại "đa nguyên tổ chức" phương Tây đi đôi với "đa nguyên tranh chấp" phương Tây. Xã hội Việt Nam có "đa nguyên tranh chấp" giống phương Tây không? Mặt khác, chính phương Tây đầy rẫy những vấn đề gai góc do đa nguyên tạo ra. Người Việt Nam có sẵn sàng trả giá mà phương Tây đã trả để có được những mẫu xã hội đa nguyên ngày nay như phương Tây hay không? Về điểm này có một điều lo ngại đáng lưu ý là con người phương Tây vì gắn liền với khoa học hiện đại nên đang bị đe dọa phi nhân hóa. Sự lo ngại này xác đáng tới mức nào và Việt Nam liệu khi đặt hẳn mình vào quỹ đạo phương Tây có cần phải nhờ truyền thống nhân bản Khổng Tử để tránh đe dọa phi nhân hóa hay không?

Nêu lên nghi vấn có nên tiếp thu bài học đa nguyên Khổng Tử hay không là một cách để tìm giải đáp cho loạt câu hỏi vừa được hài ra ở trên.

3. Khổng Tử và dân chủ

Nói tiếp thu tư tưởng dân chủ của Khổng Tử không có nghĩa là táo bạo đến mức lập luận

bừa bãi rằng Khổng Tử là một lý thuyết gia dân chủ, võ đoán rằng tư tưởng của ông là một hệ thống dân chủ hiện đại. Ai không biết sự kiện ông tôn quân, điều không cần phải chứng minh nữa. Vậy hãy mở một cuộc đối thoại với người xưa để xem người Việt Nam bây giờ có nên tiếp nhận tư tưởng dân chủ của Khổng Tử hay không. Dĩ nhiên, có một câu hỏi tiên quyết phải được đặt ra: Có gì là "dân chủ" trong tư tưởng của Khổng Tử?

Về điểm này theo tôi câu trả lời khó có thể là "không" và kiểm kê gia tài tinh thần Khổng Tử chẳng những là việc làm thích thời mà còn rất bổ ích. Người Việt Nam không có lý thuyết về dân chủ lại thiếu kinh nghiệm dân chủ, cần bỏ công sức tích lũy càng nhiều càng tốt kiến thức về dân chủ để từ đó tìm ra cho mình những lý thuyết về dân chủ, tạo một quan điểm Việt Nam về dân chủ.

Trước thềm những năm 2000, tư tưởng của Khổng Tử đóng góp được gì cho dân chủ, hiểu theo nghĩa hiện đại của danh từ?

Tôi nhớ có đọc trong cuốn sách "Triết lý chính trị" của Eric Weil một đoạn như sau: "Danh từ dân chủ rất khó dùng, tốt hơn hết là tránh đừng dùng nó." Chắc Eric Weil không có ý muốn loại bỏ danh từ này, cách nói cực đoan của ông có lẽ nhằm nhấn mạnh rằng việc quán triệt được nội dung của danh từ ấy là một điều cực kỳ khó khăn, khi sử dụng nó phải hết sức thận trọng.

Trong thực tế, không thể lẫn tránh không dùng danh từ dân chủ. Có thể định rõ được thế nào là dân chủ hay không? Những câu trả lời câu hỏi này đã nhiều đến nỗi người ta có cảm tưởng (có thể là không được chính xác) rằng danh từ dân chủ muốn định nghĩa thế nào cũng được vì nó bao gồm cả những điều thường được coi là dân chủ lẫn những điều trái ngược với dân chủ! Hãy tạm gác sang bên vấn đề kiểm điểm đầy đủ các loại định nghĩa về dân chủ, chỉ tạm giữ lại một định nghĩa nổi tiếng và hiện vẫn còn được coi như khuôn vàng thước ngọc. Đó là định nghĩa mà Tổng thống thứ 16 của Mỹ, Abraham Lindoln, năm 1863 đã đưa ra khi ông đọc diễn văn nhân dịp thăm chiến trường Gettyburg, theo đó chế độ dân chủ là *"chính quyền của dân, do dân, vì dân."* Nhiều bản hiến pháp (trong đó có Hiến pháp 1958 của nước Pháp, điều hai) đã dùng công thức này để biểu thị tính chất dân chủ của chế độ mà hiến pháp ấy chi phối.

Tuy vậy nội dung của định nghĩa A. Lincoln đã không xóa hết được mọi bất đồng ý kiến về khái niệm dân chủ, không giải đáp hết các nghi vấn cũ, lại còn đặt thêm nhiều nghi vấn mới.

Hãy dùng định nghĩa này làm bảng tìm dò (grille de lecture) tư tưởng Khổng Tử. Nếu theo xét theo ngữ nghĩa thuần túy của danh từ, dân chủ là chính quyền hoàn toàn của dân, hoàn toàn do dân lập ra, dân hoàn toàn làm chủ, dân tự nắm lấy mọi quyền hành để hoàn toàn phục vụ quyền lợi của dân thì Khổng Tử không hề chủ trương rõ ràng như vậy. Nhưng trong thực tế — trừ ở những nước dân chủ giả hiệu là những nước độc tài toàn trị cộng sản— có tìm đâu ra được một chính quyền hội đủ bấy nhiêu đặc tính không? Điều này nhắc nhở chúng ta

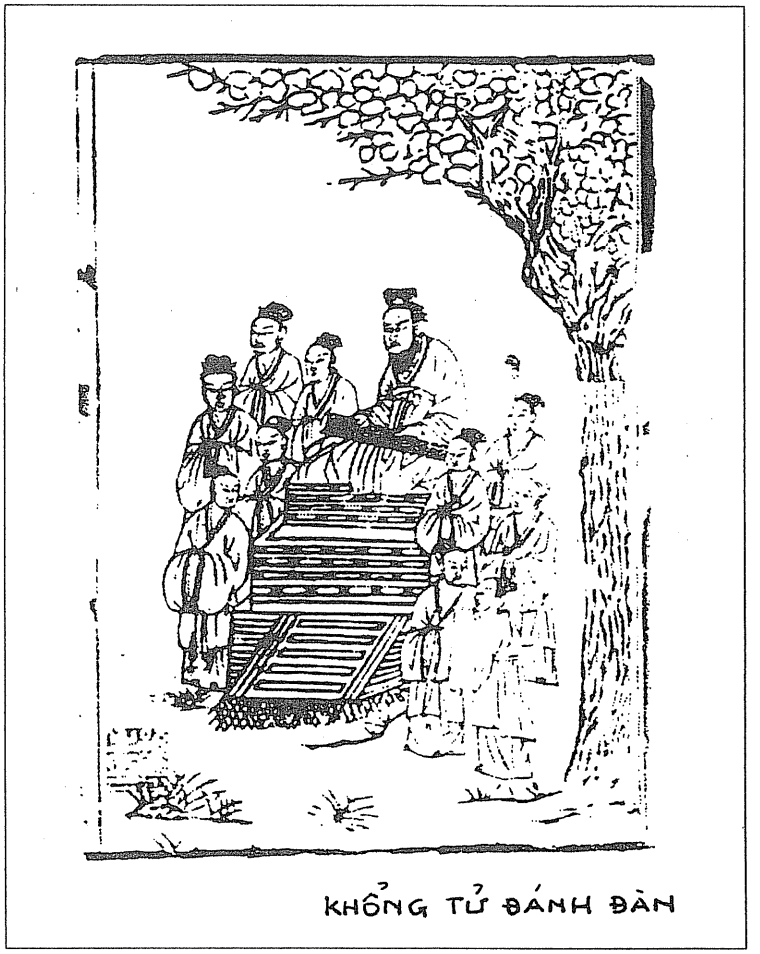

KHỔNG TỬ ĐÁNH ĐÀN

rằng dân chủ thường được định nghĩa vừa như một thực trạng lại vừa như một lý tưởng. Quảng diễn thêm, câu này có thể nhấn mạnh rằng định nghĩa về dân chủ có hai mặt, vừa miêu tả (descriptif) lại vừa quy chuẩn (normatif) khiến cho dân chủ chỉ có thể là đối tượng nghiên cứu của khoa học tinh thần (triết lý chính trị) chứ không thể của khoa học chính xác. Chính vì vậy mà cộng sản dám táo bạo gọi nền chuyên chính của họ là dân chủ vì họ lý luận rằng phải dùng chuyên chính để trong tương lai đi tới dân chủ (nhưng sau hơn 70 năm không tới được dân chủ nên đã sụp đổ). Các nước tự do, không vì chưa đạt được lý tưởng dân chủ mà từ bỏ mộng này, cứ tiếp tục đi tới và mỗi ngày hoàn thiện thêm các cơ cấu dân chủ chưa toàn mỹ (kết quả là tuổi thọ của loại dân chủ bất toàn này đã lâu hơn hai thế kỷ và ngày càng có triển vọng thọ rất lâu dài). Nói cách khác, lịch sử dân chủ chưa dở tới trang chót (phỏng theo tựa đề một cuốn sách) khi cách đây hơn hai ngàn năm dân thành quốc Nhã Điển (Athènes) đã sáng tạo ra mô thức dân chủ trực trị hay khi thị dân Ba Lê cuối thế kỷ XIX lập nên Công Xã Ba Lê hay khi Tổng thống A. Lincoln đọc lên công thức mầu nhiệm "của dân, do dân, vì dân," hay khi Liên Bang Đức khai sinh ra nhà nước pháp trị Đức... Karl Marx chỉ trích dân chủ phương Tây là dân chủ hình thức, nghĩa là chỉ dân chủ trên từ ngữ; ngày nay các môn đệ xa của Karl Marx là cộng sản Việt Nam đang tôn sùng loại dân chủ hình thức này. Nhiều nhà luật học, chính trị học phương Tây gọi loại dân chủ được cảm nhận một cách đơn giản qua hình ảnh đông lạnh của từ ngữ là "dân chủ từ nguyên" (démocratie étymologique) và phân biệt nó với nền dân chủ sống động trong quá trình diễn biến ngày càng cao rộng từ thực tại vươn tới lý tưởng. Dưới một lăng kính động như vậy thì trong tư tưởng của Khổng Tử chẳng những có ít nhiều yếu tố dân chủ mà tính dân chủ của một vài yếu tố còn lấn lướt yếu tố phương Tây.

Thật vậy, nếu thoát ra khỏi gông cùm từ ngữ, không coi câu nói của A. Lincoln là định nghĩa sau cùng và độc nhất mà chỉ là định nghĩa khởi đầu cho việc tìm hiểu dân chủ và sửa câu nói ấy thành *"chính quyền vì dân, do dân, của dân,"* thì có thể coi tư tưởng của Khổng Tử là tư tưởng dân chủ.

Trước hết, ở khâu *"vì dân."* Tư tưởng chính trị của Khổng Tử về cơ bản là quý trọng dân. *Sách Luận Ngữ* chép khi Khổng Tử cùng với học trò là Nhiễm Hữu tới nước Vệ, thấy dân đông, Khổng Tử khen "dân đông thật." Nhiễm Hữu hỏi Khổng Tử: "đã đông rồi nên thêm gì nữa?" Khổng Tử đáp: "làm cho dân giàu" (phú chi). Nhiễm Hữu lại hỏi: "đã giàu rồi lại thêm gì nữa?" Khổng Tử nói: "phải dạy dân" (giáo chi). Đây không phải là một loại khẩu hiệu tuyên truyền suông để mị dân mà là bài học căn bản Khổng Tử dạy học trò về chính trị. Với Khổng Tử, cách sống của con người, chính trị là điều quan trọng nhất "nhân đạo, chính vi đại," chính trị không phải chỉ là những thế, thuật mà là những chức năng xã hội được đưa lên hàng đạo lý. Đứng về mặt pháp lý mà nói, coi những việc làm cho dân giàu, dạy cho dân học là hai nhiệm vụ cơ bản, ưu tiên của chính trị là gián tiếp công nhận cho người dân có những nhân quyền xã hội, văn hóa mà mãi gần cuối thế kỷ XX nhân loại văn minh mới chính thức công nhận.

Được Quý Khang Tử hỏi về đạo làm chính trị, Khổng Tử nói "chính trị là cốt làm cho [xã hội] ngay thẳng" (chính giả chính dã). Thế nào là ngay thẳng? "Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con" (quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử). Cần mở một dấu ngoặc để minh oan cho Khổng Tử thường bị chê là người chủ xướng quân chủ chuyên chế, lấy tất cả mọi quyền hành về cho vua. Để tránh sai lầm, phải đưa hai chữ quân, thần qui chiếu vào mấy đoạn trong sách Trung Dung mới hiểu rõ được đối với Khổng Tử thế nào là vua, tôi (quân, thần): "'Đạt đạo' (đạo thông thường) ở đời này ai cũng phải gồm có năm điều: *vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, giao tình bầu bạn...* Phàm muốn trị nước, phải theo chín 'kinh' (luật thường) là *sửa mình, tôn trọng người hiền, thân người thân, kính các vị đại thần, thể tất công lao các quan, thương dân như con, giúp đỡ những người làm công nghệ, đối đãi hòa nhã với người phương xa, tưởng nhớ đến các Chư hầu" (*). Vua như vậy theo Khổng Tử có đạo của vua như đã được qui định trong cái khung "năm đạt đạo và chín kinh." Hơn ai hết, vua phải tự ràng buộc mình vào với lễ để thực hành chữ "nhân" (khắc kỷ phục lễ vi nhân). Vậy với Khổng Tử vua không phải là cứu cánh, dân mới là cứu cánh của chính trị. Vua, quan chỉ là những chức năng để thực hiện cái đạo chính trị ấy thể hiện bằng lòng thương dân như cha mẹ (dân chi phụ mẫu) thương "con đỏ" (xích tử). Nhưng "nhân" là gì, theo Khổng Tử? Ở đây, xin giới hạn vào việc chính trị. Thiên Ung Dã của sách Luận Ngữ có chép rằng Tử Cống hỏi Khổng Tử: "Tỉ như có người thi ân bố đức cho khắp nhân gian mà có thể giúp được cho dân chúng, thì phải coi người ấy như thế nào? Gọi là người nhân được không? Khổng Tử đáp: sao*

lại chỉ gọi là người nhân thôi? Phải gọi là bậc thánh mới xứng; ngay cả Nghiêu Thuấn cũng còn không làm nổi...'' Khổng Tử rất nghiêm khắc đối với hành động trái đạo nhân trong chính trị: ''Nếu không dạy dân mà đem dân ra giết thì điều ác đó gọi là ngược. Nếu không săn sóc, nhắc nhở mà đòi dân phải thành người thì điều ác đó gọi là bạo.'' Khi san định Kinh Thi, Khổng Tử đã chọn những bài trong đó có những câu ca dao như: ''Lạc chi quân tử, dân chi phụ mẫu - Dân chi sở hiếu, hiếu chi - Dân chi sở ố, ố chi - Thử chi vị dân chi phụ mẫu'' (Vui thay người quân tử, Dân thích điều gì mình thích điều đó, Dân ghét điều gì, mình ghét điều đó, Như thế thật đáng là cha mẹ dân). Sách Đại Học cũng nhắc lại câu trong Kinh Thi: ''Đạo: đắc chúng tắc đắc quốc, Thất chúng tắc thất quốc'' (Đạo là: Hễ được lòng dân thì được nước, Mất lòng dân thì mất nước). Ngày nay, chúng ta thường nghe những vị nguyên thủ quốc gia như Tổng thống Mỹ, Tổng thống Pháp, không thấy có biểu văn đầy tình người và đầy lòng thương dân như biểu văn của Khổng Tử. Khổng Tử không có sự nghiệp chính trị lớn lao vì các vua chúa thời ông chẳng ai muốn dùng ông hay ngược lại ông chẳng tìm thấy ai là minh chúa. Nhưng tư tưởng vì dân của ông thì đã quá rõ.

Khâu thứ hai *"do dân''*. Về điểm này, điều hiển nhiên là Khổng Tử không chủ trương dân chọn vua, chọn quan, dân có quyền kiểm soát vua, quan. Trái với dân chủ, dân bầu ra các đại diện để lo chính sự. Và bầu cử tự do với phổ thông đầu phiếu đã được coi như tiêu chuẩn dân chủ. Mặc dầu quyền bầu cử này đã được công nhận và hành sử ở phương Tây từ hàng trăm năm nay, nghi vấn vẫn được đặt ra ở phương Tây là có thật dân được quyền tự mình cai trị mình hay không hay dân vẫn bị cai trị? Giáo sư chính trị học nổi tiếng của nước Pháp, Georges Burdeau, đã không ngần ngại dùng hai thành ngữ ''démocratie gouvernante'' (tạm dịch là dân chủ cai trị) và ''démocratie gouvernée'' (dân chủ bị trị) để phản ánh tâm trạng ngờ vực này và tiên đoán từ mấy thập niên trước đây rằng trong tương lai, dân chủ bị trị sẽ biến thành dân chủ cai trị. Một giáo sư chính trị học khác, Maurice Duverger của Đại học Paris I cũng nói tới loại ''dân chủ không dân'' (démocratie sans le peuple). Mặt khác, cố Tổng thống Francois Mitterrand thường được coi là quốc vương dân chủ! Những điều này cho thấy dù có bầu cử thật rộng rãi, tuổi tối thiểu của cử tri hạ xuống 18, phụ nữ cũng được bầu (khác với thời dân chủ Nhã Điển, phụ nữ không có quyền bầu) bầu cử cũng chỉ mới là một giải pháp dân chủ theo chiều ngang (horizontal) và chủ lượng (quantitatif), chưa phải là một giải pháp chiều thẳng đứng (vertical) và chủ phẩm (qualitatif) nghĩa là tuyển chọn được những phần tử ưu tú cho dân để ngăn giữ cho dân chủ không bị biến chất thành ''tồi dở'' (médiocratie). Đó là vấn đề lãnh đạo (leadership) trong các chế độ dân chủ, một vấn đề đã và đang là đề tài nghiên cứu của chính trị học dưới ánh sáng nhìn dân chủ như một cuộc cạnh tranh giữa những cơ cấu thiểu số ưu tú, năng động trước sự trọng tài của một đa số không có gì là xuất sắc. Nói khác đi, dân chủ cũng cần tuyển chọn ''hiền tài'' như quân chủ. Khổng Tử đề xuất ''nhân'' (luân lý) và ''đức'' (bản lĩnh, virtus) làm tiêu chuẩn chọn hiền tài và còn dùng ''Lễ,'' ''Nghĩa'' để bảo đảm cho hiền tài không bị biến chất. Chúng ta có thể nói tư tưởng Khổng Tử đã gặp tư tưởng dân chủ hiện đại trong khái niệm chính trị dựa trên tài năng (méritocratie). Cũng cần nói thêm là Khổng Tử chẳng những đòi hỏi người làm chính trị, chủ quan, phải thực sự có tài đức mà khách quan được dân chúng nhìn nhận ''Làm chính trị bằng đạo đức, ví như ngôi sao Bắc thần ở một nơi mà các ngôi sao khác hướng về đó.'' Một cách cai trị bằng dư luận.

Đến khâu cuối cùng là khâu *"của dân''* thì chế độ quân chủ coi đất nước (thiên hạ) là của vua, của một dòng họ. Chính quyền tại các nước dân chủ nói chung không hẳn là của dân mà trước hết là của các đảng, lưỡng đảng hay đa đảng (partitocratie). Không thấy Khổng Tử nói về thể thức thay đổi chính quyền, trao quyền, nhận quyền nào khác hơn là theo truyền thống quân chủ tông pháp cổ đại của Trung Quốc (con trưởng kế thừa). Nhưng trong Kinh Dịch mà ông được coi là người san định, có nói đến ''cách mạng'' như vua Thang, vua Vũ thay đổi ''mệnh trời'' nghĩa là thay đổi người cầm vương quyền không theo tông pháp. Nhưng việc thay đổi này phải thuận lòng trời, hợp lòng dân. Vai trò của dân thời quân chủ cổ đại là chính thống hóa người cầm quyền một cách hậu thiên (a posteriori) khác thời nay là chính thống hóa ngay khi bầu cửa để tuyển chọn.

Tóm lại không ai chối cãi rằng tư tưởng dân chủ của Khổng Tử, như đã trình bày ở trên, không có qui mô lớn, không đa năng, đa dạng bằng tư tưởng dân chủ thời nay. Điều này cũng là điều thuận lý, đời sống của những xã hội nông nghiệp không phức tạp như đời sống các xã hội kỹ nghệ. Chính quyền ngày xưa không phải lo những vụ Sida, ngừa thai, bảo vệ môi

trường, thậm chí đến cả việc đổ rác v.v... Cơ chế dân chủ ngày nay hoàn bị hơn. Nhưng không vì thế mà coi hai loại tư tưởng dân chủ xưa và nay khác nhau về phẩm. Chiếc máy bay của Linbergh so với chiếc máy bay Concorde tuy kém hiện đại nhưng vẫn là một chiếc máy bay.

Trên quá trình hình thành và tiến hóa mấy ngàn năm, dân chủ rút lại là một thử thách của con người đối với chính mình, sau khi nó đã thoát ra khỏi thần quyền và tiếp tục chế ngự thiên nhiên để tăng trưởng quyền lực cho mình. Một nhà canh tân nhân bản Tây Ban Nha phần đầu thế kỷ này đã viết đại ý rằng Con người không có một bản chất tự nhiên, "nó là thứ mà chính tự nó muốn trở thành." Phải chăng Ortega Y Gasset muốn nói rằng con người muốn tìm cho đời sống của mình một ý nghĩa, vì ngoài cơ thể ra con người còn có tinh thần? Cũng còn có luồng tư tưởng khác coi con người là một thể sống liên kết với lịch sử. Khổng Tử cho rằng con người bẩm sinh đã mang trong nó cái ánh sáng trời cho (minh đức) phải tu thân làm sáng cái ánh sáng đó để ổn định đời sống cá nhân, giữ vững gia đình mà tổ chức xã hội trên thuận dưới hòa, lấy lòng nhân ái, lễ nghĩa thay luật pháp mà sống chung trong hòa bình, nhà đêm tối không cần đóng cửa, của rơi rớt ngoài đường không ai lượm v.v... Con đường đi có thể khác nhưng dân chủ ngày nay cũng chỉ muốn bấy nhiêu thôi. Một giấc mơ mà gần trọn cả cuộc đời mình, Khổng Tử không tìm được cơ hội thực hiện. Sự thảm bại của ông về mặt làm chính trị đã không xóa đi sự thành công của ông trong địa hạt tư tưởng chính trị.

Dưới cái nhìn nghiêm ngặt của những kinh nghiệm, kiến thức về dân chủ thời nay, người ta chỉ muốn coi tư tưởng Khổng Tử như một nguyên mẫu dân chủ (protodémocratie). Đánh giá như vậy cũng là đúng ở thời điểm trước mắt. Tuy nhiên trên chiều dài của dòng lịch sử có thể tương đối hóa cách nhìn vì có thể là đời sau cũng sẽ coi dân chủ đời nay như một nguyên mẫu dân chủ.

Trở về thực tại, dân chủ trong hiện tình lãnh hai sứ mệnh. Trước nhất là phải đánh đổ chuyên chế với khẩu hiệu "Tất cả mọi quyền hành cho dân." Sau nữa là đối với chính bản thân nó, dân chủ phải tiếp tục tự toàn thiện với khẩu hiệu "Không trao tất cả quyền hành cho bất cứ ai."

Tư tưởng phân tích của phương Tây đã đưa dân chủ từ trạng thái sơ đẳng thích hợp cho một cộng đồng sống trong những thành-quốc nhỏ thủa xưa ở Hy Lạp tiến lên hàng một chế độ chính trị phổ biến cho nhân loại sống trên khắp hoàn vũ. Sự sụp đổ của chuyên chế toàn trị cộng sản đã khiến cho dân chủ trực diện với chính nó để nó khám phá ra rằng nó có bị đe dọa suy thoái (dégression démocratique) dưới sức áp đảo của kinh tế. Chính trị hiện nay phải là chính-trị-kinh-tế và đương nhiên dân chủ cũng phải kinh-tế-hóa. Dân chủ đa nguyên đã giúp cho sự ra đời của xã hội tiêu thụ, bông hoa rực rỡ của văn minh kỹ nghệ. Mối liên hệ nhân quả giữa dân chủ và xã hội tiêu thụ không phải là một chiều mà hai chiều. Vấn đề lớn của thời đại là tìm hiểu xem số phận của dân chủ đa nguyên có bị gắn liền với số phận của xã hội tiêu thụ hay không? Nhân loại ngây ngất với những tiến bộ thần kỳ của mình nhưng đồng thời cũng ý thức được rằng mình đã đánh mất đi cái vũ trụ tuân nguyên (univers déterministe) của những thế kỷ trước để chỉ chờ đón một vũ trụ của những bất định (incertitudes) — dù là những bất định khoa học — và còn cực kỳ phức tạp. Tất nhiên viễn tượng bất định đã tạo ra phản ứng không đầu hàng bất định. Phê bình công bằng tư tưởng tổng hợp Khổng Tử với những xác tín vào con người biết triển khai ý chí và tự do của mình để xác lập nhân luân (điều mà Kant hơn hai mươi thế kỷ sau Khổng Tử cũng vẫn còn làm) là một phản ứng không có gì bất bình thường trước viễn tượng bất định ấy. Nhất là hiện nay dường như phương Tây đang muốn tìm cho được một thể tổng hợp của tư tưởng phân tích. Tư tưởng chính trị của Khổng Tử có thể bổ trợ cho tư tưởng phân tích phương Tây để cho dân chủ phương Tây có thêm tính nhân chủ.•

(*) Rất tiếc không đủ chỗ để trích dẫn phần phiên âm tiếng Hán-Việt. Phần dịch ra tiếng Việt những ý kiến được trích dẫn, người viết đã dựa vào các sách tiếng Pháp, tiếng Việt có phần đối chiếu chữ Hán để dịch thoát.

* Bạn đừng thất vọng vì quá đề cao hạnh phúc lứa đôi. Bạn hãy nhớ rằng chim họa mi chỉ hót mấy tháng mùa xuân rồi đến lúc sinh nở thì im hơi lặng tiếng.
T. Fuller

* Dĩ vãng giống như chiếc đèn đặt ở chỗ cửa vào tương lai để đánh tan đi một phần bóng tối đang bao phủ nó.
— Lamenais

* Không làm điều ác chưa đủ, còn phải tận tâm làm điều thiện nữa.
— Fénelon

BIỆN MINH CHO KẺ SĨ

NHUỆ HỒNG

Trong bài "Khi Lịch Sử Chất Vấn" phổ biến hồi đầu năm, Nguyễn Gia Kiểng đã phê phán lịch sử bốn ngàn năm văn hiến của nước ta và đã nặng lời đả kích giới sĩ phu lãnh đạo:

"Kẻ sĩ được đào tạo để làm tôi tớ cho vua. Nước chỉ là của riêng vua và lòng yêu nước (của kẻ sĩ) hoàn toàn không có!"

Trong tinh thần bất đồng nhưng hòa và tương thân tương kính, tôi xin được bàn luận về lời kết án này. Thông thường, "bất dĩ nhân phế ngôn" có nghĩa là không vì người (mình ác cảm) mà bỏ ý (hữu lý) của họ. Đối với Nguyễn Gia Kiểng là người tôi quý mến (vì lòng thiết tha của anh với tiền đồ dân tộc), tôi cũng không thể vì người (mà tôi thiện cảm) mà bỏ ý (vu khoát) của anh.

Là học trò của Khổng Mạnh, tôi không thể không lên tiếng bênh vực giới nho sĩ. Bài viết này chia làm ba phần:

1) Kẻ sĩ là thầy vua.

2) Kẻ sĩ lo cho dân, theo đạo không theo vua.

3) Kẻ sĩ bị hủ hóa do chế độ độc tài tư tưởng từ đời nhà Tống bên Trung Hoa và nhà Lê ở Việt Nam.

I. Kẻ sĩ là thầy vua

Trong các thi sĩ Đông Phương, Lý Bạch là một trong những nhà thơ lãng mạn và siêu thoát nhất.

Thơ Lý Bạch vừa mơ mộng trữ tình:

...Cất chén mời trăng sáng
Đối bóng thành ba người
...Ta hát, trăng bồi hồi
Ta múa, bóng linh loạn

(Nguyệt hạ độc chước: Một mình uống rượu dưới trăng).

Vừa hùng tráng bi thiết

Anh thấy chăng:
Sông Hoàng Hà nước cuốn tự lưng trời
Đổ xuống biển không vời trở lại
Anh thấy chăng:
Nhà cao đài gương soi mái tóc
Sáng như tơ mà tối đã như sương.

(Tương tiến tửu: Cùng uống rượu)

Đồng thời là thi nhân, Lý Bạch còn là nho sĩ. Trung thành với đạo thánh hiền, ông vẫn "ôm ấp mộng kinh bang tế thế, lấy văn bút biến đổi phong hóa, đem tài học cứu vớt muôn dân, thân không đầy bẩy thước nhưng tâm hùng bằng vạn sĩ phu."

Châm đèn hãy uống say sưa
Buông câu có lúc cũng chưa chậm chầy
Người săn Bến Vị có ngày
Gặp nhau thì cũng đáng thầy đế vương

(Tặng Tiền Trưng Quân Thiếu Dương, Trần Trọng Kim dịch)

Hoài bão của Lý Bạch cũng như của bất cứ kẻ sĩ Đông Phương nào là, như Lã Vọng, Khương Tử Nha đi câu được vua tri kỷ (Văn Vương) đón về làm vương sư và trao cho quyền trị nước.

Cũng vì vậy mà Khổng Tử rồi Mạnh Tử đã đi chu du các nước Trung Hoa thời Xuân Thu, Chiến Quốc để tìm cơ hội thực thi Đại Đạo.

Có lần Lỗ Mục Công hỏi Tử Tư: "Theo đạo thời xưa, ông vua một nước có ngàn cỗ xe có thể làm bạn với kẻ sĩ được không?'

Tử Tư có ý không vui nói: "Lời cổ nhân bảo rằng: (kẻ sĩ) đáng thờ làm thầy kia mà? Về địa vị, thì ông là vua, tôi là tôi, làm sao kết bạn với nhau được? Nhưng về đạo đức, tôi là người đáng để ông tôn bằng thầy, sao ông có thể làm bạn với tôi được?'

Thời Xuân Thu, Tử Hạ, một môn đệ khoa văn học của Khổng Tử, cũng được Ngụy Văn Hầu tôn làm thầy (1).

Trong lịch sử Đông Phương, kẻ sĩ xuất thân áo vải thường giúp vua làm nên vương nghiệp, đem thanh bình thịnh trị cho quốc gia. Đó là trường hợp của Y Doãn, Khổng Minh ba lần được vua mang lễ vật hay đích thân đến mới ra giúp nước:

Tiên sinh náu tiếng chốn non cây
Hiền chủ ba lần tìm gặp thầy (Bạch Cư Dị: Vịnh Vũ Hầu; Trần Trọng Kim dịch)

Y Doãn làm quân sư cho vua Thang, khuyên vua cất quân nhân nghĩa đánh vua Kiệt nhà Hạ để cứu dân phạt tội (Phạt Hạ điếu dân).

Nhiều vị vương sư còn được vua đối đãi và

quý trọng như thầy như cha, như Chung Công (chú ruột vua Thành Vương), Lý Đạo Thành giám hộ Lý Nhân Tông, Tô Hiến Thành phò các ấu chúa Lý Anh Tông và Lý Cao Tông. Tô Hiến Thành lập miếu thờ Khổng Tử, phát huy Nho học. Là người văn võ toàn tài ông được lịch sử sánh với Khổng Minh phò Tiên Chúa (Lưu Bị) và Hậu Chúa (Lưu Thiện). Chức vụ của ông là phụ chính kiêm đế sư.

Tề Hoàn Công tôn Quản Trọng là Trọng Phụ (bậc cha chú). Trần Anh Tông kính mến Trần Hưng Đạo như cha (Thượng phụ).

Chúa Nguyễn (và dân Đàng Trong) trọng Đào Duy Từ như thầy. Lũy Trường Thành do ông đắp tại Quảng Bình được gọi là "Lũy Thầy". Ông mở mang Nho giáo, soạn phú "Ngọa Long Cương" tự ví mình với Khổng Minh Gia Cát.

Nguyễn Bỉnh Khiêm là bậc thầy tiên tri hiểu rõ thời thế. Ông khuyên Trịnh Kiểm đừng nghĩ chuyện tiếm đoạt, hãy phò vua Lê (ở chùa thờ phật thì ăn oản). Rồi khuyên Nguyễn Hoàng lui về giữ giải Hoành Sơn làm chốn dung thân lâu dài (Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân).

Đời Tây Sơn, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp không chịu ra làm quan và cũng không nhận vàng lụa của Nguyễn Huệ gởi tặng. Sau này khi lên ngôi, vua Quang Trung cho người đến đón ông mấy lần nhưng ông vẫn từ chối. Sau đó ông có làm bài biểu bàn về ba điều. Một là "quân đức," khuyên vua đọc sách thánh hiền để biết đạo trị nước. Hai là "dân tâm" dùng nhân chính để yên lòng người. Ba là "học pháp," mở mang nhà học nhà hiệu, lấy tam cương ngũ thường mà giữ thế đạo và nhân tâm. Vua Quang Trung kính ông như thầy và thường nghe theo lời trình bày của ông mà định việc chính trị trong nước.

II. Kẻ sĩ lo cho dân, theo đạo, không theo vua.

"Vụ dân chi nghĩa" và "tòng Đạo bất tòng quân" là châm ngôn xử thế của kẻ sĩ.

Theo Khổng Tử "con theo mệnh cha chưa hẳn đã là hiếu, tôi theo mệnh vua chưa hẳn đã là trung. Biết phân biệt cái đáng theo mà theo, mới gọi là hiếu, là trung vậy." (Khổng Tử Gia Ngữ)

Tuân Tử khẳng định quyết liệt hơn:

"Hiếu đễ là tiểu hạnh của con người; thuận theo người trên là trung hạnh; theo Đạo không theo vua, theo nghĩa là không theo cha là đại hạnh của con người." (2)

Dưới thời Xuân Thu, Khổng Tử nêu lên thuyết Quân Quyền, nhưng lấy Thiên Mệnh và Dân Tâm để chế ngự quyền vua.

Dưới thời Chiến Quốc, Mạnh Tử đề xướng thuyết Dân Quyền, lấy dân làm quý, vua làm khinh.

Đó là sự diễn tiến tư tưởng của Nho giáo theo trào lưu tiến hóa của Lịch Sử.

1. Quân Quyền, Thiên Mệnh và Dân Tâm

Con người sinh hoạt trong xã hội không thể không quần tụ. Quần tụ mà không định phận thì tranh đoạt nhau, tranh đoạt nhau thì loạn, loạn thì khốn cùng. Nếu đã có nhân quyền thì phải có quyền tối cao để giữ trật tự kỷ cương cho đoàn thể. Cái quyền tối cao ấy gọi là "quân quyền" tức là quyền chủ thể của một quốc gia (souveraineté nationale). Đời xưa người giữ nhân quyền gọi là vua, đứng ra trị nước, tổ chức xã hội, mở mang giáo dục cho dân.

Trung quân phải được hiểu là trung với quân quyền trong nước. Có lòng trung ấy thì dân mới yên, nước mới trị, miễn là quân quyền không trái với lòng dân.

Đạo Nho coi thiên hạ là của chung, quân quyền không thuộc về dòng họ nào:

"Trời sinh ra dân không phải là vì vua, Trời lập ra vua là bởi vì dân. Khi vua tàn bạo, người dân có quyền phế bỏ.

Giết vua tàn bạo cũng như giết đứa độc phu. Vua là thuyền, dân là nước, nước chở thuyền nhưng nước lại đánh đắm thuyền". (Tuân Tử) (3)

Quân quyền do mệnh Trời mà ra. Tuy nhiên "mệnh Trời không nhất định về ai, thiện thì được, bất thiện thì mất. Trời không thân riêng với ai, chỉ giúp người có đức. Lòng dân không nhất định về ai, chỉ quý về ân đức. Làm điều thiện không giống nhau, nhưng kết quả là trị; làm điều ác không giống nhau, nhưng kết quả là loạn." (Kinh Thư) (4)

Theo học giả Trần Trọng Kim, chủ trương của một số tôn giáo cho vua thay Trời trị dân, vua muốn điều gì là Trời muốn điều đó không ai được cưỡng lại. Nho giáo trái lại có quan niệm đặc biệt là Trời với người đồng một bản thể, dân muốn thế nào là Trời muốn thế ấy: "Trời thương dân, dân muốn điều gì, Trời cũng nghe theo." (5) Muốn biết ý Trời (thiên mệnh) cứ xem ở lòng dân (dân tâm). "Trời trông thấy cũng vì dân trông thấy, Trời nghe thấy cũng vì dân nghe thấy, Trời sáng suốt là vì dân sáng suốt. Trời minh định thiện ác là vì dân minh định thiện ác. Trên Trời dưới dân thông đạt với nhau.

Vậy nên người làm vua, làm chúa, phải kính mệnh Trời vậy thay!" (Kinh Thư)

Theo quan niệm "thiên dân thông đạt," vua phải theo lòng dân mà định chính sự. "Phải yêu cái yêu của dân, ghét cái ghét của dân" (6.) Làm trái lòng dân là trái mệnh Trời. Vua Thang đánh vua Kiệt, vua Vũ diệt vua Trụ là để cứu dân phạt kẻ có tội (điếu dân phạt tội) (Kinh Thư)

Như vậy theo Nho giáo, trong chế độ quân chủ vua không được chuyên chế. Người dân bất cứ sang hèn, hễ có tài trí phải được mời ra giúp nước. Thành thử trong nước có vua quan, nhưng vẫn lấy dân làm trọng hơn cả.

Chế độ quân chủ thích hợp với điều kiện xã hội thời xưa. Minh Trị Thiên Hoàng bên Nhật cũng có công ngang với Franklin, Roosevelt bên Hoa Kỳ.

2. Từ Quân Quyền tới Dân Quyền.

Thời Xuân Thu, Khổng Tử nêu ra thuyết Chính Danh và Tôn Quân. Vua cho đúng đạo vua, tôi cho đúng đạo tôi (quân quân, thần thần). Vua lấy lễ mà đối xử với tôi, tôi lấy trung mà thờ vua.

Thời Chiến Quốc, xã hội đại loạn, vua chúa tranh quyền cướp nước, gây chiến tranh xâm lược tàn sát dân lành. Mạnh Tử không hoàn toàn tin theo kinh sách. Theo ông đọc sách mà quá tin vào sách thì thà không có sách còn hơn. (7)

Ông đặt lại tương quan vua tôi cho hợp tình hợp lý:

"Nếu vua kính trọng và thân yêu tôi như tay chân thì tôi cũng kính trọng quý mến vua như lòng dạ. Nếu vua coi thường tôi như chó ngựa (có nuôi mà không kính), thì tôi cũng coi vua như người dưng trong nước. Nếu vua bạc đãi khinh miệt tôi như cỏ rác, thì tôi cũng coi vua như giặc thù. Nếu vua tàn bạo như vua Kiệt, vua Trụ thì người có nhân đức như vua Thang, vua Vũ được quyền phế bỏ đi. Người làm hại nhân là tặc, người làm hại nghĩa là tàn. Tàn tặc là kẻ không ra gì. Ta chỉ nghe nói giết tên Trụ chứ không nghe nói giết vua vậy." (8)

Cũng như Khổng Tử, Mạnh Tử thừa nhận chế độ quân chủ nhưng viện lẽ thiên hạ vi công, vua không được coi thiên hạ là của riêng mình. Quyền trị dân là do Trời trao cho, tức là do lòng dân ưng thuận. Trong truyện Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn, Thuấn nhường ngôi cho Vũ, Mạnh Tử chủ trương rằng Trời và Dân chấp thuận ông Thuấn và ông Vũ. Nhưng khi ông Vũ giới thiệu ông Ích với Trời thì Trời không cho vì dân không thuận theo ông Ích. Về điểm này Phan Sào Nam nhận định: "Xem như ý tứ đoạn này thời Mạnh Tử coi chủ quyền trong nước thuộc về nhân dân. Tinh ý không khác gì Lư Thoa trong Dân Ước Luận (Jean Jacques Rousseau: Du Contrat Social). Học giả đời nay chỉ biết quý trọng Lư Thoa mà bỏ quên Mạnh Tử."

Thuyết Dân Quyền của Mạnh Tử được trình bày trong ba câu:

1) "Dân vi quý, Quân vi khinh. Thị cố đắc hồ kỳ dân, nhi vi thiên tử". Lấy dân làm quý, vua làm khinh. Vì vậy cho nên nếu được lòng dân mới được làm vua.

2) "Đắc kỳ tâm tư đắc dân". Nếu hợp lòng người (nhân tâm), mới được (lòng) dân.

"Đắc kỳ dân tư đắc thiên hạ". Nếu được (lòng) dân, mới được thiên hạ.

3) Vua tuyển người hiền như bất đắc dĩ.

Tả hữu quanh vua nói là hiền: chưa được!

Các quan đại phu nói là hiền: chưa được!

Nhân dân trong nước nói là hiền:

- Sát chi: Khảo sát (điều trần)
- Kiến hiển: Chứng kiến đương sự đủ khả năng và đức độ
- Dụng chi: Khi đó vua mới tuyển dụng.

Theo Phan Sào Nam, "vua dùng người hiền phải theo ý kiến của quốc dân. Trước kia vua chưa thấy mặt người hiền. Nay nghe theo lời quốc dân mà khảo sát, chứng kiến rồi tuyển dụng. Như thế chẳng khác nào quốc dân ủy quyền cho tổng thống các nước dân chủ đời nay vậy."

Nhiệm vụ của kẻ sĩ phò vua là hướng dẫn vua theo con đường phải đạo. Khi vua phạm lỗi, phải khuyên can vua, nếu vua không nghe thì phải bỏ đi. (9)

Làm giàu cho vua bất nhân là làm giàu cho tên Kiệt. Nếu vua bất nhân còn gây chiến tranh xâm lược giết hại dân lành thì đáng tội tử hình:

"Chiến tranh giành đất, xác người đầy đồng; chiến tranh vây thành, xác người đầy thành.

* Nếu lấy nhan sắc để tôn thờ người, thì khi nhan sắc tàn, tình yêu sẽ phai nhạt.

— Tục ngữ Trung Quốc

* Điều làm cho sa mạc thêm đẹp là nó giấu một cái giếng ở một nơi nào đó.

— Saint Exupéry

* Sắc đẹp là món quà đầu tiên Tạo hóa ban cho phụ nữ và cũng là thứ đầu tiên Tạo hóa lấy đi.

— De Méré

* Hạnh phúc là một cuộc xổ số không có các lô nhỏ, chỉ có trúng độc đắc hay không trúng gì cả.

— Marcelle Auclair

Như thế là đem đất ăn thịt người, tội ấy đem xử tử còn chưa hết tội! Kẻ thiện chiến phải tội đại hình. Kẻ liên hiệp chư hầu gây chiến tranh phải chịu tội thứ. Kẻ bắt dân đi phá rừng hoang làm ruộng đất cho vua chúa phải chịu tội thứ nữa." (10)

Trong lịch sử chính trị Đông Phương chưa thấy ai có hùng tâm đại chí như Mạnh Tử.

Châm ngôn xử thế của ông là:

Phú quý bất năng dâm (giàu sang không làm mê hoặc mình)

Bần tiện bất năng di (nghèo hèn không làm đổi chí mình)

Uy vũ bất năng khuất (uy lực không làm khuất phục mình)

Theo ông, nhân nghĩa trung tín là thiên tước, công khanh đại phu là nhân tước. Lo sửa thiên tước thì nhân tước theo sau. Không sửa thiên tước để cầu lấy nhân tước. Đó là khẩu khí của bậc đại trượng phu.

III. Từ nho sĩ đến hủ nho.

Lỗ nho bàn kinh sách
Bạc đầu trích từ chương
Hỏi về kinh tế sách
Mơ màng như khói sương.
(Lý Bạch: Trào Lỗ Nho, Diễu Lỗ Nho)

Lý Bạch mang hoài bão kinh bang tế thế, "đọc nát vạn cuốn sách, đi hết vạn dặm đường." Nhưng ông không mắc vào hệ lụy khoa cử. Ông được Đường Minh Hoàng trọng vọng (Dương Quý Phi bưng nghiên mực), nhưng không phải để bàn về kinh nghĩa mà chỉ để làm thơ góp phần mua vui cho một ông vua già nua, hủ hóa chỉ nghĩ đến hưởng thụ, hoan lạc cùng các mỹ nữ và quý phi.

"Đọc bốn câu thơ (của Lý Bạch), thiệt đáng thương cho Khổng Học đời Đường! Miệng nói ngũ kinh mà trong đầu không có tư tưởng gì về kinh tế. Nhưng không phải chỉ có các Lỗ tẩu mà thôi đâu!" (Phan Sào Nam)

Trải qua hơn hai ngàn năm từ đời Chiến Quốc đến đời nhà Thanh, nho học chia thành hai phái chính:

1. Phái học Nghĩa Lý chủ xướng bởi Mạnh Tử (dưỡng tính thiện), Tuân Tử (uốn tính ác) phát huy đạo của Khổng tử; Chu Tử và Trình Tử vụ về Lý Học (cách vật trí tri); Vương Dương Minh theo Tâm Học (trí lương tri). Thuyết "tri hành hợp nhất" của Vương Dương Minh không được phổ biến tại Trung Hoa và Việt Nam, nhưng lại rất thịnh hành tại Nhật Bản.

2. Bên cạnh phái học Nghĩa Lý còn có phái học Từ Chương, chỉ chú trọng về khoa cử là đường tiến thân mưu cầu danh lợi. Lối học khoa cử khởi sự từ đời Hán, đến đời Đường, thì cực thịnh. "Cử nghiệp thịnh, thánh học vong," cái học từ chương, khoa cử làm mai một tinh thần Nho giáo.

Trên báo Tiếng Dân phát hành trong thập niên 30, Huỳnh Thúc Kháng nêu ra hai nguyên nhân làm suy đồi Nho học và hủ hóa nhà nho. Đó là lối học từ chương khoa cử và tinh thần chuyên chế của Tống Nho.

Nho học truyền sang nước ta từ đời Hán. Sĩ Nhiếp có công khai hóa dân chúng được tôn là Sĩ Vương. Đời nhà Đường, Nho, Phật, Đạo cùng phát triển. Đường Minh Hoàng làm thơ ca tụng Khổng Tử. Đường Tăng qua Ấn Độ thỉnh kinh Phật. Các vua nhà Đường (họ Lý) tự nhận là con cháu Lão Tử. Đó là thời kỳ Tam Giáo Đồng Tôn. Quan niệm này tràn sang Việt Nam trong thời tự chủ. Các vua Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành đều mộ đạo Phật. Lý Thái Tổ tôn Sư Vạn Hạnh làm thầy. Lý Thánh Tôn lập văn miếu thờ Khổng Tử và xây chùa Một Cột thờ Quán Thế Âm Bồ Tát. Trần Nhân Tông lập phái Trúc Lâm tại chùa Yên Tử. Các vua Lý Trần mở các khóa thi tam giáo để chọn nhân tài.

Theo Trần Thái Tông, cả ba tôn giáo cũng quy về một chủ Tâm.

Người chưa giác ngộ phân Tam Giáo
Ngộ đạo là do đạt Nhất Tâm
(Khóa Hư Lục)

Lê Quý Đôn cũng chủ trương tự do tôn giáo, tự do tư tưởng trong tinh thần "đồng quy nhi thù đồ."

"Phép dạy đời của thánh hiền lấy đạo Trung Dung làm gốc. Bậc thánh nhân giảng học để làm sáng tỏ đạo Trời và làm ngay chính lòng người.

Giáo lý của Phật Lão chuộng sự thanh đạm, thoát tục, xem không mọi sự, siêu việt ra ngoài thế tục, tịch diệt hết mọi trần duyên, không để ngoại cảnh làm bận thân ta.

Đó cũng là cách độc thiện kỳ thân của các bậc cao nhã và những lời cao siêu về đạo đức mang ý nghĩa sâu xa huyền diệu.

Bọn nhà Nho ta nếu cứ giữ định kiến phân chia đạo nọ đạo kia mà biện bác chê bai thì sai lầm quá." (Kiến Văn Tiểu Lục)

Đến đời Lê Thánh Tôn, Nho Giáo được coi là quốc giáo. Tôn giáo độc tôn là đầu mối của độc tài tư tưởng.

Theo Lê Quý Đôn hồi đầu triều Lê, sau thời kỳ ly loạn, các nho sĩ còn thưa thớt. Nhiều người xuất chính còn rực rỡ khí phách lại có can đảm lên tiếng. Nhiều người khác thích

cảnh lâm tuyền giữ tiết tháo, lòng không mơ giàu sang.

Đến thời Lê Thánh Tôn do chế độ khoa cử nặng nề về từ chương trích cú, các nho sinh chỉ thêu dệt lời thơ câu phú cho hay, mong đỗ đạt để có bảng cao chức trọng, còn phần khí tiết khẳng khái thì đã suy tàn.

Đến thời Lê Uy Mục (mệnh danh là vua quỷ) thanh nghị càng suy kém, luồn cúi càng thịnh hành. Ít người giữ được liêm khiết, can đảm, gặp việc khó thì bỏ qua, thân nguy thì bán nước cầu an, đến bậc danh nho cũng chạy theo vinh sủng bất nghĩa.

"Đến đời Lê mạt lại có bọn tiểu-nhân-nho như Nguyễn Hửu Chỉnh, Ngô Thời Nhiệm, hữu tài vô hạnh, được đúc khuôn từ lò Tống Nho và khoa cử". (Huỳnh Thúc Kháng) (11)

Trong 300 năm tự chủ đời Đinh Lê Lý Trần, tôn giáo được tự do thì tư tưởng phát triển. Nhà Trần có võ công trác tuyệt (ba lần đại phá quân Mông Cổ), văn học thì đại thành. Các nhà văn thơ tư tưởng, ngôn ngữ, binh gia, kinh nghĩa đều lỗi lạc như Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Mạc Đỉnh Chi, Trương Hán Siêu, Lê Quát, Chu Văn An, Trần Nhật Duật, Hàn Thuyên v.v... Ngay cả các tiểu tướng như Dã Tượng, Yết Kiêu cũng học rộng, thông kinh sử, thường kể truyện Đỗ Dương Thuyết nêu tinh thần cao thượng, trọng nghĩa khinh tài (12)

Sau này, khi nhà Minh đô hộ nước ta, Trương Phụ tham tàn, hiểm độc vơ vét tài nguyên vàng bạc, tịch thâu các sách vở và bắt các nho sĩ bất khuất của ta về Kim Lăng (trong đó có Nguyễn Phi Khanh). Rồi thi hành chính sách nhồi sọ, nô dịch tư tưởng, buộc các nho sinh phải đọc sách do vua Minh san định sẵn (ngự định tứ thư ngũ kinh), cho rằng nghĩa lý hiền đủ cả trong sách ấy.

Đó là lối giải thích kinh sách chuyên chế theo kiểu Tống Nho. Những sách bình giải kinh nghĩa như "Tứ Thư Thuyết Ước" của Chu Văn An và "Minh Đạo" của Hồ Quý Ly đều bị giặc Minh tịch thâu.

Chu Văn An là một sĩ phu dũng cảm đã từng dâng biểu "Thất Trảm Sớ" đòi chém bảy kẻ quyền thần. Lời văn khẳng khái "nghĩa khí cảm đến quỷ thần." Vua không nghe, ông từ quan thành người tiều phu ở ẩn tại núi Chí Linh.

Trong "Tứ Thư Thuyết Ước," ông phê bình lý học chật hẹp của Tống Nho, và theo tâm học phóng khoáng của phái Chu Liêm Khê, Trình Minh Đạo và Lục Tượng Sơn (Tứ Thư Thuyết Ước ra đời trước sách Ngữ Lục của Vương Dương Minh khoảng 150 năm).

Tuy là kẻ gian hùng (đắc tội với dân tộc), Hồ Quý Ly đã viết sách "Minh Đạo" khẳng khái thuyết về bốn điểm đáng nghi trong Luận Ngữ và chê bọn Tống Nho thủ cựu là học rộng mà tài sơ, không hiểu sự tình và chuyên nghề đạo văn xuyên tạc. (13)

Tới thế kỷ 19, trong khi Nhật Bản đã biết duy tân, theo thuyết tri hành hợp nhất và tinh thần võ sĩ đạo để canh tân đất nước, thì vua quan nhà Nguyễn vẫn bo bo cổ hủ, từ độc tài dẫn đến thủ cựu, cô lập và bất lực. Ông Phạm Phú Thứ đi Pháp về viết sách Bác Vật, Khai Mỏ, Hàng Hải và Vạn Quốc Công Pháp. Ông Nguyễn Trường Tộ xuất ngoại về lập điều trần đề nghị dự án canh tân mở cửa, bãi bỏ bế môn tỏa cảng, vua quan thời Tự Đức nhất thiết bác khước cho là vọng ngôn. Kết quả là nước mất, văn hóa vong bản, tinh thần khiếp nhược. Sau Đệ Nhất Thế Chiến, chế độ khoa cử được dẹp bỏ, Tây học truyền sang. Bề ngoài tuy có khác nhưng gan óc con người đã sơ cứng, học giới mất hết sĩ khí. "Ngày trước học Hán thì làm hủ nho, ngày nay học Tây thì làm hủ Âu" (Phan Tây Hồ). Cái tệ hại của tư tưởng chuyên chế Tống Nho và lối học từ chương khoa cử thật đã đầu độc tinh thần dân tộc ta vậy.

Theo Trần Trọng Kim "Bọn hủ nho là tội nhân của Nho Giáo. Bọn ấy mờ tối, mắt không biết trông, tai không biết nghe, lúc vô sự thì lấy câu thơ làm văn, rung đùi tự đắc, chỉ bo bo học lối từ chương để đi vào con đường danh lợi, ngoài ra chẳng biết thế nào là danh tiết, là liêm sỉ. Họ không biết rằng học Nho Giáo thì phải hiểu cái tinh thần và nghĩa lý của Nho Giáo, phải theo thời mà biến đổi.

Song biến đổi phải lấy gì làm gốc, để cho sự biến đổi có căn bản mà nghĩa lý vẫn không mất. Vậy ta noi theo Nho giáo là theo tinh thần cường kiện, đem tư tưởng của ta vượt đến lý nguyên thủy, rồi cùng vũ trụ mà lưu hành, mà tạo tác ra một cuộc nhân sinh có đủ nghị lực để đồng sinh đồng hóa với vạn vật, biết tùy thời mà ứng biến, nhưng không quên cái gốc cũ, để thành một hạng người có nhân cách tôn quý, có lòng nhân từ bác ái, có sức mạnh để cùng thiên hạ mà sinh tồn, ganh đua, xây đắp thêm một vài viên gạch, viên đá vào nền nhà chung của nhân loại.

Nói rút lại, ta muốn rằng người mình bây giờ phải theo thời mà học tập: thực nghiệp, kinh tế, binh gia, toán pháp, vật lý, hóa học, bao nhiêu khoa trí dục đều phải học, nhưng phải lấy Nho Giáo làm nền đức dục, nghĩa là lấy nghĩa lý lưu truyền từ nghìn xưa mà gây lấy tinh thần, dù ở cảnh ngộ nào cũng có nhân cách đặc biệt, có phẩm giá tôn quý, không phụ tiếng nhân linh ư

vạn vật."

Phan Sào Nam cũng đồng tình như vậy: Xây dựng một quốc gia cũng như cất một căn nhà. Phải lấy Đạo Học làm nền móng và Khoa Học Kỹ Thuật làm kiến trúc. Khoa Học và Đạo Học không tương phản mà tương thành.

Các nhà thức giả kỳ vọng rằng, qua thế kỷ 21, Khoa Học Tây Phương sẽ phối hợp với Đạo Học Đông Phương. Khu vực Á Châu Thái Bình Dương sẽ là nơi thực thi nền tổng hợp Đông Tây đem lại Thái Hòa cho Nhân Loại•

Tháng 2/1997

Ghi Chú

(1) Khổng Tử có ba ngàn học trò, trong đó có 72 người được coi là hiền và hơn 10 người xuất chúng, chia làm bốn khoa:

a) Khoa Đức Hạnh với Nhân Hồi, Mẫn Tử Khiên, Trọng Cung.

b) Khoa Ngôn Ngữ/Trước Tác với Tử Cống, Tảng Tử, Hữu Tử.

c) Khoa Chính Trị với Nhiễm Hữu, Tử Lộ.

d) Khoa Văn Học với Tử Hạ, Tử Du v.v...

Tử Tư, soạn giả sách Trung Dung là cháu nội đức Khổng Tử. Ông là học trò Tăng Tử và thầy dạy Mạnh Tử.

(2) Tòng Đạo bất tòng quân, tòng nghĩa bất tòng phụ, nhân chi đại hạnh giả (Tuân Tử)

(3) Tru bạo quốc chi dân nhược tru độc phu (Tuân Tử)

(4) Duy mệnh bất vu thường, đạo thiên tắc đắc, bất thiện tắc thất. Hoàng thiên vô thân, duy đức thị phụ (Thư)

(5) Thiên căng vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi (Thư)

(6) Dân chi sở hiếu, hiếu chi; dân chi sở ố, ố chi (Đại Học)

(7) Tận tín thư bất như vô thư (Mạnh Tử)

(8) Văn tru nhất phu Trụ, vị văn thí quân giả (Mạnh Tử)

(9) Hữu ngôn trách giả, bất đắc kỳ ngôn, tắc khứ (Mạnh Tử)

(10) Thiện chiến giả, phục thượng hình (Mạnh Tử)

(11) Nguyễn Hữu Chỉnh có tài tể tướng nhưng lòng tham tàn nham hiểm, phò Tây Sơn để rồi bị Tây Sơn hãm hại.

Ngô Thời Nhiệm theo phe Đặng Thị Huệ âm mưu bỏ trưởng (Trịnh Khải) lập thứ (Trịnh Cán), sát hại 4 bố: quân phụ Trịnh Khải, thân phụ Ngô Thời Sĩ (phò Trịnh Khải, tự tử vì nhục) và hai phụ chấp (bạn và đồng chí của cha).

Theo thiển ý, tội nặng nhất của Ngô Thời Nhiệm là tạo cơ hội cho bọn quân phiệt lộng hành. Phe kiêu binh (Thanh cậy thế, Nghệ cậy thần) viện cớ phò Khải lật Cán, đã trực tiếp can thiệp vào chính trị, giết các đại thần, gây nên đại loạn. Rồi chúng kéo hàng trăm hàng ngàn người đi các làng xóm, giết người cướp của công khai. Hễ tên nào đi lẻ loi lại bị dân chúng lén giết. Đây là cảnh địa ngục trần gian, con người trở thành con thú! Lẽ dĩ nhiên kỷ cương phong tục đổ nát, văn hóa đạo lý suy đồi. Cứ như thế trong hơn 100 năm! Phải đợi đến Phong Trào Đông Kinh Nghĩa Thục và cuộc Khởi Nghĩa Nguyễn Thái Học, sĩ khí Bắc Hà mới chấn hưng được.

(12) Đỗ Dương Thuyết làm nghề bán thịt dê theo Sở Chiêu Vương chạy giặc. Khi về nước vua định thưởng công cho Thuyết, Thuyết thưa: "Nước mất thì tôi mất nghề làm thịt dê. Nay vua lấy lại được nước thì tôi lại có nghề làm thịt dê. Đó là phần thưởng rồi. Vua không cần thưởng cho tôi nữa."

(13) Hồ Quý Ly là người văn võ toàn tài lại có tinh thần cách mạng. Là phụ chính hoàng đế, ông dịch sách chữ nho ra chữ nôm để dạy vua. Ông đi trước thời đại, phát hành giấy bạc, hạn chế ruộng đất, cải tổ giáo dục, mở thi toán pháp, cấp ruộng cho giáo chức, cải cách hành chánh, sửa đổi hình luật, lập ty y tế, tăng cường quốc phòng (lập đạo quân 100 vạn người; con trai Hồ Nguyên Trừng sau này làm chuyên viên đúc súng cho nhà Minh).

Cũng như Ngô Thời Nhiệm đã tạo cơ hội cho Kiêu Binh lộng hành, Hồ Quý Ly đã giúp nhà Minh chính nghĩa bảo vệ chư hầu (nhà Trần), viện cớ cứu dân phạt tội để đô hộ nước ta. Và trong hai mươi năm "quân cuồng Minh làm bại nhân nghĩa, nát càn khôn, nướng dân đen trên lửa hung tàn, vùi con đỏ dưới hầm tai vạ." (Nguyễn Trãi: Bình Ngô Đại Cáo)•

VNCR

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH TRÊN INTERNET

Dù ở bất cứ nơi đâu trên trái đất, nếu có điện thoại, quý vị cũng có thể nghe được chương trình phát thanh VNCR bằng máy điện toán của quý vị. Mở máy và bấm vào

http://www.kicon.com/vncr

Ngay giữa trang, quý vị sẽ thấy dòng chữ chỉ dẫn cách nghe VNCR: bấm vào chữ *here*, màn ảnh sẽ hiện ra trang chỉ dẫn.

Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu, buổi sáng từ 5 giờ đến 7 giờ, và buổi chiều từ 12 giờ đến 4 giờ (giờ California), quý vị có thể nghe trực tiếp chương trình VNCR đang phát thanh. Ngoài những giờ trên, quý vị có thể nghe lại một số chương trình được lưu trong hệ thống Kicon.

Liên lạc:

(a)về chương trình VNCR: ĐT (714) 534-9431 • FAX (714) 534-9433 • E-mail vncr@kicon.com

(b)về kỹ thuật lên lưới c/o Kicon :

ĐT (714) 590-3080 • FAX (714) 590-3084 • E-mail info@kicon.com

KHỔNG GIÁO VÀ DÂN CHỦ

FRANCIS FUKUYAMA
TRẦN KHẢ VI trích dịch

Lời người dịch: *Tác giả là người Hoa Kỳ gốc Nhật, từng làm việc tại Bộ Ngoại Giao Mỹ, trong sở Hoạch định Chính sách, nay làm tại Tổ chức Nghiên chứu Rand. Ông nổi tiếng khi xuất bản cuốn* The End of History and the Last Man*(1992). Cuốn thứ hai, cũng thuộc loại bán rất chạy, nhan đề* Trust *(1995). Sau đây chúng tôi trích dịch một bài thuyết trình của ông, đã đăng trên tạp chí* Journal of Democracy, *Tháng Tư, 1995. Chúng tôi không dịch nguyên văn vì có nhiều điều chắc độc giả TK 21 đều biết cả.*

...Khổng giáo và nền dân chủ kiểu phương Tây có gì không tương hợp với nhau không? Liệu Á châu có đặt ra một thứ trật tự chính trị và kinh tế mới khác với các nguyên tắc của chế độ dân chủ và kinh tế tư bản ở phương Tây hay chăng? Sự thật, tôi thấy có rất ít điều không tương hợp giữa Khổng giáo và chế độ dân chủ, ít hơn người ta nghĩ. Điều căn bản trong "Lý thuyết về Hiện đại hóa" (modernization theory) vẫn đúng: Sự phát triển kinh tế thường đưa tới sự giải phóng về chính trị. Nếu việc phát triển kinh tế nhanh chóng gần đây ở Á châu còn kéo dài, quá trình dân chủ hóa ở vùng này cũng sẽ tiếp tục như vậy. Cuối cùng, hình thái của nền dân chủ ở Á châu có thể sẽ khác xa nền dân chủ ở Mỹ, mà chính nơi đó cũng đang có các vấn đề nan giải về việc dung hợp quyền lợi cá nhân với lợi ích của cộng đồng.

[*Trong phần thứ nhất của bài thuyết trình, Fukuyama duyệt qua lý thuyết về hiện đại hóa. Ông dùng trường hợp các nước Á châu từ Nam Hàn, Đài Loan, đến Phi Luật tân, v.v. để dẫn giải. Chúng tôi xin trích dịch.*]

...

Trong cuốn "Lịch sử chấm dứt" (The End of History...) tôi đã lý luận rằng liên hệ giữa dân chủ và phát triển không thể hiểu theo nghĩa kinh tế thuần túy. Nhu cầu cơ bản đưa tới việc dân chủ hóa bắt nguồn từ khát vọng "được nhìn nhận, được tôn trọng," nhu cầu đó không có tính cách kinh tế. Tương quan giữa nền kinh tế hiện đại hóa và chế độ dân chủ, như vậy, có tính cách gián tiếp: Hiện đại hoá nền kinh tế sẽ nâng cao mức sống và trình độ giáo dục, và giải thoát con người khỏi nỗi sợ hãi khi phải sống trong cảnh ăn bữa nay lo bữa mai. Sự giải thoát khỏi nỗi sợ này giúp người ta theo đuổi các mục tiêu rộng rãi hơn, trong đó có các mục tiêu vẫn tiềm ẩn từ khi kinh tế chưa phát triển đầy đủ. Một trong những nhu cầu tiềm ẩn đó là ước mong được tôn trọng như một người trưởng thành với phẩm giá căn bản của con người — sự tôn trọng đó được thể hiện qua việc tham dự vào đời sống chính trị...

...Để sự phát triển kinh tế đưa tới các điều kiện thuận tiện cho chế độ dân chủ ổn cố, cần có một khoảng thời lâu dài hơn là người ta vẫn nghĩ hồi 40 năm trước; một phần vì việc phát triển kinh tế thực hiện mất nhiều thời gian hơn, một phần vì việc thiết lập các định chế dân chủ cũng không dễ dàng. ...

Truyền thống Khổng Giáo ở Á châu.

...Hãy kể đến các điều tương hợp hiển nhiên giữa Khổng giáo và chế độ dân chủ. Thứ nhất là chế độ thi cử có từ lâu là một định chế 'tử hiền" (meritocratic) có ảnh hưởng tạo bình đẳng (về cơ hội). ... Hệ thống thi cử ở các xã hội Khổng giáo mở cửa cho nhiều người học cao hơn và gia nhập hệ thống hành chánh, đó là các con đường để thăng tiến xã hội, giúp cho trong các xã hội Á châu lợi tức phân bố đồng đều hơn. Thứ hai là Khổng giáo đề cao giáo dục. Tuy trình độ dân trí cao không nhất thiết là điều kiện tiên quyết cho thể chế dân chủ, nhưng trong thực tế, khi người dân có học thì việc thiết lập các định chế dân chủ dễ dàng hơn. Khi trong dân chúng không có nhiều người biết chữ thì họ thiếu hiểu biết, do đó khó tham gia vào các cuộc thảo luận chính trị; hơn nữa trình độ giáo dục cao thì đời sống cũng sung túc hơn và người dân quan tâm đến các vấn đề ngoài phạm vi kinh tế hơn, như nhu cầu được nhìn nhận, kính trọng và nhu cầu tham gia vào đời sống chính trị. Sau cùng, giống như các hệ

thống đạo lý khác ở Á Châu, Khổng giáo tương đối có tính khoan dung. Trong quá khứ, Khổng giáo đã sống chung với các tôn giáo như Phật giáo, Thiên chúa giáo; dù không hoàn hảo nhưng Khổng giáo chắc khoan dung hơn Hồi giáo và Thiên chúa giáo.

Sự tương hợp giữa Khổng giáo và dân chủ còn sâu xa hơn nữa. Huntington ví Khổng giáo với Hồi giáo, là các học thuyết chủ trương hai lãnh vực chính trị và xã hội chỉ là một, và chấp nhận quyền uy của nhà nước trên mọi sinh hoạt. Lối nhìn đó quá giản lược. Nhà nghiên cứu Khổng giáo Tu Wei-ming (ở Singapore) phân biệt hai thứ; "Khổng giáo chính trị" hệ thống hóa chế độ đẳng cấp mà trên cùng là hoàng đế, với "Khổng giáo đạo lý cá nhân" qui định nếp sống hàng ngày. ... Học giả Tu lý luận rằng di sản quan trọng của Khổng giáo không phải là các qui tắc chính trị, nhưng chính là các lời dậy về đạo đức, qui định thái độ con người đối với gia đình, với công việc, học vấn, và các qui tắc sống khác đã được tôn trọng trong xã hội Trung Quốc. Chính các thái độ đó, chứ không phải các ý tưởng về quyền chính trị, đã tạo nên sự thành công về kinh tế của người Hoa ở nước ngoài.

Người ta có thể đi xa hơn, lý luận rằng tinh yếu đạo Khổng của người Trung Hoa hoàn toàn không phải là Khổng giáo chính trị, mà là tinh thần gia tộc rất cao, được coi trọng hơn mọi tương quan xã hội khác, kể cả tương quan đối với quyền chính trị. Nghĩa là Khổng giáo xây dựng một trật tự xã hội từ dưới lên chứ không phải từ trên xuống, chú trọng đến bổn phận luân lý trong gia đình như là căn bản của xã hội. .. Liên hệ gia đình ưu tiên hơn các liên hệ khác, kể cả các bổn phận đối với hoàng đế. Như trong kinh sách đạo Khổng, bổn phận đối với cha quan trọng hơn bổn phận đối với công an, như trong câu chuyện về Khổng Tử. (Khổng tử nói người con không tố cáo cha mình với công an dù cha phạm tội).

...

Người Nhật đã thay đổi Khổng giáo Trung Quốc cho phù hợp với chế độ quân chủ của họ hơn, khi Tân-Khổng giáo truyền sang Nhật vào cuối đời Tống (960-1279). Ở Trung Quốc, ngay uy quyền của hoàng đế cũng không tuyệt đối; uy quyền đó có thể mất vì hoàng đế vô đạo khiến ông ta mất "thiên mệnh." Sự thay đổi các triều đại ở Trung Quốc cho thấy uy quyền chính trị ở đó không tồn tại mãi mãi. Bên Nhật thì ngược lại, chỉ có một triều đại từ thời lập quốc huyền hoặc, người Nhật không có quan niệm về thiên mệnh khiến cho vị hoàng đế Nhật có thể mất ngôi, như người Trung Quốc... Vì thế ở Nhật, bổn phận đối với hoàng đế cao hơn là đối với cha, và khi người con phải chọn có nên tố cáo cha mình hay không, thì sẽ chọn nhà nước hơn là gia đình. Huntington mô tả Khổng giáo như một nền tư tưởng nhất thiết ủng hộ quyền uy của nhà nước đặt lên trên các nhóm xã hội khác nhỏ hơn, mô tả đó có thể áp dụng ở Nhật Bản chứ không phải Trung Hoa. Vậy mà chính tại Nhật, chứ không phải tại Trung Quốc, mà nền dân chủ đã tồn tại từ 45 năm qua.

...

Vì vai trò quan trọng của gia đình ở Trung Quốc nên uy quyền chính trị ở đó thường yếu hơn ở Nhật, và tình trạng bất ổn về chính trị dễ xảy ra hơn. Các gia đình Trung Hoa xưa nay vẫn nghi ngờ chính phủ cầm quyền, và nhiều xí nghiệp gia đình, ở Lục địa Trung Quốc cũng như trong giới Hoa kiều hải ngoại, có các phương pháp lắt léo để che dấu công việc của họ đối với các vị quan và người thu thuế. Tinh thần dân tộc ở Trung Quốc cũng yếu hơn ở Nhật; ở Trung Hoa không có ý niệm đối lập giữa "Chúng ta- Chúng nó" như đặc điểm của tinh thần dân tộc Nhật. ... Người ta thường nhận xét rằng tinh thần công dân của người Trung Hoa thấp hơn nhiều xã hội khác: Miễn là chính phủ để cho họ yên thân, đa số người Trung Hoa không thấy có bổn hận nào đối với xã hội rộng lớn bên ngoài. ... Chính vì họ không có một tình đoàn kết tự nhiên như người Nhật với nhau, nên tâm lý người Trung Hoa lại thấy sự bất ổn về chính trị đáng sợ hơn.

Nghe có vẻ ngược đời, chính vì người Trung Quốc không quan tâm đến chính quyền lắm nên họ lại cần một hệ thống chính trị độc tài hơn. Chính vì uy quyền của nhà nước ở Trung Hoa không được kính trọng, họ đâm sợ cảnh hỗn loạn sẽ xảy ra khi không có một cơ cấu nhà nước đàn áp, nhiều hơn là ở Nhật Bản. ... Có thể nghĩ rằng việc nhấn mạnh đến uy quyền độc đoán ở Singapore và nhiều nước Đông Nam Á khác không phản ảnh tinh thần kỉ luật của họ — như người ngoài tưởng — mà chính vì trình độ thấp của tinh thần công dân tự nhiên ở các xứ này, đi đôi với mối lo là xứ sở họ sẽ tan rã nếu không có một chính quyền cưỡng bách họ. Ở Nhật Bản, ngược lại, nhà nước không cần làm ra luật bắt dân vào nhà vệ sinh công cộng xong phải giật nước, hay cấm viết bậy trên tường, vì chính xã hội đã chấp nhận các hành vi đó, biến thành những giá trị nội tại chung của xã hội.

Tương quan giữa Khổng giáo và chế độ dân

chủ như vậy thật phức tạp hơn là nhiều nhà bình luận nghĩ. Đặc biệt là Khổng giáo ở Trung Hoa không công nhận sự phục tùng một nhà nước toàn quyền khiến cho một xã hội công dân độc lập không có cơ hội nẩy nở. Nếu Xã Hội Công Dân ở Trung Quốc còn yếu, thì lí do không phải vì tư tưởng đề cao nhà nước, mà vì vai trò gia đình quá mạnh trong nền văn hóa Trung Quốc, và một hệ quả là người Trung Hoa không tin người lạ ngoài gia tộc mình.

...

Tinh thần "trọng-nhà-nước," hướng về tập thể đối với quyền lực mà Huntington tin là đặc tính của Khổng giáo thật ra đem áp dụng vào trường hợp Nhật Bản đúng hơn là ở Trung Hoa. Và tinh thần đó đã thể hiện ở Nhật đến mức cực đoan trong thập niên 1930. Vì kết quả của thảm kịch Thế Chiến Thứ Hai, chủ nghĩa dân tộc và chủ trương đề cao nhà nước đã mất thế giá ở Nhật, được thay thế bằng một chế độ dân chủ khả dĩ hoạt động được.

...

Sự khác biệt giữa Khổng giáo, ở Nhật cũng như ở Trung Hoa, so với nền văn hóa Thiên chúa giáo và Dân chủ Tây phương là ở vai trò của cá nhân. Tuy chế độ gia đình ở Trung Hoa có khi tỏ ra vị cá nhân, nhưng không phải là thứ chủ nghĩa cá nhân là nền tảng lý tưởng của xã hội Tây phương. ... Trong xã hội Tây phương hiện đại, khái niệm về một Thượng đế phổ biến đã được thay thế với khái niệm về một nhân tính làm cơ bản cho quyền làm người... (Các nhà tranh đấu cho nhân quyền ở Tây phương) tất cả đều chia sẻ một nền văn hóa Thiên chúa giáo, nhấn mạnh đến các quyền phổ biến, và do đó, coi lương tâm mỗi con người là nguồn gốc tối hậu của quyền hành. Có thể nói rằng ở trong xã hội Khổng giáo không có một ý niệm tương đương. Chính sự khác biệt đó là nguồn gốc những bất đồng giữa người Mỹ và người Á châu về chính sách đối với nhân quyền. *(Lời người dịch: Về điểm này chắc có nhiều người không đồng ý với Fukuyama. Ý niệm về con người có giá trị phổ biến đã có sẵn trong Khổng giáo)* ... Trong khi Huntington biện luận, rất đúng, rằng chế độ dân chủ tự do hiện đại phát sinh từ văn minh Thiên chúa giáo, nhưng ta cũng biết rằng chế độ dân chủ chỉ xuất hiện sau rất nhiều hình thái của Thiên chúa giáo không chấp nhận tinh thần khoan dung của tư tưởng tự do cũng như không chấp nhận sự phản kháng trong tinh thần dân chủ. Nói chung, những trở ngại của nền văn hóa Khổng giáo không nhiều hơn các trở ngại trong các nền văn hóa khác; nhất là khi so sánh với Ấn giáo và Hồi giáo thì Khổng giáo ít trở ngại hơn nhiều.

...

Tất cả các nhận định trên dưa tới kết luận rằng Khổng giáo không bao giờ qui định cho một chế độ độc tài. Tại Singapore, nhà cầm quyền đã vận dụng đến truyền thống Khổng giáo một cách thiếu lương thiện, để biện hộ cho một chế độ gia trưởng can thiệp một cách vô ích vào đời sống của dân. Các nước khác như Nhật, Nam Hàn, đã để cho dân chúng tham dự vào đời sống chính trị và tôn trọng tự do cá nhân nhiều hơn Singapore mà không phải hy sinh các giá trị truyền thống của họ, và Đài Loan cũng đang tiến theo hướng đó. Tôi không thấy có lý do gì mà Singapore không đi theo chiều hướng đó.

...

Điều tôi hy vọng đã trình bầy cùng quí vị là trong các xã hội Khổng giáo không có một chướng ngại nào cho quá trình dân chủ hóa, và có nhiều lí do để tin rằng các xã hội đó sẽ tiến đến tình trạng chính trị tự do hơn và kinh tế thịnh vượng hơn. ... Các giá trị Khổng giáo có thể rất thích hợp với xã hội tự do (như đã chứng tỏ qua các người di dân gốc Á châu sống ở Mỹ), để lấy lại cân bằng với khuynh hướng cá nhân hóa trong xã hội. Mặt khác, hình thái của chế độ dân chủ ở Á châu chắc sẽ khác với mô hình Mỹ. Nếu truyền thống Khổng giáo ở Á châu có thể giúp tìm ra một thế quân bình thích hợp và ổn cố giữa nhu cầu tự do và nhu cầu cộng đồng, thì sau cùng sẽ tạo ra những nơi sống rất hạnh phúc.●

(Người dịch không ghi các chú thích. Bài này đã được tác giả đọc tại một hội nghị ở Đài Loan năm 1994.)

Vừa phát hành tại Paris

RONG BIỂN

của nhà văn

TRẦN THỊ DIỆU TÂM

Đọc *RONG BIỂN* để thấy tình yêu
giữa mộng và thực
do An Hiên xuất bản
Giá bàn: 80FF (US$16.00)

Xin liên lạc:
Mme Trần Thị Diệu Tâm
158 Boulevard Masséna
75013 PARIS - FRANCE

THÊM VÀI "MẨU CHUYỆN" VỀ CUỘC ĐỜI CỦA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH CẦN

Người viết bài này hy vọng góp thêm vài "mẩu chuyện" vào cuốn sách *"Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch"* của Trần Dân Tiên mà — như lời giải thích miệng "từ Trên," khi cuốn sách được xuất bản lần đầu ở miền Bắc — "tác giả của nó là một nhà báo nổi tiếng có cơ hội được biết rõ về thân thế của Người." Thực ra, hồi những năm 50, đại đa số cán bộ, chứ nói gì đến nhân dân, chưa hề nghe tên và không ai biết cái ông "nhà báo nổi tiếng" Trần Dân Tiên, tác giả cuốn sách "bất hủ" đó, là ai cả. Chỉ có một số rất ít cán bộ cao cấp thì thầm rỉ tai nhau về điều bí mật quốc gia: "... Chứ còn ai nữa!"

Mãi về sau này, qua hàng mấy thập niên, nhiều người mới ngã ngửa ra là ông tác giả "Chứ còn ai nữa!" đó, ông Trần Dân Tiên huyền thoại kia, chính là ông Nguyễn Tất Thành, cũng chính là ông Nguyễn Ái Quốc, và cuối cùng, cũng chính là... ông Hồ Chí Minh. Thế nhưng báo chí chính thức ở Việt Nam cho đến nay vẫn tiếp tục "giấu như mèo giấu c..." Theo tôi biết, hình như trong "thế giới" cộng sản, chỉ có hai lãnh tụ trực tiếp tham gia vào việc "xây dựng" tiểu sử của mình để lưu danh hậu thế là Stalin và Hồ Chí Minh. Tôi nói "hình như" vì không biết chính xác Kim Nhật Thành đã làm phù phép như thế nào với tiểu sử của ông ta. Nhà độc tài đẫm máu Stalin đã không trắng trợn tự tay viết tiểu sử của mình, mà giao cho một ban của Trung ương đảng, viết theo sự hướng dẫn của chính ông và cuối cùng ông "chỉ" hiệu đính tiểu sử của mình trước khi cho xuất bản. Còn "một người như Hồ Chủ Tịch của chúng ta, với đức khiêm tốn nhường ấy..." (trích sách *"Những mẩu chuyện..."*, tr. 7) thì... tự tay mình viết tiểu sử của mình để tự tôn vinh, tự đề cao chán chê, rồi "lập lờ đánh lận con đen" đặt tên tác giả là Trần Dân Tiên. Quả là một sự phỉ báng đối với lương tri con người!

Mặc dù thế, tôi xin thành thật khuyên các bạn, ai đã có cuốn sách "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch" thì chớ vội nóng nảy vứt nó đi mà phí, trái lại, thỉnh thoảng nên đọc lại để thấy rõ hơn bức chân dung thật của người viết ra nó. Đó là tấm gương để đời! Ngay từ đầu sách, bạn gặp đoạn này: "Nhiều nhà văn, nhà báo Việt Nam và ngoại quốc muốn viết tiểu sử của vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng mãi đến nay, chưa có người nào thành công. Nguyên nhân rất giản đơn: Chủ tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lại thân thế của mình." Hay một đoạn khác: "Tôi (lời Trần Dân Tiên huyền thoại) nói rõ mục đích của tôi. Chủ tịch chú ý nghe. Sau khi nghe xong, Người cười và đáp: "Tiểu sử. Đấy là một ý kiến hay. Nhưng hiện nay còn nhiều việc cần thiết hơn. Rất nhiều đồng bào đang đói khổ. Sau tám mươi năm nô lệ, nước ta bị tàn phá, bây giờ chúng ta phải xây dựng lại. Chúng ta nên làm những công việc hết sức cần kíp kia đã! Còn tiểu sử của tôi... thong thả sẽ nói đến!" Thế rồi Trần Dân Tiên (!) kết luận: "Một người như Hồ Chủ tịch của chúng ta, với đức khiêm tốn nhường ấy và đương lúc bề bộn bao nhiêu công việc, làm sao có thể kể lại cho tôi nghe bình sinh của Người được?" Hay là đoạn nói về thời gian "khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên mười lăm tuổi," thế mà cậu bé 15 tuổi ấy đã đủ hiểu biết, đủ láo xược để phê phán cả các bậc tiền bối là những anh hùng lịch sử vào hàng cha chú mình, như các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu. Hay một đoạn nữa: "Và nhân dân Việt Nam muôn người như một, nghe theo lời Hồ Chủ tịch, vì họ hoàn toàn tin tưởng ở Hồ Chủ tịch, họ hoàn toàn kính yêu Hồ Chủ tịch. Không có gì so sánh được lòng dân Việt Nam kính mến tin tưởng lãnh tụ Hồ Chí Minh. Nhiều nhà báo và nhiều bạn ngoại quốc rất lấy làm ngạc nhiên trước lòng kính yêu của nhân dân Việt Nam đối với vị Cha già Hồ Chí Minh. Nhưng đối với chúng ta, người Việt Nam thì rất dễ hiểu."

Còn nhiều, rất nhiều "hạt ngọc châu" như thế nữa! Nhưng thôi, nhân tiện nói qua thế, chứ

mục đích người viết bài này không phải để nói về cuốn sách "Những mẩu chuyện...", mà để bổ sung thêm vài nét vào bức chân dung của ông Hồ Chí Minh nhân dịp tháng 5, kỷ niệm ngày sinh "của Người," dù biết tỏng tòng tong là cả ngày, cả tháng, cả năm sinh "của Người" đều là "phịa" (xin cho phép tôi dùng khẩu ngữ này, có nghĩa là bịa đặt trắng trợn), và thậm chí trong một thời gian nhiều năm, cả ngày chết "của Người" cũng là "phịa" nốt. Cố nhiên, trong trường hợp sau, "Người" không có lỗi. Nhưng, một con người mà ngày sinh, tháng sinh, năm sinh, cho đến ngày chết đều là "phịa" cả, thì có gì bảo đảm là "những mẩu chuyện" tự kể về mình lại là không "phịa"? Nhưng dẫu sao chăng nữa, tháng 5 cũng là có dịp để "tưởng nhớ tới Người"! Vài "mẩu chuyện" mà tôi sắp kể đây là những chuyện về Chủ tịch Hồ Chí Minh có liên quan đến "vấn đề phụ nữ" (dĩ nhiên, không phải vấn đề giải phóng phụ nữ đâu!), và không phải là thời kỳ ông ở Pháp, Nga, Trung Quốc (vì đã có khá nhiều bài báo viết về những thời kỳ đó rồi). "Những mẩu chuyện" này thuộc thời kỳ ông ở Việt Nam, và cũng chỉ vẻn vẹn trong vài năm thôi, sau khi chính quyền cộng sản tiếp thu những "vùng tạm chiếm" của Pháp ở miền Bắc.

Một án mạng xe cán

Sau khi rời Hà Nội đi Moskva, theo học ở Trường đảng cao cấp của Trung ương đảng cộng sản Liên Xô hồi năm 1962, và nhất là sau khi tôi đã ra khỏi hàng ngũ đảng cộng sản hồi đầu tháng 6 năm 1964, trong lòng tôi luôn luôn bị ám ảnh bởi một câu chuyện mà càng ngày tôi càng thấy rõ có cái gì đây đầy oan khuất, đầy mờ ám, rất là nghiêm trọng, mà bây giờ ở ngoài nước, trong hàng chục năm, lắm lúc tôi cảm thấy bó tay không thể nào tìm hiểu được. Chuyện thế này: hồi cuối những năm 50 đầu những năm 60, tôi là phó chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố Hà Nội, thường ngày tôi xuống các cơ sở. Nhưng sáng hôm đó, tôi nhớ là vào đầu xuân, tôi phải đến thường trực tại Ủy ban, thì anh Nguyễn Quốc Hùng, ủy viên trong Ủy ban, phụ trách văn phòng, bước vào phòng tôi, hồi hộp nói: "Báo cáo anh có một việc xảy ra, có một người đàn bà bị xe ô tô cán ở đoạn đường Nhật Tân phía đi lên Chèm..." Tôi đưa mắt nhìn Quốc Hùng, có vẻ hơi ngạc nhiên, nhưng không nói gì. Ngạc nhiên vì trong óc tôi thoáng một ý nghĩ, xe ô tô cán người ở Hà Nội chẳng phải là chuyện gì hiếm, sao anh ấy lại báo cáo với mình. Tôi im lặng chờ đợi. Quốc Hùng nói tiếp: "Nhưng mà, anh ạ, theo sự điều tra thì không phải là xe cán người, mà làm ra vẻ xe cán người..." Dừng lại một lúc, anh nói thêm: "Mà... theo báo cáo thì chiếc xe ấy lại chạy từ Chủ tịch phủ ra..." Mấy tiếng cuối cùng "từ Chủ tịch phủ ra" đã gây cho tôi một cảm giác thật mạnh. Nhưng lúc đó, thật ra, tôi không hề có mảy may ý nghĩ là việc này có liên quan gì đến vị Chủ tịch nước mà hồi đó, tôi chân thành kính yêu và tin tưởng. Một ý nghĩ thoáng qua trong óc: hay là bọn phục vụ ở Chủ tịch phủ đã làm bậy bạ cái gì đây với chị kia, rồi giết đi và bày trò cán xe? Suy nghĩ một lúc, tôi nói: "Theo quyết định của Trên, mọi vấn đề thuộc về công an, tòa án thì do bí thư Thành ủy giải quyết, nhất là những chuyện có dính dấp đến Trên, việc này không thuộc thẩm quyền của Ủy ban hay Thành ủy, vậy hôm nay, anh đến gặp anh Tuyên báo cáo ngay anh ấy biết để anh giải quyết thì hơn."

Hôm sau, gặp lại, tôi hỏi thì Quốc Hùng cho biết: đã báo cáo rồi và anh Tuyên bảo anh sẽ trực tiếp làm việc với anh Thân (Lê Quốc Thân, hồi đó là giám đốc Sở công an Hà Nội, về sau được thăng chức thứ trưởng Bộ công an). Khoảng một tuần sau, nhân gặp Trần Danh Tuyên, bí thư Thành ủy kiêm phó chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố, tôi tranh thủ hỏi về

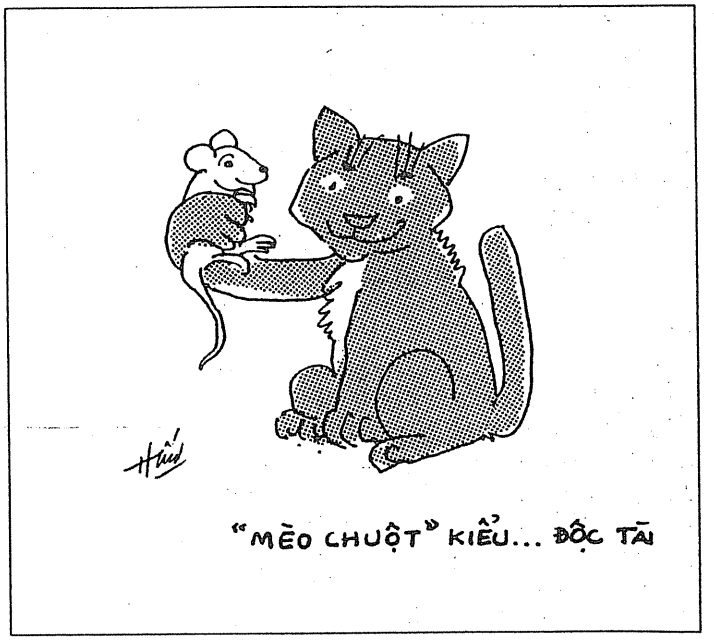

vấn đề đó, thì anh ta lạnh lùng gạt đi: "Thôi, việc đó xong rồi." Biết là không thuận lợi cho một cuộc trao đổi cởi mở, nên tôi im... Khi đã ở nước ngoài, trong nhiều năm tôi cứ băn khoăn mãi về chuyện đó.

Hồi tháng 7 năm 1993, khi gặp nhà văn Vũ Thư Hiên, một người "cùng cảnh ngộ," tức là cùng bị dính vào "vụ án xét lại - chống đảng," đã sang được Moskva, tôi mới đem chuyện đó kể ra. Hiên bật người lên, vui mừng ra mặt, dường như anh được thêm một người nữa biết cái chuyện "thâm cung bí sử" này và chuyện tôi kể cho anh lại một lần nữa xác nhận điều mà cụ thân sinh của anh, ông Vũ Đình Huỳnh, đã dặn dò anh. Hiên nói liền: "Nhưng không phải ô tô từ Chủ tịch phủ phóng ra đâu, anh ạ. Mà từ phố Hàng Bông Nhuộm đi lên Nhật Tân..." Tôi đáp lại: "Chính là Quốc Hùng nói với tôi thế!" Rồi Hiên thủng thẳng tâm sự với tôi: "Có một hôm, ông cụ tôi bảo tôi lên xe, chúng tôi đi lên Hồ Tây, rồi theo đường Quảng Bá đi lên đường Nhật Tân, chỗ làng đào, anh biết chứ?" Tôi trả lời theo kiểu dân Bắc: "Biết quá đi, chứ lị! Từ 51, tôi phụ trách ngoại thành cơ mà." Yên trí là tôi biết rõ địa thế vùng này, anh kể tiếp: Dừng xe lại, hai bố con ra xe, ông cụ dẫn anh đến một đoạn đường, hình như một bên có rặng ổi, rồi bảo: "Con ơi, con nhớ những lời bố dặn đây! Tại đây, đánh dấu một vụ án mạng, một vụ oan khuất khủng khiếp mà Trần Quốc Hoàn (ủy viên Bộ chính trị, bộ trưởng công an) là chính danh thủ phạm. Con hãy ghi nhớ, khi có dịp thì nói lên sự thật..."

Câu chuyện đại để thế này: có một chị nữ thanh niên người Nùng ở Cao Bằng, tên là Nông Thị Xuân, được đưa đến "phục vụ" Bác Hồ, cô đưa em là Nông Thị Vàng và một cô em họ nữa về Hà Nội. Sau đó, cô Xuân đẻ cho Bác một đứa con trai, được đặt tên là Nguyễn Tất Trung, và còn có tin đồn, một đứa con gái nữa, tên là Nguyễn Thị Trinh... Thế rồi Trần Quốc Hoàn hiếp cô Xuân tại nhà phố Hàng Bông Nhuộm, sau đó giết chết, rồi bày trò xe ô tô cán người tại đường Nhật Tân để lấp liếm tội ác. Sau khi cô chị bị giết, cô em chạy về Cao Bằng, rồi cũng bị giết nốt để "bịt đầu mối," và người em họ cô Xuân cũng không thoát khỏi bàn tay đẫm máu của nó. Người yêu của cô Vàng đã viết thư tố cáo hung thủ.

Thật ra, những điều Vũ Thư Hiên kể tuy có rọi thêm vài tia sáng, nhưng vẫn chưa thỏa mãn được cái ý muốn tìm hiểu sự việc cụ thể của tôi, nên tôi vẫn tiếp tục cố làm sáng tỏ vấn đề này. Những năm gần đây, nhờ việc đi lại của người trong nước sang Nga được dễ dàng hơn, nên vài người đã kể cho tôi thêm những chi tiết rất có giá trị, bổ sung cho những điều tôi đã biết. Nhưng tất cả những điều đó chỉ là nghe lại của người này, người khác, không có chứng cứ nào, không có tài liệu cụ thể nào xác minh, giúp cho tôi được vững tin. May mắn là mới đây có một người quen cho tôi xem một tài liệu với nhiều chi tiết cụ thể xác nhận về cơ bản những điều tôi đã tìm hiểu được trong những năm qua. Sau khi cẩn thận xem xét kỹ tài liệu đó, tôi có thể tin tưởng ở tính chất chân thật của nó. Tài liệu gồm có một bức thư dài năm trang đánh máy của người chồng chưa cưới của cô Vàng đã bị giết, viết ngày 29 tháng 7 năm 1983 gửi ông Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kèm theo một bức thư một trang của một số thương binh, bạn cùng chiến đấu với anh ta, không đề ngày (có lẽ là gửi cùng ngày?), gửi ông Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, đồng gửi ông Lê Duẩn, Tổng bí thư ĐCSVN, ông Phạm Văn Đồng, Chủ tịch HĐBT và ông Phạm Hùng, Phó Chủ tịch HĐBT, tố cáo hành vi tội ác của bọn hung thủ đã giết hại nhiều người vô tội. Nhưng có một điều rất "kẹt" cho tôi là anh bạn cho xem tài liệu lại dặn tôi đến hai lần "đừng công bố bản tài liệu," cho nên tôi không thể làm trái ý "người chủ" tài liệu.

Tuy nhiên, tôi mong rằng anh ấy sẽ nghĩ lại và tự anh hoặc nếu anh thấy không tiện cho mình thì giao cho một người nào khác sớm công bố toàn văn bản tài liệu đó để thực hiện ước nguyện của những người đã chết oan và của những người đã bất chấp nguy hiểm, "máu hòa nước mắt viết thư này" (lời trong thư). Phải nói rằng những người viết thư thật rất dũng cảm, đáng kính phục. Vì Chân Lý, người ta coi thường cái chết, khi viết những lời thật xót xa, đầy mai mỉa và thách đố đối với những kẻ cầm quyền và chế độ hiện tồn trong nước; những lời ấy vang lên như tiếng thét đau thương, ai oán, đã bị nhóm cầm quyền cộng sản dìm đi, bóp nghẹt trong hàng mấy thập niên rồi: "Chúng tôi, những thương binh đã đổ xương máu vì độc lập của quốc gia, tự do, công lý cho nhân dân, chúng tôi rất mong Ngài vì chân lý mà tìm ra hung thủ, xử lý thích đáng, treo cổ hung thủ công khai hoặc bí mật. Nếu trái lại, vì bè lũ, phải bao che cho hung thủ không trừng trị được bọn tàn ác này, thì chúng tôi xin phép Ngài phổ biến rộng rãi vụ bê bối này cho toàn thể thương binh và bộ đội biết để họ đổ xương máu bảo vệ NGAI VÀNG CỦA CÁC NGÀI. Và hơn nữa, chúng tôi sẽ tuyên bố vụ bê bối giết vợ

Cụ HỒ CHÍ MINH này cho toàn thế giới biết để cả nhân loại tin tưởng vào chế độ ưu việt của các Ngài. Chúng tôi một số thương binh sống dở chết dở, vì vấn đề này mà các Ngài muốn bỏ tù hay thủ tiêu, chúng tôi không hề sợ, và có khi như vậy lại đỡ khổ cho chúng tôi." (đúng nguyên văn, kể cả những chữ hoa).

Vụ cô Phương Mai

Viết đến đây, tôi nhớ đến Nguyễn Chí Thiện, đã liều mình, bất chấp mọi nguy hiểm, xông vào sứ quán Anh ở Hà Nội để đưa tập thơ của anh ra nước ngoài. Không có những con người gan dạ như thế, làm sao bảo vệ Chân Lý và chống lại điều ác được? Theo lời dặn của anh bạn, tôi không công bố toàn văn tài liệu đó. Nhưng những gì tôi tìm hiểu được trong mấy năm qua, nhờ sự giúp đỡ của anh chị em trong nước và được tài liệu kia xác nhận, tôi tự thấy mình có bổn phận chia sẻ với mọi người, cốt để làm sáng tỏ thêm sự thật đã bị che giấu 40 năm rồi và phần nào đáp ứng, dù là một cách quá muộn màng đi nữa, lòng mong mỏi cuối cùng của những oan hồn đang ngậm hờn ở thế giới bên kia. Hơn nữa, ngay ở trong nước, tờ báo bí mật, gan dạ Người Sài Gòn, "tiếng nói của nhân dân thêm tự do ngôn luận," năm ngoái cũng đã tung vấn đề này lên rồi trong bài "Viết cho Đào Duy Tùng." Và tôi tin chắc là nhà văn Vũ Thư Hiên cũng không thể bỏ qua chuyện này trong tập hồi ký "Đêm Giữa Ban Ngày" của anh. Có điều tôi muốn nói rõ là tội ác của bọn hung thủ đê tiện trong vụ thảm sát một loạt người này, tuy rùng rợn, khủng khiếp thật, nhưng lại không phải là đề tài chính của bài này, vì ý định của tôi chỉ là bổ sung thêm vài nét chân thực vào bức chân dung của vị Chủ tịch đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trước khi kể lại chuyện trên, tôi xin phép nói đến một chuyện khác, mới nghe thì thật tào lao, nhưng lại có thể giúp cho ta hiểu được nhiều điều. Nói chung, hồi đó, khi tôi còn ở trong nước, cán bộ ở miền Bắc (và có lẽ cả miền Nam nữa), ngay cả trong câu chuyện riêng tư, không hề dám hé răng nói bất kỳ chuyện gì về các lãnh tụ, ngoài những lời sùng bái, tán tụng, ngoài những khuôn sáo đã định sẵn, như "ơn Bác, ơn đảng," v.v... Sự sùng bái cá nhân các lãnh tụ đã được gieo cấy sâu đậm vào tiềm thức cán bộ và dân chúng đến nỗi mọi người cho rằng nói đến các lãnh tụ mà thiếu sự ca tụng, sự sùng kính, nhất là nói đến đời riêng của các lãnh tụ là điều "phạm húy" khủng khiếp, mà điều đó thì tối kỵ, trước tiên, vì... rất nguy hiểm cho bản thân. Chỉ có một số cán bộ cao cấp nào đó thỉnh thoảng khi cao hứng mới có thể tự cho phép "đả động" nhẹ nhàng đến các lãnh tụ trong chừng mực... "không bị đứt đầu." Cố nhiên, những việc như thế không phải là không nguy hiểm. Có một lần, tình cờ tôi được "dự" vào một cuộc "loạn đàm" như vậy. Hôm đó, sau một cuộc họp ở Thành ủy, mọi người ra về, chỉ còn lại ba chúng tôi: Trần Danh Tuyên, bí thư Thành ủy Hà Nội, Trần Vỹ, phó bí thư, và tôi. Đang nói chuyện linh tinh, bỗng Trần Vỹ hỏi khẽ: "Thế nào, việc Phương Mai đã xong chưa?" Trần Danh Tuyên đáp: "Không xong." Trần Vỹ nói tiếp: "Cô ấy cũng sạch nước cản đấy chứ, sao lại không xong?' Vui miệng, tôi cũng chêm vào một câu: "Sạch nước cản... thế mà tướng Nguyễn Sơn lại chê là ngực lép kẹp, ăn thua gì!" Cả ba cùng cười, rồi Trần Danh Tuyên hạ giọng nói rất khẽ: "Cô ấy muốn đặt vấn đề đàng hoàng, nhưng mà... Bác và các anh (ý nói Bộ chính trị) cho rằng Bác không lấy vợ thì lợi cho uy tín chính trị hơn."

Xin nói rõ chuyện như thế này: hồi đó, có ý kiến là ông Hồ cần có vợ để việc "giải quyết

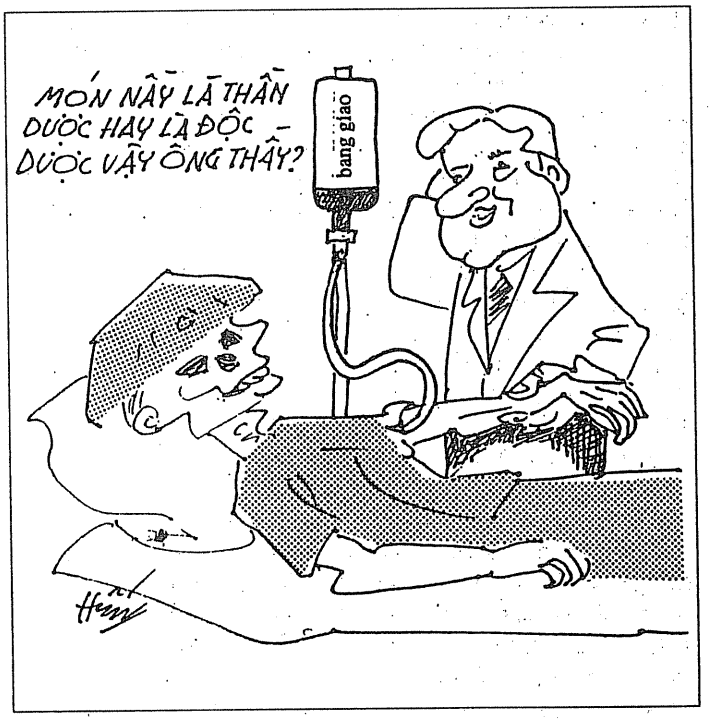

sinh lý" được điều hòa thì tốt cho sức khỏe. Và sau Hiệp định Genève 1954, người ta chọn một người "khá" nhất trong số nữ cán bộ trẻ, đó là chị Nguyễn Thị Phương Mai, tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Thanh Hóa và đưa chị từ Khu Bốn ra Hà Nội để tiến cử lên ông Hồ. Và như ta đã biết qua cuộc "loạn đàm," chị đặt vấn đề phải có hôn nhân đàng hoàng. Thế là... việc không thành. Rồi chị được bổ nhiệm làm thứ trưởng Bộ thương binh và ở luôn tại Hà Nội.

Cô Xuân bị giết như thế nào?

Bây giờ xin quay trở lại câu chuyện những cô gái ở Cao Bằng. Theo những điều người ta kể cho tôi trong những năm gần đây và được xác minh qua tài liệu đã xem thì có hai chi tiết hơi khác (các cô họ Nguyễn và cô Xuân chỉ có một con với ông Hồ), ngoài ra, các chi tiết khác về cơ bản đều giống nhau. Sự việc cụ thể như sau: cô Nguyễn Thị Xuân (tên gọi trong gia đình là Sang) và em họ, cô Nguyễn Thị Vàng, 22 tuổi, quê làng Hà Mạ, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, cuối năm 1954, đã tình nguyện vào làm công tác hộ lý trong một đơn vị quân nhu. Được mấy tháng thì ủy viên Trung ương đảng, chủ nhiệm Tổng Cục Hậu cần Trần Đăng Ninh, gặp cô Xuân nói chuyện vài lần, rồi đầu năm 1955 cho xe đón cô Xuân về Hà Nội, "nói là để phục vụ Bác Hồ." Mấy tháng sau, cô Xuân cũng xin cho cô Vàng và cô Nguyệt (con gái của ông Hoàng Văn Đệ, cậu ruột của cô Xuân) về Hà Nội ở trên gác nhà 66 Hàng Bông Nhuộm. "Vì các vị lãnh đạo không cho chị Xuân ở cùng với Bác trên nhà Chủ tịch phủ, giao cho ông Trần Quốc Hoàn, bộ trưởng Bộ công an, trực tiếp quản lý chị Xuân, cho nên chị Xuân mới được đem về 66 Hàng Bông Nhuộm, nhà của công an. Cuối năm 1956, chị Xuân sinh được một cậu con trai. Cụ Hồ đặt tên là Nguyễn Tất Trung.

"Em có nhiệm vụ bế cháu," đấy là lời Vàng kể lại cho người chồng chưa cưới của mình trước khi cô bị giết. Và cũng nhờ Vàng đã kể lại, nên chúng ta biết được những sự việc sau đây. Khoảng mồng 6, mồng 7 tháng 2 năm 1957, Trần Quốc Hoàn đến, nói chuyện vu vơ một lúc, rồi giở trò... kéo cô Xuân vào cái buồng xép, định hãm hiếp. Cô Xuân ú ớ la lên. Vàng hoảng sợ tru tréo, còn Nguyệt khiếp sợ quá co rúm lại ngồi ở trong góc. May lúc đó có tiếng cửa sổ nhà dưới xô sầm vào tường, Hoàn sợ, bỏ cô Xuân ra, rút súng lục ra dọa: "Chúng mày im mồm, không ông cho chết hết." Rồi xuống thang, ra ô tô chuồn. Mấy hôm sau, Hoàn lại đến, lên gác, đi thẳng vào phòng, ôm ghì cô Xuân hôn. Cô Xuân xô nó ra: "Không được hỗn, tôi là vợ ông Chủ tịch nước." Nó nói: "Tôi biết bà to lắm, nhưng tính mạng bà nằm trong tay tôi." Rồi lấy súng dí vào ngực cô Xuân, nó rút ra sợi dây dù đã thắt sẵn thòng lọng tròng vào cổ cô Xuân kéo cô lên giường, tự tay lột hết quần áo, ngấm nghía, rồi hiếp cô. Cô Xuân xấu hổ lấy tay che mặt. Nó kéo tay cô và nói: "Thanh niên nó phục vụ không khoái hơn ông già, lại còn vờ làm gái."

Từ đó cô Xuân trở thành thứ đồ chơi trong tay Hoàn. Nó bảo cô Xuân dặn cho hai em phải biết câm cái miệng, nếu bép xép thì mất mạng cả lũ. Mấy chị em lúc bấy giờ rất sợ bị giết, bàn nhau. Vàng đề nghị mấy chị em trốn đi thì cô Xuân nói: "Sau ngày sinh cháu Trung, chị thưa với Bác: bây giờ đã có con trai, xin Bác cho mẹ con ra công khai. Bác nói: cô xin như vậy là hợp tình hợp lý. Nhưng phải được Bộ chính trị đồng ý, nhất là mấy ông Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt đồng ý mới được. Do đó cô đành phải chờ một thời gian nữa... Mấy tuần trước, Bác lại hỏi chị: các cô ở đây có nhiều người lạ mặt tới thăm phải không? Chị thưa: ba chị em không có ai quen biết ở Hà Nội, còn bà con ở Cao Bằng thì không có ai biết chị em ở đâu. Bác nói không nhẽ ông bộ trưởng công an nói dối? Chị suy nghĩ mãi mới thấy rõ, nó muốn vu cáo chị em ta liên hệ với gián điệp hoặc đặc vụ gì đó, để định kế thoát thân nếu việc của nó bị bại lộ. Bây giờ ta trốn cũng

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Trân trọng mời quý thân hữu tới dự buổi

RA MẮT SÁCH

của

VIỆT PHƯƠNG

với hai tác phẩm

Dấu Chân Rết Trên Khuôn Mặt Buồn

và **Trong Khu Vườn Rêu Cũ**

tại Phòng Sinh Hoạt VAALA
11022 Acacia Parkway #A,
Garden Grove, California
vào hồi 2 giờ chiều
thứ Bảy 19 tháng Tư 1997

- Tiếp tân
- Văn nghệ nhẹ
- Ký lưu niệm trên sách

Liên lạc: VAALA (714) 537-8352 (ông Vũ Duy Tự)

không làm sao thoát tay nó, mà nó còn vu cáo giết hại anh chị em chúng ta. Chị bị giết cũng đáng đời, chỉ rất hối hận đã xin hai em về đây để chịu chung số phận với chị."

Đến ngày 11 tháng 2 năm 1957, vào bảy giờ tối, một chiếc xe com măng ca thường đón cô Xuân lên gặp ông Hồ đỗ trước nhà. Tên Ninh, biệt danh là Ninh Xồm, bảo vệ viên của ông Hồ, vào gặp cô Xuân nói "lên gặp Bác." Cô Xuân mặc quần áo, xoa nước hoa rồi ra xe. Xe do Tạ Quang Chiến (tên này trong đội bảo vệ ông Hồ, về sau làm tổng cục phó Tổng cục Thể dục thể thao) lái đi. Sáng hôm sau, 12 tháng 2, một nhân viên công an Hà Nội đến báo tin cô Xuân bị chết vì tai nạn ô tô, hiện còn để ở nhà xác bệnh viện Phú Doãn. Vàng vội vã đưa cháu Trung cho Nguyệt bế, lên xe công an vào bệnh viện, nhưng không được vào nhà xác. Chờ độ một tiếng sau thì có người bác sĩ ra đọc biên bản, đại ý: trên thân thể tử thi không có thương tích gì, cũng không phải bị đánh chém gì. Mổ tử thi, trong lục phủ ngũ tạng cũng không có thương tích gì, dạ dày không có thuốc độc, tử cung không có tinh trùng, chứng tỏ không bị hiếp dâm. Duy chỉ có xương đỉnh đầu bị rạn nứt, nước nhờn chảy ra. Bác sĩ nói: đây có thể là nạn nhân bị trùm chăn lên đầu, rồi dùng búa đánh vào giữa đỉnh đầu. Vàng nghe xong chạy về kể lại cho Nguyệt. Hai chị em cùng khóc...

Ít lâu sau, một cán bộ công an đến bế cháu Trung đi, hai chị em không biết đem đi đâu. Sau đó, Vàng được đưa đi học lớp y tá của Khu tự trị Việt Bắc ở Thái Nguyên, còn Nguyệt thì Vàng không biết người ta đưa đi đâu, sống chết ra sao. Học được mấy tháng thì Vàng được chuyển về bệnh viện Cao Bằng và may mắn được gặp người chồng chưa cưới ở đây, kể hết mọi chuyện cho anh nghe. Cô nói với người yêu: "Em nghĩ anh chỉ bị thương nhẹ, anh còn sống được lâu, anh sẽ nói rõ cho toàn dân biết vụ bê bối này. Còn em thì chắc chắn sẽ bị chúng giết, vì em đã nói vụ này cho nhiều chị em bà con biết. Bọn hung thủ còn theo dõi em. Ở Cao Bằng, có hôm em còn thấy thằng Ninh Xồm tới gặp ông bác sĩ bệnh viện trưởng, được ít lâu họ tuyên bố em bị thần kinh, được chuyển về điều trị tại bệnh viện Hòa An."

Đây là lời người yêu, chồng chưa cưới của cô Vàng: "Tôi chỉ được gặp Vàng có một tháng. Đến ngày mồng 2 tháng 11 năm 1957, cô Vàng về thăm ông cậu Hoàng Văn Đệ, hung thủ đi theo, giết chết, rồi quẳng xác xuống sông Bằng Giang, đến ngày mồng 5 tháng 11 mới nổi lên ở Hoàng Bồ. Được tin, tôi chạy về cầu Hoàng Bồ, thì thi hài đã được kiểm nghiệm và chôn cất rồi. Nghe dư luận bàn tán, cô bị đánh vỡ sọ, tiền, đồng hồ vẫn còn nguyên và người nhà đã nhận về chôn cất. Vụ này nhiều người bị giết: cô Xuân vợ Cụ Hồ Chí Minh, cô Vàng vợ chưa cưới của tôi, cô Nguyệt, còn nhiều người ở trường y tá Thái Nguyên, nghe chuyện Vàng đi nói chuyện lại cũng bị giết lây. Mấy chục năm nay, tôi tím gan thắt ruột nghĩ cách trả thù cho em tôi, nhưng sức yếu thế cô, đành ngậm hờn chờ chết... "

Những câu hỏi về Hồ Chí Minh

Còn về cháu bé Nguyễn Tất Trung thì sau khi mẹ chết, nó được gửi cho ông Nguyễn Lương Bằng nuôi, độ 4-5 tuổi thì chuyển cho ông Chu Văn Tấn, đến năm 13 tuổi là năm 1969, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh mất thì giao về cho ông Vũ Kỳ, nguyên thư ký riêng của ông Hồ, làm con nuôi và đổi họ thành Vũ Trung. Tôi xin phép bỏ qua những tình tiết khác và dừng lại ở đây, vì đến đây, cũng đủ để có thể rút ra vài kết luận sơ bộ có liên quan đến đề tài cần nói:

1) Tôi luôn luôn nghĩ rằng không nên "xoi mói" vào đời tư của người khác, kể cả đời tư của các lãnh tụ. Việc các lãnh tụ có vợ, có con là chuyện rất thường tình. Ông Hồ, cũng như bất cứ ông lãnh tụ nào khác, cũng như bất cứ người nào khác, đều có thể có cuộc sống tình dục, cuộc sống gia đình, có thể có vợ, có con, có thể ly dị với vợ, rồi lại lấy vợ khác... Những điều đó không ai nên can thiệp đến. Thậm chí, dù cho ông lãnh tụ nào đó có vợ rồi, lại đi ngoại tình, "cặp bồ" với ai đó, như trường hợp Lenin, hay vợ sờ sờ ra đấy mà vẫn ngang nhiên ngủ với gái, hết cô này đến cô khác, như trường hợp Mao Trạch Đông, hay đi hoang, rồi có con với người khác, như trường hợp Karl Marx, (những ví dụ này tôi không nói vu vơ, các sử gia và các nhà báo đứng đắn trên thế giới đã viết quá đủ,

* Hai chàng tuổi trẻ trong quán ăn nhìn thấy hai cô gái xinh đẹp ở bàn bên cạnh. Hai chàng ra chiều thích thú. Một người đề nghị:

"Hay là ta mời hai cô ấy sang bàn mình?"

"Đồng ý, nhưng hãy chờ một lát..."

"Chờ gì?"

"Chờ họ trả tiền xong xuôi đã."

* "Làm thế nào anh ta biết dích xác ngày giờ anh ta sẽ chết?"

"Quan tòa cho anh ta biết."

với những bằng chứng không thể chối cãi) thì cũng đáng phê phán đấy, nhưng cũng chẳng sao cả, trời không vì thế mà sập được! Chỉ có cái đầu óc ngu muội, phong kiến của cái đám lãnh đạo cộng sản kênh kiệu, tự coi mình là "trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại" hay là "đỉnh cao trí tuệ loài người," mới nghĩ rằng phải tô vẽ cho lãnh tụ thành một ông thánh sống, chí ít là một con người siêu phàm, không vợ không con... thì càng thêm uy tín chính trị. Thế rồi cứ giấu kín cuộc đời riêng tư của các lãnh tụ như là bí mật quốc gia số một, hễ ai động khẽ đến là trừng trị tàn nhẫn. Đấy, cái vụ vừa qua đảng "xử trí kỷ luật" một cách thô bạo đối với Kim Hạnh, tổng biên tập báo Tuổi Trẻ, chỉ vì báo đó dám nói sơ sơ chuyện ông Hồ có vợ hồi ở Trung Quốc, là một chứng minh cho cái đầu óc ngu dốt, độc đoán, lố bịch của cái đám ấy. Lẽ cố nhiên, cách xử sự của người đàn ông đối với phụ nữ, đối với vợ con phản ánh toàn bộ tư cách, phẩm chất, đạo đức của con người, và điều đáng nói, đáng xem xét đối với các lãnh tụ chính là ở đó.

2) Theo tôi, các cô gái Cao Bằng, cũng như anh chồng chưa cưới của cô Vàng cùng các thương binh bạn chiến đấu của anh đều rất ngây thơ, tưởng là ông Hồ định lấy cô Xuân làm vợ thật, tưởng cô Xuân là vợ của ông Hồ thật. Khách quan mà xét, ông Hồ không muốn có vợ đàng hoàng, ông chỉ muốn giữ cái "uy tín chính trị" hão của "bậc siêu nhân," ông chỉ muốn được "tiếng" vì dân vì nước đến nỗi suốt đời không mơ tưởng đến chuyện vợ con. Và điều này nói ra chua xót thật, nhưng không thể không nói: cô Xuân chỉ là món đồ chơi trong tay ông mà thôi. Cô Xuân được đưa về Hà Nội là để "phục vụ" ông Hồ, cũng như bao nhiêu cô gái Trung Quốc đã được đưa đến Trung Nam Hải để "phục vụ" ông Mao (Xem hồi ký "Tôi là bác sĩ riêng của Mao" của Lý Chí Tuy). Mồm ông Hồ nói nào là giải phóng phụ nữ, nào là chống tư tưởng phong kiến, tôn trọng phụ nữ, v.v... thế nhưng ông đã hành xử với phụ nữ cực kỳ phong kiến, coi phụ nữ chẳng khác gì món đồ chơi. Nhận xét như thế hoàn toàn không có tính chất vũ đoán, vì thử hỏi:

a. Nếu coi cô Xuân là vợ thật, tại sao ông lại không để cô ở chung tại ngôi nhà riêng của ông ở trong khuôn viên Chủ tịch phủ, mà bắt cô phải ở riêng mãi tận nhà 66 Hàng Bông Nhuộm, (ai biết rõ Hà Nội thì dễ dàng hình dung được khoảng cách) là nhà của công an, lại phải chịu dưới sự quản lý trực tiếp của bộ trưởng công an Trần Quốc Hoàn và chỉ khi nào ông cần "được phục vụ" thì cho xe đón cô lên Chủ tịch phủ mà thôi? Trong những năm đó, ông Hồ chưa đến nỗi thất thế tới mức phải để cho Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt có thể can thiệp vào cuộc sống tình cảm của ông như vậy, có thể khống chế ông như vậy. Ông đường đường là lãnh tụ tối cao, là Chủ tịch đảng, cơ mà!

b. Nếu ông coi cô Xuân là vợ thật thì khi cô đẻ con trai rồi, tại sao ông vẫn để hai mẹ con ở riêng tận 66 Hàng Bông Nhuộm và khi mẹ nó chết rồi, ông không đem con về nuôi, mà lại đưa cho người này, người khác nuôi cho đến khi thằng bé lên 13 tuổi, là năm ông qua đời, thì "người ta" (cũng khó biết được là ai, Bộ chính trị hay là theo lời dặn của bố đẻ đứa bé?) lại giao nó cho Vũ Kỳ làm con nuôi? Và xin các bạn chú ý, Vũ Kỳ đã (chắc chắn là anh ta không bao giờ dám tự ý) đổi họ thằng bé thành Vũ Trung, xóa mọi dấu vết tội lỗi của một ông họ Nguyễn Tất! Ở đây, khách quan mà nói, dường như ông Hồ không có chút tình thương yêu nào đối với đứa con đẻ của mình. Một người như vậy làm sao có thể thương yêu trẻ con người khác được?

3) Theo tôi, thật khó mà bác bỏ ý kiến cho rằng từ đầu đến cuối, ông Hồ cùng đám cận thần của ông, những ủy viên Trung ương, ủy viên Bộ chính trị, đã đánh lừa tệ hại cô Xuân, một cô gái quê ngây thơ ở miền núi, làm cho cô tưởng lầm ông định lấy cô làm vợ thật. Khi có con với ông rồi, cô xin cho hai mẹ con "được ra công khai" (chắc ý nói hợp thức hóa) thì một mặt ông làm ra vẻ thông cảm, thừa nhận yêu cầu đó là hợp tình hợp lý, nhưng mặt khác ông lại chỉ vào các ông trong Bộ chính trị mà nói là các ông kia có quyền quyết định chứ không phải ông, phải chờ ý kiến của các ông kia, làm như ông không phải là "lãnh tụ tối cao," không phải là Chủ tịch đảng, làm như ông ở dưới quyền mấy ông kia trong Bộ chính trị. Rồi ông còn khuyên nhẹ nhàng: "Cô đành phải chờ một thời gian nữa!" Và thật tội nghiệp cho cô Xuân, cô đã chờ, chờ... đến khi bị giết!

4) Còn có nhiều điều khác mà trong tình hình hiện nay khó có thể tìm ra được lời giải đáp: Tại sao Trần Quốc Hoàn lại có thể có thái độ trắng trợn, đê tiện như thế đối với cô Xuân? Dù cô không phải là vợ chính thức thì cũng là "bồ" (nói theo lối nói thông thường hiện nay ở Việt Nam) của lãnh tụ, cơ mà! Sao y lại có thể to gan phạm thượng đến như thế? Hay là y đã thấy rõ tình thế bị "thất sủng" của cô Xuân, tức là cái thái độ không mặn nồng nào đó của ông Hồ đối với cô Xuân, nên mới bạo phổi làm chuyện bậy bạ đến thế? Hay là y đã biết một

quyết định nào đó... về cô Xuân, nên y nghĩ rằng "không xài thì phí của trời," trước sau rồi cô cũng chết?

Còn câu hỏi mà ông Hồ đặt ra cho cô Xuân về những người lạ mặt thường đến chỗ các cô phải không, có ý nghĩa gì? Có đúng là do bộ trưởng công an mớm cho ông hay không? Việc giết cô Xuân, cô Vàng, cô Nguyệt... là mưu đồ của cá nhân Trần Quốc Hoàn, hay là chủ trương của một tập thể, nếu là của một tập thể thì tập thể nào, và ông Hồ có được biết hay không? Trách nhiệm của ông Hồ, của Bộ chính trị Trung ương đảng, của Bộ công an, của Trần Quốc Hoàn trong việc này như thế nào? Khoảng thời gian từ khi cháu Trung được sinh ra (cuối năm 1956) đến ngày Hoàn tới dở trò hãm hiếp mẹ nó (mồng 6 hay mồng 7 tháng 2 năm 1957), cũng như từ ngày đó tới ngày mẹ nó bị giết (11 tháng 2 năm 1957) vì sao lại gần nhau đến thế? Điều đó có ý nghĩa gì? Vân vân và vân vân... Hy vọng là rồi đây, các nhà thám tử Maigrets tài giỏi nhất, các chuyên gia về tội phạm có thể góp ý, góp sức, giúp làm sáng tỏ nhiều vấn đề.

Hồ Chí Minh là một nhân vật lịch sử đã có ảnh hưởng rất lớn đối với vận mệnh đất nước và nhân dân Việt Nam trong nhiều thập niên của thế kỷ 20. Dù muốn hay không, không ai có thể phủ nhận điều đó. Nhưng, ảnh hưởng đó là tốt hay xấu, hay vừa tốt vừa xấu, tốt nhiều xấu ít, hay ngược lại? Công trạng của ông thế nào, tội lỗi của ông ra sao, chỉ có công không có tội, hay là chỉ có tội không có công, hay vừa công vừa tội? Ông là vị thánh nhân, là bậc siêu nhân, hay là kẻ phàm phu, hay là tên giả dối, bịp bợm? Ông là biểu tượng của đạo đức với trái tim nhân ái, hay là một kẻ vô luân, vô đạo với lòng dạ bất lương?.. Tất cả những câu hỏi đó đòi hỏi một sự nghiên cứu khách quan, cẩn trọng, sâu sắc, tỉ mỉ, toàn diện, và cuối cùng... phải chờ Lịch Sử cân lượng, phán xét, Lịch Sử được đúc kết từ muôn ngàn sự kiện chân thật. Nhận thức sâu sắc điều đó, người viết bài này không mảy may có tham vọng đánh giá cuộc đời của vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ý muốn nhỏ nhoi đã được nói ngay từ đầu, chỉ là để góp thêm vài "mẩu chuyện," qua đó người đọc có thể thấy thêm được vài nét chân thật trên bức chân dung hoành tráng, đồ sộ của ông mà giới cầm quyền cộng sản Việt Nam từ trước đến nay đã dày công tô vẽ.

Tiện đây, xin phép kể qua một chuyện ngoài lề có ý nghĩa. Hồi Vũ Thư Hiên còn ở Moskva, "người ta" dò biết là anh đang viết hồi ký, và hình như cũng đoán biết là anh có trong tay "những mẩu chuyện" nào đó. Thế là một hôm, "bọn trấn lột" người Việt đến nhà, chờ Hiên vào thang máy thì chúng ùa theo, đâm anh vào mông, giật chùm chìa khóa, rồi xông vào nhà. Chúng không đụng đến tiền bạc gì hết, mà chỉ tìm kiếm tài liệu và lấy các đĩa mềm máy tính, trong đó có phần hồi ký anh đang viết dở dang. Khi chúng đi rồi, Hiên gọi điện ngay cho tôi. Mấy hôm sau, anh lại báo tin rằng một tên gọi điện cho anh, bảo nếu muốn lấy lại đĩa mềm thì hãy "đến đấy, đến đấy" ở Moskva, mà theo lời anh, chỗ ấy là... ngôi nhà chung cư của cán bộ nhân viên sứ quán Việt Nam tại Nga. Hiên nói để trấn an tôi: "Cũng may là tôi đã dự phòng trường hợp này rồi. Anh yên tâm." Sau đó không lâu, Hiên đến nhà đưa cho tôi đọc 74 trang hồi ký của anh. Và một thời gian sau nữa, anh lặng lẽ rời khỏi nước Nga, tìm nơi khác an toàn hơn để "đậu"... Tôi kể chuyện này để thấy tính nhạy cảm cao độ của những-người-nào-đó đối với "những mẩu chuyện" không chảy theo luồng lạch của "lãnh đạo" và "người ta" sẵn sàng lao vào những hành động tội ác, điên cuồng, cực kỳ phiêu lưu, chỉ cốt để... bưng bít sự thật.

Nhưng, vì chân lý, lẽ nào chúng ta có quyền chôn vùi, hoặc để cho ai đó được phép chôn vùi sự thật? Trái lại, bằng bất cứ giá nào, phải tìm mọi cách để trả về cho Lịch Sử những sự kiện chân thật, khách quan, không bị tô vẽ, không bị bóp méo, để mọi điều, mọi người đều được đánh giá đúng đắn và công bằng. Công Lý đòi hỏi như thế!•

Ngày 10 Tháng Ba 1997

Hoàng Oanh
MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc - compact disc và video

- Băng nhạc quê hương
- Băng ngâm thơ
- Thánh Ca
- Video Ca nhạc

P.O BOX 9541
FOUNTAIN VALLEY, CA 92728
(714) 964-7591

NÊN TÌM HIỂU NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT NAM VỚI NHỮNG NHẬN THỨC MỚI

PHAN HƯNG NHƠN

Di sản sử liệu Việt Nam, nếu có thể được xem là chính xác thì cũng từ thời nhà Đinh và thời Thập Nhị sứ quân trở về sau vì có những ghi chép rõ ràng lưu lại; còn từ nhà Đinh trở về trước chỉ là những truyền thuyết mơ hồ hay những huyền thoại quái đản khó có thể tin được. Đã vậy, cũng có lắm người nghiên cứu sử đời nay khi tìm đọc những thư liệu về thời tiền sử lắm lúc phải phân vân không ít khi nhận thấy cội nguồn dân tộc vì dụng ý nào đó, đã bị xuyên tạc hay sửa đổi, nhưng sợ người đời hiểu lầm mình, nên ngại ngùng không dám nêu ra. Một số sử gia khi phải viết về thời kỳ tiền sử, khi nhắc đến nguồn gốc thần kỳ của dân tộc, tuy dè dặt không dám tin hẳn nhưng cũng không dám bác hẳn đành tiếp tục ghi là truyền thuyết.

Hiện nay trước nhu cầu của lớp thanh thiếu niên đang cần biết rõ cội nguồn chính xác của dân tộc, đã có nhiều học giả có thiện chí đã đem những biến cố đầy nghi vấn của thời tiền sử ra suy luận để có được những lập luận mà người nào cũng nghĩ rằng lập luận của mình là đúng. Nhưng vì khi suy luận, thay vì tìm hiểu trước nguồn gốc cũng như những nguyên do đã tạo ra nghi vấn, họ đã cố gắng giải thích những biến cố đó dựa theo những dự đoán riêng tư của họ, chớ không dựa theo thực tế lịch sử của biến cố, thành thử người đọc lại càng hoang mang khó hiểu hơn. Nhiều vị lại dẫn sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư *ra để chứng tỏ sự chính xác của lập luận mà quên rằng chính Ngô Sĩ Liên khi soạn sách đó đã có ghi "Cổ thuật kỳ cựu, dĩ truyền nghi yên" tạm kể truyện cũ để truyền lại điều nghi hoặc. Rốt cuộc chỉ tăng thêm hỏa mù vào lịch sử thời tiền sử đã tràn đầy quá nhiều huyền thoại.*

Giữa thời buổi khoa học tiến bộ hiện nay không lẽ con cháu chúng ta cứ mãi được ru ngủ bằng những luận cứ vu vơ mơ hồ?

Thế tại sao không thể có được những nhận thức mới để tìm hiểu sử liệu cùng những truyền thuyết bằng cách tận dụng những phương tiện của thời đại mới như nhân chủng học, ngôn ngữ học và nhất là khảo cổ học vì môn học này đã từng giúp người đời nay tìm tòi được những hiện vật của những nền văn hóa cũ chôn vùi trong lòng đất có khả năng phục hồi lại bộ mặt quá khứ của xã hội của thời mà loài người chưa biết ghi lại lịch sử của mình.

1. Đến ngày nay các ngành khoa học mới đã cho biết những gì?

a) Khảo cổ

Tài liệu khảo cổ xác nhận rằng ngay từ thời đại đá mới đã cộng cư trên lãnh thổ mà ngày nay được gọi là Bắc Việt nhiều loại hình nhân chủng mà chủ yếu là hai loại Indonésien-cổ và Australoménlanésien. Sau đó loại Australoménlanésien biến lần và chỉ còn lại loại Indonésien-cổ. Về sau quy mô những liên minh bộ lạc từ nhỏ ngày một lớn hơn và bao gồm nhiều bộ lạc khác. Sự hôn phối ngoại tộc ngày càng phát triển, dân số tăng mau là nguyên nhân sinh sản ra loại hình nhân chủng mới: loại Nam-Á tức là dân tộc KEO tổ tiên chính xác của dân tộc Việt Nam ngày nay. Dân KEO đã cư trú lâu đời ở vùng trung du và đồng bằng Bắc Việt từ những thời xa xưa của lịch sử. Vết tích cư trú của họ đã được các nhà khảo cổ phát hiện ra nhiều dọc theo lưu vực sông Hồng và sông Mã, đã chứng minh sự hiện diện của họ tại Bắc Việt hàng thiên niên kỷ trước Tây Lịch (cho đến thời khoảng 1945, 1950 nhiều tộc dân ở Tây-Bắc Bắc Việt vẫn còn gọi người Việt là người Keo).

b) Dân tộc học

Về tập đoàn huyết hệ thì huyết hệ người Việt Nam cũng thuộc về tập đoàn huyết hệ Nam-Á, có họ hàng huyết hệ với các cư dân nhiều đảo ở nam Thái Bình Dương.

Người Việt thời cổ có tục xăm mình. Danh xưng Văn Lang (nước của những người xăm mình) là một danh xưng gốc Hán ngữ có thể do người Hán đặt ra để gọi người xưa nước ta và

để phân biệt với người Tần, người Hán không có tục xăm mình. Vả lại tục xăm mình là đặc trưng của các dân tộc ở phương Nam.

Ngày xưa, người Việt và các bộ tộc Thượng đều có tục nhuộm răng. Người Hán cũng như về sau người Trung Hoa không có nhuộm răng và chính dưới thời bị kẻ thù phương Bắc đô hộ, người Việt ngày xưa đã dựa vào tục nhuộm răng để tự phân biệt với những dân gốc từ Trung Hoa.

c) Ngôn ngữ học

Tài liệu ngôn ngữ học xác nhận tiếng Việt có liên quan mật thiết với tiếng nói Môn-Khmer của những cư dân thời cổ từng cư trú lâu đời ở lãnh thổ Bắc Việt xưa. Trong tiếng Việt ngày nay vẫn còn tồn tại rất nhiều yếu tố ngôn ngữ Môn-Khmer, và vẫn còn giữ được ngữ pháp riêng tuy rằng sau gần ngàn năm bị đô hộ, trong ngôn ngữ Việt đã có thêm nhiều tiếng do ngôn ngữ Hán mà ra.

d) Văn hóa

Từ thời xa xưa tại lãnh thổ Bắc Việt đã có một nền văn hóa nông nghiệp khác với các dân Tần, Hán có nền văn hóa du mục. Người Việt-cổ chuyên trồng lúa nước cùng các cây lương thực: nói chung có một nền nông nghiệp tưới nước, trong khi các nước Tần, Hán có một nền nông nghiệp trồng khô. Người Trung Hoa cổ ở nhà hầm thì người Việt ở nhà sàn có mái cong, người thường mặc váy, đầu thì chít khăn trong khi người dân cư xưa trên lãnh thổ Trung Hoa không mặc váy nhưng đầu thì đội mũ.

Như vậy xét qua những chứng cớ của khoa khảo cổ, dân tộc học, ngôn ngữ học và văn hóa, có thể nói rằng những cộng đồng nhân chủng Australomélanésien và Indonésia-cổ từng cư trú ở Bắc Việt hàng thiên niên kỷ trước Tây Lịch và về sau có hội nhập thêm một thiểu số người loại Mongoloid đã được đồng hóa trước với người Australoid từ nơi khác đến, là những thành phần có cơ bản cấu thành dân KEO: tổ tiên của người Việt Nam ngày nay. Chính vì có nguồn gốc bản địa lâu đời như thế nên dân Việt Nam mới đã đủ thời gian cần thiết để hình thành ngữ hệ một cách ổn định để nhờ đó sau hơn ngàn năm Bắc thuộc vẫn giữ được bản sắc tiếng nói dân tộc.

2) Nhận thức về những truyền thuyết liên quan đến thời kỳ tiền sử

Những nhà nghiên cứu sử thường có thái độ dè dặt đối với các truyền thuyết, vì họ nghĩ rằng các truyền thuyết thường thiếu chính xác. Nhưng vào thời đại chưa có văn tự thì những biến cố lịch sử nếu có được ghi lại là chỉ trong các đời sau và cũng chỉ dựa vào truyền tụng từ đời trước để lại. Có giả thuyết nói rằng vào thời kỳ lập quốc, tổ tiên người Việt đã có văn tự, thư tịch, nhưng đến nay vẫn chưa ai tìm thấy các thư tịch của thời kỳ này vì thế trong việc tìm hiểu lịch sử thời tiền sử, các sử liệu của các truyền thuyết dân gian lại càng có tầm quan trọng.

Cho đến nay các sử gia đều có chung quan niệm rằng:

—Truyền thuyết về thời kỳ tiền sử nhắc đến một địa bàn hoạt động của *một tộc người đang hình thành*, chủ yếu quanh *vùng Tây, Tây Bắc đồng bằng Bắc Việt* và *Đông Đông Bắc Trung phần Việt Nam* ngày nay mà tài liệu khảo cổ tìm được ở những vùng này rất phù hợp với truyền thuyết. Khu vực có nhiều truyền thuyết nhất là các vùng Lâm Thao, Việt Trì, Tam Nông, Cẩm Khê, Thạch Thủy (tỉnh Phú Thọ). Bình Bát, Thạch Thành (tỉnh Sơn Tây) cùng Vĩnh Yên và Phúc Yên, cũng như tại khu vực kéo dài từ đuôi Tam Đảo xuống đến Phả Lại nghiêng dốc xuống tả ngạn sông Hồng, vòng sông Đuống ở phía Nam giáp sông Cầu, sông Thương ở phía Bắc. Điều đáng chú ý là những biến cố do truyền thuyết lưu lại đều xảy ra tại những địa danh ở những vùng rìa của lãnh thổ Bắc Việt. Không thấy một địa danh nào của truyền thuyết nhắc đến một vùng nào của lãnh thổ Trung Hoa cả.

— Truyền thuyết xác nhận dân tộc Việt Nam ngày nay có nguồn gốc lâu đời tại lãnh thổ Bắc Việt chớ không phải từ bên ngoài vào và vốn cùng chung nguồn gốc với các dân cư miền thượng du. Truyền thuyết của người Mường kể chuyện: "Xưa kia có một tổ chim nở ra hai anh em Chi Quyền Cháp và Chi Quyền Chợ tổ tiên của người Việt và người Mường." Dân thiểu số sống ở miền thượng du Bắc Việt cũng như dân Bờ Ru sống dọc Trường Sơn đều có truyền thuyết "Ngày xưa có thời mưa nhiều, nước dâng cao tàn phá tất cả chỉ còn lại một

* "Alô, anh có thấy cái cáo phó đăng tin tôi chết trên báo sáng nay không?"

"Có. Anh đang gọi cho tôi từ đâu vậy?"

* "Nha sĩ của anh có làm anh đau nhiều không?"

"Lần này thì không. Bà ta tính tiền rất phải chăng."

* Adam là người đàn ông duy nhất biết thưởng thức cảnh lá rụng.

trái bầu. Sau khi nước rút xuống đất khô ráo thì từ trong trái bầu lần lượt chui ra người Bờ Ru, người Mán, người Mường... người Kinh." Người Việt cổ cũng có truyền thuyết lưu lại nói rằng tất cả cư dân từng sống trên lãnh thổ Văn Lang đều từ cùng chung một buồng trứng trong bụng mẹ Âu Cơ sinh ra, nghĩa là cùng chung một mẹ cả.

Nói tóm lại sau khi nghiên cứu kỹ các truyền thuyết chúng ta có quan niệm rằng nguồn gốc của dân tộc là tại trong lãnh thổ Bắc Việt.

3.Thế thì tại sao lại có sách sử nói rằng người Việt có nguồn gốc từ Trung Hoa?

Sau khi thắng được hai Bà Trưng xong, Mã Viện cho áp đặt một thống trị tàn bạo. Các gia phả, tộc phả, di sản văn hóa đều bị tịch thu hay phá hủy. Về sau suốt gần ngàn năm bị đô hộ, các di tích lịch sử, tài sản văn hóa đều bị phá hủy hoặc đem về Trung Hoa, thâm ý không ngoài mục đích làm cho hậu duệ người Việt các đời sau lầm tưởng mình cũng dòng dõi nhà Hán, nghĩa là cùng có cội nguồn chung tại Trung Hoa.

Nhưng tai hại nhất là từ Mã Viện cho đến các thái thú đều đã cho áp dụng một chính sách nô dịch nặng nề về văn hóa tư tưởng. Họ đã lợi dụng Hán Nho để thống trị tư tưởng nhân dân Giao Chỉ.

(Không nên lẫn lộn Hán nho với Nho giáo. Nho giáo do Khổng Tử sáng lập, vào khoảng thế kỷ 6-5 tr.T.L. nhưng sau khi ông qua đời, học phái ông phân tán thành nhiều học phái nhỏ. Do nhu yếu "đại thống nhất" của vương triều mình, Hán Vũ Đế đã cho uốn nắn một trong những học phái nhỏ này lại, rồi nâng lên hàng độc tôn để từ đó trở thành ý thức hệ chánh thống của các vương triều phương Bắc. Theo Hán nho, mọi người phải thần phục "Thiên Tử," mọi dân tộc phải quy phục "Thiên triều." Lễ giáo, đạo đức đều xây dựng theo các nòng cốt của quan hệ cha-con, vợ-chồng, thầy-trò, để chỉ là những phụ lực cho cái rường cột đích thật là đạo vua tôi).

Như thế suốt gần ngàn năm đô hộ, Hán nho đã có đủ thời gian để thấm nhuần vào giới khoa bảng, đào tạo được lắm kẻ mà người xưa gọi là **"Nam nhân Bắc Hương:"** cái gì của Trung Hoa cũng là nhất, cái gì từ "thiên triều" đều vô song.

Đến thời kỳ nước nhà được tự chủ, Hán nho vẫn ảnh hưởng mạnh với ngành học vấn. Thậm chí đã có một tư tưởng nho gia nảy sinh từ đời Trần và phát triển mạnh dưới thời Lê, muốn cải biến văn hóa Việt theo văn hóa Trung Hoa. Các nhà nho Việt khi cần suy tư về văn hóa tư tưởng, vẫn lấy văn hóa văn minh Trung Hoa làm hệ thống qui chiếu. Dầu họ là người yêu nước nhưng khi muốn chứng minh nước mình là một nước văn hiến họ cũng chỉ nói được rằng *văn hiến nước ta bất dị Trung quốc* hoặc *vô tôn Trung quốc* (không khác hay không thua kém Trung Quốc). Tuy rằng họ đã có ý thức rõ rệt về độc lập chính trị và chủ quyền đất nước nhưng lại còn mơ hồ trong ý thức độc lập văn hóa. Họ không còn có một khái niệm nào rằng xa xưa trước thời Bắc thuộc, Tổ tiên của họ đã có một nền văn minh đặc sắc, khác hẳn văn minh Trung Hoa.

Trong hoàn cảnh nước nhà được độc lập, sử gia bắt tay vào viết sử. Những sử gia Việt đầu tiên này đang sống vào thời Trần, Lê, nghĩa là 15 và 16 thế kỷ sau thời lập quốc. Muốn viết sử nhưng lại không có sử liệu để viết. Trong dân gian còn lại chăng là một số truyền thuyết mà theo thời gian và không gian đã thay đổi quá nhiều. Là quan lại của các triều đình chịu nặng ảnh hưởng Hán nho, họ có bổn phận tăng bốc nguồn gốc các giới lãnh đạo thời lập quốc không ngoài mục đích để vinh sủng giới vua chúa đương thời. Vì tư tưởng *"bất dị Trung quốc"*, một số sử gia Việt xưa cố tạo huyền thoại về nguồn gốc các vua Hùng cũng vẻ vang như nguồn gốc thần thánh các vua thời Tam Đại ở Trung Hoa. Các danh xưng Đế Minh, Đế Nghi, Đế Lai đều đã dựa vào thế thứ của Thần Nông, Viêm Đế trong sử liệu Trung Hoa đời Đường, đời Tống. Sử gia Việt phỏng theo truyện Liễu Nghị ở sách *Đường Kỷ* để đặt ra chuyện Kinh Dương Vương lấy con gái vua Động Đình. Trong khi người Trung Hoa dùng danh xưng *"bách việt"* để chỉ khối người đang sống ở vùng mà ngày xưa người nhà Chu gọi là "nam man" (chữ bách ở đây có nghĩa là nhiều) thì sử gia của các triều đại Việt chịu nặng ảnh hưởng Hán nho lại chỉ muốn hiểu "bách" có nghĩa là "trăm" và Bách Việt theo họ là "trăm tộc Việt." Để gây sự đoàn kết giữa các bộ tộc hòng lập quốc, nơi đất tổ (Bắc Việt) đã có truyền thuyết lưu hành nói rằng*"dân mọi bộ tộc đều cùng chung từ một bọc trứng trong bụng Âu Cơ sinh ra* (ngày nay gọi là buồng trứng trong tử cung) lại bị sửa đổi thành huyền thoại phản khoa học.*Âu Cơ đẻ ra một bọc trứng sau nở thành trăm người con trai* để sau đó mới có đủ số trăm người để làm tộc trưởng trăm tộc Bách Việt của họ. Về thời gian này, biểu tượng của nguồn gốc của dân tộc là *Mẹ Âu Cơ* đang

bày cho con, cho dân đốt nương, trồng lúa trồng dâu ở miền Hạ Hòa và cha rồng Lạc đang đưa nửa số con từ Phong Châu xuống Châu Hoan để tranh giành giật với biển cả hòng mở rộng địa bàn sinh sống thì lại bị các sử gia kéo qua lưu vực sông Dương Tử ở Trung Hoa để làm cha mẹ trăm người con tộc trưởng trăm tộc Bách Việt, để từ đó nối lên được với Kinh Dương, Thần Nông.

4. Nhận thức về sách sử Trung Hoa

Các sử gia Việt đầu tiên đều thuộc các triều đại Trần, Lê, nghĩa là gần 15 hay 16 thế kỷ sau thời kỳ lập quốc và sau suốt ngàn năm đô hộ. Không có sử liệu từ trong nước các sử gia Việt xưa liền tham khảo sách sử Trung Hoa. Sách sử Trung Hoa tuy xưa hơn sách Việt, nhưng cũng chỉ được viết sớm nhất là vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc, khoảng gần *năm thế kỷ* sau thời Văn Lang lập quốc.

Do ảnh hưởng của Hán nho, một số sử gia Việt có một sự tin tưởng gần như mê tín với sách sử Trung Hoa nên không ít đã cho rằng điều gì có nói trong thư tịch Trung Hoa đều đúng cả. Nhưng theo các nhà nghiên cứu sử đời nay, sử liệu Trung Hoa nếu có thể được xem là chính xác chăng cũng chỉ từ năm 900 trước Tây Lịch trở về sau. Thông thường khi viết sử, các sử gia thường phải dựa theo các tài liệu thu thập theo lối *"sở kiến"* (điều mắt thấy", *sở văn* (điều tai nghe), hoặc *sở truyền* (điều nghe kể lại). Liên quan đến một nước Văn Lang có trước họ gần năm sáu thế kỷ, sử liệu của các sử gia Trung Hoa thâu lượm được đều do lối *"sở truyền"* mà phần nhiều đã bị "tam sao thất bản." Họ lại không am hiểu về địa lý các lãnh thổ miền nam Trung Hoa, nên trong sách học thường có những lầm lẫn như địa danh nước này thì ghi lộn qua nước kia hoặc biến cố xảy ra ở nước kia thì lại ghi qua nước nọ. Các sử gia Việt xưa cứ sao chép nguyên văn sách sử Trung Hoa, vô tình đem những sai lầm đó vào sử Việt.

Đối với sách sử xưa của Trung Hoa, về hình thức cũng như về nội dung cũng có rất nhiều nghi điểm nên trải qua các triều đại Đường, Tống, Nguyên, Minh, nhiều bộ sách đã phải được chỉnh lý và chú giải lại. Sách *Sử Ký* của Tư Mã Thiên đã được Từ Quãng đời Tấn, Tư Mã Trinh và Trương Thủ Tiết đời Đường, Bùi Ẩn đời Tống và nhiều sử gia khác di khảo lại thế mà đến nay vẫn chưa hết sai lầm. Sách *Thủy Kinh Chú* đã được các học giả đời Tống, đời Minh đời Thanh kế tiếp nhau khảo đính lại, thế mà đến ngày nay vẫn còn nhiều điểm đáng ngờ.

Sử liệu Việt trong các sách sử Trung Hoa đều rải rác thưa thớt mỗi nơi một ít và khi viết sử gia Trung Hoa tất nhiên đã viết theo "lối nhìn của người Trung Hoa," vì vậy không thể tránh được lắm xuyên tạc lịch sử.

5. Nhận thức về sách sử Việt ngày xưa:

Sống sau thời lập quốc gần 16 thế kỷ và thời gian dài quê hương bị kẻ thù phương Bắc đô hộ, các sử gia Việt muốn viết sử nhưng không có sử liệu để viết đành phải sử dụng những truyền thuyết còn lưu hành trong dân gian, hoặc những huyền thoại từ thời xưa để lại hoặc tham khảo những sách vở Trung Hoa. Là quan lại của triều đình chịu nặng ảnh hưởng Hán nho đương thời, họ đã phải viết theo cùng chiều hướng lập trường của các triều đình này.

Những sách sử Việt xưa như *Đại Việt Sử Lược*, bộ biên niên sử xưa nhất nước Việt và sách *Đại Việt Sử Ký* của Lê Văn Hưu cũng đều bị thất lạc hoặc có còn đi nữa thì cũng được lưu trữ trong Tứ Khố Toàn thư ở Trung Hoa. Ngày nay phần nhiều các nhà nghiên cứu sử chú ý đến các sách *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên viết vào năm 1329, sách *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp viết vào đầu thế kỷ 14 và sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Ngô Sỹ Liên viết vào thời Lê.

Tác giả *Việt Điện U Linh Tập* đã dựa vào những sách như *Giao Chỉ Ký, Báo Cực Truyện* (không rõ tác giả), *Giao Châu Ký* của Triệu Quang Phục đời Đường, *Ngoại Sử Ký* của Đỗ Thiện đời Lý cùng những truyện linh thiêng trong nước. Sách *Việt Điện U Linh Tập* chỉ là một sưu tập về thần tích mặc dầu Lý Tế Xuyên phần nào đã dựa vào sử để viết truyện. Sách *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp cũng chỉ là một sách sưu tầm truyện cổ chớ không phải là sách sử. Ngoài các truyện truyền khẩu lưu hành trong dân gian, Trần Thế Pháp đã dựa theo sách *Tài Ký Quỹ* của Trương Quang Phòng

* Eve là người phụ nữ duy nhất có chồng mà không có mẹ chồng. Đó là lý do nơi Ave sống được gọi là Thiên Đàng.

* Tôi thường thắc mắc không biết tại sao người Anh lại thích uống trà, cho tới khi tôi uống thử cà phê của họ.

* Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng, cho đến khi người đàn ông lớn lên và... lấy vợ.

đời Tống, *Nam Hải Cổ Tích* của Ngô Lai đời Nguyên v.v... Điều đáng lưu ý là khi kể về họ Hồng Bàng thì hình như tác giả muốn cố gắng xây dựng một bức tranh mô tả cuộc sống của giai đoạn lịch sử này hơn là để kể một câu chuyện bình thường lưu hành trong dân gian. Cũng nên lưu ý là hiện nay không tìm đâu thấy được nguyên bản các sách *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên và *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp. Những sách mà ngày nay còn được lưu hành chỉ là những bản mà Vũ Quyền và Kiều Phú theo lệnh triều đình đương thời, đã hoàn toàn sửa lại nội dung cho phù hợp với tư tưởng Hán nho; khi biên soạn lại về họ Hồng Bàng có thể Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã mượn thêm nhiều yếu tố của truyền thuyết Trung Hoa để ghép vào các truyền thuyết dân gian Việt hòng cố gắng tạo chung cho vua chúa Việt một nguồn gốc thần kỳ mà họ cho rằng không thua kém gì cội nguồn Hán tộc. Vì vậy có thể họ đã phỏng theo truyện Liễu Nghị ở sách *Đường Kỷ* để tạo ra chuyện Kinh Dương Vương lấy con vua Động Đình hoặc dựa vào thế thứ của Thần Nông Viêm Đế trong sử Trung Hoa đời Đường đời Tống để tạo ra những nhân vật Đế Minh, Đế Nghi, Đế Lai. Việc dựa theo một ít sử liệu không rõ ràng để viết truyện của Vũ Quỳnh và Kiều Phú ngày xưa cũng không khác gì việc các tác giả đời nay thường dựa vào sử liệu để viết tiểu thuyết lịch sử theo óc tưởng tượng của họ.

Sang đến đời Lê, khi Ngô Sỹ Liên đem những yếu tố hoang đường của sách *Lĩnh Nam Chích Quái* vào sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của ông, người ta nghĩ rằng ông đã đưa những sai lầm ở địa hạt văn học dân gian vào địa hạt lịch sử. Thông thường người ta chỉ dựa vào vài đoạn sử liệu để tùy hứng theo óc tưởng tượng của mình mà viết những tập gọi là lịch sử tiểu thuyết chứ không ai dựa vào tiểu thuyết lịch sử để viết lịch sử vì như thế sử liệu sẽ không chính xác. Tuy biết những chuyện ông ghi vào sách đó có vẻ hoang đường nhưng có thể Ngô Sỹ Liên đã không dám gạt bỏ vì trong lúc đó không có sử liệu nào khác liên quan đến giai đoạn thời lập quốc. Vả lại, với tinh thần trách nhiệm của một sử gia ông có bổn phận ghi chép tất cả vì nghĩ rằng **cứ lưu truyền tất cả mọi biến cố** rồi cứ để đó **cho người đời sau phán đoán**. Vì vậy trong sách sử ông soạn, ông từng phân trần: *"Cổ thuật kỳ cựu dĩ truyền nghi yên."* Nhưng tiếc thay có sử gia các đời sau chẳng những đã không phán đoán mà lại nghĩ rằng mọi sử liệu trong sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* này đều chính xác cả để rồi trong các lập luận của họ về sử liệu nào đó, họ cứ trích dẫn sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* để chứng minh lập luận của họ là đúng.

Điều cần lưu ý là những sách sử xưa còn lại hiện nay đều chưa được in thành thiện bản, hoặc có ấn loát vụng về, nhiều chữ không đúng. Có những sách chỉ còn bản viết tay mà người đọc phải thận trọng chú ý đến nhiều điểm. Sách có thể có nhiều sai lầm do sự sơ xuất của người chép sách, hoặc cũng có thể vì người này không nhận rõ mặt chữ thảo của bản cũ trước. Đôi khi cũng vì người chép không đủ khả năng để hiểu nội dung của sách đã tự ý theo chủ quan thêm bớt hay sửa đổi.

Tình hình sách sử Việt xưa viết bằng chữ Hán đã như vậy mà nếu sử dụng không thận trọng sẽ đưa đến những hậu quả vô cùng tai hại. Việc dịch những sách này đâu phải là việc dễ dàng. Đâu có phải hễ thông hiểu chữ Hán là có thể dễ dàng dịch sách sử chữ Hán. Nếu không có khả năng thông hiểu được nội dung chuyên môn của sử liệu thì dầu thông hiểu chữ Hán, cũng không thể phiên dịch đúng được.

6. Nhận thức về lập luận cội nguồn người Việt tại Trung Hoa

Khi đọc lại một số sách xưa về đoạn nói về nguồn gốc dân tộc vốn từ Trung Hoa, người đời nay không cần suy nghĩ nhiều cũng thấy giai đoạn này tràn đầy nghi vấn nên thường nêu những câu hỏi:

a) - Cổ sử dựa vào sử liệu nào để kể chuyện Đế Nghi, Đế Minh, Đế Lai?

- Làm sao Đế Minh có thể phong cho Lộc Tục tức Kinh Dương Vương làm vua miền Nam khi miền này không phải là lãnh thổ thuộc giang sơn của ông?

- Cổ sử đã căn cứ vào tài liệu nào để kể chuyện Kinh Dương Vương lấy con gái vua Động Đình?

- Cổ sử từng kể: Đế Minh phong cho Đế Nghi làm vua ở phương Bắc, phong cho Kinh Dương Vương làm vua ở phương Nam. Kế Kinh Dương Vương phong cho con là Sùng Lãm lên ngôi kế vị mình, truyền thống cha truyền con nối này chứng tỏ chế độ *phụ hệ* đã vững chắc. Thế thì tại sao có câu chuyện loạn luân: cháu Âu Cơ lấy chú Lạc Long?

- Sau khi lấy Lạc Long xong, Âu Cơ phải cáng đáng con cái và việc nước. Lạc Long thì về Thủy phủ phụ trách giang sơn nhà mẹ. Như thế là đang từ chế độ phụ hệ đổi qua chế độ mẫu hệ: một sự kiện chưa từng có trong sự tiến triển lịch sử nhân loại: thường từ mẫu hệ đổi sang phụ hệ.

b) Đế Minh Phong cho Kinh Dương Vương làm vua phương Nam. Như vậy ở đây đã có dân rồi vì nếu không dân thì Kinh Dương Vương làm vua với ai? - và nếu tộc Bách Việt do trăm người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ sinh ra thì số dân đó biến đi đâu?

- Còn nếu như gọi dân đó là Bách Việt thì lẽ nào con cháu lại ra đời trước tộc trưởng?

c) Cổ sử nói rằng họ Hồng Bàng đã trị vì trong thời khoảng 2622 năm theo lối cha truyền con nối được 18 đời tất cả: trung bình mỗi vì vua Hùng trị vì khoảng 145 năm. Như vậy trung bình mỗi vị phải thọ từ 160 tuổi trở lên. Dầu là thời thượng cổ đi nữa cũng không có thể nào có những có tuổi thọ như vậy.

d) Cổ sử nói rằng trăm người con của Lạc Long Quân lập thành trăm tộc của Bách Việt. Để cho câu chuyện phản khoa học này có thể tạm tin được, không hề thấy cổ sử kể tên đủ trăm tộc Bách Việt này? Ngoài ra có sách sử Trung Hoa nào nói Bách Việt là một trăm tộc dân Việt và kê đủ danh xưng của trăm tộc Bách Việt này không?

e) - Cổ sử nói rằng trăm tộc Bách Việt cư trú trên một lãnh thổ rộng từ lưu vực sông Dương tử ra tận biển Đông, miền nam tới tận bờ vịnh Thái Lan. Thế tại sao ngày nay chỉ còn độc nhất dân Việt Nam (mặc dù sau ngàn năm bị đô hộ) vẫn xưng mình là dòng dõi Lạc Long Âu Cơ, là con Rồng cháu Tiên mà thôi, còn các vùng khác thì không xưng như vậy?

- Sử lại nói biên giới nước Văn Lang tới tận hồ Động Đình. Thế thì tại sao ngày nay dân cư các miền Giang Nam, Ngũ Lĩnh không còn ai nhắc đến các vua Hùng cả?

g) Vì muốn kéo Lạc Long Âu Cơ qua miền lưu vực sông Dương Tử để nhân đó nối liền lên tới Viêm Đế Thần Nông, một số sử gia xưa nói rằng biên giới nước Văn Lang tới tận hồ Động Đình. Nhưng cũng chính họ về sau lại viết: *"Nước Văn Lang sau trở thành Âu Lạc rồi bị Triệu Đà thôn tính nhập vào nước Nam Việt. Về sau nhà Hán chiếm được Nam Việt liền chia thành hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân."* Vậy lãnh thổ Giao Chỉ và Cửu Chân thời Hán chính là lãnh thổ nước Văn Lang xưa. Mà lãnh thổ hai quận này bao gồm phần đất từ Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, lãnh thổ Bắc Việt và một phần nhỏ phần đất phía Nam của các tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây. Vậy tại sao lại có sự mâu thuẫn này?

- Chủ trương rằng biên giới nước Văn Lang tới tận hồ Động Đình nhưng theo danh sách 15 bộ hợp thành nước Văn Lang do các sử gia này đưa ra thì thấy 15 bộ đó đều nằm trong lãnh thổ hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Đó cũng là một mâu thuẫn nữa.

Lịch sử thời tiền sử còn tràn đầy nhiều nghi vấn nữa. Do tính tự hào dân tộc và cũng vì muốn các nhà lãnh đạo xưa của đất nước mình cũng có một nguồn gốc vẻ vang như các vua chúa Trung Hoa, sử gia xưa đã tạo ra lắm nghi vấn mà chính họ không ngờ hay không giải đáp nổi đành nói rằng đó là huyền thoại. Khi viết sử họ đã tham khảo thư liệu Trung Hoa mà thư liệu Trung Hoa nếu có sử liệu chính xác thì cũng có lắm điểm sai lầm. Ngày nay đã có nhiều học giả trong lúc phải suy luận để tìm hiểu về thời lập quốc lại cũng chỉ tham khảo những thư liệu từng đưa sử gia ta xưa vào các huyền thoại thì làm sao tìm ra chân lý. Ngày nay các ngành khoa học mới có thể dễ dàng giúp người đời nay có được những nhận thức mới để tìm hiểu được cội nguồn chính xác của dân tộc mình: Có được như thế con cháu chúng ta các đời sau và ngay chính chúng ta khỏi lâm vào cảnh "trước mồ cha không khóc mà lại đi khóc một đám đất mối."•

Quý độc giả vì vận nước phải làm thân phiêu dạt xứ người đã gặp lại và thương thêm quê nhà, trong đó có xứ Huế thân yêu với những hoang vu, điêu tàn giữa cuộc biển dâu tan tác trong HOA VẠN HẠT, CUỐI MÙA...

Hãy đón đọc:

CÂU NAM AI THẤT LẠC

của HỒ MINH DŨNG

do **Văn Mới** xuất bản đầu mùa hạ 1997.

GIỜ PHÚT CỦA SỰ THẬT ĐÃ ĐIỂM TRÊN ĐOẠN ĐƯỜNG CHÓT KẾT THÚC CƠN KHỦNG HOẢNG VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

SƠN TÙNG

LTS. *Trong Thế Kỷ 21 số 93 January 1997, mục Tòa Soạn và Bạn Đọc, chúng tôi có mấy dòng nhắn tác giả bài này như sau:* "Nhận được bài của anh thì bài vở số này đã xong. Số tới là số Xuân rồi. Vậy xin hẹn ra giêng ngày dài tháng rộng chúng ta lại đề cập đến chuyện ấy..." *Bây giờ thì đã ra giêng, chúng tôi xin đăng bài thảo luận này như đã hứa, và hy vọng tiếng nói của các bên như thế là đủ để đi đến chỗ hiểu nhau.*

Tạp chí Thế Kỷ 21 số tháng 12/96 và báo Ngày Nay (Houston) số đề ngày 1.12.1996 có đăng một bài viết của ông Trần Thanh Hiệp, tựa đề là "Có Ánh Sáng Le Lói Cuối Đường Hầm? Trên Đoạn Đường Chót Đi Tới Tái Thống Nhất Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại".

"LTS" của báo Ngày Nay đã giới thiệu ông Trần Thanh Hiệp là "nguyên chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại và cũng là nguyên chủ tịch Ủy Ban Đặc Cử". Như vậy, người đọc hiểu là nay không còn "Ủy Ban Đặc Cử" như đã được chính ông Trần Thanh Hiệp đặt tên.

Ông Trần Thanh Hiệp đã viết bài này với tư cách cá nhân Trần Thanh Hiệp, một người không phải là hội viên của Trung Tâm nào trong Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Một người ngoài viết về chuyện một hội tư của người khác.

Vì bài viết này chứa nhiều điều sai sự thật và gây ngộ nhận cho những sự việc đã xảy ra trong nội bộ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (VBVNHN) nên tôi bắt buộc phải lên tiếng, trong tư cách một hội viên VBVNHN, hơn nữa "là người có ủy nhiệm của đa số các Trung Tâm thành viên của VBVNHN"(như chính lời ông Trần Thanh Hiệp trong thư đề ngày 16.10.96 gửi ông Viên Linh).

Nhìn lại cuộc khủng hoảng

Dưới tiểu đề này, ông Trần Thanh Hiệp đã đưa ra nguyên nhân gây nên cuộc khủng hoảng theo cái nhìn của riêng ông mà ông gọi là "quan điểm của ủy ban."

Ông Trần Thanh Hiệp không có thói quen nhìn nhận sự thật. Vì không thể che đậy cho những lỗi lầm hiển nhiên của ông Viên Linh, ông Hiệp nói ông Viên Linh lạm quyền. Thực sự, ông Viên Linh đã mãn nhiệm kỳ và không được các Trung Tâm tín nhiệm, chẳng còn "quyền" gì để "lạm." Ông lại bảo Đại Hội Đồng cũng lạm quyền. Lại sai, Đại Hội Đồng là cơ quan tối cao của một tổ chức, có quyền phế lập ban chấp hành và ngay cả giải tán Hội. Chẳng lẽ vì không bỏ phiếu cho ông Viên Linh mà Đại Hội Đồng bị tội lạm quyền?

Để đồng hóa Đại Hội Đồng VBVNHN với cá nhân ông Viên Linh, trong thư đề ngày 31.8.96, ông Trần Thanh Hiệp đã đưa ra một chuỗi sự việc bị bóp méo, đổi trắng thành đen, mà chúng tôi đã phản bác trong thư ngày 14.9.96 và ông đã im lặng, không thể chống đỡ được lập luận đã sụp đổ của ông.

Ông Hiệp lờ đi vì ông đã biết là sai nhưng vẫn làm, mục đích chỉ là dọn đường để chuẩn bị cho bước thứ hai của ông: xóa bài làm lại với sự đạo diễn của ông. Thật ra, chúng tôi không bị bất ngờ vì không thiếu kinh nghiệm với những con người như ông Trần Thanh Hiệp trên sân khấu thảm kịch Việt Nam.

Ý định của ông Trần Thanh Hiệp thấp thoáng trong mấy lá thư sau khi được Văn Bút Quốc Tế (VBQT) nhờ giúp giải quyết cơn khủng hoảng, và đã hiện rõ nguyên hình trong bài viết đăng trên báo Ngày Nay lần này:*"Tại sao không nương vào cuộc khủng hoảng hiện đang diễn ra để sửa đổi sâu rộng bản Điều Lệ, thanh lọc hàng ngũ, tiếp đón những thành viên mới..."*

Mưu đồ của ông Trần Thanh Hiệp cũng mờ ám như những chữ ông dùng: "sửa đổi sâu rộng bản Điều Lệ, thanh lọc hàng ngũ, tiếp đón những thành viên mới".

Hiến pháp của một quốc gia còn không toàn hảo thì bản Điều Lệ của một hội tư cũng không thể toàn hảo, và vẫn thường được tu chính, sửa đổi. Bản Điều Lệ của VBVNHN cũng vậy, cũng đã được tu chính, sửa đổi mỗi kỳ họp Đại Hội. Còn "thanh lọc hàng ngũ" là sao? Văn Bút khác với "Hội Nhà văn" của Việt Cộng, làm gì có "hàng ngũ"? Và ai có quyền đứng ra "thanh lọc"? Cửa VBVNHN lúac nào cũng rộng mở đón chào "những thành viên mới". Có điều khoản nào trong bản Điều Lệ giới hạn kỳ thị "thành viên mới" đâu? Xin ông Hiệp nêu ra một trường hợp (trường hợp duy nhất thôi) một nhà văn muốn gia nhập Văn Bút mà bị từ khước. Hay ông muốn ám chỉ những nhà văn ở "phía bên kia?"

Cuộc khủng hoảng VBVNHN gây ra do yếu tố "con người" (xấu) chứ không phải tại bản Điều Lệ (xấu). Nhân dịp, cũng xin giúp trí nhớ ông Trần Thanh Hiệp rằng ông đã làm chủ tịch liên tiếp gần mười năm mà không hề tổ chức bầu bán và cũng không làm nổi cho VBVNHN một bản Điều Lệ, cho tới khi họp Đại Hội kỳ 2 (1989) tại Montréal, Đại Hội Đồng bầu người khác làm chủ tịch và mới làm ra Điều Lệ. Ông Viên Linh cũng làm chủ tịch Trung Tâm Tây Nam Hoa Kỳ sáu năm mà không hề tổ chức bầu cử và cũng không có bản Điều Lệ. Bây giờ, hai ông Trần Thanh Hiệp (đã ra khỏi Hội) và Viên Linh (đã mất chức chủ tịch) bỗng dưng nhiệt tình chỉ trích và đòi sửa đổi Điều Lệ. Ông luật sư thì chê "bản Điều Lệ thiếu sót vì quá đơn giản... còm cõi", còn ông thi sĩ thì ngồi xổm trên bản Điều Lệ và mở cửa cho bạn bè không phải hội viên vào họp và "bầu" ông làm chủ tịch — mà ông luật sư gọi là "một bên hữu quan"!

Ông Trần Thanh Hiệp là một luật sư nhưng những lý luận và hành động của ông thiếu hẳn căn bản luật lý:

- Văn Bút Quốc Tế chỉ nhờ ông cùng các cựu chủ tịch VBVNHN họp thành một ủy ban để giúp "hợp nhất hai phía" trước ngày Đại Hội VBQT ở Guadalajara vào tháng 11.96 (điện thư ngày 9.4.96 của VBQT), một vai trò có tính cách tình cảm ngắn hạn, nhưng ông đã hành xử như một "phán quan" chính hiệu.

- Đáng lẽ chỉ nên âm thầm làm việc, giúp giải quyết mau chóng cơn khủng hoảng đáng buồn trong VBVNHN như ý muốn của VBQT, để làm một việc tốt và để lại một tiếng tốt cho đời, ông Trần Thanh Hiệp đã tự ý đặt tên "ủy ban" của ông là "ủy ban đặc cử VBQT," tự ý đặt ra các chức vụ và phong chức cho bốn người trong ủy ban, người nào cũng có chức; nào là chủ tịch, thuyết trình viên, nào phát ngôn viên, và cả thủ quỹ (dù không có quỹ, và cụ thủ quỹ Nguyễn văn Hảo đã phải than phiền với bạn bè là bị ông Hiệp áp đặt). Trên thực tế, ông Hiệp chỉ vẽ trên giấy để trình diễn trong khi một mình ông quyết định mọi việc, kể cả đưa ra những "phán quyết" thiên vị như trong thư ngày 31.8.96 và cho phổ biến một cách bất hợp lệ trên báo chí khi còn đang trong vòng điều giải. Tệ hại hơn nữa, thư ấy được đăng lên báo với tên "phát ngôn viên Minh Đức Hoài Trinh" mà bà không hề được hỏi ý. Ông Trần Thanh Hiệp đã tự bào chữa cho sự lạm quyền của ông bằng giải thích không ai chấp nhận được trong thư gửi bà Minh Đức Hoài Trinh ngày 7.10.96: *"Cũng như lần trước tôi đã lấy sáng kiến cá nhân vì không đủ thì giờ, không có cơ hội bàn thảo với văn hữu."* (nguyên văn).

Vì lý do trên đây, "ủy ban" bốn người của ông Trần Thanh Hiệp đã "vỡ làm hai" trong khi ông đòi đóng vai trò "thống nhất VBNVNHN"!

Bằng hành động dứt khoát đáng ca ngợi, bà Minh Đức Hoài Trinh, người sáng lập VBVNHN, đã nói lên tiếng nói của lương tâm, của trách nhiệm, và của nhân cách người cầm bút chân chính.

Trong cuộc gặp gỡ ngày 29.5.96 tại Paris, tôi có hỏi ông Trần Thanh Hiệp: ủy ban của ông làm việc theo phương thức nào khi lấy quyết định để phúc trình VBQT? Ông Hiệp trả lời (có mặt ông Từ Nguyên): "bỏ phiếu, mỗi người một phiếu, và lấy ý kiến đa số". Ông Trần Thanh Hiệp có thể trả lời cho công luận những "quan điểm của ủy ban" được ông phổ biến trên báo chí và trình cho VBQT là quan điểm của đa số hay của cá nhân ông?

Đoạn đường đã qua

Kể ra "ủy ban" của ông Trần Thanh Hiệp sau tám tháng "hoạt động" cũng đã làm được một việc "tốt" (dù với hậu ý không tốt): tuyên bố vô hiệu tất cả những việc làm của ông Viên Linh, từ tự ý thừa nhận bốn Trung Tâm mới tới tổ chức họp và bầu ban chấp hành bất hợp lệ.

Ông Hiệp đề nghị trở lại tình trạng trước ngày 26.11.95 để bầu lại với sự tham dự của tám Trung Tâm chính thức. Dù không làm gì sai trái, nhưng vì không muốn để VBVNHN vắng mặt tại Đại Hội VBQT Guadalajara, bảy Trung Tâm thuộc VBVNHN đã đồng ý một

cuộc bỏ phiếu bằng thư, vì thì giờ còn lại quá ít sau khi "ủy ban" đã dậm chân tại chỗ suốt mấy tháng trời để chờ từng lá thư của ông Viên Linh, mặt khác, các đại biểu từ nhiều nơi trên thế giới không có tiền và thì giờ để tham dự một cuộc đại hội khác trong lúc này, sau khi đã bỏ tiền túi và thì giờ dự hai đại hội trong vòng ba tháng. Hơn nữa, họp Đại Hội Đồng trong tình trạng căng thẳng hiện nay để "sửa đổi sâu rộng Điều Lệ, thanh lọc hàng ngũ..." không khác châm lửa vào thùng thuốc súng, có thể làm tan vỡ Đại Hội và tan vỡ luôn VBVNHN.

Quyết định trên đây là của bảy Trung Tâm dựa theo nguyện vọng của đa số hội viên, nhưng ông Trần Thanh Hiệp đã viết trong bài đăng trên báo Ngày Nay cố ý làm người đọc hiểu lầm đó là ý kiến riêng của "ông Sơn Tùng" vì muốn "lẩn tránh Đại Hội Đồng"! Khi viết câu này, ông Trần Thanh Hiệp biết rằng ông không viết sự thật, vì ông biết rằng người "lẩn tránh Đại Hội Đồng" phải là ông Viên Linh. Vì lý do đó mà ông Viên Linh đã phá vỡ Đại Hội Đồng ngày 25.11.95, sau khi lạm quyền kéo thêm bốn trung tâm mới vào bỏ phiếu bất thành. Không cần phải là một luật sư, ông Trần Thanh Hiệp cũng phải thấy điều này sau tám tháng "thẩm cứu" hồ sơ.

Khi ông Trần Thanh Hiệp lạm quyền và muốn kéo dài cuộc khủng hoảng, tự cho mình quyền lập phái đoàn tham dự Đại Hội VBQT tại Guadalajara, bảy Trung Tâm đã ra khuyến cáo cho Ban Chấp hành bác bỏ đề nghị của ông và chấm dứt liên lạc với 'ủy ban đặc cử" nếu ông Hiệp không kết thúc hồ sơ trước ngày 15.9.96. Ông Trần Thanh Hiệp đã nhận được bản sao của khuyến cáo này, và ông đã lẩn tránh sự thật bằng cách vẫn cho rằng cuộc khủng hoảng là sự tranh chấp giữa "hai ông Viên Linh và Sơn Tùng".

Tưởng nên nhắc lại, tôi đã chứng minh với ông Trần Thanh Hiệp nhiều lần tôi không có gì để "tranh chấp" với ông Viên Linh, hay với bất cứ hội viên nào trong Văn Bút VNHN. Tôi chỉ là một hội viên ra ứng cử và Đại Hội Đồng đã bầu tôi vào nhiệm vụ chủ tịch BCH, nhưng ông Viên Linh không chịu rút lui, dù đã mãn nhiệm kỳ và không được Đại Hội Đồng tín nhiệm tái cử. Nếu có tranh chấp giữa Đại Hội Đồng và cá nhân ông Viên Linh. Đây là sự thật hiển nhiên mà mọi người khách quan vô tư đều nhìn thấy, trừ Luật sư Trần Thanh Hiệp và Thi sĩ Viên Linh.

Đi tới đoạn đường chót

Một người nào khác với cơ hội đượv VBQT giao phó nhiệm vụ giúp giải quyết cơn khủng hoảng, mọi việc đã kết thúc từ lâu. Chỉ cần một chút khách quan, chân thực, và can đảm. Một chút thôi, không cần nhiều lắm.

Hãy xem cái nhìn của ông Trần Thanh Hiệp về phái đoàn VBVNHN tham dự Đại Hội VBQT vừa qua tại Guadalajara. Ông Hiệp viết nguyên văn như sau: *"cả hai bên Viên Linh và Sơn Tùng đều có mặt tại Guadalajara, đặc biệt phái đoàn Sơn Tùng rất hùng hậu vì được tăng cường bởi sự hiện diện của bà cựu chủ tịch Minh Đức Hoài Trinh. Thêm vào đó, bản dự thảo nghị quyết về văn nghệ sĩ bị cầm tù do ông Sơn Tùng đã đệ nạp trước đã được Ủy ban Văn nghệ sĩ bị Cầm tù của Văn Bút Quốc Tế, sau khi nghe bà Minh Đức Hoài Trinh và ông Sơn Tùng trình bày lý do chấp nhận để đưa ra đại hội đồng biểu quyết."* Ông Hiệp còn cho điểm ông Trần Ngọc, người mà ông Hiệp cho là "đại diện cho ông Viên Linh đã không phản đối ồn ào việc huy hiệu 'đại biểu' được trao cho hai thành viên của phái đoàn Sơn Tùng'.

Một lần nữa, qua bàn tay ông Trần Thanh Hiệp, ông Viên Linh lại được nâng lên không những ngang hàng mà còn cao hơn cả "đối phương"! Biến không thành có, biến trái thành phải, và biến tội thành công!

Sự thật, phái đoàn VBVNHN đã chuẩn bị kỹ lưỡng và làm việc rất nghiêm túc để tham dự Đại Hội VBQT tại Guadalajara, vì ý thức rõ rệt tầm quan trọng và trách nhiệm của mình tại diễn đàn quốc tế này. Mọi sự tranh chấp vì hư danh đều vô nghĩa. Chúng tôi đã làm bản dự thảo quyết định lên án Hà-nội đàn áp văn nghệ sĩ và gửi tới VBQT trước kỳ hạn, đã làm ngay thủ tục ghi danh khi nhận được tài liệu về Đại Hội của VBQT, liên lạc với Ủy Ban Văn Nghệ Sĩ bị Cầm Tù để cập nhật hóa tin tức về các nhà văn đang bị giam giữ trong nước, liên lạc thường xuyên với ban tổ chức Đại Hội để chuẩn bị nơi ăn ở cho phái đoàn, các Trung Tâm tự nguyện góp tài chánh để yểm trợ vật chất và tinh thần cho phái đoàn.

Trong khi đó, ông Trần Thanh Hiệp ngồi viết một lá thư cho mình quyền sắp xếp phái đoàn, trong đó có cả những người không phải hội viên Văn Bút, mà không có ai đài thọ chi phí, không có ai phụ trách ghi danh, và không có ai làm quyết nghị phản đối Việt Cộng.

Ông Trần Thanh Hiệp và ông Viên Linh "hợp tác làm việc" với nhau cho một phái đoàn không bao giờ có. Còn ông Trần Ngọc, người mà ông Trần Thanh Hiệp gọi là "đại diện ông Viên Linh", thật ra chỉ tham dự với tư cách một nhà báo tới để viết tin về đại hội, không phải

đại biểu. Nhưng, ông Trần Thanh Hiệp vẫn đặt bút viết: "cả hai bên Viên Linh và Sơn Tùng đều có mặt tại Guadalajara"!

Ông Trần Thanh Hiệp ngồi ở nhà, không nhìn thấy cảnh ba nhà văn Minh Đức Hoài Trinh, Ngọc Anh, Ngô Tịnh Yên bước xuống phi trường Guadalajara vào nửa đêm 6.11 vì máy bay bị "trục trặc" (thực sự). Trông các chị xốc xếch, mỏi mệt, nhưng tinh thần rất vững. Các chị đã bỏ tiền túi bỏ thì giờ tới đây, không phải "vì phe Sơn Tùng" hay vì muốn tranh giành một hư danh nào cả. Không có cái gì xứng đáng để bắt các chị dấn thân vào cuộc hành trình lắm thử thách này, ngoài vận mệnh của VBVNHN, ngoài lương tâm của người cầm bút, ngoài trách nhiệm đối với các đồng nghiệp đang tù tội ở quê nhà. Rất tiếc là Thượng Đế đã không ban cho ông Hiệp khả năng để cảm nhận được niềm vui của họ khi họ đã làm tròn nhiệm vụ.

Xin hỏi ông Trần Thanh Hiệp: nếu chúng tôi cũng "làm việc" như ông và ông Viên Linh thì ai sẽ đại diện VBVNHN tại Guadalajara, ai làm bản quyết nghị lên án Việt Cộng và ai lên tiếng bênh vực văn nghệ sĩ đang bị đàn áp tù đầy trong nước, ai đóng góp tiền cho quỹ hoạt động của Ủy Ban Văn Nghệ Sĩ bị Cầm Tù? Những việc làm của chúng tôi là công hay là tội? Tốt hay xấu? Đúng hay sai?

Hãy nhìn vào công việc chúng tôi đã làm và thành quả chúng tôi đã đạt được cho VBVNHN và cho những người cầm bút đang bị đàn áp tại quê nhà. Đừng nên táng tận lương tâm mà hủy hoại những thành quả ấy trước công luận bằng cách tranh cãi phải đoàn chúng tôi có được tham dự Đại Hội Quadalajara với tư cách chính thức hay không. Chúng tôi không phí thì giờ dùng vào việc tranh cãi phù phiếm chỉ làm rối nát thêm nội bộ VBVNHN cho kẻ khác thủ lợi.

Việc làm của chúng tôi tại Đại Hội VBQT Guadalajara mọi phái đoàn đều nhìn thấy, và chính ông Tổng Thư Ký Alexandre Blokh đã nhận ra bản chất của cơn khủng hoảng giả tạo trong nội bộ VBVNHN và chấp nhận giải pháp "bỏ phiếu bằng thư" là hợp lý (reasonable). Ngày 10.11.96 tại Guadalajara, trước mặt nhà thơ Ana Blandiana, tân chủ tịch VBQT, ông Blokh đã hứa với phái đoàn chúng tôi sẽ giúp thực hiện giải pháp này ngay sau khi trở về London.

Tuyệt đại đa số các Trung Tâm/VBVNHN chọn giải pháp bỏ phiếu bằng thư, Văn Bút Quốc Tế ủng hộ giải pháp "bỏ phiếu bằng thư". Nhưng, ông Trần Thanh Hiệp không đồng ý (với sự phụ họa của ông Viên Linh), đòi VBVNHN và VBQT phải theo ý riêng của ông để tổ chức "họp đại hội" và "cải tổ sâu rộng".

Văn Bút Quốc Tế còn không có quyền trực tiếp can thiệp vào chuyện nội bộ của một Trung Tâm thành viên, ông Trần Thanh Hiệp dựa vào căn bản luật lý nào để dành cho mình cái quyền tối thượng ấy đối với một hội tư mà nay ông không còn tư cách hội viên? Trừ phi ông Hiệp đang nằm mơ giữa ban ngày rằng mình là "ông vua Văn Bút", ngồi trên tất cả luật lý và lương tri.

Từ vai trò trung gian hòa giải được VBQT ủy nhiệm có thời hạn, ông Trần Thanh Hiệp tự ban cho mình quyền tài phán, và bây giờ lại tự phong thêm quyền cai trị VBVNHN!

Ông Hiệp đã sai lầm trầm trọng nếu nghĩ rằng vũng nước đục do ông Viên Linh quấy lên là cơ hội ngàn năm một thuở để ông có thể thả câu, vớt vát lại chút hư danh mà ông tưởng rằng một thời ông đã có, và lèo lái VBVNHN theo ý riêng của ông, theo mưu đồ chính trị của ông.

Trong bài viết của ông Trần Thanh Hiệp, ông đã dùng rất nhiều những xảo ngữ, xảo ngôn để che đậy sự thật và hướng dẫn công luận vào chỗ lầm lạc. Nếu quả thật ông nghĩ đến tương lai VBVNHN, trước hết ông hãy tôn trọng sự thật, làm đúng những gì ông khuyên người khác, đừng "tự phong những danh hiệu phù phiếm", tôn trọng ý kiến của đại đa số các Trung Tâm VBVNHN và tôn trọng quyết định của VBQT về một cuộc bỏ phiếu bằng thư để mau chóng chọn ra một ban chấp hành duy nhất cho VBVNHN, chấm dứt cơn khủng hoảng. Sau đó để Đại Hội Đồng họp vào lúc thuận tiện, trong không khí lắng dịu và hòa hợp giữa những văn hữu hội viên, để tự giải quyết lấy những vấn đề của họ, không có sự can thiệp của người bên ngoài.

Bài viết ngày 1.12.96 của ông Trần Thanh Hiệp không đóng góp gì vào việc làm lắng dịu bầu không khí căng thẳng và ô nhiễm trong nội bộ VBVNHN mà còn gây khích động thêm bằng những sự kiện không đúng sự thật và những hướng dẫn sai lạc.

Ông Trần Thanh Hiệp viết trong thư ngày 7.10.96: *"Giờ phút của sự thật đã điểm"*. Vì câu ấy, tôi bắt buộc phải nói lên sự thật.

Con đường quanh co mà ông Trần Thanh Hiệp đi trong hơn tám tháng đã tới đoạn chót. Ông đã hiện nguyên hình với cái cần câu trên tay mà không có mồi.

Ông còn lý do gì để nhân danh "ủy ban đặc cử" và đi tiếp?•

7/12/96

TIỀN VÀ BẦU CỬ

Ngân sách tranh cử là một đề tài đang làm nhức đầu dân Mỹ. Từ tổng thống, phó tổng thống, đến các nghị sĩ, dân biểu, nhiều người bị chỉ trích, bị tai tiếng, hay bị nghi ngờ về tội gây quĩ tranh cử trái luật, hay ít nhất cũng trái với đạo đức. Câu hỏi đặt ra là có thật tiền bạc tạo được ảnh hưởng trên các chính khách Mỹ hay không?

Ai trả lời "không" thì ngây thơ và lạc quan quá đáng! Nước Mỹ theo kinh tế thị trường, người nào bỏ tiền ra chắc cũng muốn được đền đáp lại một cách nào đó. Các chính trị gia thì không phải tu sĩ trong chùa hay nhà thờ. Các nơi thờ phượng nhận tiền của thập phương chỉ để làm phước mà thôi, nên bá tánh cúng tiền có thể không đòi đền đáp. Ngay những người cúng dường nhà thờ hay nhà chùa cũng có khi xin lại một chút ân huệ khác!

Như vậy thì liệu các món tiền góp quĩ tranh cử sẽ ảnh hưởng đến chính trị như thế nào?

Những món tiền đóng góp có gây ảnh hưởng, nhưng không phải cứ gây ảnh hưởng thì tất nhiên là xấu! Thí dụ có vài chục ngàn cử tri trong tiểu bang này ủng hộ dự án mở thêm một xa lộ, hay chống việc xây nhà máy điện nguyên tử lực, vì quyền lợi của họ hay của cả một vùng. Những cử tri đó tìm ra một, hai ứng cử viên cũng có lập trường đó, họ đem tiền đóng góp cho các ứng cử viên này. Đằng nào các vị đó cũng có chủ trương rồi, tiền đóng góp không khiến họ thay đổi lập trường, mà chỉ giúp cho họ dễ đắc cử hơn, nhờ nhiều tiền thuê người vận động hơn. Gây ảnh hưởng như vậy là hợp lẽ công bằng, ứng cử viên nào được nhiều người ủng hộ thì cũng đáng đắc cử.

Việc ủng hộ chỉ trở nên bất công, phản dân chủ, khi có những người nhiều tiền ủng hộ nên ảnh hưởng tới các nhà chính trị mạnh hơn, lấn át người ít tiền. Một cuộc nghiên cứu khoa học ở Đại học Nam California (USC) cho biết trong một phần tư các cuộc bỏ phiếu ở Quốc hội, các đại biểu quyết định vì chịu ảnh hưởng của các người đã đóng góp tiền tranh cử. Còn ba phần tư các quyết định là vì đại biểu bỏ phiếu theo nguyện vọng của cử tri trong đơn vị, hay vì đúng với đường lối của các đảng.

Con số một phần tư đó là cao quá hay vẫn còn thấp, câu trả lời tùy quan niệm mỗi người. Người lạc quan sẽ nghĩ "may quá, tiền bạc chỉ ảnh hưởng đến 'một góc' các cuộc bỏ phiếu!" Người khó tính sẽ thấy một góc hay một phần mười cũng không chấp nhận được. Ông Winston Churchill nói rằng chế độ dân chủ là chế độ nhiều khuyết điểm nhất trên đời này, nó chỉ khá hơn tất cả các thể chế khác đã được loài người đem thử mà thôi! Biết thể chế dân chủ bất toàn, người ta chỉ có cách là cố sửa chữa phần nào hay phần đó. Thí dụ tìm cách giảm bớt ảnh hưởng của đồng tiền.

Vì lo sức mạnh của tiền bạc biến nền dân chủ thành "dân chủ của người có tiền," nên quốc hội Mỹ làm đạo luật năm 1974, là "Luật Cải tổ tranh cử." Đạo luật này cách mạng cách gây quĩ tranh cử, vì quyết định dùng công quĩ trả một phần tiền chi tiêu trong các cuộc bầu cử Sơ bộ chọn ứng cử viên tổng thống. Đạo luật đó cũng ấn định công quĩ sẽ cung cấp tiền cho ứng cử viên tổng thống tương ứng với số tiền ứng cử viên lạc quyên được. Các điều luật trên cốt giảm ảnh hưởng của các người đóng góp cho các quĩ tranh cử. Việc dùng công quĩ giúp cho các ứng cử viên đã được áp dụng ở nhiều nước, như Nhật, Đức, Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha. Tại các nước đó, các đảng chính trị được ngân khố trợ cấp tùy theo số ghế chiếm được trong Quốc hội. Tại Canada, các ứng cử viên được bồi hoàn tiền tranh cử nếu chiếm được một số phiếu tối thiểu. Nhiều ứng cử viên của một đảng lập ra chỉ để riễu cợt việc bầu cử, mang tên là đảng "Tê giác" cũng hội đủ điều kiện để được bồi hoàn.

Một điều khoản khác của đạo luật 1974 ở Mỹ là hạn chế việc nhận tiền đóng góp, và hạn chế tiền chi tiêu khi tranh cử. Nhưng phán quyết của tòa án Tối Cao của Mỹ năm 1976 đã bác bỏ việc hạn chế ngân khoản chi tiêu, vì coi hạn chế đó vi phạm quyền tự do ngôn luận. Chính vì không hạn chế ngân khoản chi tiêu nên các ứng cử viên lúc nào cũng thấy thiếu tiền, và càng ngày càng cần tiền hơn! Để tránh vi phạm giới hạn về đóng góp, họ tạo ra một thứ ngân sách chính trị linh động gọi là "soft money."

Thí dụ những nhà sản xuất và bán súng không thể trực tiếp ủng hộ tiền cho các ứng cử

viên nhiều hơn số luật định được. Họ vẫn có quyền lập ra các quĩ vận động chính trị độc lập (không ủng hộ riêng một ứng cử viên, một đảng, hay cho một cuộc bầu cử nào) để cổ võ cho một lập trường, thí dụ bảo vệ quyền "võ trang tự vệ" đã có trong hiến pháp.

Một thí dụ khác là các nghiệp đoàn. Năm ngoái một liên hiệp công đoàn ở Mỹ bỏ ra 35 triệu Mỹ kim cổ động cho các lập trường tương hợp với lập trường đảng Dân chủ.

Cải tổ ngân sách tranh cử

Hai thí dụ trên đều là các vụ góp tiền cho "quĩ linh động," hay soft money, "tiền mềm." Hầu hết nếu không nói là tất cả các món tiền đóng góp đang bị đàm tiếu hay bị nghi là "phi pháp" trong mùa bầu cử năm 1996 đều là soft money góp cho các quĩ linh động cả. Vì bầu cử càng ngày càng tốn kém nên nhu cầu lạc quyên cho quĩ linh động ngày càng cao. Nhưng muốn giảm bớt ảnh hưởng của tiền trong chính trị thì cần hạn chế ngay từ việc chi tiêu.

Bầu cử ở Mỹ tốn kém quá, mà chính các ứng cử viên phải lo kiếm tiền chứ không để cho các đảng chính trị lo, như ở phần lớn các nước Âu châu. Năm ngoái các nghị sĩ hay dân biểu tranh cử tốn 660 triệu Mỹ kim. Năm 1994, ứng cử viên Hufington tiêu 30 triệu Mỹ kim để tranh cử, ông ta thua bà Feinstein ở California dù bà chỉ có hơn một triệu, điều đó chứng tỏ không phải có tiền là mua được tiên! Một nghị sĩ tranh cử tốn trung bình 4,5 triệu, nghĩa là muốn đạt chỉ tiêu đó, nghị sĩ phải gây quĩ mỗi tuần 14 ngàn Mỹ kim. Cho nên ngay sau khi đắc cử, các ngài phải lo chuyện gây vốn cho kỳ sau, chỉ "lo việc nước vào những lúc rảnh rỗi!" Trên thế giới chỉ có ở Nhật là việc tranh cử tốn như ở Mỹ, và ở đó cũng chính các ứng cử viên phải lo gây quĩ. Tiền tranh cử tốn nhất chính là tiền thuê giờ quảng cáo trên ti vi! Khi so sánh chi phí quảng cáo tranh cử với quảng cáo thương mại thì ta hiểu tại sao người Mỹ không quan tâm. Vì chuyện chi tiêu quảng cáo là việc rất thường! Có mười công ty ở Mỹ mỗi năm chi hơn một tỷ để quảng cáo các sản phẩm của họ! Tiền quảng cáo thuốc lá của một xí nghiệp lớn hơn tiền quảng cáo của tất cả các ứng cử viên cộng lại.

Nhưng cải tổ tranh cử hạn chế tiền đóng góp mà lờ chuyện chi tiêu thì chỉ chặn "đầu vào" mà bỏ qua "đầu ra" cho nên khó thành công.

Người Mỹ nên thử các biện pháp đã dùng ở nước dân chủ khác. Bên Anh, các ứng cử viên bị hạn chế chặt chẽ việc chi tiêu, quĩ tranh cử là do các đảng đài thọ. Nhưng các đảng và ứng cử viên ở bên Anh cũng không được phép mua thời giờ chạy quảng cáo trên đài truyền hình và đài phát thanh.

Nhưng khi hạn chế chi tiêu thì có sợ vi phạm quyền tự do ngôn luận như Tối cao Pháp viện đã phán năm 1976 hay không? Phán quyết đó chưa chắc đã hợp lý, và sẽ có lúc bị thay đổi. Nếu hạn chế chi tiêu tranh cử bị coi là vi phạm tự do ngôn luận thì hạn chế đóng góp cũng có thể bị coi như vậy! Góp tiền cho các ứng cử viên cũng là một cách phát biểu ý kiến! Nói như vậy không phải để đòi bãi bỏ việc hạn chế số tiền đóng góp, mà để chứng tỏ rằng nếu xã hội đã chấp nhận hạn chế tự do đóng góp, vì lý tưởng công bằng, thì cũng có thể chấp nhận hạn chế ngân khoản chi tiêu khi tranh cử, miễn là mọi người bị hạn chế như nhau.

Nhưng ở nước Mỹ, bất cứ đạo luật nào đụng tới quyền tự do ngôn luận là sẽ bị bác, vì vi phạm Tu chính án số Một. Tu chính án này, gồm nhiều chuyện, cấm Quốc hội không được làm một đạo luật nào ngăn cản tự do ngôn luận, tự do hội họp, và tự do tôn giáo. Các quyền đó đã ghi trong hiến pháp cả rồi, nhưng người ta vẫn thêm tu chính án đó cho nó... chắc ăn. Nay muốn "tu chính" lại tu chính án này không phải chuyện dễ!

GẠO, THÉP, NGÂN HÀNG, BƯU ĐIỆN

Bốn món trên đây, giống như trên thực đơn, không thể dùng cho bữa ăn trưa được. Nhưng cả bốn món đó, trong các tin kinh tế mới xảy ra ở Á đông, đều giúp ta hiểu một

Tìm đọc:

"LỐI XƯA XE NGỰA..."

biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

nhà nước can thiệp vào nền kinh tế thì thường chỉ làm hư chuyện. Nên để cho tư nhân quyết định chuyện mua bán thì chắc đa số dân đỡ khổ hơn.

Trước hết là chuyện gạo. Bản tin trong nước cho biết một triệu bẩy người Việt Nam đang lâm vào cảnh đói. Những đồng bào này ở các tỉnh Lai Châu, Thanh-Nghệ ở miền Bắc, cho đến Kontum ở miền Nam.

Trong khi đó thì chính phủ Việt Nam cho biết số gạo xuất cảng trong năm nay sẽ lên tới 2,5 triệu tấn.

Như vậy nghĩa là gì? ta phải tự hỏi. Nếu một người ăn bữa cơm bữa cháo, mỗi tháng hết 20 ký gạo, thì trong một năm, 1,7 triệu người cũng không dùng hết nửa triệu tấn gạo. Tại sao nhiều người thiếu gạo, mà người khác vẫn dư gạo xuất cảng? Câu trả lời là: vì nhà nước còn chiếm độc quyền những vụ mua bán, chuyên chở, xuất, nhập cảng. Nếu như có thị trường tự do, tư nhân được phép làm ăn tự do, thì người ta sẽ quyết định mua, bán gạo, bán trong nội địa hay xuất cảng, tùy theo "cung cầu." Khi nhà nước chiếm các độc quyền trong việc thu mua gạo, việc xuất cảng, độc quyền chuyên chở đường thủy và đường bộ, thì dòng lưu thông của mọi thứ hàng hóa, chứ không chỉ có gạo, sẽ bị tắc nghẽn, không luân lưu tự do để cung cấp theo nhu cầu của dân được.

Và để cứu chữa tình trạng đói kém đó, nhà nước Việt Nam "kêu gọi" các doanh nhân bán gạo hãy chuyên chở gạo từ Nam ra Bắc! Làm như vậy tức là cũng không hiểu cơ cấu thị trường kinh tế. Cách tốt nhất để khuyến khích doanh nhân chuyên chở gạo từ nơi này đến nơi khác không phải là "kêu gọi" mà phải là "trả tiền." Nhà nước cứ cho tư nhân làm ăn tự do, tạm thời bớt thuế cho họ để khuyến khích, họ thấy có lợi sẽ tự ý chuyên chở gạo đi.

Nay sang đến chuyện thép. Sau khi công ty Hanbo vỡ nợ hai tháng trước, tháng rồi đến Sammi, một công ty thép thứ hai của Nam Hàn lại tuyên bố phá sản, với 2 tỷ Mỹ kim nợ không thể trả. Chuyện hai công ty thép vỡ nợ, tổng cộng 8 tỷ Mỹ kim nợ không thể trả, liên quan đến chuyện gạo ở Việt Nam như thế nào? Cả hai cùng có một lý do, là chính quyền can thiệp vào nền kinh tế.

Chính quyền Nam Hàn xưa nay vẫn theo chính sách can thiệp. Họ nâng đỡ các "Đại tổ hợp - Chaebol" Khi chính quyền dành lấy quyền "nâng đỡ," giả thiết là họ có công tâm trăm phần trăm chứ không tham nhũng, thì họ vẫn phải đưa ra các quyết định kinh tế thay cho thị trường. Thay vì để tư nhân quyết định nên đầu tư vào đâu, bỏ tiền ra đóng tầu thủy hay sản xuất đường chẳng hạn, thì nay viên chức nhà nước sẽ quyết định nên đầu tư làm cái gì. Chính quyền Đại Hàn đã quyết định "nâng đỡ" các công ty thép, Hambo và Sammi, chắc vì họ tin tưởng rằng số cầu về thép trên thế giới sẽ tăng, giúp các xí nghiệp đó có lời. Chẳng may, họ đoán nhầm, hai công ty vỡ nợ. Nếu trong một nền kinh tế tự do, tư nhân quyết định, thì không ai mất tiền cùng một lúc vào cả hai công ty thép, vì người đầu tư bao giờ cũng "phân tản vốn, phân tản rủi ro" - diversification. Hơn nữa, một công ty tư nhân vỡ nợ thường không đến nỗi lôi kéo theo cả hệ thống ngân hàng lung lay.

Trong một xứ mà chính quyền can thiệp vào đời sống kinh tế thì ngân hàng trở thành một công cụ của đảng cầm quyền. Các ngân hàng quyết định cho vay không cần cứu xét khả năng lời lỗ của người vay, mà cho vay theo lệnh từ "Trên." (Xin đọc bài của Nguyễn Minh Cần trong số này để hiểu chữ Trên viết hoa là gì.) Chính vì vậy, nếu tất cả các món nợ ngân hàng không đòi được phải đem bạch hóa thì các ngân hàng ở Trung Quốc và Việt Nam hiện nay đang ở tình trạng "vỡ nợ," nghĩa là "tài sản có" thấp hơn "tài sản nợ."

Nếu so sánh thì chế độ kinh tế ở Đại Hàn tôn trọng tự do hơn ở Trung Quốc và Việt Nam. Nhưng chỉ cần theo chủ trương can thiệp một phần như ở Đại Hàn là đủ dẫn tới các hậu quả tai hại như vụ Hanbo và Sammi rồi. Điều đáng cảnh giác là hiện nay chính phủ Việt Nam đang muốn nối gót Đại Hàn, lập ra các "đại tổ hợp," để cho viên chức nhà nước quyết định sẽ nâng đỡ các đại tổ hợp đó như thế nào. Ở Đại Hàn còn đỡ hơn, vì các đại tổ hợp là tư hữu, ở Việt Nam trầm trọng hơn vì tất cả là quốc doanh!

So với Đại Hàn thì kinh tế Nhật tự do hơn. Nhưng vai trò của nhà nước vẫn quá nặng nề. Cũng nhờ nước Nhật còn có tự do, cho nên khi

* Màu xanh trong mắt một người đàn bà không phải luôn luôn là tín hiệu để một người đàn ông đi tới.

* "Sao em thức anh dậy sớm thế? Trời hãy còn tối mà!"
"Thì hãy mở mắt ra đã rồi hãy nói!"

* Loại thuốc mới này rất mạnh, phải là người rất khỏe mạnh mới có thể dùng nó.

Cũng nhờ nước Nhật còn có tự do, cho nên khi nhà nước nhầm lẫn, làm cho đời sống tốn kém quá thì dân Nhật vẫn có đường tự chữa trị. Một thí dụ là chi phí Bưu điện.

Bưu điện ở Mỹ hay Canada đã trở thành các công ty tự lập, và từ khi không còn nằm trong tay nhà nước nữa thì các Bưu điện đã cải tiến rất nhiều. Nhưng ở Nhật thì Bưu điện vẫn rất rùa. Rùa thì phải thua lỗ, thua lỗ thì nhà nước bổ xuống đầu dân bằng cách tăng giá tem cò. Bưu điện Nhật đã tăng giá tem thư nội địa từ 62 yen lên 80 yen (tương đương từ 56 xu Mỹ lên 72 xu.) Nếu quí vị gửi thư ở Mỹ chỉ tốn 32 xu, rồi so sánh đường đất ở Mỹ xa gấp mấy chục lần ở Nhật, thì thông cảm nỗi lòng người tiêu thụ xứ Phù Tang.

Nhưng các công ty Nhật, mỗi ngày cần gửi hàng chục ngàn lá thư cho khách hàng chẳng hạn, đã có cách khác. Họ gửi cả bó thư sang Hồng Kông, gửi hàng mớ lớn lấy giá hạ, rồi từ Hồng Kông gửi từng lá thư về địa chỉ bên Nhật. Vì giá Bưu điện Hồng Kông rẻ, thư gửi sang Nhật chỉ mất 27 xu Mỹ, nên gửi hai lượt như vậy vẫn tiết kiệm được!

Ông Bưu điện xứ Nhật không chịu thua, vì ông là nhà nước, có quyền thì ông cứ làm. Ông ra lệnh cấm gửi thư "hàng mớ - bulk rate" sang Hồng Kông! Hiện nay các công ty Nhật đã có cách đối phó. Họ gửi điện thư (email) qua Hồng Kông, để in ra ở đó rồi gửi từng lá thư về Nhật, chi phí còn rẻ hơn nữa! Người dân Hồng Kông bỗng nhiên có thêm việc làm, cho các nhà in và cho sở Bưu điện!

Cuối cùng thì tất cả các câu chuyện trên, Gạo, Thép, Ngân hàng, và tem cò Bưu điện, đều mang chung một ý nghĩa: Các quyết định kinh tế mà bị nhà nước can thiệp hay chiếm đoạt lấy, không để cho tư nhân, thì cuối cùng làm hại chung cho tất cả mọi người. Nặng thì hàng triệu người đói, nhẹ hơn thì ngân hàng mất hàng tỷ Mỹ kim, khiến chính phủ phải cứu (lấy tiền công quĩ do dân đóng thuế mà cứu,) hay nhẹ hơn nữa thì như ông nhà nước cả ngày loay hoay tìm cách bắt dân mua tem, đóng góp nhiều tiền hơn để nuôi bộ máy thư lại kềnh càng!

MAO RỤNG

Trong bài diễn văn khai mạc khóa họp đầu năm của Quốc hội Trung Quốc, Thủ tướng Lý Bằng không hề nhắc đến tên Mao Trạch Đông một lần nào. Khi còn sống, có lần Mao đã tức giận nói: "Chúng nó qua mặt tôi, coi tôi như một ông cố nội để lên bàn thờ rồi!"

Nhưng bây giờ thì ngay cả địa vị một ông cố nội trên bàn thờ Mao cũng không được hưởng nữa. Một số bức hình của Mao vẫn còn treo ở nơi công cộng, nhưng cái ngôi sao đã rụng chính là "tư tưởng Mao Trạch Đông."

Điều nổi bật trong bài diễn văn thường niên của Lý Bằng, là việc đẩy cho chương trình đổi mới kinh tế đi xa hơn nữa. Khi mở cửa kinh tế thị trường, Trung Quốc vẫn còn phải duy trì nhiều xí nghiệp quốc doanh, cốt giữ chỗ cho các công nhân mà đáng lẽ phải sa thải khi xí nghiệp thua lỗ. Năm nay, sau khi tổng kết tình hình thua lỗ của các xí nghiệp đó, Lý Bằng công bố chương trình "cổ phần hóa" nhiều xí nghiệp nhà nước. Thứ nhất là các công nhân được phép trở thành sở hữu chủ cổ phần của các xí nghiệp nhỏ. Thứ hai là các xí nghiệp lớn được phép phát hành các cổ phiếu và trái phiếu cho công chúng để gây thêm vốn. Thứ ba là biến một số nợ của các công ty nhà nước thành cổ phần.

Các cải tổ trên là một bước đầu khiêm tốn để nền kinh tế càng xa lý thuyết của Lê Nin và Mao. Khi nhiều người làm chủ các cổ phần với tính cách tư nhân, thì một thứ quyền sở hữu được thiết lập, và đó chính là một động lực chính yếu thúc đẩy nền kinh tế thị trường. Một bước cải tổ mạnh dạn khác mà Lý Bằng đưa ra là chấp nhận cho nhiều xí nghiệp công tuyên bố phá sản, và chấp nhận các xí nghiệp mạnh mua lại các xí nghiệp yếu đang phá sản để cải tổ cách quản lý. Ủy viên Thường Vụ bộ chính trị Cộng Sản Việt Nam, Nguyễn Tấn Dũng đã sang Trung Quốc, và một bài báo của ông trên tạp chí Cộng Sản đã nêu lại chủ trương "cổ phần hóa" này.

Đó là một bước quan trọng để từ bỏ chủ nghĩa Mao. Lý Bằng cần đóng vai một người đổi mới, và đổi mới một cách mạnh dạn, để thu phục nhân tâm. Trong cuộc tranh chấp quyền hành nội bộ đảng Cộng Sản Trung Quốc, Lý Bằng cần mang nhãn hiệu "đổi mới mạnh dạn" vì ông là người bị trút lên đầu nhiều tội nhất

* "Tôi hiểu rằng vợ anh xuất thân từ một gia đình cổ điển quý phái."

"Anh dùng chữ 'xuất thân' tôi e không đúng. Nàng đã mang hết gia đình theo với nàng!"

* "Thôi em phải về với mẹ em anh nhé."

"Đúng đấy, như thế tốt hơn là để bà ấy đến đây."

sau vụ tàn sát ở Thiên An Môn. Ông ta đã thi hành lệnh giới nghiêm và đàn áp dân chúng, do Đặng Tiểu Bình ban ra.

Bình rơi

Trong khi đó thì chính Giang Trạch Dân đang bắt đầu tự tạo ra một thế đứng riêng, bằng cách tách rời ông ta ra khỏi trách nhiệm về vụ Thiên An Môn. Một trong các thủ đoạn của Giang là chỉ trích ngay vai trò của Đặng Tiểu Bình, một cách kín đáo.

Đầu tiên, Giang ra lệnh cho đài truyền hình chiếu nhiều lần bộ phim 12 giờ về tiểu sử của Đặng Tiểu Bình. Trong phim đó, Đặng lên tiếng tố cáo các lãnh tụ sinh viên ở Thiên An Môn là "phá hoại, phản cách mạng" và tuyên bố sẽ ra lệnh đàn áp lần nữa nếu còn biểu tình như vậy. Cuốn phim này tiếp tục chiếu đi chiếu lại, sau khi Đặng Tiểu Bình chết, để vạch rõ trách nhiệm của Bình.

Nhưng trong bài điếu văn đọc trước thi hài Đặng, Giang Trạch Dân nhắc đến vụ Thiên An Môn nhưng không dùng các danh hiệu "phản cách mạng" hay "phá hoại." Ông dùng các từ ngữ vô hại, như: "một biến cố lịch sử," gây ra bởi "các xáo trộn chính trị quốc nội và quốc tế." Sử dụng các ngôn ngữ đó là một cách tự tách mình ra khỏi cái di sản đen tối Đặng Tiểu Bình để lại. Quốc hội Trung Quốc cũng bỏ cái tội "phản cách mạng" ra khỏi bộ hình luật, cũng trong chiều hướng đó.

Giang Trạch Dân có thể trút bỏ trách nhiệm về vụ Thiên An Môn, vì trong lúc xảy ra vụ tàn sát đó, Giang còn ở Thượng Hải, không tham dự các cuộc thảo luận và quyết định đàn áp. Trong lúc sinh viên và công nhân biểu tình ở Thiên An Môn, ở Thượng Hải cũng có các cuộc biểu tình tương tự. Giang, lúc đó là Bí thư Thành ủy, đã khéo léo giải tán các cuộc biểu tình mà không dùng đến quân đội. Đặng Tiểu Bình đã đưa các đạo quân gốc nông dân từ các tỉnh về đàn áp sinh viên và thợ thuyền Bắc Kinh, trong khi quân trú phòng ở thủ đô đã có mặt và tỏ vẻ thân thiện với người biểu tình. Chính điểm này vẫn gây một mối bất bình cho nhiều tướng lãnh Trung Cộng, vì làm mất danh dự của các quân nhân. Nay Giang Trạch Dân muốn trút hết trách nhiệm đó lên Đặng Tiểu Bình, và gián tiếp, đổ tội cho Lý Bằng.

Trong khi ở Trung Cộng ngôi sao chủ nghĩa Mao Trạch Đông đã được Lý Bằng cho rụng, và Giang Trạch Dân đang để quan thầy Đặng Tiểu Bình rơi luôn, thì Việt Nam lại khác.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đang cổ động việc dùng chế độ sưu dịch để "vận động quần chúng" đi đắp đường, theo chủ trương của Mao thời 1950-60. Tổng Bí Thư Đỗ Mười vẫn quyết liệt bảo vệ các xí nghiệp quốc doanh, đe dọa các người muốn cải tổ chính trị, theo chủ trương "đổi mới một chân" của Đặng Tiểu Bình.

Khi tiếp tục nối gót các hồn ma, dù theo sau chậm hàng chục năm, thì kết quả sẽ đi đến đâu người ta có thể đoán được. Nhại Truyện Kiều, người Việt Nam trong nước đã truyền tụng hai câu rằng:

Kiệt, Mười vừa ghé đến nơi,
Thì đà Mao rụng Bình rơi bao giờ! •

Văn Phòng Luật Sư

ROBERT M. VIEFHAUS & ASSOCIATES

27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* Trộm cắp - Gian lận
* Tàng trữ - Mua bán ma túy
* Say rượu lái xe - DMV hearing
* Thiếu niên phạm pháp
* Đả thương - Vợ chồng xô xát
* Vi phạm probation - Xóa tiền án
* Tất cả tội đại hình & tiểu hình

* Bồi thường thương tích tai nạn
* Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
* Những trường hợp đặc biệt đã thắng: 500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
* Luật Gia Đình: Ly dị, cấp dưỡng
* Luật Di Trú: Bảo lãnh, công hàm
* Luật Phá sản - Di chúc - Thừa kế

Bus. Hrs:
Mon - Fri: 9:00 AM - 5:00PM
Saturday: 10 AM - 3:00 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 895-5533 - Pager: (714) 570-4986

7777 Center, Ste #470
Huntington Beach, CA 92647
(Gần ngã tư Beach & Edinger Trong Liberty National Bank)

HOÀNG CHIỀU NHÂN

SAO BỖNG DƯNG NHỚ CON CHUỘT NHẮT

Gửi công tử Bột

1.
Trời xanh
trời xanh
Montréal trời thu vẫn xanh
Montréal trời thu không buồn
mùa thu không ảm đạm
Người phải đi sao?
thì cứ đi đi
ta ở đây có trời thu xanh
bạn bè mấy đứa vui qua ngày.

Lá phong vàng
lá phong vàng
hai bên phố vắng
chiều thu buồn heo hắt gió may
đường ta đi chiều nay vắng lạ
không bóng người, không một bóng xe.
Người muốn đi
sao vẫn chưa đi
Montréal còn gì vương vấn
chỉ có lá phong vàng
rực rỡ mùa thu.

Lá phong rơi
lá phong rơi
vàng trên hè phố
mùa thu hết rồi
mùa đông lạnh lẽo
người cứ đi đi
làm theo ý nguyện
là nghiệp dĩ
hay là tham vọng
cũng là làm thỏa chí mình thôi.
Ta ngẫm thân ta một đời vô dụng
nửa kiếp si mê
chất chồng hệ lụy
ta tự buộc vào ta gỡ không ra.

lá khô rơi
đầy trên hè phố
gió thu đùa xào xạc lá khô.
Người cứ đi đi
sông hồ thỏa chí.
Nếu một ngày nào may về quê cũ
về làng xưa
làm kẻ sĩ ẩn cư
ngày hội đình
vui nghe trống lễ
chiều lên chùa
thỉnh chuông lễ phật
lắng lòng nghe êm êm chiều xuống.

2.
Đầu mùa đông
tuyết rơi nhè nhẹ
đường đến nhà ngươi chiều nay nắng lạ
trên cành khô tuyết trắng lung linh
Mùa đông sang
người cũng đi rồi
nhớ ngày nào ngồi trong cốc vắng
uống trà thơm mạn đàm thế sự
những ước mơ
chuyện nhà chuyện nước
lòng băn khoăn những nỗi tiên ưu.
Sáng sớm mai trời quang
tuyết như bông buông rơi nhè nhẹ
ta dạo trên đồi
ngan ngát mùi thông
căng ngực thở
đầy không khí sạch.

Mùa đông sang
ngươi đã đi rồi
sao bỗng dưng nhớ con chuột nhắt
bé tí teo ngồi dưới cội tùng
mắt tròn xoe nhìn quanh ngơ ngác
sao gần gũi mà sao xa lạ
chuột nhắt ơi, có gì đáng sợ
ở đây là đất bụt, người hiền

3
Có ngày nào ta lại lên non
leo dốc núi
len lỏi rừng thông
kiếm mảng rêu xanh
tìm hòn đá cuội
lên thiền đường thỉnh chuông lễ phật
và ngóng nhìn đồi núi xa xa.
Đồi núi quanh co
đường lên đã mở
bàn tay người đóng góp bao công.

Mùa đông sang
tuyết bay phơi phới
đường nhà ngươi ngày sao vắng ngắt
trên cành khô
tuyết trắng lung linh
ta bỗng dưng nhớ con chuột nhắt.

Montreal 29-11-94

TRÒ CHUYỆN VỚI NHÀ THƠ NGUYỄN CHÍ THIỆN VỀ TẬP THƠ "KHÔNG PHẢI CỦA LÝ ĐÔNG A"

BỬU SAO

(Orlando, Florida)

Hôm 14 tháng 12 năm 1996, thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đến nói chuyện với Cộng Đồng Trung Tâm Florida, chúng tôi được dịp đón mời thi sĩ đến nghỉ tại nhà hai hôm nên có cơ hội để tìm hiểu và nhận xét tận căn rễ cái mà dư luận quen gọi là "Hiện tượng Nguyễn Chí Thiện." Vừa nhập cuộc, tôi đưa ra *Bản Tin số 5 V.Th.*mà tôi đã tô bằng bút vàng những hàng chữ cần lưu ý. Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện cầm lấy, đọc vài hàng rồi cuộc nói chuyện bắt đầu.

Nguyễn Chí Thiện(NCT). Có người đã đưa cho tôi xem bài này rồi anh ạ. Lý luận trẻ con quá, không đáng mất thời giờ vào đấy. Nhưng nếu anh có điều gì thắc mắc thì xin cứ việc nói ra, tôi sẽ trả lời anh.

Bửu Sao (BS). Đối với tôi, đặt nghi vấn trước bất cứ một hiện tượng nào trong cuộc sống xã hội là một nhu cầu của trí tuệ. Đấy là bước đầu để tìm hiểu. Qua nhiều cuộc nói chuyện tại nhiều nơi, anh đã chấp nhận nguyên tắc đó và đã giải đáp thắc mắc cho mọi người. Đây tôi muốn nhân cơ hội anh đến đây để đúc kết mọi lời giải thích của anh để vấn đề **chính thực** (authenticité) về danh tánh, lai lịch và tác phẩm của anh được minh chứng một cách trung thực và rõ ràng cho mọi người. Tôi xin bắt đầu bằng sự xác định bản chất chính thực của tác phẩm *Hoa Địa Ngục*. Nhóm chủ trương V.Th. nói là của ông Lý Đông A. Anh trả lời thế nào?

NCT. Đọc một bài thơ bốn câu của tôi như thế này:

Mười mấy năm sống giữa ao tù,
Sống giữa buồng tim chế độ
Tội đã hiểu cái tận cùng bể khổ,
Mà trước kia Phật Tổ hiểu lơ mơ

rồi họ bảo rằng tôi khinh thường Phật Tổ. Nhưng mà trước khi kết tội tôi như vậy họ lại quên mất rằng họ nói cái tập thơ ấy là của ông Lý Đông A. Vậy nếu mà họ muốn kết tội thì họ phải kết tội Lý Đông A chứ! Vì là thơ của Lý Đông A cơ mà! Thế tại sao lại bảo tôi khinh thường Phật Tổ? Đấy chứng tỏ là họ làm việc thiếu nghiêm túc. Thêm nữa là trong bài thơ của tôi, tôi làm năm 68 thì tôi nói rõ tuổi tôi:

Tròn ba mươi tuổi xòe tay trắng,
Nắn bóp đôi chân nát cõi lòng.

Năm ấy là năm 68, năm tôi 30, tuổi tính theo tuổi ta là 30 anh ạ! Không dính dáng gì đến ông Lý Đông A cả. Hơn nữa có một câu mà họ hay bắt được gốc là cái câu

Như... một sớm đầu thu mùa thu trở lại
Tuổi hai mươi mắt nhìn đời trẻ dại
Nhớ cờ sao rực rỡ như thắm màu xứ sở yêu thương..."

Thì họ bảo là cái tuổi hai mươi lúc đó là thời Cách Mạng Mùa Thu (tháng tám năm 1945). Vào năm ấy thì tôi mới lên sáu lên bảy thôi, tại sao lại nói tuổi 20? Như thế chứng tỏ câu thơ này không phải là của tôi mà của Lý Đông A, vì ông Lý Đông A hồi đó mới là 20 hay ngoài 20, hay 24, 25 gì đó. Cái này cũng là sai nốt: ông Lý Đông A không bao giờ ông ấy *"nhớ cờ sao rực rỡ như thắm màu xứ sở yêu thương"* được, là vì ông chống cộng sản từ những năm trước 45 cho nên không thể nào ông có cái cảm giác là *nhớ cờ sao rực rỡ tươi thắm màu yêu thương*.

Một điểm nữa họ đọc văn mà họ không hiểu cái nghĩa chữ đơn giản nhất là cái chữ "trở lại." "Như về một sớm đầu thu, mùa thu trở lại..." là mùa thu sau cuộc cách mạng tháng 8 họ đến Việt Bắc mà... Mãi đến năm 54, 55, khi ấy tôi 16 tuổi, Hồ Chí Minh và chính phủ của ông ta mới trở về Hà Nội, năm ấy tôi 16 tuổi... Nói *"trở lại"* thì không thể hiểu là mùa thu tháng 8 năm 1945 được. Nhất là trong thơ của tôi ít bàn đến những chuyện trước năm 1955... là vì khi ấy tôi đang còn bé. Thế thì họ nêu lên mấy chữ *"mùa thu trở lại," họ đã không hiểu cái chữ "trở lại." Họ cho là năm 45 nhưng thực tế là năm 55 mới là "mùa thu trở lại."* Ông Lý Đông A làm sao thấy được những *cảnh giáo giở*?

Trong thời chống Pháp chúng nó có *giáo giở* được mấy đâu? Rồi tiếp theo đó là gì?

Nếu cờ sao rực rỡ tươi thắm màu xứ sở yêu thương
Có ngờ đâu giáo giở đã lên đường
Khuynh đảo phá bờ kim cổ
Khiến mối dường rung đổ chuyển non sông."

Bắt đầu cuộc cải cách này! Con tố cha, bố tố mẹ tiếp theo đấy! Cho nên cái lý luận của họ là vu vơ. Mà hơn nữa trong nhiều bài thơ của tôi thì tôi còn cả tình cảm thương tiếc bố mẹ, nhớ chị, nhớ anh. Tôi không lấy vợ, tôi không có vợ vì cảnh sống của tôi là cảnh sống tù đày, toàn là những cảnh tù đày phải không anh? Chứ không phải như ông Lý Đông A là sống ở giữa xã hội. Những cái "scènes" trong tù tôi mô tả rất tỉ mỉ, mà hiện thực. Riêng cái lầm to mà uổng phí cả cuộc đời là đã ngốc nghe và tin cộng sản. Còn ông Lý Đông A có nghe và tin cộng sản bao giờ đâu? Ông chống cộng sản từ đầu cơ mà! Tất cả những cái đó đã chứng minh rằng họ viết, họ chép, họ muốn lấy thơ của tôi để mà gán cho ông Lý Đông A nhằm đề cao họ lên. Không phải là họ không biết của tôi, nhưng mà với cái dụng ý thì họ tưởng rằng tôi không bao giờ ra khỏi tù và sang được đến đây. Cho nên khi tôi sang được đến đây thì họ bị hố, họ tìm cách khác họ phá... nào tôi là gián điệp, biệt kích của cộng sản, tôi là Thiện giả... những vấn đề đó, những cái lý luận của họ thì bất cứ một người nào đọc thơ và hiểu thơ thì đều thấy là vô giá trị.

Mà hơn nữa thơ của tôi và thơ của ông Lý Đông A nó hoàn toàn khác hẳn nhau. Thơ ông Lý Đông A là loại thơ rất cổ, dùng rất nhiều chữ Hán, còn thơ tôi là loại thơ có thể nói là bình dân, ai đọc cũng hiểu, rồi cái giọng văn, lời văn, nó khác hẳn. Hơn nữa họ bảo rằng tập một là của ông Lý Đông A. Sự thực mà nói là tôi vào tòa Đại Sứ Anh thì cũng có ba bức ảnh của tôi, có tên tuổi tôi, tên tác phẩm đề rõ rất cả, mà hiện bây giờ Bộ Ngoại Giao Anh vẫn lưu giữ các thứ đó. Thế còn một điểm nữa là chính ông giáo sư Honey, một học giả người Anh, có xác nhận với ông Huỳnh Sanh Thông và ông Đỗ Văn rằng tên tác phẩm là Hoa Địa Ngục mà tên tác giả là Nguyễn Chí Thiện. Họ nói rõ rệt như vậy là thông qua tài liệu của tòa Đại Sứ Anh. Rồi còn một điểm nữa: thơ mà làm giả, người không biết làm thơ mà lấy trộm thơ của người khác rồi mạo nhận là của mình để mua lấy cái chết à! Dù có thế chăng nữa thì làm thế nào mà lại tiếp tục được tập hai? Lại hơn 300 bài nữa, thì cái chuyện đã rõ như ban ngày. Sở dĩ như thế nên tôi không bao giờ đề cập và bàn đến vấn đề đó là vì cái chuyện nó... nó ấu trĩ quá! trắng trợn quá!"

B.S. Nhưng còn lại vấn đề lý lịch của anh, có người họ cứ bảo là Chí Thiện giả người khác bảo là Chí Thiện thật. Nếu anh khẳng định anh là Nguyễn Chí Thiện thật thì tất nhiên phải có một số nhân chứng hiện còn sống đã gặp anh ở quốc nội, và đã vượt biên, đã xuất ngoại. Số người này chắc không phải là ít nhỉ? Anh có thể kể đích danh một vài người trước đây đã gặp anh ở bên kia và bây giờ đang ở bên này không?

NCT. Những người ở tù cùng với tôi ở quốc nội thì nhiều lắm, nhất là làng thơ thì có nhiều người, vì thơ tôi làm ra thì từ anh Phùng Cung, Nguyễn Hữu Hiệu, Nguyễn Hữu Đang... đều biết cả. Còn ở hải ngoại nầy, những người ở tù với tôi, các anh em biệt kích, hiện ở Cali cũng đầy ra, ở một vài nơi khác cũng có.

BS. Đặng Chí Bình, anh có biết không?

NCT. Đặng Chí Bình cũng đã từng cùng ở với tôi trong tù. Thế rồi những anh em đó nay họ ở Cali họ đón tôi, đi ô tô, chụp ảnh với tôi. Trong tập hai có ảnh in ra cả hình các anh em cựu quân nhân có nghe thơ của tôi khi còn ở trong tù. Những sĩ quan quân lực quốc gia mà có chụp nhiều ảnh đấy (NCT giở mấy trang ảnh

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406
* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố
San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

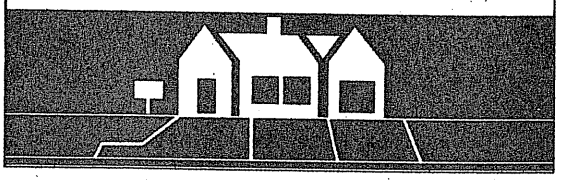

ở Hoa Địa Ngục tập hai), anh thì đại úy, anh thì trung úy đã có 15, 17 năm tù cả. Những anh này họ thuộc thơ của tôi cả. Đấy là những người ở trong nước. Còn những người ở ngoài nước thì thí dụ như là anh Nguyễn Hữu Hiệu là anh in tập thơ Tiếng Vọng Từ Đáy Vực từ đầu. Anh có gặp tôi mấy lần ở Hà Nội. Đến tại nhà tôi. Khi mà nói chuyện về thơ phú... anh hỏi thì tôi đọc cho anh í nghe, đọc những bài thơ... (ba chữ) cho anh í nghe, anh cần đọc bài nào tôi đọc bài ấy, những người chung quanh đều biết thơ của tôi cả. Cho nên khi mà anh Nguyễn Hữu Hiệu đề cập đến chuyện ở quốc ngoại có tờ báo "Vạn Thắng" nói rằng thơ này của ông Lý Đông A thì mọi người đều ngạc nhiên hỏi Lý Đông A nào làm được thơ này. Thế rồi họ bảo ngoài í báo đăng như thế, anh Hiệu bảo đấy là chuyện trẻ con, không đáng bàn đến, rồi họ nói chuyện khác.

Chúng tôi coi đấy là chuyện trẻ con thật, vì thơ của tôi còn nằm ở tòa Đại Sứ Anh cơ mà, và tôi viết là viết bằng tay, chứ không phải là viết bằng computer hay là đánh máy. Bút tích của tôi còn. Mà bút tích của tôi bây giờ, ngay bút tích của tôi trong bức thư bằng tiếng Pháp ấy mà, thì tất cả những người đem đối chiếu đều thấy là cùng một bút tích. Rồi những chiếc ảnh của tôi chụp từ lúc tôi đang còn trẻ ở trong tù và đến ngày hôm nay thì đã có những người nhận dạng ảnh, những chuyên viên ấy mà, thì đều nói là cùng một loại ảnh, cùng một người cả, có phải không? Vậy nói rằng tôi là một người khác giả danh thì không ổn.

Thế còn bảo tôi sang đây để làm biệt kích cho cộng sản, cho đi để làm biệt kích... cái đó cũng là trẻ con nữa... vì phải nhìn lại hành động của tôi. Từ ngày tôi sang đây tôi có làm cái gì lợi cho cộng sản không? Và tôi có làm cái gì hại cho cuộc đấu tranh dân chủ của người Việt không, hay là ngược lại? Lập luận này mang tính chất phá đám, không vì đại nghĩa, phá đám... nhưng mà vì nó không quan trọng, nó gây được ảnh hưởng rất ít, ít người tin cho nên tôi không trả lời.

Bửu Sao ghi

MỌI GIA-ĐÌNH VIỆT-NAM ĐỀU ĐỌC VÀ GIỮ TRONG TỦ-SÁCH:

làng văn

TẠP-CHÍ THÔNG-TIN, VĂN-HỌC, NGHỊ-LUẬN CHÍNH-TRỊ

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo xuân và cước-phí)

Họ, tên:.....

Địa-chỉ:.....

.....

gửi kèm chi-phiếu (check): US$55 (đường bộ) hoặc US$75 (máy bay)

đề trả cho: "Làng Văn", gửi về địa-chỉ:

Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ont. M8Z 5P1, Canada

* *Ghi-chú: Báo đường bộ đi mất 10 ngày; báo máy bay mất 3 ngày;*

Báo bán lẻ giá US$5 một tờ tại ca6c nhà sách trong vùng

Quí vị cũng có thể đọc một phần các trang báo và xem Thư-mục Làng Văn trên internet, địa-chỉ: **http://www.vietnamlangvan.com/vietnews/**

hoặc gửi vi-thư (e-mail): **langvan@ilap.com** khi có điều cần hỏi.

BUỔI CHIỀU BÊN ĐẠI VỰC

LÊ TẤT ĐIỀU

Santee 1/01/1997

James Keeran kính mến,

Nước Mỹ có ít nhất ba nơi cực kỳ đẹp đẽ.

Bờ Đại Vực, mạn Bắc, là chỗ đã cho tôi cảm giác đang đứng giữa một chốn hoang đường, ngoài cõi nhân gian.

Ông đừng lo, tôi sẽ không cố gắng mô tả dài dòng. Lăm le dùng những câu văn tả cảnh vụng về của mình để thi đua với rừng sách báo, phim ảnh nói về Đại Vực là chuyện ngớ ngẩn. Tôi chỉ kể với ông vài kinh nghiệm riêng.

Buổi sáng hôm đó, trên đường từ Bloomington trở lại San Diego, gia đình tôi quyết định ghé chơi ở Đại Vực, mạn Bắc, vì chúng tôi đã đến mạn Nam nhiều lần.

Ngủ dậy hơi trễ, lại tham lam đi coi cái hố khổng lồ do thiên thạch tạo ra hàng triệu năm trước, chúng tôi vào vùng sa mạc lúc gần trưa. Nắng chói chang, đường vắng hoe, chập chờn ảo ảnh vì nóng, xung quanh là cát, đá, những ngọn núi thấp, rải rác đến tận chân trời. Chạy hàng giờ, đến quá trưa gặp một trạm xăng mới đỡ lo, và bớt tự sỉ vả mình ngu vì ham chơi mà đưa gia đình vào chỗ nguy hiểm. (Xe mà trục trặc giữa sa mạc mùa hè thì rắc rối to).

Xế chiều, chúng tôi đến vùng Núi Đỏ. Chỗ này, đất đá đều một mầu đỏ. Hàng chục tảng đá, sần sùi như đá ong nằm rải rác trên một nền đất khá bằng phẳng. Nhiều tảng lớn đủ cho dân địa phương thủa xưa dùng hang, động làm chỗ ở.

Thấy cảnh ngộ nghĩnh, chúng tôi dừng lại. Mở cửa xe mới biết bên ngoài còn nóng trên trăm độ. Chạy loanh quanh chừng mười lăm phút, chụp vội vàng mấy tấm hình, chúng tôi lại vội vã chui vào xe đi tiếp.

Có lẽ tất cả những cái bất tiện của một ngày hè trong sa mạc đã làm vùng Đại Vực tăng nhiều phần diễm ảo, đối với riêng tôi, trong ngày hôm đó.

Đầu tiên là khu rừng thông làm cho đôi mắt đang chói nắng, hơi nhức nhối vì màu cát, màu đá được dịu lại trong màu xanh thanh thản, êm đềm. Sau đó, chúng tôi chạy dọc theo cánh đồng cỏ xanh dài hàng chục dặm. Chỗ này có lẽ vẫn là rừng thông, nhưng bìa rừng bị đẩy lui cách đường xe khoảng một dặm. Giữa xa lộ và bìa rừng, cánh đồng cỏ xanh chiều ngang một dặm, trải dài mút mắt, làm mình tưởng như đang trôi trong chốn hoang đường.

Bờ Đại Vực mạn Bắc ít du khách. Từ địa điểm ngắm cảnh này sang địa điểm ngắm cảnh khác có khi phải đi quanh co hàng giờ trong rừng, gây cho mình cảm tưởng mỗi lúc mỗi rời xa cõi trần, dấn thân vào chốn âm u, huyền bí.

Như đã kể với ông trong một lá thư trước đây, Đại Vực hùng vĩ luôn luôn làm tôi choáng ngợp.

Riêng trong buổi chiều hôm đó, đứng ở bờ Đại Vực mạn Bắc, sau phút giây choáng ngợp, tôi còn hóa ra một triết gia tay mơ, đầu óc ngổn ngang những ý tưởng bất mãn với đấng tạo hóa.

Khoảng khắc kỳ quặc đó xảy ra khi tôi đứng ở mõm đá hướng về phía một vách núi có lỗ thủng lớn, nhìn xuyên qua thấy ngọn núi phía sau.

Đầu tiên là cảm giác bàng hoàng, ngây ngất, như thường lệ, có hơi mạnh hơn một chút. Rồi cơ thể, thần trí bỗng nhiên như bị tê liệt. Không phải chỉ là ảo giác bị tê liệt. Chân tôi dính chặt xuống mặt đá, cơ hồ nhấc lên không được. Mắt cũng không muốn chớp nữa, như sợ sẽ mất đi một giây kỳ diệu của buổi chiều trên núi non, cỏ cây Đại Vực.

Tôi thấy muốn đứng đó, phải đứng đó, để miệt mài chiêm ngưỡng không gian trước mặt, theo dõi ánh nắng chiều trên vách đá, trên từng ngọn cây, theo dõi ánh trăng trên Đại Vực đêm nay, theo dõi bình minh trên Đại Vực sáng mai. Rồi từng giây phút của mùa thu, mùa Đông, mùa xuân nữa... Tóm tắt, tôi sẽ phải đứng ì ra đó hàng ngàn năm, triệu năm với lòng ngưỡng phục không mệt mỏi.

Thoạt đầu, tôi nghĩ lòng yêu thiên nhiên thái quá của mình đã tạo ra những chấn động thể lý, khiến chân tay mình tê liệt. Nghĩa là tôi "muốn" đứng đó, tôi tự nguyện đứng đó, vì không thể rời mắt khỏi cảnh trí hùng vĩ trước mặt.

Một lúc sau, tôi cảm thấy rõ ràng là mọi chuyện không giản dị như vậy. Tôi hết muốn đứng đó, tôi muốn bỏ đi mà không được. Chính Đại Vực đang ra tay giữ cứng tôi trên mỏm đá, như giữ cứng một thành phần tạo nên sự toàn hảo tuyệt đối của nó. Thành phần gì đây? Không phải là tảng đá, rặng cây làm nên cảnh trí, mà là đôi mắt mở to nhìn cảnh trí với lòng ngưỡng phục, mê tơi. Đại Vực cần tôi như rạp hát cần khán giả biết thưởng ngoạn. Tôi là một trong những khách mộ điệu thượng thặng, biết thưởng thức đến tối đa sản phẩm của một nghệ sĩ, làm nên sự toàn hảo của một buổi trình diễn, tạo thành hào quang cho người nghệ sĩ.

Lúc đó, bị đứng chôn chân bên bờ Đại Vực, tôi lại làm cái việc tôi biết là nhảm nhí, nhưng rất khoái, là "lấy bụng tiểu nhân mà đo lòng... Thượng Đế."

Thoạt đầu, tôi khoái trí lắm, giống như một anh chàng có máu ghen tị lần đầu tiên diện kiến một vĩ nhân, thấy ông ta cũng lùn tè và xí trai như mình. Tôi bắt quả tang Đấng Tạo Hóa bụng dạ cũng có nhiều chỗ, giống lũ phàm nhân khoái được khen tặng, ngưỡng phục. Rõ ràng ngài rất cần kẻ ái mộ. Đại Vực không tỏa ra sức hút huyền bí nào để giữ tôi mà chính Đấng Tạo Hóa đã chôn chân tôi trên chỏm đá để tôi phải đứng trố mắt ra mà ngưỡng phục một công trình đắc ý của Ngài.

Không chừng hơn nửa thế kỷ vừa qua, trôi giạt từ Bắc vô Nam rồi qua Mỹ... mục đích thiêng liêng sự hiện hữu của tôi chỉ là giờ phút này đây: đứng nghệt mặt ra bên bờ Đại Vực, thần trí ngơ ngẩn, mê tơi vì cây cỏ, núi non. Không chừng Tạo Hóa cho tôi được tai qua, nạn khỏi nhiều lần trong hơn nửa thế kỷ qua chỉ vì tôi là khách mộ điệu đặc biệt, Ngài không nỡ bỏ phí. Giống như các nhà sản xuất mấy show chọc cười cần tuyển mộ những khán giả cười lớn, vỗ tay to.

Sau khi biết Tạo Hóa khoái được ái mộ, tên tiểu nhân này còn khám phá ra một điều nữa: Tạo Hóa rất ghét sự nhàm chán, thích đổi thay, biến hóa. Lại giống hệt "bụng" mình.

Cho đến lúc đó tôi vẫn đinh ninh Đại Vực, như tất cả các cảnh núi non hùng vĩ khác, là một khối bất biến, giữ nguyên trạng hàng triệu năm.

Đâu phải vậy. Tạo Hóa ra tay sửa đổi, làm mới công trình của Ngài trong từng khoảng khắc giữa cái tĩnh lặng đến lạnh mình của thiên nhiên chiều hôm ấy, tôi bỗng nhìn thấy, cảm thấy những biến chuyển, đổi thay. Sự biến đổi toàn diện, đều khắp, mang dấu vết của bộ máy huyền vi đang chuyển vần vũ trụ.

Những bông hoa đang nở trong lòng Đại Vực không phải là những bông hoa của ngàn, triệu năm trước. Mầm cây thông nhỏ vừa nhú trên sườn núi chiều nay, khác với chính cái mầm ấy chiều hôm qua: nó lớn thêm một tí. Cả những rặng thông dưới lòng vực kia hay rừng thông

bạt ngàn sau lưng tôi đều lớn hơn, hay cằn cỗi đi thêm một tí để khác với chính nó một giờ, một ngày trước đó. Bởi vì, từng tế bào của mỗi cây thông đều biến đổi, biến đổi chậm đến độ ta không thấy, nhưng biến đổi chắc chắn, không ngừng. Con chim đang xẹt tới, xẹt lui ở sườn núi kia nếu có tình cờ giống hệt từng tế bào, màu cánh, số lông với một con chim nào đó hàng ngàn, vạn năm trước thì vẫn tạo ra những đường bay mới chiều nay, không thể nào lập lại tuyệt đối một hình ảnh cũ.

Vài ba cọng cỏ dưới chân tôi, hèn mọn tầm thường, chẳng đóng góp gì cho bức tranh hùng vĩ của Tạo hóa, trong giờ khắc này đây, cũng đâu có chịu yên thân cỏ hèn. Chúng cũng đang lớn dậy bằng những bước li ti, nhưng chắc chắn và liên tục, như rừng thông bạt ngàn bên bờ Đại Vực, như tất cả cỏ cây đang xanh tươi quanh mặt địa cầu.

Giọt sương đọng trên mỏm đá sáng nay không là giọt sương sáng hôm qua và những đám mây đang tụ trên trời kia có thể đang sửa soạn cho những giọt sương mới tinh trên mỏm đá sáng mai.

Những hạt cát dưới chân tôi, có vẻ tự nó không hề có sự biến thiên nội tại, cũng đang bị gót giầy của một tên du khách mới tinh, xô đẩy bắt chuyển dịch. Những hạt đất, cát nằm trên triền núi kia, xa cách hoàn toàn với sự khuấy động của chân thú, chân người cũng sẽ gặp những cơn gió, khi nhẹ nhàng khi cuồng nộ, đẩy ra khỏi chốn cũ. Những hạt cát trốn kỹ trong khe núi hóc hiểm, có lúc sẽ thấy mình nhúc nhích theo một mạch nước sau cơn mưa.

Cả cái hạt cát nằm sâu năm, bảy thước sau vách núi dựng đứng kia, nó có thoát ra ngoài bộ máy chuyển dịch vần vũ của Tạo Hóa không? Nó có giữ được thế bất biến đời đời trong lòng núi chăng? Bàn tay ưa múa may, ngọ ngoạy của Tạo Hóa có dừng lại ở bức tường đá mà buông tha cho nó chăng?

Hạt cát ẩn cư không yên thân đâu. Có những giọt nước tụ thành dòng đang tà tà bào vách núi. Bào chậm lắm, nhẹ lắm, hàng ngàn năm, triệu năm chưa thêm được một vài ly.

Nhưng giọt nước không vội vã. Nó có hàng triệu năm, tỷ tỷ năm trước mặt để hành động. Cái giây phút giọt nước tóm cổ được hạt cát Ẩn Cư, ném xuống chân núi sẽ đến, ở một ngày... rất xa, nhưng chắc chắn sẽ đến.

Từ sự biến đổi nhanh nhẹn trong tế bào một bông hoa đang nở cho đến sự biến thiên chậm rãi trên vách đá do dòng nước tạo ra đều đóng góp vào sự làm mới thiên nhiên, làm mới liên tục, bền bỉ theo cùng với tốc độ của thời gian.

Tạo Hóa giống như một họa sĩ đầu óc hơi bất thường, cứ mải mê vẽ lại hoài hoài một bức tranh. Vẽ lại không để nhắm tới sự toàn hảo mà chỉ để thỏa mãn cái tính ưa đổi thay điên khùng của mình.

Ưa nịnh, thích được ngưỡng mộ, bái phục, ghét sự nhàm chán, say mê làm mới mãi tác phẩm của mình... Toàn là những đức tính dễ thương cả. Giống tính tôi, giống nhiều người. Trong khoảng khắc đó, tôi vừa ngưỡng phục vừa cảm thấy gần gũi, thân thuộc Tạo Hóa. Tôi lại thêm khoái trí vì vừa hé được tí ti tấm màn che phủ cái bí mật bao trùm vũ trụ.

Cho đến lúc tôi chú ý đến một cây thông chết và một đám mây đang tụ lớn dần trong trời chiều.

Cây thông chết mọc ngay sườn núi, cách mỏm đá tôi đứng không xa. Nó sẽ là tiền cảnh của những bức hình mà nhà tôi đang loay hoay chụp. Ngọn cây có hai cành gẫy, một cành dính toòng teng, một cành vướng mấy cành khác, chưa rơi. Tách ra đứng một mình, nó là một cây chết khô xấu ỉn. Nhưng ở đây, nó là tiền cảnh tuyệt hảo. Nó tạo thành những đường nét tuyệt hảo của một bức tranh lớn tuyệt hảo.

Ngắm nghía một hồi rồi tôi lẩn thẩn hình dung: Nếu hai cành cây gẫy kia rớt xuống thì sao? Cảnh trí có bớt toàn hảo chút nào chăng? Nếu cây ấy không chết khô mà còn xanh tươi, lớn mạnh? Hay chỗ đó chẳng có cây cối gì, chỉ trơ ra một tảng đá sần sùi thì sao?

Chẳng sao cả. Không có chút đổi thay nào đáng kể. Ngay như cái vách núi có thủng một lỗ toàn hảo kia, nếu nó thủng một lỗ hình vuông, hình tròn hay hình quái quỉ gì khác, hoặc không thủng chút nào cả, nó vẫn đẹp, vẫn toàn hảo.

Nếu loài người táy máy ủi sập vài quả núi hoặc đổ đất lấp đầy chỗ lòng vực trước mặt tôi thì sao? Chẳng sao cả. Đại Vực hùng vĩ, mênh mông quá. Những trò xẻ núi, lấp sông của con người lọt thỏm vào cảnh trí thiên nhiên, chỉ gây xáo động như chân con sóc đang làm chuyển dịch mấy viên sỏi con con kia.

Rõ ràng Tạo Hóa là một nghệ sĩ ham chơi trò lấy thịt đè người. Bức tranh nào đắc ý, Ngài vẽ thật lớn. Lũ người li ti tha hồ múa may, quay cuồng, phá phách, vẽ bậy, không thể làm tác phẩm của Ngài kém đẹp, bớt toàn hảo.

A, nhưng loài người đã vượt xa cái thời chỉ có sức mạnh xẻ núi, lấp sông. Chiều hôm đó, loài người đã tích trữ được cả đống bom có thể san bằng Đại Vực trong chớp mắt.

Nếu chúng tôi điên khùng biến cảnh núi non đẹp đẽ này thành một bãi cát mênh mông thì

sao?

Vẫn không sao cả. Nhà sáng tạo "lớn" nhất vũ trụ sẽ thấy lên bãi cát mấy cây xương rồng và đêm đêm treo lưng trời một vầng trăng với hằng hà sa số những ngôi sao thật tỏ. Thế là kẻ tiểu nhân này, khách mộ điệu trung thành của ngài, lại đứng nghệt ra ngắm nghía, ngưỡng phục mê tơi. Như những đêm cuối mùa xuân, hắn đứng chôn chân trên sa mạc Anza-Borrego, mê tơi vì cảnh đất trời tuyệt hảo.

Tạo sao thế? Tại sao tôi thấy Tạo Hóa có toàn những tác phẩm thiên nhiên tuyệt hảo. Tôi băn khoăn, thắc mắc và đột nhiên khám phá ra tính xấu nữa của Tạo Hóa: Ngài là một nghệ sĩ độc tài.

Độc tài tuyệt đối! Thay vì tạo ra những tác phẩm làm hài lòng khách thưởng ngoạn thì ngài khắc sẵn vào tâm khách thưởng ngoạn sự hài lòng với tất cả tác phẩm của ngài. Tôi hóa ra một máy điện toán có ghi sẵn trong bộ nhớ cái chương trình nâng bi Tạo Hóa. Hay tệ hơn, tôi là một người máy Ngài tạo ra để nghe Ngài hát thì khen hay, thấy Ngài múa thì vỗ tay đôm đốp.

Nghĩ lại đêm trong sa mạc, đẹp thì thật đẹp, nhưng toàn hảo thì chưa chắc. Tạo Hóa sắp xếp trăng sao cũng lộn xộn lắm. Vậy mà bao nhiêu năm nay tôi không hề cảm thấy nhu cầu cần sửa đổi, sắp xếp lại trăng sao. Trong khi đó, tôi lại khó tính, sẵn sàng chê bai nhặng sị tác phẩm của các nghệ sĩ đồng loại.

Hóa ra, trong lúc gắn vào đầu tôi cái máy điện toán thiên nhiên, Ngài đã len lén cài vô một chương trình nâng bi Ngài. Sống hai mươi mốt năm ở miền tự do nhất Việt Nam, thêm hai mươi năm ở nước tự do nhất thế giới, tôi thù ghét sự mất tự do, nhất là tự do tư tưởng.

Tôi bắt đầu hậm hực, bất mãn.

Rồi tôi chú ý đến một đám mây và đột nhiên nhìn thấy một món đáng ghét hơn, thể hiện tâm địa độc tài quái quỷ hơn của Tạo Hóa: Bộ máy luân hồi.

Để bảo vệ tác phẩm của mình, Tạo Hóa có nhiều biện pháp. Trong vũ trụ tôi đang sống, ngài cho thời gian chạy một chiều, không gian mênh mông bất tận và tốc độ di chuyển tối đa của muôn vật là tốc độ ánh sáng. Mọi thứ bị chôn cứng vào vai trò của nó, vị trí của nó, thế giới của nó. Linh hồn con người, một thứ mà xưa nay tôi đinh ninh là có thể chạy loạn xạ trong trời đất, kẻ lên thiên đàng, người xuống địa ngục, kẻ vùng thoát ra khỏi vòng luân hồi... rút cục, cũng di chuyển tíu tít, loanh quanh gần đây thôi.

Linh hồn con người khi rời thể xác, rời mặt đất, sẽ không bay lên cao hơn những đám mây.

Chắc cũng có nhiều biệt lệ. Những linh hồn có niềm tin tuyệt đối, thánh thiện, "tu thành chánh quả"... sẽ được Trời, Phật hướng dẫn đến Thiên Đường, Cõi Niết Bàn, cõi siêu thoát v.v... bằng những con đường riêng, di chuyển với những tốc độ đặc biệt. Đa số còn lại, tầm thường như linh hồn kẻ tiểu nhân này, sẽ không thoát khỏi vòng luân lưu, vần vũ của bộ máy vận hành Tạo Hóa đã gắn cho trái đất.

Linh hồn tầm thường, cho dù có được vận tốc tối đa vũ trụ cho phép, sẽ mất hàng tỷ tỷ năm mới bò tới... bờ vũ trụ. Mà chắc gì Tạo Hóa để Thiên Đường ở sát bờ vũ trụ. Đến đó, có thể gặp tấm bảng chỉ đường ghi rõ: "Con chịu khó bay thêm một đoạn đường dài gấp mười tỷ lần đoạn đường vừa qua thì sẽ gặp ông Thánh gác cổng Thiên đường." Chiếc "linh hồn nhỏ, mang mang Thiên cổ sầu" khi đó chỉ có nước vòng về chứ thì giờ đâu mà đi tiếp.

Hạn chế tốc độ tối đa trong vũ trụ, mở ra quanh con người một cõi mênh mông, Tạo Hóa đã quyết định rồi. Đời đời, kiếp kiếp, chúng ta sẽ quẩn quanh cùng trái đất.

Rời cái thể xác đã hết xài, chiếc linh hồn, bất tử nhưng không được ân sủng, sẽ cùng những giọt hơi nước nhỏ li ti bay lên tụ hội với một đám mây. Nó vừa chui vào bộ máy xáo trộn của Tạo Hóa, để phục vụ cái tính ưa biến đổi của Ngài. Gió sẽ nổi lên, đẩy mây bay lang thang cho tới một lúc chiếc linh hồn nhỏ dính vào giọt nước mưa bay trở lại mặt đất. Trên mặt đất, nó sẽ có một lộ trình mới, khác biệt với tất cả mọi lộ trình của nó trong quá khứ. Nó có thể lang thang theo dòng suối và lọt vào bụng một con nai uống nước đêm trăng. Nó có thể chui trong mạch nước ngầm rồi kẹt trong dòng nhựa nuôi một thân cây tùng, một bông hoa hồng đang nở. Có thể nó chẳng lọt vào đâu, chỉ nằm chơi trong giọt nước đọng trên tảng đá ít ngày. Tảng đá khô dần, chiếc linh hồn lại bám bụi hơi nước, bay lên.

Chiếc linh hồn nguyên thủy, bị tước đoạt hết mọi phương tiện truyền thông với loài người, bị đẩy xô, vần vũ trong bộ máy xào xáo của Tạo Hóa, sẽ lêu bêu, lạc lõng muôn đời trong trời đất chăng? Chắc không đến nỗi thế. Con chim còn được khả năng bẩm sinh bay về phương Nam mùa Đông, linh hồn người chắc được khắc sẵn con đường trở lại nhân gian.

Nhưng biết mình thuộc hàng ngũ những linh hồn yếu niềm tin, không được Chúa, Phật "bảo trợ," tôi không dám lạc quan.

Trông bộ máy luân hồi khổng lồ lù lù trước mặt, biết tính Tạo Hóa ưa đổi thay, biến hóa,

tôi không lạc quan tí nào. Dùng sức mạnh của giông bão, cuồng phong để đẩy xô những linh hồn nhỏ tí. Cho phép chúng tìm đường trở lại cõi nhân gian theo những giọt mưa, bông tuyết rơi khắp cùng mặt đất... Rõ ràng, Tạo Hóa muốn mỗi đứa trẻ chào đời là một tổng hợp mới tinh khôi.

Chuyện đáng nản lòng nhất là Tạo Hóa có quá nhiều thì giờ. Ngài có vô tận thời gian để... giết. Có những linh hồn bị bỏ quên, ngược xuôi cuối bãi đầu ghềnh hàng ngàn, vạn năm Tạo Hóa cũng chẳng quan tâm.

Tôi bắt đầu ngờ vực những "tính tốt" mà con người ưa gắn cho hành vi của Thiên Nhiên. Mưa to, gió lớn trút lên bãi sa trường sau cuộc chém giết tàn khốc, mưa gió sụt sùi đội ngày khi một vĩ nhân vừa qua đời... Chúng ta bảo là "Trời sầu, đất thảm." Chúng ta gắn cho những giọt mưa ý nghĩa những giọt lệ sót thương. Thiên nhiên chắc gì "nhân bản" như vậy. Linh hồn 'lớn" của vĩ nhân, linh hồn đám tử sĩ đông đảo khi rời mặt đất đã tạo nên một sự mất quân bình nào đó, kích động sự vận hành đã định sẵn của Thiên nhiên. Thiên nhiên đổ nước ào ào xuống thế gian chỉ để nỗ lực thay thế những mất mát lớn lao, đột ngột của con người.

Tôi bi quan, nghi ngờ mọi "thiện chí" của Tạo hóa. Tôi hơi quá đáng. Tôi biết.

Nhưng buổi chiều hôm đó, bên bờ Đại Vực, tôi khám phá ra toàn những chuyện không vui. Sự tĩnh lặng dị thường, nét hùng vĩ huyền hoặc của Đại Vực đã bắt tôi thấy những điều tôi chưa bao giờ chú ý đến. "Nghe" sự lớn dậy, đổi thay đồng loạt trong ngọn cỏ, trong từng tế bào gỗ, trên mặt đá sườn non, tôi chỉ thấy ngỗ ngộ. Khám phá ra Tạo Hóa lén gắn vào đầu mình cái "chip" nâng bi Ngài, tôi hơi mất vui. Nhưng khi tò mò nhìn vào cái máy luân hồi của Ngài, tôi buồn bã rồi vô cùng bất mãn. Tạo Hóa đối xử đối với linh hồn người lạnh lùng, tàn nhẫn quá. Tôi thấy thiên nhiên coi linh hồn người như một giọt hóa chất, lăm le tàn phá nó, bắt nó tan rã theo thân xác. Thoát được bộ máy nghiền tinh vi, những linh hồn "toàn vẹn" lại bị đẩy xô, lang thang khắp mặt địa cầu.

Linh hồn đẹp đẽ của con người bị ném vào cuộc phiêu lưu vô định, lộ trình tình cờ như gió thổi, mây bay... Tất cả chỉ để phục vụ cho cái Tật ưa biến hóa, đổi thay của Tạo Hóa! Tôi thấy cả những điều không tiện viết lại, sợ làm cuộc đời kém vui. Làm sao tôi khỏi hậm hực, bất mãn cho được.

James Keeran kính mến,

Đọc đến đây, chắc ông đang lo cho sức khỏe tâm thần của tôi. Triệu chứng, và đôi khi nguồn gốc, của một trong các bệnh điên là sự bất mãn với xã hội. Tôi bất mãn với một món to hơn xã hội nhiều, tôi hầm... Tạo Hóa. Điên nặng tới nơi.

Xin nói ngay để ông yên tâm. Tôi còn sáng suốt và quân bình lắm. Trong lúc hậm hực, cáu kỉnh với Tạo Hóa, tôi đột nhiên thiết tha thương mến loài người. Chưa bao giờ tôi mến thương cái đám đồng loại lộn xộn, rắc rối, lắm chuyện của tôi đến thế.

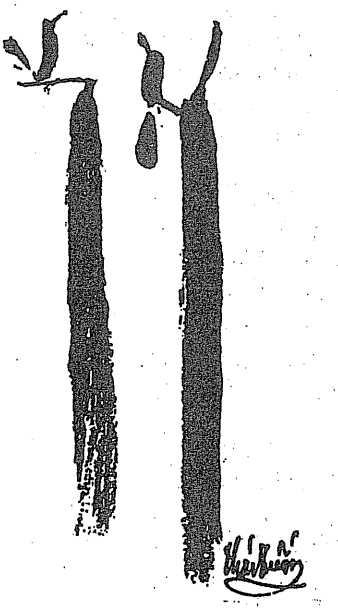

Và tôi ngưỡng phục, biết ơn ông Nhà Văn đầu tiên của nhân loại. Ngưỡng phục như ngưỡng phục một nhà Cách Mạng vĩ đại nhất vũ trụ. Tạo Hóa, nhà độc tài tuyệt đối, đã gặp một đối thủ nặng ký.

Phát minh lớn nhất, thủy tổ mọi phát minh của loài người, là văn tự.

Nhà văn số một, đầu tiên (có thể kiêm tí ti họa sĩ) khi vạch lên mặt đất, mặt đá những chữ đơn sơ đầu tiên, đã tức khắc kéo loài người ra khỏi vòng kiểm soát, sự hạn chế, trấn áp của Tạo Hóa. Nó mở đầu cho cuộc Cách Mạng loài người vùng lên, tự tạo những định mệnh mới, và thỉnh thoảng đoạt ít quyền của Tạo Hóa xài chơi.

Gắn cho con người cái miệng, cái tai, nhà sản xuất Tạo Hóa cho loài người một bộ máy truyền thông hạn hẹp. Muốn nghe nhau, người phải ở cùng thời, cùng chỗ, với những vị to mồm nhất, khoảng cách cũng không quá vài trăm thước... Con người nguyên thủy và con người hàng triệu năm sau vẫn vậy, Tạo Hóa sẽ không cải tiến sản phẩm của Ngài. Khi Ông Tổ của nhà văn vừa ghi xuống vài dấu hiệu, tình

trạng tức khắc biến đổi. Kẻ ở cách ông năm bảy cánh rừng khi ông viết, kẻ ba bốn ngày sau mới đến chỗ ông viết... đều "nghe" được ông, "nghe" chính xác lời ông muốn nói.

Những nét chữ nguệch ngoạc đầu tiên ấy có sức mạnh vĩ đại, nhiệm màu như một phép lạ, ngang ngửa tầm vóc một công trình của Tạo Hóa. Nó tức khắc đẩy khả năng truyền thông của con người qua lằn ranh giới hạn, đạt kích thước vượt không gian thời gian.

Chính Thượng Đế cũng phải dùng phát minh của ông nhà văn Số Một. Khi gửi các đấng Cứu Thế xuống trần giáo dục nhân loại, Thượng Đế cũng chỉ trang bị cho các vị ấy bộ máy truyền thông giống như của kẻ phàm nhân thôi: một miệng, hai tai.

Hãy tưởng tượng nếu không có văn tự, công việc của các Ngài sẽ khó khăn, yểu mệnh đến thế nào. Giữa nơi trống trải, lời vàng ngọc dù có hét lên, cũng chỉ đến được đám đông ở gần mình. Đệ tử đi truyền đạo, chỗ nhớ chỗ quên, mà đi được bao xa? Không có văn tự, làm sao những bà lão cả đời không rời một làng quê Việt Nam có thể nghe rành rọt lời Chúa, Phật dậy từ cả ngàn năm trước?

Công trình giáo dục của Thượng Đế, đã được phát minh của ông Nhà văn Số Một làm thành bất tử, hoặc ít nhất, sẽ tồn tại cùng loài người. [Cả đến những câu thơ đẹp, tưởng như chẳng ích lợi gì cho cuộc nhân sinh, vẫn dễ dàng vượt hàng ngàn năm, vài ngàn dặm đường, để vang lên trong phút giây cuối cùng của người tử sĩ.]

Kiến thức của nhân loại, từ đó, được tích lũy, chất chồng. Các khoa học gia làm việc với kiến thức của người đồng thời, với tinh hoa của người đã nằm trong mộ từ trăm, ngàn năm trước... liên tục gắn thêm cho con người những khả năng ngoài "dự liệu" của Tạo Hóa.

Bộ máy di chuyển Ngài cho, con người hôm nay ít xài, chỉ còn dùng cho việc... tập thể thao. Các bà, các cô còn dùng thêm cho việc làm đẹp. Bởi vì, khi di chuyển từ lục địa này qua lục địa kia, đôi chân được bắt chéo, nghỉ ngơi thoải mái trên độ cao mười ngàn độ. Tạo Hóa tạo đôi chân người, đâu có tính cho anh em "bay" cao đến thế, lại càng không có ý cho anh em đi lại, nhảy nhót trên mặt trăng.

Nhìn lại bản thân, kẻ tiểu nhân này cũng thấy đầy những sản phẩm hệ quả phát minh của Ông Nhà văn Số Một. Cả cái việc tôi đứng bên bờ Đại Vực chiều hôm đó cũng thuộc về cái định mệnh do văn tự tạo ra, bên cạnh cái định mệnh Tạo Hóa đã an bài.

Quả thực, nếu Tạo Hóa muốn tạo ra cái "tôi" đứng ở chỗ đó, ngày đó, thì Ngài phải cho tôi chào đời với cái máy bay Boeing gắn dưới chân. Phải cho tôi đôi tai khổng lồ nghe được tiếng nói xa nghìn dặm và mắt thì năm bảy đôi, đôi nhìn được những con vi trùng, đôi nhìn trong bóng đêm, đôi tinh vi như viễn vọng kính Hubble để nhìn sâu vào vũ trụ. Phát minh của ông Nhà Văn Số Một chính là nguồn gốc những sản phẩm lỉnh kỉnh mà loài người đã gắn lên tôi.

Như thế, một đứa trẻ, lúc chào đời đã lọt giữa trùng trùng điệp điệp sản phẩm của con người và bị đẩy đưa vào một định mệnh mới tinh, dù không thay thế cũng xáo trộn sâu xa cái định mệnh trời dành cho nó.

Không toàn thể thì cũng đại đa số nạn nhân hai trái bom nguyên tử được Trời định cho sống lâu hơn ngày bom nổ. Không toàn thể thì cũng đại đa số nạn nhân trong chiếc may bay rớt có cuộc đời bị cắt ngắn thình lình không đúng... ý Trời.

Cũng vậy, có nhiều người thương tích, bệnh hoạn trầm trọng lại thoát hiểm và sống dai. Con voi, con cọp trong rừng mà thế thì chỉ nằm chờ chết. Con người thì được những thầy thuốc tài ba, phó sản của văn tự, bao quanh chống đỡ giùm lưỡi hái của Tử Thần.

Chuyện tử sinh của những con người ấy đã lọt vào cái Định Mệnh mới tinh do con người tạo ra, do một chuỗi hệ quả phát minh của ông nhà văn Số Một tạo ra.

Nhìn ra mọi chuyện như thế, tôi hết bất mãn và bắt đầu hả hê không tả được. Hả hê như khi thấy một nhà độc tài tuyệt đối, có sức mạnh, quyền năng tuyệt đối, chịu lùi bước, nhường cho lũ phó thường dân tí quyền chọn lựa, thay đổi, cải thiện số phận họ.

Khởi đi từ những chữ đơn sơ đầu tiên vẽ nguệch ngoạc trên mặt đất, mặt đá, con người lao vào cuộc Cách Mạng lớn lao nhất vũ trụ. Cuộc Cách Mạng trường tồn cùng loài người và càng lúc càng tăng tốc độ.

Các khoa học gia vừa báo một tin mừng: Vũ trụ sẽ sống oai hùng hàng trăm tỷ tỷ tỷ... năm nữa mới bắt đầu xụm giò. Ôi chao! Thế thì thưa Tạo Hóa, Ngài sẽ còn vất vả với con người. Ngài có vô tận thời gian để giở võ thống trị, kìm kẹp, hạn chế... Chúng em cũng dư thời giờ để tiếp chiêu, phá bỏ gông xiềng, xáo xào loạn xạ bộ máy cai trị của Ngài.

Trễ lắm là một ngàn năm nữa, con người sẽ cân đo, định vị trí được linh hồn. Sẽ biết rõ giờ khắc nó rời cái thể xác hết xài. Sẽ bảo toàn và thâu hồi nó vào những chiếc hộp xinh xinh. Công việc sau đó chỉ là giở di chúc xem người

quá vãng muốn về đâu trong tương lai. Nếu gặp tờ di chúc chỉ vỏn vẹn bốn câu thơ của Nguyễn Công Trứ: "Ngồi buồn mà trách ông xanh. Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười. Kiếp sau xin chớ làm người. Làm cây thông đứng giữa trời mà reo..." thì cũng dễ thôi. Con cháu sẽ chỉ việc đưa cái hộp xinh xinh của vị "buồn tênh lại cười" ra bờ Đại Vực, chọn lựa một mầm thông... Bánh xe luân hồi của Tạo Hóa sẽ mẻ một miếng lớn lắm.

Rồi, vào một ngày thật xa xôi trong tương lai...

Ngày đó, linh hồn kẻ tiểu nhân này đang bay lang thang theo một đám mây thì "nghe" tiếng gọi từ mặt đất:

"Cụ Lê! Cụ Lê!"

Chiếc linh hồn không ký ức, ngơ ngác, không nghĩ là người ta gọi mình. Nhưng chỉ trong khoảng khắc, cái tiếng gọi từ mặt đất liên tiếp gửi cho nó những tín hiệu, gắn cho nó một bộ nhớ... và tôi nhớ ra, trong một tiền kiếp xa xôi, tôi là ông Lê...

Tiếng nói từ mặt đất:

"Cụ đã nhận được đầy đủ ký ức chúng cháu gửi lên chưa? Cụ nhớ ra cái thủa, cái... kiếp cụ là cụ Lê chưa?"

"Rồi. Có nhiều đoạn hơi mù mờ, không rõ."

"Cụ có nhớ buổi chiều hôm cụ đứng bên bờ Đại Vực, suy nghĩ linh tinh chưa?"

"Nhớ. Khúc đó thì rõ lắm."

"Vậy là được rồi. Khúc đó mới quan trọng. Chúng cháu xin mời cụ trở lại mặt đất làm Chủ Tọa buổi lễ kỷ niệm "Đệ Nhất Chu Niên ngày phát minh bộ máy liên lạc và thâu hồi các linh hồn."

"Máy 'liên lạc và thâu hồi các linh hồn"?

"Dạ. Xin trình bày ngọn ngành để cụ rõ. Những dự kiến cụ đưa ra trong một chương cuốn sách 'Thư về Bloomington...' đã được tụi cháu thực hiện cả rồi. Đoạn sách viết về chiếc hộp thâu hồi, bảo toàn linh hồn chính là nguồn cảm hứng những phát minh của tụi cháu."

"Chà! Văn chương của lão trường tồn thế cơ à?"

"Dạ, không có đâu. Nói cụ đừng buồn. Cuốn sách của cụ bản Việt ngữ thì được đông đảo người Việt đọc, còn bản tiếng Anh thì ế xưng, ế xỉa. Mà độc giả Việt Nam thì rồi sau cũng chê cụ viết linh tinh truyện trên Trời, dưới Đất, đọc chỉ tổ nhức đầu. Thành ra, chỉ năm, sáu năm sau là tác phẩm của cụ biến mất khỏi thị trường chữ nghĩa!"

"Thế sao các cháu lại biết tới nó?"

"Dạ, hình như Tạo Hóa sợ tiêu diệt tư tưởng lớn của cụ theo lối ấy thì mang tiếng là... đánh bẩn. Ngài mới run rủi cho một khoa học gia hậu duệ của cụ Phan tình cờ gặp cuốn sách trong thư viện lớn của dòng họ Bùi. Cuốn sách rách bươm nhưng còn đầy đủ chữ ký và lời cụ đề tặng cụ Nhật Tiến nên đám hậu duệ cụ Bùi không dám vứt bỏ.

Khoa học gia họ Phan đem dự kiến của cụ ra thảo luận với hai đồng nghiệp lỗi lạc, một ông họ Đoàn và một ông họ Bồ. Ba vị đó lập tức bỏ ngay công trình đang nghiên cứu thuốc trường sinh để nỗ lực tạo cho được chiếc hộp xinh xinh.

Hoàn thành chiếc hộp quá trễ, không kịp "đón" cụ, chúng cháu ân hận lắm. Lại không có cách nào báo tin vui cho cụ, chúng cháu càng áy náy. Cả nhóm quyết định nỗ lực tiến xa hơn, làm cho được cái máy có thể đi tìm, nhận diện, liên lạc với cụ và đưa cụ trở lại trần gian, nếu cụ muốn. Mãi tới cuối năm ngoái, tụi cháu mới thành công. Lại mất gần một năm để hoàn chỉnh máy... Bây giờ mới chắc ăn và dám mời cụ về dự lễ mừng. Mong cụ nhận lời cho."

"Hân hạnh cho lão phu quá. Nhưng này, nếu không có gì trở ngại thì cháu thỉnh các cụ Bùi, cụ Đoàn, cụ Phan, cụ Bồ, cụ Keeran, cụ Wainscott về dự lễ luôn cho vui... À, nhớ tìm và thỉnh cho được cả cụ Duyên Anh. Ta nhớ, hồi ấy, cụ Duyên Anh đột ngột qua đời đúng lúc ta đang viết chương sách về buổi chiều bên Đại Vực, lòng ước mơ đến những chiếc hộp xinh xinh."

"Xin vâng lệnh."

"Mà này. Hỏi thật các cháu. Lão phu xúi các cháu bẻ gãy bánh xe luân hồi thì Tạo Hóa có phiền hà gì không?"

"Bẩm cụ. Các vị đại diện, những phát ngôn viên chính thức và không chính thức của ngài thì ồn ào lên án, sỉ vả chúng cháu dữ lắm. Nhưng Tạo Hóa vẫn nín khe như thời cụ Khổng Tử. 'Thiên hà ngôn tai.'"

James Keeran kính mến,

Sau buổi chiều hôm đó, bờ Đại Vực, mạn Bắc, đối với tôi là chỗ kỳ bí nhất nước Mỹ, và có lẽ nhất địa cầu.

Nơi đó, tôi, cái chấm tí teo vô nghĩa trong trời đất vùng thoát khỏi số phận 'hâng bi Tạo Hóa tiền định" để tò mò ngắm nghía từng con ốc trong bộ máy chuyển vần vũ trụ, càn khôn. Ngắm nghía rồi bình phẩm, chê bai nhặng xị.

Nơi đó, đối diện với ông Khổng lồ Tạo Hóa chuyên lấy thịt đè người, quyền năng tuyệt đối... cái chấm vô nghĩa vẫn chẳng lấy làm teo. Nó nhơn nhơn chê bai và hù lại Tạo Hóa. Trong cái hùng vĩ của thiên nhiên, nó thấy ra sự hùng vĩ của con người.•

CHUYỆN VIẾT TRONG PHÒNG THE

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Suốt cả ngày dọn dẹp khu vườn căn nhà mới dọn về mệt đừ, ăn cơm tối xong vợ chồng Hưng quyết định đi ngủ sớm.

Thói quen của Hưng mấy chục năm nay là trước khi ngủ anh se sẽ luồn tay vào quần vợ nựng cô bé một tí rồi bàn tay lần lên vùng bụng dưới xoa nhẹ nhẹ, đến rốn, dùng ngón út ngoáy nhẹ một vòng và ấp bàn tay lên bầu vú cho vừa đủ ấm xong mới se phơn phớt đầu vú cho hơi cương lên. Hưng rút tay ra, kéo bàn tay vợ ấp lên chỗ xương chấn thủy mình. "Như vậy anh mới yên tâm ngủ ngon," Hưng vẫn nói với tôi như vậy. Và khi nào tiếng ngáy của Hưng vang lên vui nhà thì tôi có thể rút tay về. Đêm nay, "thủ tục" đã xong, tôi chờ nghe, nhưng điệu hò "kéo gỗ đêm khuya" lâu trỗi. Tôi nhè nhẹ rút tay, trở mình.

Tiếng Hưng tỉnh queo:

"Em còn thức à?"

"Sắp ngủ. Sao anh?"

"Anh đang viết truyện."

"Cả ngày mệt, ngủ sớm mai còn đi làm."

"Để mai quên mất."

"Thì anh tiếp tục viết đi. Em ngủ nhé."

"Anh viết xong rồi. Em muốn nghe không?"

"..."

"Em nhớ giùm anh nhé."

"Anh kể đi, em nhớ giùm cho."

"Mà đây là chuyện thật."

"Vậy mà nói mới viết."

"Thì cũng phải sắp xếp, thêm tí muối tí đường."

"Bột ngọt nữa."

"Ừ. Em còn nhớ anh Phan không? Anh mới ở Hòa Lan về. Đi vacation một tháng."

"Em nhớ. Sướng nhỉ? Em cũng thích đi Âu Châu một chuyến."

"Qua đó anh gặp cô bạn có mẹ vừa ở Việt Nam sang thăm. Cô con gái ở Hòa Lan đã lâu. Cô đi làm từ sáng đến chiều mới về."

"Như vậy chắc cụ buồn lắm."

"Cụ chưa thấy được nỗi buồn đó. Cụ đã thấy nỗi buồn khác. Một hôm có chiếc xe thực phẩm đậu lại trước nhà. Vài người đàn ông vào nhà chào bà vui vẻ. Họ đều mang găng tay trắng và mặc đồng phục. Họ nói với bà những gì bà không hiểu. Họ mở tủ lạnh, lôi hết thịt bò, thịt heo, gà vịt, trái cây, rau đậu các thứ cho vào thùng, đậy nắp niêm phong cẩn thận đem ra xe. Rồi họ khiêng một thùng màu khác vào. Họ mở và lấy chất vào lại cũng các loại thịt, trái cây, rau. Xong việc họ chào từ giã bà thân thiện.

Buổi chiều con gái đi làm về. Bà kể lại mọi chuyện rồi hỏi:

"Thịt thà còn tươi rói vậy mà họ đem đi đâu vậy con?"

Cô con gái giải thích đó là nhân viên tiếp phẩm đến cung cấp thức ăn mới:

"Dạ, họ đem về đổ bỏ đó má."

"...?"

"Dạ, đồ ăn đó quá hạn, ăn có hại cho sức khỏe má à."

Nghe xong bà ôm mặt khóc nức nở. Cô con gái hoảng hốt ôm mẹ:

"Má ơi! Sao vậy má? Con có làm gì má buồn không?"

Bà mải khóc, nhè nhẹ lắc đầu.

Qua cơn xúc động, bà mẹ cúi xuống lấy gấu quần chùi nước mắt. Bà nhìn cô con gái, giọng còn mếu máo:

"Má thương đám cháu nội ngoại của má ở Việt Nam. Ở bển... tụi nó lội sông lội lạch bắt cua, bắt ốc, ra đồng bắt cóc nhái... Không có mà ăn." Bà gục đầu xuống gối tiếp tục khóc:

"Thằng Đức, con Ly, con Lan! Các cháu của bà ơi! Cháu ơi."

Cô con gái ôm chặt mẹ, kề má vào mái tóc nhuốm sương. Mắt cô nhìn sững chiếc tủ lạnh, dường như cô thấy trong đó chứa cua đồng, cóc, nhái. Cô bỗng siết chặt vai mẹ:

"Má ơi! Má!"

Nước mắt cô chảy ràn rụa. Hai mẹ con ôm nhau khóc. Một hồi lâu bà mẹ nói:

"Phải chi má đem mấy thứ đồ quá hạn đó về bển được, cho mấy cháu nó ăn."

Hưng ngừng kể quay sang vợ. Chị nằm nghiêng quay mặt và tường. Hai vai chị rung rung. Hưng choàng tay ôm vợ.•

1996

NHỚ ANH

PHƯƠNG NGHĨA

(để tưởng niệm linh hồn Phùng Quán)

Anh Ân cho tôi biết là Phùng Quán đã chết. Anh cho biết là chết vào khoảng cuối tháng Giêng tây, trước Tết 1996. Nghe tin Phùng Quán chết, tôi không thấy buồn, tôi chỉ thấy tiếc. Tiếc là vì tôi vẫn nghĩ một ngày nào đó tôi sẽ về Hà Nội và rồi, tôi sẽ đi kiếm để gặp lại Anh. Tiếc là vì, khi chị Bích về Hà Nội thăm gia đình, tôi có dặn chị là khi về, nhớ kiếm anh Phùng Quán để giúp đỡ anh ấy một chút. Tiếc vì thời gian thăm nhà ngắn ngủi và bận rộn chuyện gia đình, chị Bích đã không có thì giờ đi kiếm anh Phùng Quán. Tiếc nữa là, khi anh Đình dọn nhà về Hà Nội để làm việc với một hãng Mỹ, tôi có nhờ anh kiếm gặp Phùng Quán ở vùng Hồ Tây để giúp đỡ. Sau đó, nhận được hai ba cái thư của Đình mà không thấy nói gì về Phùng Quán cả. Thôi, bây giờ muộn rồi. Nếu có ai về Việt Nam, tôi không cần nhờ tìm giúp anh ấy nữa.

Tôi biết Phùng Quán năm 1954. Sau khi Hà Nội được tiếp thu, tôi có người em họ tên Đỗ, tuổi lớn hơn tôi, trở về kiếm gia đình. Đỗ bỏ dở trung học chui vào chiến khu đi bộ đội đánh Pháp năm 1949. Khi Đỗ về thăm gia đình, Đỗ đem theo hai người bạn thân, một người là Tô Hải, nhạc sĩ tác giả bản Nụ Cười Sơn Cước và người kia là Phùng Quán. Tôi còn nhỏ, hồi đó tôi mới 12 tuổi, hay đến nhà ông Cậu tôi chơi với mấy đứa em của Đỗ. Bọn chúng tôi khoái anh Phùng Quán nhất. Lúc đó Phùng Quán độ 23-24 tuổi. Anh thích trẻ con và hay kể cho chúng tôi nghe những mẩu chuyện rất thích thú trên con đường đấu tranh của Anh. Mấy năm trước 1954, anh đã trở thành một thi sĩ nổi danh, hay đi với các đoàn Văn Công trình diễn. Chúng tôi thích nhất khi Phùng Quán độc tấu. Hồi đó, độc tấu là một thể kịch vừa đọc thơ vừa diễn tả, không có nhạc đệm. Phùng Quán người miền Trung. Khi Anh độc tấu, tiếng nói Anh sang sảng, không cần mi-cô mà vang cả hội trường; điệu bộ Anh đầy kiêu dũng oai hùng. Mấy đứa chúng tôi, đứa nào cũng thuộc lầu bài "Đinh Công Cắm Chông" của Anh:

Mỗi sáng nắng hồng
Dắt trâu ra ruộng
Nhìn bên kia đồn giặc
Anh Đinh Công thấy lòng căm tức vô cùng...
(Anh Đinh Công)

Anh Phùng Quán rất mến gia đình tôi. Sau này, mỗi lần về thành, anh thường lại ở nhà tôi. Tôi còn nhỏ, anh hay đèo xe đạp tôi vào những buổi chiều tối. Hai anh em chạy từ rạp hát này sang rạp hát khác ở Hà Nội. Anh luôn luôn gác xe đạp rồi dắt tôi đi vào cổng sau rạp hát. Đứng quanh quẩn vài ba phút là thể nào cũng có người nhận ra Phùng Quán. Thế là chúng tôi được mời vào coi không phải mất tiền. Khi các văn nghệ sĩ trình diễn, Anh hay thủ thỉ giảng cho tôi nghe những dữ kiện lịch sử dính líu tới màn kịch, hay phê bình cho tôi hiểu ai là người trình diễn hay, ai trình diễn dở. Hồi đó, các bản hát, kịch điệu hay độc tấu đều có tính cách đề cao những anh hùng liệt sĩ hay những chiến thắng vẻ vang của thời đấu tranh chống Pháp.

Nhiều buổi chiều hai anh em đèo xe đạp lên hồ Hoàn Kiếm, anh dậy tôi những bài thơ anh làm. Sau hơn 40 năm xa cách, tôi vẫn thuộc nhớ những bài thơ này:

Anh vào trại tù binh
Vui như ngày nhập học
Cán bộ hiền lành thương yêu dìu dắt
Dậy dỗ anh trở lại làm người
... (Người Tù Binh Da Đen)
hay
Tôi trẻ quá mới hai mươi hai tuổi
Đi đấu tranh đã được chín năm rồi
Vinh dự hai lần đổ máu tươi
Cho tổ quốc, sẹo dài in trên ngực
... (Tuổi Thanh Niên)

Một hôm, lúc buổi chiều vào bữa ăn tối, anh Phùng Quán hớn hở đạp xe đạp lại nhà tôi. Anh đem theo cuốn truyện "Vượt Côn Đảo" của Anh vừa mới được in ra. Anh cho tôi một cuốn đặc biệt bìa cứng với lời tặng và chữ ký của

Vinh dự hai lần đổ máu tươi
Cho tổ quốc, sẹo dài in trên ngực
... (Tuổi Thanh Niên)

Một hôm, lúc buổi chiều vào bữa ăn tối, anh Phùng Quán hớn hở đạp xe đạp lại nhà tôi. Anh đem theo cuốn truyện "Vượt Côn Đảo" của Anh vừa mới được in ra. Anh cho tôi một cuốn đặc biệt bìa cứng với lời tặng và chữ ký của Anh. Tối hôm đó sau bữa cơm, tôi giở ra đọc trang đầu. Lúc chín giờ tối bố tôi bắt tôi đi ngủ để sáng còn dậy đi học. Chui vào giường một lát, tôi vác sách mò xuống bếp bật đèn đọc tiếp. Đến bốn giờ sáng, bố tôi dậy đi tiểu, thấy đèn bếp còn sáng mới bắt được quả tang tôi đang đọc chuyện. Bố tôi mắng cho một trận. Ấy thế mà khi chui vào giường, tôi vẫn còn khúc khích cười, nhớ lại câu chuyện Anh kể vào dịp Tết, mấy người tù binh rủ nhau đóng kịch. Có anh đóng vai Táo Công, ngồi chồm hổm trên bực sân khấu. Không ngờ cái quần "soọc" của anh quá rách rưới, ông Táo hở cả... cu ra ngoài.

Tôi thích thơ của Phùng Quán là tại thơ anh không những gợi hình mà con vang vọng âm thanh:

Bóng đêm trùm Côn Đảo
Sóng bể gieo ầm ầm
Gió hun hút đồi thông
Trại giam nằm như chết
... (Nguyễn Thị Sáu)

Hồi đó tôi còn nhỏ, thích đọc thơ của Anh không phải là tại tôi biết thưởng thức thơ hay của Anh mà là do lòng cảm mến của tôi đối với Anh. Một hôm tôi đang ngồi vò đầu làm bài luận với tựa đề "Tả một cảnh làng". Tôi ngồi viết mãi đoạn vào đề mà không ra. Nhân dịp anh Quán ghé qua chơi. Anh hỏi làng của tôi ở đâu? Tôi bảo làng nội là Mọc Chính Kính, còn làng ngoại là Khương Hạ. Thế là Anh ấy hỏi tại sao tôi không viết đại khái như sau "Ai đã đi qua làng Khương Hạ trong một buổi trưa hè nóng đỏ thì tưởng làng đó là một nơi im lìm vắng vẻ. Không một bụi tre lung linh. Không một làn gió thổi." Tôi khoái quá vội chép đúng y nguyên làm phần mở đề. Đến hôm ông giáo trả bài. Ông ta nói: "Viết luận văn, phần mở đề là khó hơn cả. Trong nhiều năm dậy học, thầy thấy có một vài trò có nhiều triển vọng về ngành viết văn. Hôm nay, thầy đọc cho các anh nghe một lối nhập đề rất là đáng được khen thưởng." Thế là ông ấy đem bài của tôi ra đọc đoạn mở đầu. Lúc đó tôi mới thấy rõ chân tài của Phùng Quán. Thật ra hôm đó tôi cũng may *gần chết*. Bởi vì nếu tôi nhờ Phùng Quán cho thêm ý kiến cho bài luận thì chắc chắn là ông thầy biết tủ ngay là tôi đã chép bài cóp ở đâu rồi.

Sau hiệp định Genève, các cô, dì, chú, bác tôi đều đi Nam cả. Gia đình tôi phải ở lại vì Ông Bà nội tôi nhất định không chịu đi. Hai cụ có chút ruộng ở quê, lại có mấy căn nhà ở Hà Nội. Các cụ sợ vào Nam là chết đói. Ông tôi vẫn bảo: "Nếu cần lắm, tao biếu nhà nước mấy mẫu ruộng, hai ba căn nhà là cùng." Ở lại Hà Nội được ba bốn tháng, đấu tố địa chủ ở miền quê bắt đầu hoành hành. Tin đồn về Hà Nội xôn xao. Cũng may là nhà tôi rất thân với anh Thắng, một cán bộ cao cấp, con bác bạn thân của bố tôi đã đi Nam. Anh về kiếm không ra gia đình nên anh hay lại nhà tôi chơi. Đi bộ đội biết bao nhiêu năm trời, nay trở thành cán bộ bốn túi mà anh vẫn chưa bỏ được tình nghĩa cũ. Một hôm, anh nói nhỏ với bố tôi: "Bác ạ, con thấy Ông Bà có nhà có ruộng. Tình hình không được ổn thỏa cho lắm." Bố tôi hoảng sợ vội chạy lên nói cho Ông tôi nghe. Ông tôi và bố tôi, hai cha con mua mấy bộ quần áo nâu, giả dạng đến tối đạp xe đạp về quê ở hơn một tuần. Thấy tận mắt mấy vụ đấu tố trong làng. Ông Quảng Chân bị ném đá chết. Ông Phán Hương bị trói ở ngoài ruộng hai ngày hai đêm. Ban ngày, nắng chang chang mùa hạ, ông khát quá mà không ai dám cho ông nước uống. Lúc con cháu đem được ông về nhà thì ba hôm sau, yếu quá ông cũng chết luôn. Thấy vậy, Ông tôi bằng lòng đi Nam. May mắn, lúc đó Hải Phòng còn ba tuần mới đóng cửa. Gia đình chúng tôi trốn xuống Hải Phòng, lên tầu há mồm ra vịnh Hạ Long rồi leo lên chiếc Marine Serpent đi vào Sài Gòn. Chúng tôi đi vội vàng, kín đáo, không dám nhắn tin cho Anh Quán hay.

THƠ

NGUYỄN NGỌC NGA

MÀI KIẾM

Khi vô tù tóc còn xanh màu thép
Lúc sổ lồng đầu bạc ánh lửa bom
Mối hận xưa trong tim nóng hãy còn
Phùng Quán vẫn bên Hồ Tây mài kiếm.

Ở Sai Gòn bốn năm thì tôi qua Mỹ. Tôi cũng quên câu chuyện Phùng Quán cho đến gần cuối năm 1960 tôi lại nhìn thấy tên Anh trên tài liệu dính líu đến phong trào Trăm Hoa Đua Nở và vụ án Phan Khôi, thi sĩ Trần Dần và các văn nghệ sĩ khác ngoài Bắc. Tình cờ, một hôm tới nhà anh bạn, tôi được đọc cuốn Thi Ca Việt Nam Hiện Đại của Trần Tuấn Kiệt, trong đó có hai bài thơ của Phùng Quán:

Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
... (Lời mẹ dặn)

Đọc bài thơ, tôi cảm thấy buồn cho Phùng Quán. Bao nhiêu năm tranh đấu oai hùng

Huân chương vinh quang của người vệ quốc
Tôi đeo suốt đời trên lồng ngực thanh niên
...

và mơ ước

Các anh các chị ơi
Chân trời tôi tới nơi
Là chân trời Cộng sản
Ước vọng của loài người
... (Tuổi Thanh Niên)

dễ rồi chỉ thấy những cảnh tượng đau lòng của

Những đứa em còm cõi
Lên năm, lên sáu tuổi đầu
Cơm thòm thèm độn cám và rau
Mới tháng ba đã ngóng mong ngày Tết
Để được ăn cơm no có thịt
...

hay của

Những bà mẹ già quấn dẻ rách
Da đen như củi cháy giữa rừng
Kéo giây thép gai tay máu chảy ròng
Bới đồn giặc trồng ngô tỉa lúa
... (Chống Tham Ô Lãng Phí)

Từ hồi đó, tôi vẫn để ý xem có được đọc thêm những sáng tác mới của Anh. Tôi nghĩ, đối với Phùng Quán, Anh càng bất bình phẫn nộ thì thơ của Anh càng hào sảng tuyệt vời, bởi vì tâm hồn của Anh luôn luôn đòi hỏi nơi Anh cũng như nơi người khác một sự chân thành và ngay thẳng trọn vẹn. Tuy nhiên, vì tôi không có khiếu về văn học, và nhất là không có Phùng Quán ở gần để đọc thơ cho nghe, nên tôi cũng không học thêm được mấy bài thơ mới Anh làm về sau này.

Hôm nay, nghe tin Anh mất. Tôi lại thức sáng đêm đọc bài "Chút Nghĩa Cũ Càng" của Anh *(Văn học, 105&106)*. Chắc anh Quán không biết là bố tôi đã mất nên bây giờ không có ai bắt tôi đi ngủ sớm như hồi tôi đọc "Vượt Côn Đảo" nữa. Mỗi dòng đọc, tôi thương cho cái cảnh nghèo nàn của Đoàn Phú Tứ bao nhiêu thì tôi lại thương Phùng Quán bấy nhiêu. Đối với tôi, ngày nay, ngòi bút của Anh vẫn độc đáo, vẫn bất khuất như xưa. Đọc cái cảnh nghèo của Đoàn Phú Tứ mà người ta nhìn thấy bao nhiêu cái nghèo khác: cái nghèo hiên ngang của Phùng Quán, cái nghèo quằn quại của người dân, và cái nghèo che đậy dấu diếm của một chế độ dối gian. Cho nên ngay trước khi lìa đời, Anh cũng vẫn viết, viết để nói lên một cách vô cùng can đảm những sự thật mà ít người dám đề cập. Mặc dù trong hoàn cảnh nào, Phùng Quán vẫn giữ đúng lời mẹ dậy:

Tôi muốn làm một nhà văn chân thật
Chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giáy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá
... (Lời Mẹ Dặn)

Hôm nay, nghe tin Phùng Quán chết. Tôi không thấy buồn. Tôi chỉ tiếc là sẽ không bao giờ có dịp gặp lại Anh nữa. Thôi, một ngày nào đó khi tôi về Hà Nội, tôi sẽ xin tới viếng mộ Anh, và sẽ xin kính cẩn thắp một nén hương để tỏ lòng thương mến.●

Boston Mass.

NHẬN DIỆN CHÂN TƯỚNG VẬT TỔ CHIM "LẠC"

NGUYỄN XUÂN QUANG

(tiếp theo)

Cò dang là chim lạc?

Học giả Đào Duy Anh là người cho rằng vật tổ của chúng ta là chim Lạc và nhiều người đã lấy hình con cò Trời Dang trên trống đồng Ngọc Lũ I làm biểu hiệu cho chim Lạc. Tiếc rằng chúng tôi tìm mãi, kể cả nhờ những người ở trong nước, nhưng vẫn chưa có dịp đọc được bài viết về chim Lạc của học giả Đào Duy Anh nên không rõ tác giả giải thích chim Lạc như thế nào. Chúng tôi đành giải thích chim Lạc theo sự hiểu biết của chúng tôi. Từ Lạc là một từ "hóc búa" đã làm tốn rất nhiều giấy mực của các học giả uyên bác. Theo chúng tôi từ Lạc là một từ thuộc ngôn ngữ Tiền cổ-homo sapiens. Ngôn ngữ Tiền cổ-Homo sapiens là ngôn ngữ lúc con người vừa thoát khỏi lốt đười (homonid), lúc mới có ngôn ngữ đúng theo các tiêu chuẩn của các nhà ngôn ngữ học đòi hỏi, trước khi homo sapiens phân tán đi muôn phương tạo thành những dòng ngôn ngữ khác nhau ngày nay. Ngôn ngữ của người Proto-homo sapiens rất giới hạn. Ngôn ngữ càng cổ càng giới hạn. Ngôn ngữ càng giới hạn, mỗi từ càng có nhiều nghĩa. Từ cổ nhất đầu tiên của ngôn ngữ con người đẻ ra hàng vạn vạn những từ ngày nay tất phải có hàng vạn vạn nghĩa. Vì thế từ Lạc là từ Tiền cổ-Homo sapiens nên có rất nhiều nghĩa. Ít nhất là trên mười nghĩa. Vì sao? Vì chúng ta có ít nhất chín bộ lạc gọi là Cửu Lạc. Mỗi Lạc có một vật tổ là những giống thủy loại, chim, thú... khác nhau, đều mang tên chung là Lạc như thế Lạc đã có ít nhất là chín nghĩa. Chúng tôi sẽ khai triển khi viết về Lạc Việt. Ở đây chỉ xin nói tới nghĩa của từ Lạc liên hệ ở đây. Trước hết Lạc là từ Proto- Homo sapiens nên có một nghĩa trong tạo sinh vũ trụ tức là có nghĩa theo Mẹ Tạo Hóa tối cao tối thượng Trứng Nước Vũ Trụ Thần Nông. Nông là Nước. Vật biểu của nước là con dòng (rồng), con rắn nước, thuồng luồng... Nên Lạc cũng có một nghĩa là Nước, Rắn. Sách Giao châu ngoại vực ký (thế kỷ thứ 4, thứ 5) có nói đến "Lạc điền" (ruộng Lạc). Lạc chính là Lác là Nác là nước. Ruộng Lạc là ruộng Lác, ruộng Nác, ruộng nước, ruộng trồng lúa nước. Lạc là rắn nước, rồng còn thấy ở từ gọi con cá lạc, một loài cá mình dài có hình dạng giống con rắn (Huỳnh Tịnh Paulus Của, Đại Nam Quốc Âm Tự Vị, trong phần Sai Sót). Cá lạc liên hệ với Phạn ngữ naak, rắn nước. Ta cũng có từ ly chuyển hóa với lạc theo ac = i = y như loạn lạc = loạn ly. Ước lược từ loạn ở hai vế, ta có lạc=ly. Ly có một nghĩa là rồng vàng. Cỏ lác (cây cói) dùng đan, dệt là cỏ nước, cỏ mọc dưới nước. Bệnh lác (hắc lào) là bệnh do nấm mọc trên da ở chỗ ẩm, hẩm vì thế còn gọi là bị hăm... Nác là nước ví dụ tục ngữ có câu:

"Rác lấy nác làm sạch"

Và hát Giặm Nghệ-Tĩnh:

Tình đó với nghĩa đây,
Giống như đọi nác đầy
Bưng nhẩn nhẩn trên tay,
Không khuy sơ một hột,
Gió nỏ triềng một hột.

(nỏ là không, triềng là tràn).

Vậy chim Lạc là chim Lác, chim Nác, chim Nước. Mẹ Trứng Nước Vũ Trụ Thần Nông có tròng đỏ Mặt Trời Viêm đế nên trong Nước có Lửa đúng như trong Kinh Dịch đã nói trong Âm có Dương. Trong Lạc (lác, nác, nước) có Lạc (có nghĩa lửa). Như thế lạc cũng có nghĩa là lửa. Ví dụ người Bắc gọi đậu phụng hay đậu phọng (peanut) là đỗ lạc. Tại sao gọi là đỗ lạc? Xin thưa đỗ lạc là đỗ lửa! Trung Nam gọi là đậu phụng hay phọng. Phụng là phượng là đỏ, là lửa. Phọng cùng vần với phỏng, liên hệ với lửa. Đỗ lạc, đậu phụng, đậu phọng là đỗ lửa. Pháp ngữ *arachide* (đỗ lạc) liên hệ với gốc Latin là *arakos*, dạng giảm thiểu là *arakis*, peanut. Đọc theo cổ Việt (và theo Trung Hoa ngày nay) r=l như rạch = lạch (nước) ta có arak(os) = alak. Ta thấy ngay alak trùng tên với Khả Lá Vàng Alak mà học giả Bình Nguyên Lộc đã cho là Lạc (Việt), người thổ chu mà

chúng tôi cho là Xích quỉ. Ở đây ta thấy arachide = arakis = alak = lạc. Đậu arachide, arakos, arakis chính là đậu alak, đậu lạc, đậu lửa. Đậu lạc là đậu lửa, đậu đỏ, đậu trời vì sao? Vì đậu lạc ép dầu đốt lửa. Đèn dầu lạc còn dùng ở thôn quê Việt Nam ngày nay. Hán Việt Lạc cũng có một nghĩa là đốt lửa cho nóng; quay. Trở lại con rồng vàng ly nói ở trên. Vì lạc, ly có nghĩa là lửa nên ly gọi là rồng lửa, rồng vàng. Lạc còn có nghĩa là đỏ. Việt ngữ có từ rực, rậc có nghĩa là sáng, đỏ, nóng như lửa ví dụ sáng rực, sáng rậc, rực ánh bình minh, rực bụng: xốn xang trong bụng (Huỳnh Tịnh Paulus Của, Đại Nam Quốc Âm Tự Vị), nóng ruột như có lửa đốt trong bụng... Theo chuyển hóa r=l, rực, rậc = lậc, lạc. Theo chuyển hóa r=g như rợn = gợn (sóng) ta có rực, rậc = gậc, gấc. Gấc là một thứ trái ruột đỏ như son dùng để nấu xôi. Chúng ta thường cúng tế một mâm sôi gấc. Mâm xôi gấc tròn đỏ là vật biểu của mặt trời. Đây là chứng tích thờ mặt trời của chúng ta. Chuyển hóa r=g thấy nhiều ở miền Nam ví dụ "con cá rô rẫy rụa trong cái rổ", người Nam nói "con cá gô gẫy gụa trong cái gổ". Theo chuyển hóa l=g như lạc=gạc (bắn); gần=lân (cận), ta cũng có lạc = gạc, gấc. Ta có thể kiểm chứng thêm nữa. Phương Đông có một thứ nhựa cây màu đỏ gọi là gôm lắc (lac) dùng làm dầu sơn. Gôm lắc chính là gôm lạc. Đồ làm bằng sơn mài gôm lắc màu đỏ gọi là lacquer (ware). Ngày nay biết rõ là những keo này do loài côn trùng vẩy (scale insect) gọi là Laccifer lacca tiết ra thường ở các cây keo acacia và nhất là ở cây đa (Ficus religiosa). Như vậy lạc có nghĩa là đỏ.

Kiểm chứng lại một lần nữa cho chắc ăn. Ta biết Lạc còn gọi là Li. Quẻ li trong bát quái là quẻ lửa. Theo l=d, lạc = li = di. Di chính là cò Dang chính là con chim Di trong bài hát sấm truyền:

Bồ Nông là ông bồ cắt,
Bồ cắt là bác chi di...

Tóm lại Lạc có nghĩa là nước, lửa, đỏ, trời. Trước hết ta thấy chim Lạc là một loài chim nước. Tiến xa hơn ta phải xác định chim Lạc là loài chim nước gì vì chim nước có nhiều loại như ngỗng vịt, hải âu... Theo chuyển hóa a=o như hạt = hột, ta có Lạc = Lộc. Lộc đồng âm với lộ là cò. Trong các thiếp chúc mừng xử dụng "hình ngữ" người Trung Hoa thường vẽ con cò (lộ, lộc) đứng cạnh cây sen (liên) tức muốn chúc "liên lộ" = đường đi xuôi xẻ hay là "liên lộc" = được hưởng lợi luôn luôn (Lê Văn Lân, Đặc Khảo về Ngôn ngữ và Ý Nghĩa của những loài Hoa trong Văn Hóa Trung Hoa, YHTT, số 11&12, tháng 2&3, 1996, tr.52-53).

Vậy hiểu theo các nghĩa này của Lạc thì chim Lạc là loài chim nước cò vạc. Lạc là cò lửa, cò trời, vật biểu chim của mặt trời. Cò Nước-Trời-Lửa chính là con cò Trời Dang.

Cò dang là vật biểu của Thần Lửa cắm cọc hay của mặt trời?

Qua bài viết vật biểu của Viêm đế Mặt Trời ta được biết chim Rìu chim Việt Bổ Cắt là biểu tượng của mặt trời. Như thế Cò Trời Dang có phải là vật biểu của Mặt trời hay không? Dĩ nhiên là có. Trên tất cả các trống đồng có hình mặt trời đều có hình cò Dang cho thấy cò Dang là vật biểu của mặt trời. Như thế có sự trái nghịch nhau chăng? Xin thưa là không. Cũng giống như Nữ Oa với mẹ Tạo Hóa Thần Nông là hai hình bóng giống nhau như hai giọt nước quện vào nhau, nhiều khi lẫn lộn với nhau, nhiều khi như hai mà một, Cắm Cọt Dùi Lửa Toại Nhân và Viêm đế cũng vậy. Cả hai đều có biểu tượng là cái dùi, cái rìu, cái bổ (mổ) cái búa (chim). Hình khắc trên đá thời tiền sử ở Vitlycke, Bohuslan, Thụy Điển cũng cho thấy người-mặt-trời (Xích Quỉ) diễn tả bằng những người-đĩa-mặt-trời tay cầm rìu (xem hình bìa YHTT số 18, tháng 9, 1996). Do đó cò Dang, cò Lửa nếu là biểu tượng cho thần Lửa Cắm Cọc Dùi Lửa thì cũng là biểu tượng của mặt trời. Nên nhớ là chúng ta không thờ lửa mà thần lửa chỉ là biểu tượng cho mặt trời. Cò Dang và chim Việt Bổ cắt đều là vật biểu của Mặt trời tuy có khác nhau chút ít. Một đàng cò Dang là cò Dạng Đông, vật biểu của Mặt trời mọc mang nhiều ý nghĩa sống dậy, tái sinh, vĩnh cửu và liên hệ tới đời sống sau khi chết. Về sinh thực con cò cũng là biểu tượng cho cái giống phái nam. "Con cò mà mổ con trai". Con cò là con cồ (đực), con cu, con "chim". Cái mỏ cò dài nhọn và sắc như cái nọc, cái cọc..., người nghệ sĩ khắc con cò Dang trên trống đồng Ngọc Lũ I đã nhấn mạnh vào cái mỏ dài gần bằng thân

* "Tôi muốn làm một việc gì vừa lớn lao và vừa sạch sẽ."
"Tốt hơn hết anh nên đi tắm cho một con voi."

* Bàn ghế đồ đạc nhà tôi toàn là đồ cổ. Cả vợ tôi cũng thế.

* Ngày nào tôi cũng nhường ghế trên xe buýt cho một người khác. Tôi đi bộ đến sở làm.

người. Con cò là con cọc, con nọc, con chim. Trong khi chim Việt Bồ cắt vật biểu của mặt trời với cái mỏ to biểu hiệu cho cái giống phái nam chỉ mang nhiều ý nghĩa về tạo sinh, về dương tính.

Lạc Việt có hai vật tổ là cò Dang và Chim Rìu Bồ cắt biểu tượng cho mặt trời.

Vật tổ cò trời Dang trong Liên bang Mặt trời Hồng Bàng

Bây giờ chúng ta hãy đi tìm hình bóng vật tổ cò Dang trong các dòng tộc của liên bang mặt trời Hồng bàng.

- Thái

Thái là một tộc thịt xương của hợp chủng quốc Văn Lang. Không cần nói nhiều ta thấy rõ Thái ngữ hiện kim *nok yang* là 'stork, cò. Nok là nõ, nọc là chim. Yang chính là cò dang, giang. Thái ngữ *Dang, daeng* là đỏ như *daeng mo* là dưa đỏ, dưa hấu. Cò yang gần cận với đỏ, trời. Điểm này cho thấy cò dang có thể đã được người Thái cổ thời làm vật biểu cho Tỏ, Đỏ, Dang, Mặt trời.

- Chàm

Hình bóng cò Trời cò Dang cũng thấy ở vương quốc láng giềng của chúng ta ngày trước. Có thể họ cũng là một bang trong hợp chủng quốc Văn Lang. Ngày nay ở Miền Trung chúng ta có thành phố Nha Trang, ngày xưa đây là một thủ phủ xứ Kauthara của Chiêm quốc. Nha Trang có Tháp Bà Y-a-na và con sông Hà Ra. Y-a-na là Thiên Mẫu, Mẹ Trời cái tên này cùng tên với vị nữ thần của Lưỡng Hà. Hà-ra có nghĩa là sông Trời. Hara liên hệ với Phạn ngữ Hari là Trời. Kauthara có học giả phân tích là Kaut (đọc là Kô) là Cò và Hara là cây sung (ficus); Kauthara là "đất có cây sung cò đậu". Chúng tôi không nghĩ như vậy. Kaut đúng là Cò nhưng Hara là Trời gọi theo tên dòng sông Hara, sông Trời. Sông Trời Hà-ra nằm cạnh Tháp Bà Mẹ Trời Thiên Mẫu Y-A-Na. Hara có thể có nghĩa là cây ficus nhưng phải hiểu ficus là cây da, cây đa (ficus religiosa). Da, đa là đỏ, là trời. Cây da là cây trời. Có sông Trời thì có cò Trời. Kauthara là Cò Trời tức Cò Dang. Nha Trang là đất "Cò Trời" Cò Dang.

- Nam Á và Đa Đảo

Chắc chắn các tộc thờ mặt trời ở đây có thờ vật tổ cò Trời Dang. Trống đồng Đông Sơn cũng tìm thấy ở vùng Nam Á Đa Đảo. Những trống đồng này có thể là do giao lưu buôn bán, văn hóa nhưng cũng có thể là một thứ "Ấn đồng" của hợp chủng quốc Văn Lang ban cấp cho các thuộc bang ở đây làm "ấn tín" hay "bang ấn". Do đó những trống đồng dưới đây có thể được chế tạo tại "mẫu quốc" Văn Lang như trên mặt trống vẫn có biểu tượng mặt trời chung của toàn đế quốc mặt trời của Hùng vương nhưng một vài chi tiết có thể được khắc theo các đặc tính, đặc điểm của từng địa phương, của từng thuộc bang giống như các bang ở Vân Nam, Assam... Chúng tôi chưa có thì giờ đào tìm trong các di vật khảo cổ học, truyền thuyết, cổ sử của các bang dưới này mà chỉ mới duyệt qua ngôn ngữ Mã-Nam Dương. Chúng tôi tìm thấy Mã Nam Dương ngữ *bangau*, có nghĩa là 'the Malay egret' (bulbulcus coromandus and Herodias intermedia), cò bờm Mã Lai. Loài cò này cũng có bờm như cò Dang trên trống đồng Ngọc Lũ I. Đây là ngày nay người Mã Lai đặt tên bangu cho loài cò bờm nhưng thời thái cổ có thể là loài cò khác. Giải tự từ Bangau có bang(au) Mã-Nam Dương ngữ 'bang'là đỏ liên hệ với Việt ngữ bàng, ban, vang là đỏ. B'angau có ban(gau) = ban (Việt ngữ ban là đỏ) và 'gau' là 'kau' là cò. Bangau là Cò Đỏ, Cò Trời, Cò Dang. Qua từ cò bangau ta thấy có thể thổ dân Mã-Nam Dương ngày xưa thờ cò như một vật biểu của tỏ, đỏ, trời.

- Ai Cập

Con chim nổi tiếng nhất trong các loài chim thờ của Ai Cập là con Cò Bennu. Cò Bennu là hóa thân, hiện thân (incarnation) của mặt trời. Cò Bennu được diễn tả là một con chim lớn đầu cò, thân hawk màu vàng.

Theo tự điển Nguyễn Văn Khôn Hawk là chim ó, chim ưng, diều hâu. Hawk ruột thịt với Việt ngữ hâu, âu, ó. Thay w=uu=u (w còn gọi là double u), Haw(k) = Hâu. Hâu là đỏ liên hệ với hàu (con sò, con đỏ), với hấu (dưa hấu là dưa đỏ); với h câm, hâu âu; au, âu là đỏ (đỏ au). Hawk là diều hâu, con diều đỏ, con chim đỏ, tức chim lửa, chim mặt trời. Âu liên hệ với ó. Từ ưng (chim) cùng vần với ửng cũng nghĩa là đỏ (đỏ ửng). Nhiều tộc theo chế độ phụ hệ thờ cha mặt trời thờ chim ó, chim ưng làm vật biểu. Như thế cò Bennu là Cò âu, Cò ó, cò trời, Cò Đỏ, Cò Dang. Theo truyền thuyết Heliopolitan (thuộc cổ Ai Cập) Cò Bennu thần Mặt trời Ra-Atum đậu xuống tảng đá Benben,

* Con người bắt đầu dùng thẻ tín dụng (credit cards) sau khi khám phá ra rằng tiền tài không thể mua được mọi thứ.

* Tôi luôn luôn đeo kính mát vào những ngày mưa. Nó bảo vệ mắt tôi trước đám dù đủ màu sắc.

một thứ thạch-trụ-nhọn-tia-sáng-mặt-trời (sun-ray obelisk, Nguyễn văn Khôn dịch obelisk là tiêm bi) vào lúc bình minh, tỏa ra ánh dương để xua đuổi bóng tối đi. Cò Bennu được tạo sinh từ ngọn lửa cháy trên linh mộc (sacred tree) persea vào lúc bình minh tại "Dương thành" Heliopolis. Đây là biểu hiệu của tái sinh, phục sinh và vĩnh cửu. Cò Bennu vì thế cũng liên hệ với cõi sau khi chết, đây là cõi trời sau khi chết tức cõi tiên, cõi thiên đàng. Những kẻ chết, sau khia lìa đời sẽ gặp cò Bennu ở cõi trời. Á đông cũng quan niệm cõi hạc qui tiên (nên nhớ hạc nguyên thủy là tiếng chỉ chung cả cò, không phải chỉ có nghĩa là con crane), người da đỏ Mỹ châu cũng có tộc có quan niệm cõi cò về trời. Bennu chính là Cò Trời Ra-Atum, Cò Dang. Chú ý kỹ ta thấy hình cò Bennu đầu cũng có bờm tẽ ra như hình chư V nằm ngang giống như cái bờm của cò Dang thấy trên trống đồng Đông Sơn.

Cò Trời Bennu là cò Lửa, Cò Rạng Đông, cò Dang hiện thân của Thần mặt trời. Cây thạch trụ nhọn (tỏa ra) ánh dương mà nhà làm từ điển Nguyễn văn Khôn dịch là tiêm bi cho thấy đây chính là hình ảnh của cây dùi lửa, cây tiêm, cây diêm làm ra lửa. Cò Lửa Bennu đậu xuống cây diêm vũ trụ Benben tạo ra ánh dương khiến tạo vật tái sinh lại sau một đêm tối, tiêu biểu cõi chết. Lửa vì thế được coi là tái sinh, là vĩnh cửu, là sự sống là vậy. Chính vì Cò Trời Bennu tái sinh từ ngọn lửa cháy trên cây persea mà người Hy Lạp cổ thời đã nhận diện Bennu là con chim Phượng, Hỏa điểu Phoenix. Theo người Hy Lạp Phoenix là một loài chim ưng (eagle) có cánh đỏ và vàng. Phoenix cũng được cho là tự tái sinh, hóa thân từ lửa. Như thế ta thấy chim phượng Phoenix của Tây phương là hình bóng nếu không muốn nói là "con đẻ" của cò vàng Bennu tức Cò Đỏ Cò Trời, cò Dang. Cũng xin nói thêm một chút về cây persea. Nhìn mặt chữ persea liên tưởng ngay tới cây persimon. Cây hồng vì quả mầu đỏ như lửa. Persea vì thế liên hệ với cây phù tang (phù là đỏ; phù là cây trầu, trầu là châu; chu là đỏ; cây phù tang mọc ở phía biển đông; nước Nhật mặt trời mọc còn được gọi là nước Phù Tang). Cây Persea, cây phù tang tương ứng với cây dâu da (da, đa là đỏ, lá đa là lá đỏ) cây dâu đỏ, dâu trời. Cây dâu đỏ chính là cây "chu đồng bông thau lá thiếc" của Mường-Việt mà vua Hùng vương chặt về xây cung điện. Phù tang là cây dâu trời trên đó chín, mười mặt trời đậu (về sau bị bắn rụng chỉ còn lại một mặt trời hiện nay). Điểm này cho thấy Bennu là hình ảnh mặt trời tái sinh mỗi ngày bằng ngọn lửa cháy từ cây chu đồng, phù tang, cây persea.

Cò Trời Bennu là hóa thân của Thần Mặt trời là vậy. Cò Bennu của Ai Cập là hình ảnh của Cò Dang, cò Mặt Trời Mọc Hừng vương.

Ta thấy cò Yang, cò Bangu, cò Kauthara, cò Bennu ruột thịt với cò Dang, Cò Trời của Hừng Việt Mặt Trời Mọc.

- *Các Tộc "Con Trời" Châu Mỹ*

. Aztec

Xin thật vắn tắt, không nói đâu xa ngay chính từ Aztec cũng đủ chứng minh là Aztec là di duệ của một bang Cò của Liên Bang Mặt Trời Hồng bàng. Aztec có nghĩa là "Heron people","Người Cò"! Các nhà khảo cổ học cũng đào được những hình tượng cò tạc bằng đá ở Mễ. Ta đã biết Lạc là Lộc, là Lộ là Cò. Lạc dân là "Người Cò"? Aztec ruột thịt với Cò Lạc Việt? (sẽ có bài viết riêng).

. Maya

Maya ruột thịt với Aztec dĩ nhiên cũng là một di duệ của bang Cò. Xin đưa ra bằng chứng "con cò mà mổ con trai". Xin nhắc lại là con số không (zero) của Maya là "con sò có hai cái răng" chính là "con sò có hai ngà" Ngao Quả Nữ Oa của chúng ta. Con cò cũng giữ một vai trò quan trọng trong cổ sử Maya. Người Maya cũng giống hệt như chúng ta có âm dương gọi là Kanah Ku và cũng có bát quái (viết trong bài Nguồn Gốc Kinh Dịch). Họ cũng có hình ảnh "con cò mà mổ con trai". Chứng tích còn thấy trong các hình tượng. Mới đây các nhà khảo cổ học đã đào tìm được một vật trang sức đeo trước ngực làm bằng con ốc điêu khắc hình một con chim mỏ dài bao phủ một cái đầu người tại nơi đất cũ của Maya là thành phố Río Azul (Thành phố Sông Xanh), còn gọi là Lost City of Maya (Thành phố Đã Mất của Maya) ở Guatemala. Các nhà khảo cổ cho rằng *"The carving probably represents a long beaked cormorant, its body curving around the face of a*

DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

man..." (Richard E.W. Adams, Río Azul, Lost City of Maya Nat. Geo. vol., No 4,, 4-1986, tr.449) ("nét khắc có lẽ biểu hiện hình con chim cốc mỏ dài, thân nó ôm quanh một khuôn mặt người..."). Các nhà khảo cổ học này đã sai, trăm phần trăm sai vì họ không biết đến nền văn minh "con cò mà mỏ con trai" của Hồng Bàng.

Nhìn kỹ hình vẽ, con chim mỏ dài này không phải là con cốc (thằng cộc) mà là con cò. Dựa vào đâu mà chúng tôi quả quyết như vậy? Trước hết là vào nguyên lý trai cò. Vỏ ốc thì phải khắc hình cò. Thứ đến nhìn kỹ chân con chim này. Chân cốc loài chim lặn dưới nước bắt cá nên chân có màng như chân vịt. Hình con chim ở đây chân không có màng, như thế không thể nào là con chim cốc được. Ôi tuyệt vời! đây là một tác phẩm điêu khắc tuyệt vời của Maya Hồng Bàng. Con cò tạc trên thân con ốc. Con cò nằm trong da thịt con trai ốc.

nên gọi vật tổ cò là cò Dang, Đế Giang hay Chim Lạc?

Nếu muốn, ta có thể gọi cò Dang, là cò Di, là Đế giang và cũng có thể gọi là chim Lạc với nghĩa Lạc là loài cò Nước-Lửa.

Ta đã biết Di và dang là chuyển hóa của nhau Di=Dang. Và Di đã được ghi trong bài hát sấm ký về vật tổ chim của Hừng Việt. Dĩ nhiên ta có thể gọi vật tổ của chúng ta là cò Di. Tuy nhiên Di không được dùng phổ thông trong đại chúng bằng từ Dang, Giang. Đọc câu sấm ký "Bồ cắt là bác chim Di" nhiều người từ trước đến nay đã không hiểu rõ chim Di là cò Dang. Tất cả có lẽ đã hiểu chim Di là chim Gi, loài chim nhỏ như chim sẻ ngày nay. Từ Di mang nhiều tính thuần dương không còn mang yếu tố âm nữa. Di là trời là lửa thuần túy. Trong khi Dang là trời là lửa mà Dang còn có nghĩa là dang, giang là sông là nước. Chim dang là loài chim sông nước. Mẹ tổ của chúng ta là Nước nên Dang thích hợp hơn. Di đã là từ nam hóa hoàn toàn của Dang dùng trong thời phụ hệ cực đoan. Trường hợp này giống như từ vạc với cò. Vạc có gốc "va-" là nước như 'vạc' là vật đựng chất lỏng như vạc dầu; cái 'vá' (môi) là vật múc chất lỏng, múc canh; 'và'là nước như cỏ và là cỏ mọc bên bờ nước. Trong khi cò cũng là loài chim nước nhưng không còn chứa gốc nước. Cò đã nam hóa hẳn vì cò cho ra cồ là đực và cu, cái giống phái nam. Di là hậu duệ của Dang. Chính Di đã đẻ ra chim Phượng của Trung Hoa giống như cò Bennu của Ai Cập đã đẻ ra Phoenix của người Hy Lạp và Tây phương. Trong cổ thư có nói chim Phượng là loài chim lửa phương Nam. Li là lửa là phương nam. Chim Phượng là hậu thân của chim Di, chim Dang của chúng ta. Hơn nữa Di có thể lầm lẫn với Gi và đã nam hóa hoàn toàn. Chim Di đã là tên "chữ" đã lý trí hóa nhiều không còn như tên cò Dang đi đôi với bồ nông bồ cắt đã thấm sâu vào đời sống và tâm hồn người dân dã Việt Nam. Do đó chim Di có nhiều khiếm khuyết. Chúng tôi không mấy sốt sắng hỗ trợ cho việc dùng từ chim Di chỉ vật biểu của mặt trời.

Có nên gọi là Đế Giang hay không? Tại sao con Giang được gọi là đế? Đế là vua? Phải chăng con Giang được tôn thờ như loài chúa tể của các loài chim nước? Phải chăng đây là chứng tích cho thấy cò Giang, Dang đã được thờ làm vật tổ? Cũng nên biết khi còn sống theo chế độ mẫu hệ, tổ tiên chúng ta còn sống thành từng bộ tộc dưới quyền của một mẹ chưa có tù trưởng nam phái, chưa có vua. Mẹ còn gọi là đẻ, là đỏ. Khi chuyển qua chế độ phụ hệ, mỗi bộ lạc sẽ được một tù trưởng nam phái cai trị và khi thành nước, quốc gia được một vị vua cai trị. Đẻ, đỏ biến thành đế. Đế giang thoạt đầu là Đẻ Giang, Đỏ giang, Mẹ Giang?

Chúng tôi "chê" không dùng từ Đế Giang vì nó là một "tên chữ" có tính cách bác học xa quần chúng.

Có nên gọi cò Trời Dang là chim Lạc không? Ta thấy Lạc cũng có nghĩa như Dang. Tuy nhiên chúng tôi thấy nên gọi vật biểu chim của Mặt Trời-Lửa là cò Trời Dang vì những lý do sau này:

- Chim Lạc, không hiểu học giả Đào Duy Anh giải thích như thế nào nhưng chưa thuyết phục được hết tất cả mọi người. Còn rất nhiều người nghi ngờ trong đó có cụ Bình Nguyên Lộc.

- Chim Lạc là một loài chim do học giả Đào Duy Anh đẻ ra. Tổ tiên ta mấy ngàn năm trước dĩ nhiên không biết con chim Lạc là chim gì! Tổ tiên ta đã biết tới chim Dang và Dang là con cò còn hiện hữu trong thực tế trong khi chim Lạc chỉ có trong sách vở, tên Lạc gọi theo "tên chữ" của những người có chữ nghĩa, không phải của đại chúng... Vì thế theo tiền nhân chúng ta phải gọi là chim Dang.

- Cò Dang, Cò Di với nghĩa mặt trời đã được tổ tiên ta gọi như thế và đã khắc ghi tên trên bờm của nó bằng Mẫu tự 'Mặt Trời" của chữ viết cổ con nòng nọc. Mẫu tự con nòng nọc hình mặt trời vòng tròn có chấm ở giữa. Rõ ràng tên của nó là Dang, Mặt Trời. Tên của nó đã khắc ghi trên trống đồng trên dưới hai ngàn năm nay, không nên đổi tên.

- Dang cùng vần với dạng, rạng (sáng, rạng đông) ăn khớp với hình mặt trời mọc ở giữa trồng đồng. Cò Dang là cò Dạng, cò Dạng đông, cò Hừng rạng. Cò Dang là vật biểu của Hừng vương mặt trời mọc. Cò Dang là vật tổ của liên bang mặt trời mọc.

- Cò Dang cho thấy đã một thời được thờ phượng như một đế vương qua tên Đế Giang?

- Cò Dang là một loài chim nước của tộc Việt đã đi vào đời sống dân Việt vào tâm hồn thân xác dân Việt từ cổ thời, vật tổ chim Dang phù hợp cùng với vật tổ bồ nông, bồ cắt đều gọi theo các tên dân dã...

- Trên trống đồng Ngọc Lũ I cũng thấy hàng chim Dông Nông ở vành trong đi đôi với hàng chim Dang ở vành ngoài. Dông dang liền thân với nhau như Thần Nông có hiệu là Viêm đế. Chim Dông chim Dang đã khắc ghi đi đôi với nhau trong sử đồng.

- Chim Dông chim Dang đi đôi với nhau trong sử thi Mường "Đẻ Đất Đẻ Nước" tương ứng với chim Ây cái Ứa.

- Cò Dang với Dang là Dương là Đực đi đôi với Âm. Âm Dương là hai thành tố cấu tạo nên vũ trụ muôn loài trong khi Lạc, li có nghĩa lửa.

- Cò Dang là cò Trời còn thấy hình bóng trong các bang của liên bang mặt trời Hồng bàng như cò Bennu của Ai cập, Kauthara của Chàm, bangau của Mã-Nam Dương Đa Đảo, của Aztec...

...

Tóm lại Cò Trời Dang, Cò Dạng Đông, Cò Vàng, Cò Lửa, Cò Di, Cò Lạc là vật biểu chim của Mặt Trời Mọc, là chim Lửa (đẻ ra chim Phượng của người Trung Hoa và Phoenix của người Tây phương) của hợp chủng quốc Văn Lang của vua Mặt Trời Mọc Hừng vương của đế quốc mặt trời Hồng bàng. Cò Trời Dang có hình bóng trong tấm gương cổ sử Ai Cập là cò vàng Bennu.

Đến đây ta thấy con dân của Hợp chủng quốc Văn Lang gồm có những dòng thuồng luồng-Dao, dòng bồ nông trứng vũ trụ (Thần Nông), dòng Việt chim Việt bồ cắt Mặt trời (Viêm Đế) thuần dương và dòng Lạc chim Dang Mặt Trời-Lửa (Viêm đế-Cắm Cọc Dùi Lửa Toại Nhân). Vật tổ chim bồ nông, bồ cắt và cò di-dang của Hừng Việt đã nghiệm đúng với hai câu đầu của bài hát sấm ký:

Bồ nông là ông bồ cắt, Bồ cắt là bác chim di

Đi xuống dưới nữa là vật tổ chim "Sáo sậu" nói ở câu kế tiếp:

Chim di là dì sáo sậu...

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115

Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ

CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE CIGNA; DMERC & CÁC LOẠI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

CaliforniaCare: Blue Cross, CompCare
TelePAID: Blue Shield, PersCare, PCS
Medimpact: PHP-CHG, MedCare, Value-RX, PacifiCare, Cigna, Rx-Prime, CareMark, Aetna, Columbia-PS, PharmaCare, PCN, MetraHealth, MediMet, TheTravelers, Foundation Health, Champus, GEM, USC, MPS, GPP, DPS, CPM, Wellpoint Pro-Serv, Community-RX, APB America, Provantage, Rx-America, SHARP H. Plan, SinglePoint

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS

ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

ĐỊA DANH "SÀI GÒN"

PHỤNG NGHI

Theo sử liệu, địa danh "Sài Gòn" đã ra đời từ thế kỷ 16 hoặc đầu thế kỷ 17, tức khoảng 300 năm nay. Người dân bình thường nghe ông bà, cha mẹ mình gọi "Sài Gòn", thì mình cũng gọi là "Sài Gòn". Ít ai thắc mắc về nguồn gốc của tên riêng nầy. Nhưng những nhà nghiên cứu, nhà sử học, với tinh thần khoa học, phải cố tìm hiểu cặn kẽ, tới nơi tới chốn. Tại sao tổ tiên ta đã đặt tên thành phố nầy là "Sài Gòn"?

Từ trước tới nay, nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra một số giả thuyết về địa danh Sài Gòn. Xin tóm lược như sau.

1. *Giả thuyết 1*

Hai người Pháp, Aubaret (năm 1963) và Francis Garnier (năm 1866) cho rằng, vào năm 1778, người Trung Hoa, từ Cù lao Phố (Biên Hòa) đến định cư tại Chợ Lớn (nay là khu vực Quận Năm, Sài Gòn) đã đặt tên địa phương này là * * * , đọc theo tiếng Quảng Đông là *Thày Ngòn* (Pháp phiên âm là *Tai Ngon hay Ti Gan),* đọc theo âm Hán-Việt là *Đề Ngạn.* Sau đó, người Việt tại địa phương đọc trại đi, *Thày Ngòn* trở thành Sài Gòn. Thuyết này không vững vì hai lý do:

1.1 Theo cuốn "Địa Chí Văn Hóa TP. HCM" (1), "Hai chữ Hán Nôm Sài Gòn đã xuất hiện từ 1776 để nói lên cái tên Sài Gòn của một địa phương đã có ít nhất từ 1672 rồi. Nghĩa là Sài Gòn đã có trước Tai-ngon hay Ti-gan của Aubaret và Garnier."

1.2 Trong lúc người Quảng Đông gọi *Chợ Lớn là Thày Ngòn* thì họ gọi Sài Gòn là *Xấy Con* (cũng gọi là *Xây Cón, Xi Cún),* chữ Hán viết * * * , đọc theo âm Hán-Việt là *Tây Cống.*

2. *Giả thuyết 2*

Chữ *Sài* *, đọc theo chữ Hán hoặc chữ Nôm, có nghĩa là củi để nấu nướng. Chữ *Gòn,* tiếng Nôm, có nghĩa là cây có bông xốp dùng để dồn gối nệm. Người Bắc gọi là "cây bông gạo" (Pháp, kapokier). Ngày xưa, lúc còn sanh sống tại địa phương nầy, người Miên có trồng nhiều cây gòn chung quanh đồn lũy của họ, cho nên dân ta mới lấy danh từ *Sài Gòn* đặt tên cho đất này.

Thuyết nầy cũng không vững. Người ta giải thích theo sự truyền khẩu, "nghe người ta nói", không nêu được những chứng cớ thuyết phục.

3. *Giả thuyết 3*

1. Năm 1875, ông Trương Vĩnh KÝ, trong sách "Tiểu Giáo Trình Địa Lý Nam Kỳ', đã lập một bản đối chiếu địa danh Việt-Miên, trong đó Sài Gòn được người Cao Miên gọi là *Prei Nokor (2)*

Theo Nguyễn Đình Đầu, *Sài Gòn là biến thể của Prei Nokor* qua nhiều giai đoạn:

Prei Nokor — Prei Nagaram (hoặc Prei Nagara hay Brai Nagar)

Brai Nagar — Rai N'Gar (hoặc Rai Gar hay Rai Gor)

Rai Gor — Rai Gòn

Rai Gòn — Sài Gon.

Tóm lại có lẽ giả thuyết tên Sài Gòn được lấy âm từ các tiếng Khơme Prei Nokor, Prei Nagaram, Prei Nagara rồi Brai Nagar là đáng tin hơn cả". (3)

Về giả thuyết này, Vương Hồng Sển (1902-1996) có ý kiến: "Dưới thời đại cam-bốt-gien, Sài Gòn là *nước, xứ ở giữa rừng (Prei Nokor).* Vịn theo thuyết này, danh từ *Sài Gòn,* trước định do *Prei Nokor là rừng gòn* không vững. Nay nên dịch "lâm quốc" đúng hơn. Tóm lại, danh từ *Sài Gòn* không ắt do điển *Prei Nokor* mà có." (4)

Như vậy, cho đến nay, nguồn gốc địa danh *Sài Gòn* vẫn chưa có gì rõ ràng. Chưa ai tìm được những chứng cớ chánh xác để có một kết luận thuyết phục. Tóm lại, tuy rằng nguồn gốc danh xưng chưa được chứng minh thích đáng, nhưng đối với dân Việt danh từ *Sài Gòn* đã được xài quen miệng quen tai và trở thành bất tử trong lòng người Việt.

2. Sau ngày 30-4-75, địa danh "Thành Phố Hồ Chí Minh" (TP. HCM) đã thay thế địa danh "Sài Gòn". Tại nội địa nước Việt Nam, trên các văn thư chánh thức (hành chánh, ngoại giao, thương mai...) không ai còn sử dụng danh

từ Sài Gòn nữa, đúng theo chỉ thị của chánh quyền Cộng Sản Việt Nam. Trên bản đồ Việt Nam cũng như trên bản đồ thế giới, xuất bản sau ngày 30-4-75, ta chỉ thấy địa danh "Thành phố Hồ Chí Minh." Pháp gọi Ho Chi Minh - ville và Mỹ gọi Ho Chi Minh - city.

Trước năm 1975 (5), Pháp gọi "người Sài Gòn" là *Saigonais,* còn Anh và Mỹ gọi là *Saigonese.* Năm 1994, chúng tôi ghi nhận trên báo chí Anh ngữ của Việt Nam, xuất bản tại Sài Gòn, các nhà báo vẫn còn sử dụng hai danh từ riêng *Saigon và Saigonese (6).*

- University of the seas sails into Saigon.

- Cheese fondue in the heart of Saigon.

- Soya milk is familiar to Saigonese.

- Car bearing NN white plate is now familiar to Saigonese. (7)

Sau ngày 30-4-75, trên nguyên tắc, người Pháp, Anh (và cả những người nước khác trên thế giới), nếu muốn nói đến "người dân của TP. Hồ Chí Minh," họ không thể căn cứ vào cái "gốc" Sài Gòn mà phải vào cái "gốc" TP. Hồ Chí Minh, để đặt ra danh xưng của cư dân của thành phố này. Chẳng hạn, họ có thể đặt tên mới như sau:

Pháp: *Hochiminhais (*hoặc *Hochiminhois, Hochiminhien)*

Anh: *Hochiminhese (*hoặc *Hochiminhan)*

Cho đến nay, chúng tôi chưa biết người Pháp, Anh, Mỹ... gọi "người TP. Hồ Chí Minh" với danh xưng gì, cũ hay mới. Có thể chăng, họ cho rằng cái địa danh Ho Chi Minh - ville hoặc Ho Chi Minh - city không có triển vọng trường tồn, nên họ chưa vội đặt ra tên gọi người dân của thành phố này?

3. Vấn đề lấy tên hoặc biệt danh của một nhân vật có tiếng tăm để đặt thành một địa danh là một chuyện rất bình thường và đã được áp dụng từ lâu đời, tại nước ta cũng như tại nhiều nước trên thế giới.

Một điều khó hiểu là, người đề xướng việc lưu danh thiên cổ tên tuổi Hồ Chí Minh nghĩ sao mà không chọn Hà Nội để đặt tên là "Thủ đô Hồ Chí Minh"? Chắc hẳn, tên một nhân vật trở thành tên thủ đô một quốc gia sẽ vinh quang hơn là tên của một thành phố thứ yếu.

TÂN VĂN HỒNG

THƯƠNG TIẾC THẦY VƯƠNG HỒNG SỂN

Cánh hồng vừa rớt nẻo bình sa!
Suy Thạnh gì cầu cũng phải qua.
Đá cá, đá gà từng giảng giải,
Chơi bình, chơi sách đã in ra.
Năm Mươi Mê Hát, Năm Sa Đéc,
Hơn Nửa Đời Hư, Ba Ngọc trà.
Quê cũ Sốc Trăng về chuyến cuối,
Ngậm ngùi thương tiếc bậc tài ba.

12/96

Chú thích:

— Câu 1&2: Học giả Vương Hồng Sển nhân giảng bài tại Đại Học văn Khoa ở đường Nguyễn Trung Trực năm 1960 có kể lại tên thật của Cụ là **Vương Hồng Thạnh** (王鴻瑆), nhưng khi làm khai sanh, ông chánh lục bộ ghi thành **Vương Hồng Sển** (đọc theo giọng Tiều) để trả thù việc ông ta thua bài và xin thân sinh của Cụ Vương Hồng Sển sáu cắc để gỡ mà không được ($0.60 năm 1902).

— Câu 3&4: Một số bài giảng trong chứng chỉ Văn Minh Việt Nam, sau được in thành sách: Thú Chơi Sách (1960); Thú Chơi Cổ Ngoạn (1971).

— Câu 5: * Năm Mươi Năm Mê Hát, VHS, cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, Sài Gòn, 1968.

* Cô Năm Sa Đéc, cố nghệ sĩ sân khấu cải lương và thoại kịch, tên thật là Nguyễn Kim Chung đã nổi danh cả thinh, sắc, lẫn tài diễn xuất từ đầu thập niên 30, là vợ sau cùng của học giả VHS.

— Câu 6: * Hơn Nửa Đời Hư, VHS, Văn Nghệ xb, Wesminster, CA, 1994.

* Cô Ba Trà tức Trần Ngọc Trà, huê khôi số một của Sài Gòn (chữ dùng của Vương Hồng Sển) khoảng năm 1920-1935, được nhiều vương tôn công tử si mê đeo đuổi, trong đó có Vương Quân.

4. Trở lại cái danh xưng "TP. Hồ Chí Minh". Tưởng rằng, tiếng Sài Gòn — mà dân Việt đã dùng quen thuộc ngót 300 năm nay (8) — sẽ đi vào quá khứ, và sẽ chỉ được nhắc tới như là một danh từ của lịch sử mà thôi.

Sự thật không phải như vậy. Trên thực tế, không phải tất cả người Việt đều hưởng ứng việc đổi tên nầy. Trước hết, có thể nói là tất cả dân Miền Nam, trong đó có dân Sài Gòn, đều không đồng ý về việc áp đặt phi dân chủ nầy. Từ năm 1975 cho đến nay, sống dưới chế độ

độc tài trong nước, ít ai dám công khai nói lên tâm tư, suy nghĩ của mình. Tuy nhiên, họ vẫn âm thầm chống đối bằng nhiều cách.

4.1 Tuy trên giấy tờ chánh thức, mọi người đều viết "TP. Hồ Chí Minh", nhưng cư dân của thành phố vẫn xưng hô với nhau: "Tôi là người Sài Gòn." Đã từng sanh sống ngay trong lòng Sài Gòn, từ năm 1975 đến năm 1995, chúng tôi tuyệt nhiên chưa nghe người dân nào ở thành phố này, từ người sanh đẻ tại chỗ cho đến người mới đến định cư, tự xưng mình: "Tôi là người Thành phố Hồ Chí Minh" hay vắn tắt "Thành Hồ."

Tại Miền Nam Việt Nam, dân các tỉnh thường hỏi bạn bè, khi có ai đi xa: "Anh có chuyện đi đâu đó?" Người bạn đáp: "Tôi đi Sài Gòn." Dường như, trong đầu óc của họ, không có một khái niệm gì về "TP. HCM," một cái địa danh chỉ có trên giấy tờ.

THƠ

VÕ DOÃN NHẪN

TÂM ĐẦU

Buồn vui hai chữ tâm đầu
Mùa thu lá chết vẫn màu còn tươi.
Đòi phen người định hỏi Người:
"Bây giờ hối tiếc những lời năm xưa?"
Vẽ gì vạt nắng chiều mưa,
Cầu vồng mắc võng đong đưa cuộc tình.
Người say Mộng Ký Mai đình,
Người ôm trọn bộ Kim Bình Mai xưa.

Santee Xuân 97

4.2 Một số tác phẩm văn học xuất bản tại Sài Gòn sau năm 1975, mặc dầu có đề cập tới những chuyện của "Sài Gòn sau năm 1975," nhưng được tác giả dùng từ Sài Gòn trên các tựa sách:

- *Người Sài Gòn,* Sơn Nam, Nxb Trẻ, 1990.
- *Sài Gòn năm xưa,* Vương Hồng Sển, Nxb TP. HCM, 1991.
- *Sài Gòn tạp pín lù,* Vương Hồng Sển, Nxb TP.HCM, 1992.
- *Nhớ... Sài Gòn,* Minh Hương, Nxb TP.HCM, 1994.

Theo luật lệ hiện hành tại Việt Nam, tất cả các sách và các loại ấn phẩm khác, trước khi được phép xuất bản, đều phải qua một sự kiểm duyệt về nội dung rất chặt chẽ của nhiều từng lớp: biên tập viên, tổng biên tập và giám đốc một nhà xuất bản của Nhà Nước. Vị giám đốc, phải là đảng viên, chịu trách nhiệm về "chánh trị, tư tưởng và văn hóa" của cuốn sách. Sau khi được nhà xuất bản duyệt thuận, "đề tài xuất bản" được đệ trình lên Cục xuất bản, thuộc Bộ Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, để được duyệt xét "chung thẩm" và cấp giấy phép.

4.3 Từ năm 1975 cho đến nay (1997), tại Việt Nam không có tự do ngôn luận. Ngoài việc kiểm duyệt các loại ấn phẩm đề cập trong Mục 4.2, hầu hết các báo (trừ vài tờ của tôn giáo) (9) đều thuộc về Nhà nước. Người đứng đầu, gọi là "tổng biên tập," phải là một đảng viên "trung kiên, có lập trường giai cấp cộng sản kiên định" do Nhà nước tuyển chọn.

Tại Sài Gòn, một điểm đặc biệt là trên măng-sết của các tờ báo thường có ghi địa danh TP.HCM hoặc có ghi chú thêm là tờ báo thuộc một đoàn thể nào đó của TP.HCM: *Công An TP.HCM, Văn Nghệ TP.HCM, Phụ Nữ TP.HCM, Thể Thao TP.HCM, Điện Ảnh TP.HCM, Sân Khấu TP.HCM, Tuổi Trẻ - Tiếng nói của đoàn thể TNCS HỒ Chí Minh - TP.HCM, Thanh Niên - Diễn đàn của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam - TP.HCM...*

Năm 1989, Việt Nam đề ra chánh sách "mở cửa" để thu hút sự đầu tư của các nước tư bản nhằm cứu vãn nền kinh tế suy sụp của họ. Sau đó, trong giới báo chí Sài Gòn có thêm mấy tờ chuyên san kinh tế mà trên măng sết thấy xuất hiện cái địa danh Sài Gòn: *Thời báo kinh tế Sài Gòn* (ra năm 1991), *Saigon Times* (1992), *Saigon Eco* (1992), *Saigon Times Daily* (1996), *Sài Gòn Tiếp Thị* (1996).

4.4 Trong kinh doanh, rất nhiều doanh nghiệp — cả quốc doanh lẫn tư doanh — vẫn còn lấy địa danh Sài Gòn làm nhãn hiệu sản phẩm của họ, hoặc để đặt tên cho công ty, xí nghiệp của họ:

Quốc doanh: *Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Sacombank, Công ty bia Sài Gòn - Saigon Beer Company, Công Ty Bảo Hiểm Sài Gòn, Cảng Sài Gòn, Ga Sài Gòn, Saigon video...*

Tư doanh: *Công ty Sài Gòn may mặc xuất*

khẩu, Mắt kính Sài Gòn, Máy nhắn tin Saigon Epro, Trường ngoại ngữ Sài Gòn, The Saigon Floating Hotel, Saigon Taxi...

4.5 Tại Miền Nam Việt Nam có một câu chuyện truyền khẩu như sau. Xưa nay, dân Lục tỉnh thường có ác cảm đối với những tên ma cô và những ả buôn hương bán phấn, từ Sài Gòn — có tiếng là văn minh hơn các tỉnh — xuống vùng quê nhằm lợi dụng bản tính chất phác, thật thà của dân tỉnh lẻ, để lường gạt tình và tiền. Họ gọi những tên ma cô nói trên: "Thằng điếm Sài Gòn! Con đĩ Sài Gòn!"

Sau ngày 30-4-1975, chánh quyền Cộng Sản Việt Nam đã ra lịnh, cấm xài tiếng Sài Gòn. Nay, nếu gặp các tên điếm đàng ở TP.HCM lân la xuống miền quê, giở trò bỉ ổi, thì họ phải gọi những tên lưu manh đó là thằng gì, con gì?

4.6 Khoảng năm 1995 (chúng tôi không nhớ rõ ngày tháng), một độc giả của tờ nhựt báo *Sài Gòn Giải Phóng* ở Sài Gòn có nêu ý kiến trên báo, phê phán một số xe đò Lục tỉnh vẫn còn vẽ trên kiếng xe và hai bên hông xe mấy câu quảng cáo lộ trình của chiếc xe, chẳng hạn như: *Cần Thơ - Sài Gòn, Sài Gòn - Cần Thơ.* Sau 20 năm bị cấm đoán, dân chúng vẫn còn xài tiếng Sài Gòn. Ý kiến của vị độc giả nói trên đã rơi vào im lặng.

Trong tháng Mười 1996 vừa qua tại nước Mỹ, một vị thính giả của một Đài phát thanh tại California gởi ý kiến, nên gọi "(Thành phố) Sài Gòn là Sài Gòn", tức là không nên gọi "Thành phố Hồ Chí Minh."

Trên đây là ý kiến của hai người Việt, một ở trong nước và một ở hải ngoại, liên quan đến địa danh Sài Gòn mà chúng tôi ngẫu nhiên ghi nhận được, cũng xin nêu lên để chúng ta cùng tham khảo.

4.7 Tại hải ngoại, nhiều nhạc sĩ và ca sĩ đã nói lên, bằng tiếng nhạc và lời ca, sự lưu luyến và niềm tin xác lập bằng, tiếng gọi thân thương "Sài Gòn" vẫn tồn tại mãi mãi trong lòng người Việt:

Sài Gòn ơi! Tôi mất người như người đã mất tên.

4.8 Tại nước Mỹ, sau nhiều năm phấn đấu của người Việt tị nạn, ngày 1-6-1986, chánh quyền nước Mỹ, đại diện bởi Thống đốc tiểu bang California, ông Deukmejian, và một người thay mặt cho Cộng đồng người Việt tại địa phương đã làm lễ chánh thức đặt danh xưng "Little Saigon" (Tiểu Sài Gòn) tại Orange County, tiểu bang California. Little Saigon được xem là "Thủ đô tị nạn," một "thủ đô tinh thần," mở đầu trang sử tị nạn của người Việt tại nước Mỹ. Đây là một trong những bằng chứng hùng hồn chứng tỏ rằng, tiếng gọi 'Sài Gòn" sẽ mãi mãi trường tồn trong lịch sử nước Việt.

4.9 Hiển nhiên, trong số hai triệu người Việt tị nạn tại hải ngoại, không ai chấp nhận việc làm phi dân chủ không hỏi ý kiến dân của nhà nước "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" trong việc đổi tên "Sài Gòn" thành "Thành phố Hồ Chí Minh." Tiếng nói của giới truyền thông, nhứt là giới báo chí, đã xác nhận điều đó.

Qua những điều trình bày trên đây, ta thấy cái danh xưng "TP. Hồ Chí Minh" không tồn tại được trong lòng người Sài Gòn và chúng tôi tin là nó cũng không tồn tại được trong lòng người Việt vốn yêu chuộng tự do và dân chủ, cả ở trong nước lẫn ở hải ngoại.

1. *Địa Chí Văn Hóa TP.HCM,* Tập I, Nxb TP.HCM, 1987, tr.217
2. Sđd, tr.223
3. Sđd, tr.224
4. *Sài Gòn năm xưa,* Vương Hồng Sển, Nxb TP.HCM, 1991.
5. Trong bài này, có mấy từ ngữ rút gọn: "Trước và sau năm 1975." Xin hiểu là: "Trước và sau ngày 30-4-1975."
6. *Tuần báo Saigon Times* số 165 ra ngày 1-4-1994, xuất bản tại Sài Gòn.
7. NN là chữ viết tắt của từ 'Nước Ngoài"
8. Năm 1698, Chúa Nguyễn chỉ thị Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam thành lập chánh quyền để cai trị dân cư sanh sống trên lãnh thổ phía Nam, trong đó có vùng Sài Gòn. Người ta lấy năm 1698 làm năm thành lập thành phố Sài Gòn.
9. Tờ *Công Giáo và Dân Tộc,* "Cơ quan của Ủy ban đoàn kết Công giáo yêu nước Việt Nam TP.HCM" và tờ *Giác Ngộ,* Cơ quan của Giáo hội Phật giáo tại TP.HCM.

* Người nói dối khôn khéo thêm thắt nhiều chi tiết cho câu chuyện, nhưng người nói dối khôn khéo nhất thì không làm như vậy.

* Anh ta đứng trước hai chọn lựa: hoặc mua một chiếc xe loại bự hơn, hoặc tìm một cô bạn gái nhỏ con hơn.

* "Thưa bác sĩ, nhổ một cái răng thì mười lăm đô-la phải không ạ. Hình như bác sĩ tính tiền cho tôi nhiều hơn."

"Đúng thế. Thằng con của ông la lớn quá làm những khách khác của tôi bỏ đi mất."

THỦY ĐAO LAN

KHUYẾT DANH THỊ NGH.

Để chung trà xuống chiếc khay hoàng thạch, chủ nhân châm điếu thuốc đầu tiên trong ngày rồi ngả người ra lưng ghế. Một ngày đã khởi đầu. Hương trầm nhẹ trong không khí. Hàng dậu thấp, xa mờ trong sương đục... Những hòn non bộ, những chậu hoa, những khóm trúc, không một tiếng chim... tất cả lặng lẽ. Có tiếng động từ cổng vườn, chăm chú một lúc chủ nhân nhận ra dáng một người đứng phía ngoài, ông vội đứng lên, bước ra. Một khách lạ khoác áo lạnh, tay bưng một chậu hoa nhỏ đưa về phía chủ nhân. Người khách còn trẻ nói:

"Có người thấy ông yêu hoa nên nhờ tôi mang tới tặng chậu thủy đao lan này."

"Ông ấy là ai vậy."

"Đó là người bạn từng học đánh kiếm với ông ngày xưa..."

Nói hết câu người lạ nghiêng mình chào rồi quay lưng bước đi không để lại một tiếng động. Thủy đao lan? Một người bạn học đánh kiếm... Phải, có một thời như thế. Nhưng gốc lan lạ này ta chưa bao giờ nghe đến. Nhìn con đường trước mặt không còn bóng người khách lạ. Trở vào trong lối đi trải sỏi trắng, chủ nhân mang chậu thủy đao lan để trên chiếc đôn nơi góc vườn. Khóm lan được trồng trong chiếc chậu đất nung màu gan gà, loại chậu chỉ có ở đất Đông Tỷ. Lớp đất đỏ, những lá lan đâm thẳng lên như những mũi dao, cạnh và đầu lá sắc, nhọn. Quả có một giống hoa: thủy đao lan?

Sau bao nhiêu ngày tháng bươn trải nơi chợ đời, về già tuy còn tráng kiện, chủ nhân của khu vườn cây cảnh này đã lui hẳn về với thú riêng của mình, dù vậy ông vẫn không từ bỏ óc kinh doanh: vừa chơi, vừa buôn bán. Ông chăm chút từng cánh hoa, nhẹ nhàng với từng cánh lá, ông quen thuộc với từng loại ong, con kiến, con sâu, thứ nào của cây nào, thứ nào hại, thứ nào lợi, thứ nào để mặc nó, thứ nào phải diệt đi. Nhìn chậu thủy đao lan, ông nhủ thầm: nó

có thể cho ta những hương sắc đặc thù sao? Sao trông nó có vẻ tầm thường? Nó có thể vượt lên ngang bằng với những mạc lan, bạch ngọc, nhất điểm, tiểu kiều... Đầu xuân nhiều khóm đã cho hoa. Những đào, những mai, thược dược, hoàng cúc, thủy tiên... mỗi thứ một hương sắc. Thủy đao lan vẫn chỉ là những cánh lá xanh vươn thẳng chắc khỏe.

Giữa mùa xuân, hoa trong vườn đã vợi đi. Những chậu yên tử, mã vũ, mặc lan, hoàng điệp... lần lượt đi theo chân khách. Một vài người hiếu kỳ trong lúc chọn hoa thấy chậu thủy đao lan thì hỏi về nó. Có người nói: những cánh lá như mũi kiếm, vậy hoa nó sẽ như thế nào, hoa tự nó đã là sự yếu đuối dịu dàng... hình bóng người khách lạ lại mơ hồ đến với chủ nhân: của một người bạn từng học đánh gươm ngày trước... Một thời học đánh gươm, tất cả một quá khứ mơ hồ chập chờ hư ảo. Có một thời như thế?

Qua mùa hè, cây cỏ bắt đầu héo úa sau một thời sinh sắc. Vào một chiều oi nồng có một thanh niên vào thăm vườn cây. Chủ nhân nói: đã qua mùa xuân. Người thanh niên mỉm cười: ông quả là một nghệ sĩ yêu thiên nhiên. Trời và người có những sắp xếp riêng, tại sao mình lại lệ thuộc vào thời gian, xuân hay hè là ở mình chứ? Chủ nhân giọng nhẹ nhàng: với cậu bây giờ là hè hay xuân? Chợt người thanh niên ngừng lại và kêu lên vẻ thảng thốt:

"Thủy đao lan sao lại ở chốn này?"

Chủ nhân bước tới và cảm nhận thấy một hương thơm kỳ lạ, một hương thơm ma quái đầy hoang dại. Trước mặt họ chậu thủy đao lan với những cánh hoa đỏ như lưỡi kiếm đẫm máu chen giữa những ngọn lá xanh đậm.

"Đây là quà tặng của một người bạn từng học đánh gươm với tôi hồi trẻ. Phải, nó là thủy đao lan."

"Tôi đã từng thấy nó ở vùng Đông Tỷ, nó cho hoa theo một quy cách riêng. Phước cho ai và cũng họa cho ai được hưởng hương thơm và nhìn thấy màu đỏ máu trên cánh hoa. Chính là ma quỷ quanh đây..."

Vừa nói người thanh niên vừa rút gươm ra khỏi vỏ, những đường gươm loang loáng, tiếng gió rít lạnh, chủ nhân cảm thấy như toàn thân tê liệt, trước mắt chỉ thấy những vệt sáng nhảy lên nhảy xuống không rõ hình dạng. Không biết thời gian ấy kéo dài bao lâu cho tới khi qua cơn choáng, chủ nhân không còn thấy người thanh niên, khu vườn đã bị bầm nhỏ, không còn một ngọn cỏ cao quá gang tay, cơn bão kiếm đã san bằng tất cả.

Không gian lặng đi, thời gian ngừng lại. Chủ nhân thấy mình như đang ở giữa hoang mạc. Nhìn chung quanh, chủ nhân giật mình thấy chậu thủy đao lan vẫn ở nguyên chỗ cũ, những ngọn lá xanh những cánh hoa đỏ máu.

Mùa đông năm đó đến sớm cùng với cơn bão tuyết hung hãn, một lần nữa cỏ cây bị vùi dập, cả khu vườn nay không còn dấu tích nào cho thấy rằng trước đó là một hoa viên với kỳ hoa dị thảo. Duy ở góc vườn, chủ nhân thấy chậu thủy đao lan như hồi nào ông thấy: những ngọn lá xanh, những cánh hoa như lưỡi gươm đẫm máu khỏe mạnh, cứng cáp. Ông bước tới, hai tay nhấc chậu hoa lên mang vào nhà để trên thư án, ông ngạc nhiên thấy nửa phần chậu đã không còn, chậu hoa như đã bị tiện ngang. Ông vuốt tay lên cánh lá, cánh hoa... tất cả đã khô cứng như đá. Chủ nhân nhớ lại và rùng mình như nghe thấy tiếng gươm đao và những vệt sáng loang loáng ngày nào cùng người thanh niên với cây kiếm trong tay và phảng phất hương thủy đao lan ma quái, hoang dã...

Cho tới ngày chủ nhân qua đời, người nhà sau khi thu xếp lại nhà cửa thấy chậu hoa bị tiện đứt trong khi những ngọn lá cánh hoa vẫn còn tươi màu sắc, tất cả đã khô mà sắc diện vẫn như sống. Mọi người hỏi nhau nhưng chẳng ai biết đó là hoa gì, thật hay giả.

*

Khi ta đã qua tuổi năm mươi, một lần vào trong Mả Sách, khi mở cuốn U Quái Tản Truyện lần đầu trong đời thấy ghi về một tên hoa là Thủy đao lan. Bài thơ Khấp Thủy Đao Lan mà theo tác giả U Quái Tản Truyện là của một cuồng sĩ khi chết xuống âm phủ vịnh một loài hoa ở dưới đó. Bài thơ như sau:

Mặt trời đỏ bêu trên mũi nhọn
Này bọn người sống lại làm ma quỷ
Có thấy không hương thủy đao
Nó làm thành mùa xuân ở cõi âm
Không kẻ nào có thể nhìn rõ mặt
Vì không một kẻ nào trông thấy mà còn sống●

Sài Gòn 1980

* "Thưa bác sĩ, mỗi lần tôi uống cà phê thì lại cảm thấy con mắt bên trái của tôi bị đau."

"Nhớ lấy cái muỗng ra khỏi cốc cà phê trước khi uống."

* "Thoạt đầu tôi tưởng bạn là bạn, nhưng khi bạn lại gần hơn thì tôi mới vỡ lẽ ra rằng bạn chính là anh ruột của bạn. Gớm sao hai người giống nhau thế!"

THƯ VIỆN MITTERAND

NGUYỄN THỊ XUÂN SƯƠNG

Vậy là ngày trọng đại đã đến. "Trọng đại" đối với chúng tôi, những người làm việc ở Thư Viện Quốc Gia Pháp - nay mang tên Thư Viện Francois Mitterand - không phải là ngày 30-3-1995, ngày mà cố Tổng thống Pháp đã đến khánh thành nhận chìa khóa công trình từ tay kiến trúc sư Dominique Perrault. Cũng không phải ngày 17-12-1996, ngày mà đương kim Tổng thống Jacques Chirac tới khai mạc mở cửa cho độc giả. Ngày trọng đại đối với chúng tôi là ngày mở cửa THẬT, 20-12-1996.

Khi còn ở trụ sở đường Richelieu ngay trung tâm Paris, chuyện làm "service public" hướng dẫn độc giả là chuyện tự nguyện, ai không muốn làm thì thôi. Lên Tolbiac thì bắt buộc, nên cả những người đã làm hay chưa bao giờ làm cũng sợ. Sợ là vì đã gần ngày khai trương mà sách trên kệ chưa được bao nhiêu (tất cả còn nằm ngổn ngang ở khâu đóng bìa!), và nói chung thư viện chưa sẵn sàng mấy. Bởi vậy, buổi họp cuối trước ngày này một tháng, các sếp dặn dò bảo phải "mỉm cười." Cái cười ở đây không phải "cái cười của thánh nhân," cũng không phải cái cười của thằng Bờm, nó "nghệ thuật" hơn nhiều: phải có vẻ an ủi khi độc giả thất vọng, phải có vẻ mơn trớn khi độc giả trách móc, phải có vẻ chịu đựng khi độc giả bực mình. Đấy, cứ đợi gì "nghề chơi" mới "lắm công phu?"

Nhiều người cứ tưởng Thư viện Quốc gia Pháp đã hoàn toàn dọn về Tolbiac. Không phải. Kho sách báo từ xưa đến giờ vẫn còn ở Richelieu và Versailles (Richelieu sẽ chỉ dọn lên Tolbiac vào khoảng giữa năm 1998 để mở cửa cho tầng dưới, Rez-De-Jardin, dành cho trình độ nghiên cứu; Versailles thì mùa xuân 1997 bắt đầu sẽ dọn, hiện tại một số tài liệu vẫn không tham khảo được vì bị nhiễm amiant trong không khí tới 6% nên một số kho phải đóng cửa). Ở Tolbiac là một kho sách hoàn toàn mới, bày hết lên kệ cho độc giả tha hồ tự tay chọn đọc không phải chờ đợi, cũng không mượn được về nhà, nhưng nếu... khéo tay thì vẫn có thể chôm về vài quyển. Nếu ở Richelieu chủ yếu là khoa học nhân văn thì ở Tolbiac gồm cả khoa học xã hội, chia ra làm bốn "départements" trong bốn "tours" theo chủ đề:

a) Département 1, Tour 1, là "Tour des Temps," "Tháp Thời Gian" (sử, triết, khoa học nhân văn); phòng đọc J, 297 chỗ ngồi.

b) Département 2, Tour 2, là "Tour des Lois," "Tháp Luật" (luật, kinh tế, chính trị); phòng đọc D, 309 chỗ ngồi.

c) Département 3, Tour 3, là "Tour des Nombres," "Tháp Số" (khoa học và kỹ thuật); phòng đọc C, 230 chỗ ngồi.

d) Département 4, Tour 4, là "Tour des Lettres," "Tháp Văn;" các phòng E, F, G, H sẽ giới thiệu cùng độc giả từ Nguyễn Du tới Shakespeare, từ Kafka tới Pushkin, từ Lỗ Tấn tới Kawabata hay Faulkner hay Proust..., 607 chỗ ngồi.

Ngoài ra còn có:

- Département 5, thính thị, gồm phim, tài liệu có âm thanh, hình ảnh số hóa; phòng đọc B, 145 chỗ ngồi.
- Phòng I, Phòng Nghiên Cứu Thư Mục, 56 chỗ ngồi.
- Phòng A, Phòng Báo Chí, 51 chỗ ngồi.
- Phòng triển lãm.

Nhìn từ ngoài thì ai cũng trầm trồ thấy "bốn quyển sách mở" sừng sững giữa trời óng ánh những gương là gương, vào phòng độc giả thì lót thảm đỏ thật dầy, đi vừa êm chân lại vừa vui mắt. Bàn gỗ, kệ gỗ, tường phía vườn cũng gỗ, trông sang lắm. Nhưng hầu hết nhân viên thì cứ đòi xử treo cổ Dominique Perrault - như viên kiến trúc sư xây thư viện Sarajevo vào thế kỷ 18 đã tự treo cổ mình vì ánh sáng không lọt đủ vào các phòng. Hai căn gác lửng phòng C và G chỉ có ánh sáng đèn. Cảm giác là ngộp, và nóng thì khỏi chê (gác lửng hai phòng D và J ở tầng trệt còn khiếp hơn). Các phòng dưới lại lạnh và nắng lên gương chiếu chói chang

không trông rõ gì. Ngày đầu tiên đã có độc giả phòng F ghi và sổ góp ý: "Không có màn che, không có đồng hồ treo tường, và lạnh quá, gió thổi trên vai"... May chưa đến nỗi là Đỉnh Gió Hú.

Thảm đỏ cho độc giả lộng lẫy là vậy (nghe đâu là do cố Tổng thống chọn) mà trong văn phòng cho nhân viên thì toàn thảm xám đen, bàn ghế toàn đen bên cạnh tường màu trắng nhờ nhờ với những cột bê tông trần trụi màu xi măng ô ố mà Perrault cứ thường ca tụng là một vẻ đẹp tự nhiên độc đáo. Không biết thực hư, chớ giấy vệ sinh màu trắng nhân viên khác nhau là cũng tại theo nguyên tắc đen-trắng ốp-a của ông kiến trúc.

Một số nhân viên đã dọn lên Tolbiac từ tháng 9-1995, hai tháng sau là có người bị suy sụp tinh thần vì khung cảnh chung quanh thư viện buồn thiu. Trong vài năm nữa mới có một làng mọc lên chung quanh cho khoảng vài chục ngàn cư dân, còn hiện tại chỉ có mấy khu nhà HLM đang xây cất, xấu xí. Chả bù ở khu Richelieu chẳng những có vườn Palais Royal, mà bước ra khỏi thư viện còn có đủ cà phê thuốc lá, các bà sau bữa cơm trưa lại có thể đi "dimutuki" và hàng giày dép áo quần. Bên trong càng buồn và mùa đông mà máy điều hòa chạy làm sao đến nỗi một số phòng thường chỉ 18 độ, có nhiều phòng thì dù nắng hiu hắt mùa đông cũng đủ sức đẩy nhiệt độ lên tới 28, nóng ngộp. Hiện tại vì một nhân viên còn ở lại Richelieu, chớ giữa năm 1998 dọn hết về đây thì văn phòng chật chội. Từ 100 mét bề cao bị xén bớt còn có 80, giảm đi hai tầng cho mỗi tháp thành phải dồn nhân viên lại. Đó là chưa kể hễ trời mưa là sân gỗ trơn trợt, đã có nhiều người bị té. Nhưng Perrault nhất định không chịu cho gắn những cái chắn chống trượt chân. Anh ta có quyền trên công trình mình trong 30 năm lận mà. (*Y-a-t-il quel qu'un pour sauver* la Grande Bibliothèque?)

Nếu ở phía ngoài thì lấy sông Seine làm chuẩn là phía bắc. Vào trong rồi thì dù muốn trầm mình cũng chẳng thấy sông suối gì, phải tính từ tấm bảng Mitterand trên tường để biết là phía tây rồi định hướng. Lúc đầu nghe "côté nord, côté sud" cứ như vịt nghe tiếng Phạn, nhìn đâu cũng thấy thăm thẳm mênh mông. Xuyên qua lớp kính là khu "vườn cấm" (không ai được vào trừ người làm vườn) đã làm hao tốn công quỹ 45 triệu và tốn không biết bao nhiêu giấy mực của báo chí và nhân viên, lại càng không giúp gì để nhận ra phương hướng. Còn từ tháp nọ tới tháp kia bên trong cho nhân viên thì rõ là mê cung, cả năm mà thiên hạ vẫn đi lạc. Nghe đâu ông kiến trúc sư luôn luôn bận sơ mi trắng áo vét đen này thỉnh thoảng vẫn ghé thăm thư viện đêm khuya, cứ như ma vậy (hẳn là để chuẩn bị cho phim... *Le fantôme de* la bibliothèque?)

Làm "service public" thì tối đa thường hai giờ một xuất, nhưng các sếp tính lại thấy là từ văn phòng tới phòng đọc đi về ít nhất mất cũng mười lăm hai mươi phút, như vậy không lợi, nên mỗi xuất phải kéo dài thành ba tiếng đồng hồ. Dài quá. Lại không được uống nước vì phải "làm gương" cho độc giả. Độc giả không được đem thức ăn đồ uống vào, cũng không được đem dao kéo theo, sợ sách bị cắt tiết và... cứ lùng bùng trong đó như tù, sợ độc giả nổi điên... đâm chém nhau chăng?

Vì tầng trên gọi là Haut-De-Jardin này dành cho mọi độc giả chỉ cần đủ 18 tuổi (hoặc dưới 18 thì phải có Tú Tài), nên chủ yếu phần lớn sách phải bằng tiếng Anh hay Pháp. Một tuần trước ngày mở cửa, sách Việt Nam chỉ độc nhất bản tiếng Pháp quyển "Nỗi Buồn Chiến Tranh" của Bảo Ninh do Phan Huy Đường dịch. Là người phụ trách kho sách "hiếm" này, tôi hiểu là mình phải luyện tập nụ cười, nhất là bị làm "service public" ngay ngày đầu tiên. Hôm mở hàng bò lên được 12 quyển. Vui rồi. Nhưng vui nhất là buổi chiều đang "tiếp khách," bà sếp hăm hở bảo tôi:

"*Vous* thấy cái ông sơ mi trắng đỏ ngồi kia không? Thấy có một ông Á Châu đang tìm tìm, tui tới hỏi *vous* quan tâm tới loại văn học nào, ông ta trả lời văn học Việt Nam. Vậy *vous* nên tới "tchi-tchi" với ổng vài tiếng cho ổng vui."

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Trân trọng mời quý vị tới thưởng ngoạn

TRIỂN LÃM TRANH

của

Họa sĩ NGUYỄN HUÊ

tại Phòng Sinh Hoạt VAALA
11022 Acacia PKy #A, Garden Grove, CA
từ 11 đến 18 tháng Tư 1997

Tiếp tân khai mạc vào hồi 11 giờ sáng
thứ Sáu 11 tháng Tư 1997

Liên lạc: VAALA (714) 537-8352 (ông Vũ Duy Tự)

Tôi chào ông áo đỏ:

"Chào anh. Anh người Việt Nam?"

Anh ta cười nhưng nhíu mày:

"Sách tiếng Việt quá ít."

Dĩ nhiên là tôi nở nụ cười số hai, hứa hẹn là từ từ sẽ có nhiều hơn. Các sếp... hồ hởi, hoan hô khi tôi khoe là sách tiếng Việt chỉ mới có 12 quyển mà một độc giả đã chọn ba quyển rồi (xin cám ơn độc giả sơ mi đỏ tới thư viện khoảng hơn bốn giờ chiều ngày 20-12-96).

Phòng E là văn học Trung và Cận Đông; F là mỹ thuật và văn học La Tinh, Hy Lạp và Á Châu, Phi Châu; H là văn học Pháp; G là "văn học ngoại quốc": Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đức, Hòa Lan... Có độc giả đã bất bẻ sao lại gọi phần này là "ngoại quốc", bộ những môn văn khác không phải là "ngoại quốc" sao? (Cái ông này rõ lộn xộn chưa, có ngoại quốc và ngoại quốc chứ!)

Ngoài các xe lăn miễn phí sẵn sàng giúp những độc giả di chuyển khó khăn, thư viện Mitterand còn trang bị sáu cái máy dành cho người mù, phòng E. Máy không có chữ nổi (braille) mà có âm thanh, rất giản dị. Có một bộ phận như máy chụp bản sao, muốn trang nào thì úp lên cho máy này làm "scanner" rồi bấm nút là máy đọc trang đó lên. Có một nút bấm cho máy chạy, một nút bấm tới, một nút bấm lui nhắc lại câu vừa qua, một nút bấm nhắc lại chữ vừa qua. Đặc biệt nút này bấm tới lần thứ tư thì máy sẽ đánh vần từng mẫu tự chữ đó. Phòng này chắc chắn sẽ thu hút độc giả nhiều vì máy dùng rất tiện mà chưa thư viện Pháp nào được trang bị, tư gia thì lại càng không. Độc giả ở đây có thể mượn bất cứ hồ sơ ở Department nào mà không cần di chuyển. Ngoài tiếng Pháp, máy biết đọc bằng nguyên ngữ bốn thứ tiếng "ngoại quốc" Anh, Ý, Đức, Tây Ban Nha. Máy được... miễn dịch.

Mấy hôm trước và trong khi thư viện khai trương, tin tức và hình ảnh từ các phương tiện truyền thông phần đông tích cực. Truyền hình chiếu cảnh nữ văn sĩ Sarraute vào phòng thính thị mặc dầu hơi có vẻ "quảng cáo" nhưng phòng này quả thực tân tiến. Phòng triển lãm đang trình bày "Tous les Savoirs du Monde," ngay hôm đầu tiên đã thu hút khá đông khán giả. Dù vậy, các sếp vẫn liên tục đi thăm từng phòng, nghe ngóng và lo âu vì mới "ra ràng" mà nhiều máy đọc CD-ROM thay phiên nhau nằm vạ, còn máy chống ăn cắp sách thì người ta đi ra tay không nó cũng ré lên. May mà đó là nhân viên.

Giữa "bốn quyển sách mở" bề bề chữ nghĩa, có chỗ cho ba trăm quyển sách Việt Nam. Chúng tôi đã chọn giới thiệu cùng độc giả ngoại quốc và độc giả Việt Nam hải ngoại những tác phẩm của các nhà văn trong và ngoài nước, cùng với sách dịch từ tiếng Việt hay do tác giả gốc Việt viết bằng tiếng ngoại quốc - trong khuôn khổ có thể tìm được. Bên cạnh đó là các tuyển tập văn thơ, sách học ngôn ngữ Việt và bốn tạp chí: Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Văn Học (Mỹ), Journal of Vietnamese Studies (Úc).

Kho sách tiếng Việt đã được điện toán hóa từ năm 1988. Độc giả có thể tìm sách trong thư mục của Haut-De-Jardin trên CD-Rom trong mỗi phòng đọc hay từ nơi hướng dẫn.

Từ tháng Giêng 1997, độc giả có thể tham khảo thư mục sách của Haut-De- Jardin trên Internet (www.bnf.fr.) cùng các sinh hoạt của thư viện. Hiện tại, ngoài phần miêu tả về các dịch vụ bên trong, cũng đã có hai bases: BN-OPALE và BN_OPALINE.

- BN-OPALE gồm tất cả tựa sách đã vào Thư viện Quốc gia Pháp từ 1970.

- BN_OPALINE giới thiệu một phần sách của các phân bộ chuyên môn. Như:

Cartes et plans: sách vào từ năm 1987

Estampes et photographies: sách vào từ năm 1988

Documents sonores: sách vào từ năm 1989

Partitions musicales: sách vào từ năm 1991

Monaies et Médailles: sách vào từ năm 1994

Arts et spectacles: sách vào từ năm 1995

Sách vô trước ngày nêu trên, độc giả vẫn phải tiếp tục tìm ở Richelieu trong mỗi bộ phận chuyên môn, giới thiệu dưới hình thức thư phiếu. Sáu chuyên bộ này vẫn ở Richelieu, và sẽ cùng với các thư viện nghệ thuật hợp thành "Bibliothèque Nationale des Beaux Arts."

Thư viện cấm súc vật (trừ chó dắt người mù, và... trẻ em dưới 18 tuổi chưa có tú tài. Mở cửa từ thứ ba đến chúa nhật, từ 10 đến 19 giờ (chúa nhật từ 12 đến 18 giờ), vé vào phòng đọc là 20F (đặc biệt từ 20-12-1996 đến 05-01-1997, chỉ cần một vé vô cửa cho suốt thời gian này).

Chúng tôi đã được huấn luyện về nhiều thứ, về cách tiếp đãi người khuyết tật, về cách di tản độc giả khi có chuyện bất trắc, về hệ thống phòng cháy chữa cháy rất tỉ lỵ kỳ tinh vi - và cũng được huấn luyện để trả lời câu hỏi tại sao thư viện nhà nước mà phải trả tiền: rằng rất nhiều công sở cũng không miễn phí, chẳng hạn các viện bảo tàng... (tới đó thì ngừng, chớ có lỡ miệng nói thêm "và vé xi-nê cũng trả!")•

Paris, 21-12-1996

XỬ NỮ

HÀ THÚC SINH

Người xinh, tính khép, tuy dáng đi hơi vẹo như có thương tật nơi chân, Nhi trọ nhà trên đường Chapel, sáng sáng đáp chuyến buýt sáu giờ lên trường, đã bốn năm. Ngoài bến đợi nàng hay kín đáo mở sách ôn bài, bữa nào chia trí lắm mới lọt tai chuyện của đám đồng hành chung quanh.

Bà Juanita người Mễ, tròn như hạt đậu đỏ hôm nào cũng vui như ngày Cinco de Mayo. Giống tờ báo sống bà biết làu làu mọi chuyện. Bà cân nhắc vụ án O.J. Simpson như một bồi thẩm lý tưởng vì "Đây không đen cũng không trắng." Bà bảo California dám đói vì "Đội Rams chuồn khỏi quận Cam nay đến Raiders khỏi Los Angeles, điềm nào gở hơn cơ chứ?" Bà khen Clinton bảnh trai, nhưng "Nếu con Maria cháu tôi mặn mà như Natalie Wood được tổng thống chọn làm bí thư, tôi sẽ khuyên nó nghĩ lại đấy nhé!"... Ấy nhưng thấy Nhi bước đến là bà đổi ngay câu chuyện. Bà thích nàng, và do đó có vẻ cố tình lôi nàng ra trước "ánh sáng công chúng" dù chỉ bằng những quan tâm kỳ quặc. Thí dụ: "Cưng ơi, Jean mua đâu đẹp thế?" Nàng nghĩ bụng chiếc quần mình mặc có gì là đẹp, nhưng vẫn thành thực: "Target đó, có mười hai đồng!" Thế là bà Jennifer, bà già Mỹ có máu da đỏ, hút thuốc liên miên, người duy nhất ở Mỹ nàng thấy có chiếc răng vàng, giật phéng lấy phần ngạc nhiên của bà Juanita: "Tôi đeo kính đấy chứ? Y như quần Guess ở Robinsons-May ấy thôi!" Giá ở quê nhà chắc Nhi đã chết vì ngượng. Ai đời mấy bà già xúm lại kéo cái quần cô gái đang mặc ra mà thảo luận bao giờ!

Nhưng đám trẻ như con Toni xem ra bất cần, thậm chí cả thứ nó có bên trong. Nó như biểu tượng của một nền văn hoá trống trải mà sự diêm dúa không che giấu được gì, không bao bọc được gì; nhưng thiếu nó, thiếu những thế hệ tiếp nối như nó sợ nền văn minh này lại

không trọn vẹn! Toni tóc vàng, mắt xanh, đẹp như thiên thần và Nhi kinh nó như một đoá hoa ăn thịt ong bướm, dù có lần trò chuyện nàng biết nó cùng tuổi xử nữ với mình. Toni bảo: "Bạn trai cháu ư? Đếm không xuể đâu bà Jennifer!" Bà Juanita kêu lên: "Dóc mày!" Toni nhún vai: "Thật đấy dì Juanita. Cho nhau quả táo còn tươi không hơn đợi khô quắt đi à?" Nó đụng bức tường đạo đức u trán? Không! Chẳng ai nhìn nó bằng ánh mắt ghê gớm cả, cười thông cảm thôi, có thắc mắc là chỗ không biết bao giờ con nhỏ nó báo tin lấy chồng. Tuy thế bà Juanita vẫn khẽ kêu lên, dù giọng khôi hài chứ không cay đắng: "Chúa ơi, đây rồi trinh nữ như loài thú hiếm tuyệt chủng trên địa cầu..." Chỉ Nhi thầm nghĩ xứ này không ai phá huỷ được người nữ trừ chính họ.

Một lần trên xe bà Juanita xoay hỏi, chắc đùa: "Cưng tới tuổi có bạn trai chưa..." Nhi cười: "Băm tư rồi, bà Juanita." Thế là bà ta lại lôi nàng ra trước ánh sáng công chúng. Bà cười rộ bảo mấy bà bạn: "Con nhỏ này tính khai gian tuổi ra ứng cử thị trưởng sao đây? Chúa ơi nó nói với tôi như với một trinh nữ mười ba vậy á. Há há há há... Nó bảo nó đã băm tư..."

Mặt tiền tiệm hoa Conroy's Flowers góc đường Atlantic thường bày sớm lắm loại rực rỡ, nhưng Nhi ít thấy loại nàng vốn yêu. Chút liên tưởng xa vời như hạt cát chui vào giầy, hồn Nhi cộm một cảm xúc khó chịu. Ngày lên, trần gian rầm rập sức sống, vậy mà nàng vẫn nghe rõ hơn sự rùng mình dấy từ chiều sâu chịu đựng của lòng mình!

Nếu bà Jennifer hay than xe chật thì Nhi còn thấy xe nhớp, vì thế nàng thu mình nhỏ hơn trong chỗ ngồi.

Ba ngày liên tiếp Nhi thấy ông ta lên xe ở trạm Fremont - Valley, luôn ngồi vào chỗ phía sau băng ghế dành cho người già cả tàn tật, chỉ cách nàng lối đi giữa. Đầy đầu đen nhiều nhưng không hiểu sao nàng cứ đinh ninh ông ta phải là người đồng hương, không thể là Tàu, Phi, Nhật hay Đại Hàn. Sao thế? Ăn mặc giản dị? Lặng lẽ trong đám đông? Bị một tên Mễ hung hăng lấn chỗ vẫn vui? Cười một cách rất dĩ hoà vi quý với một thằng bé Mỹ nghịch ngợm ném giấy kẹo vào người? Nhớ đến mấy ông đồng hương lối xóm Nhi bật cười thầm. Đàn ông mình kỳ. Họ có thể hùng hổ như lãnh chúa trên diễn đàn cộng đồng, quyền uy như vua với vợ con trong nhà, nhưng ra đường bị cảnh sát Mỹ nhét giấy phạt vào tay, đôi khi oan uổng trông thấy, lại nhã nhặn lí nhí cám ơn!

Tấm lòng dịu dàng của Nhi bất ngờ nổi tiếng kèn chiến thắng hơi ác khi xe dừng ở trạm đường Mission. Y chang! Hai thiếu niên Mỹ đen phóng lên xe, hung hãn như giặc, lôi hộp sơn xì ra xì tùm lum lên trần lên vách xe. Cảnh quen, chẳng ai cự nự kể cả bác tài nếu như chúng đừng xịt trúng họ. Nhưng một đứa quá tay, trước khi phóng chạy đã xịt một vệt trúng vai ông. Chiếc sơ mi trắng như ứa máu. Hành khách ái ngại âm thầm. Và Nhi cũng ái ngại âm thầm. Nhưng may. Ông ta chịu đựng nổi. Nàng rút tấm khăn giấy trong cặp đưa cho ông. Ông nhìn nàng bằng ánh mắt cảm kích.

Nhi hỏi nhỏ bằng tiếng Anh:

"Ông... người Việt?"

Ông ta từ tốn lau vết sơn, kéo nàng về tiếng mẹ đẻ:

"Thấy cô tôi cũng đoán vậy."

Thế là quen. Xe chuyển bánh. Nhi lại hỏi:

"Ông sợ?"

Ông cười:

"Những người da trắng trên xe không sợ, sao mình sợ?"

"Sao ông biết họ không sợ?"

"Mặc cảm là trí khôn kẻ tự tử. Có thể người da trắng sẽ bắt đầu sợ khi người da đen biết ngưng phá huỷ."

Xuống trạm đường Zonal thả bộ vào trường, Nhi hơi tiếc không hỏi gì thêm về ông. Chỉ vài chi tiết mơ hồ sót lại. Ông quãng năm mươi, đeo kính cận nhẹ, người tầm thước, tóc hơi dày chưa bạc, mặt hồng hào, tai to...

Đôi ba ngày sau không thấy ông, Nhi quên ông nhanh chóng.

Một cuối tuần ngôi chùa trong vùng tổ chức lễ tế độ cho thuyền nhân bỏ mình trên biển Đông. Bà chủ nhà rủ Nhi đi. Nghĩ tới góp nén hương cho bao người không may là điều nên, Nhi vui vẻ. Bà chủ lại có chân trong ban tiếp tân thì nàng thoát sao khỏi sự chia việc của bà. Nàng giữ chân châm trà đãi khách. Đang loay hoay với mớ ấm tách, vị sư dẫn một người đàn ông đi qua. Ông ta!

"A!" Nhà sư dừng chân vui giọng: "Giới thiệu ông một đồng nghiệp tương lai nhé. Đây cô Nhi, học Y trên USC. Đây bác sỹ Hoặc cùng quê tôi đấy. Cô mời hộ tách trà đậm đậm chút nhé."

Vị sư bận tiếp khách. Sau một thoáng bối rối của kẻ bị bỏ lại, ông ta nói lơ lửng:

"Trong lòng chảo thung lũng có khác..."

Rồi ông thản nhiên lấy khăn tiếp Nhi lau thêm mớ tách. Nhi thăm dò:

"Bác sỹ mở phòng mạch vùng này?"

Ông giơ cao chiếc tách nhìn kỹ một vệt đen, giọng ôn tồn:

"Có phòng mạch phòng miếc nào đâu... Thế chuyên khoa cô tính chọn..."

"Dạ Psychiatry."

"Á... đau đầu lây đấy."

Tìm cách xưng hô cho là phổ thông và thích hợp nhất, Nhi cởi mở:

"Vì vậy chắc theo cách chú, ra trường cháu kiếm việc bệnh viện cho đỡ đau đầu hơn."

"Tôi cũng đã tính như cô, có điều..."

"Thế..."

"Trâu chậm cô ơi... Tôi đã cố nhưng giờ không đâu nhận nội trú nữa!"

Nhi hiểu. Trường hợp này không chỉ riêng ông, nhiều. Chuyện xoay sang chiều hướng khác. Lan man mà thân mật. Và khi đủ thân mật ông hỏi: "Nhi ở với gia đình đấy chứ?" Mất chữ "cô" khách sáo rồi! Nhi nhìn ông thật nhanh. Không hiểu sao đôi tai to của ông giúp nàng sự yên tâm khá vô cớ, và nàng quyết định: "Dạ một mình chú." Ông lấn tới: "Diện gì thế, lâu mau rồi?" Nàng cười chỉ ra bàn, đề nghị: "Chú uống trà kẻo nguội." Nhìn xuống sân đông khách một lát ông buột miệng: "Nhanh. Mới hôm nào cây mận góc kia chỉ ngang tầm tay, mùa rồi đã có trái. Ba năm như ba ngày." Nàng hỏi: "Gia đình chú sao?", ông cười ngặt nghẽo: "Cũng như Nhi." Kế ông thẳng thắn bảo: "Các cô dựng hàng rào phòng thủ dày quá có khi tự làm rách áo. Gọi khác đi!" Nhi hơi sầm nét mặt, khẽ gắt: "Trời đất, gọi sao nữa đây?" Ông thẳng thắn đến chối tai: "Có anh có em dỗ nhau khi buồn."

Khi chùa hành lễ, ở góc sân có người đàn bà còn trẻ ngồi lại nơi chiếc ghế đẩu khóc rấm rứt. Ông Hoặc bảo đã thấy bà ta vài lần như thế, ngồi cùng chỗ, khóc cùng tiếng khóc, không dỗ được. Ông kể qua câu chuyện thương tâm trên biển của bà và gia đình bà. "Ấy là nghe nói thế, chuyện đã cũ nhiều năm." Ông ngẫm nghĩ: "Mà vậy thì đáng sợ thật. Chẳng gì tự phá hủy hơn."

Lời ấy ghim trong óc Nhi lâu lắm.

Họ tiếp tục gặp lại, lúc chỗ này, khi chỗ nọ toàn do tình cờ; nhưng dù tình cờ những câu chuyện vẫn như tơ như chỉ, cứ thoải mái rối vào nhau đến quên thời gian, dù trước một siêu thị hay trong một tiệm ăn. Một lần gặp nhau trong hội chợ Tết do người Tàu tổ chức trên đường Valley, tránh một đám đông ùn ùn kéo nhau đến xem đấu võ, ông và Nhi ra quán gọi nước ngồi xem diễn hành xe hoa.

Ông Hoặc nói:

"Lạ, đám đông thường nhắc tôi về một đám đông trước 75."

"Ngày thay đổi chế độ?"

"Lại nói thời 75... lúc ấy Nhi ở đâu ha?"

"Dạ Sài Gòn." Rồi để tránh dĩ vãng như tránh hòn đá, nàng nói lảng: "Anh đang nói chuyện đám đông..."

Ông hơi sững, chợt nhớ, à một tiếng:

"Nhất là đám đông kiểu đốt Los Angeles. Nhi có đó?"

"Dạ lúc ấy còn học ở UCI, chỉ coi qua truyền hình."

"Tôi mới đến, đang tạm trú nhà người bạn ở South Central."

"Sợ không anh?"

"Phân vân thôi. Hôm ấy đứng trên ban-công nhà anh bạn nhìn xuống. Bạo động nào cũng na ná nhau. Kẻ tham dự không còn là chính họ mỗi ngày. Cũng đánh đấm túi bụi, rượt đuổi, hò la, súng nổ... Cảnh y như cảnh tôi chứng kiến hai mươi năm trước."

"Sài Gòn?"

"Đúng hơn ở quãng ông Tạ - Bảy Hiền, trước một hiệu bán gạch ngói. Họ biểu tình chống chính phủ. Tôi có đó."

"Anh..."

"Không, kẹt xe thôi. Tôi vừa gắn lon trung úy y sỹ xuống trình diện trại Hoàng Hoa Thám. Chiếc Vespa khi không oan mạng. Nhưng chẳng vì thế mà nhớ đâu, nhớ là vì dịp ấy tôi cứu nạn nhân đầu tay ngoài đường."

Nhi thăm dò:

"Một người biểu tình?"

"Kẻ trong cuộc mình gọi nạn nhân có xúc phạm họ không, dù là viên cảnh sát hay người biểu tình? Không, một con bé."

"...?"

"Mươi mười hai tuổi, chắc đứng xem bị lạc viên ngói vào hông, máu ra nhiều. Con bé thật lạ. Xin lỗi, tôi kéo quần nó xuống tìm vết thương nhưng cứ giữ cứng, nhất định không cho. Mà nào phải búp bê búp biếc gì cho cam, thương tích thế vẫn cứ ôm chặt trong tay một bó Huệ rũ rượi, làm như máu con bé ra nhiều nó cũng héo theo. Tôi đành băng bó qua loa, bỏ xe bế nó chạy một mạch xuống bệnh viện Vì Dân."

"Sau đó?"

"Nào biết. Trình diện xong ra trận ngay, mấy tháng sau mới có dịp về lại Sài Gòn."

Khi không Nhi đổi đề tài:

"Hồi gặp anh mấy lần trên xe buýt, anh đi đâu thế?"

"À... à..."

Ông Hoặc không buồn đáp. Những chuyến xe hoa lộng lẫy lôi hồn ông theo rồi.

Trên đường về Nhi đùa:

"Xe hoa nhiều giai nhân quá, chọn được ai không?"

Ông đùa lại, khá sỗ sàng:

"Chắc mấy anh lùn thế nào chả táy máy, bằng không cô Bạch Tuyết yêu được!"

Lời ấy ghim trong tim Nhi lâu lắm.

*

Có lần chàng than nàng không hiểu chàng, Nhi cười, lục ngăn kéo lấy ra một tấm ảnh, ngắm nghía, nhất định không cho chàng xem. Như hai đứa trẻ họ vật nhau trên giường và chàng giằng được. Nàng nhìn chàng ngơ ngác trước trò chơi của mình. Chàng bảo: "Nghịch quá!" Nàng đáp: "Đã thấy hết ruột gan sao bảo không hiểu?" Lần ấy nàng cắt ảnh chàng, lấy đầu gắn vào một thân thể vẽ bộ phận tiêu hoá!

Nhi hiểu chàng muốn một đứa con nhưng tự cưỡng, dù đôi phen đã suýt mềm lòng. Có gì gần với sự sợ hãi. Nàng không sao có được sự rạo rực đủ để hiến chàng hưởng trọn cái rùng mình xấu hổ của một thân thể đàn bà. Thậm chí những lúc chàng liều lĩnh rúc vào nàng như đứa bé, nàng vẫn chỉ nuông chiều ở một chừng mực đáng ghét. Nàng mơ hồ thấy mình như bị liệm sống trong tấm áo không khuy.

Những khi chàng bình tĩnh ra về Nhi đâm bấn loạn. Chàng đã chẩn đúng bệnh nàng? Chàng cũng hiểu không gì dễ sợ hơn những tấm ảnh dĩ vãng không hạnh phúc chẳng lục lọi mà cứ lòi ra? Và chàng là lương y, vẫn kiên nhẫn tìm sự hợp tác nơi chính nàng cho sự chữa trị đến thành công? Mình có vô lý khi bảo giở thêm trang mới không chữa được pho thảm kịch cũ? Ít nhất một lần chàng bóc quýt nàng ăn, nàng nhăn mặt: "Để nguyên trái cho em, gì cũng bóc ra, ghê lắm..." Một lần khác giỗ mẹ, chàng đem đến bó Huệ, nàng nhìn nhanh, lạnh nhạt: "Sao lộn hoa gẫy thế này?" Mới đây nhất nhân sinh nhật nàng chàng mua tặng một hộp nhạc có tượng Bạch Tuyết, nàng nhìn chàng trân trân, không nói.

Một đêm Nhi ngồi nhìn trăng, chợt hiểu. Tình yêu hai người như tuần trăng Thợ Săn tháng Mười tráng lệ, soi tỏ lần cuối mặt đất buồn tênh cho mùa đông giá sớm muộn sẽ tràn về. Nàng không trốn được cảm giác khốn khổ đời làm hỏng của nàng một đêm thủa chưa ham vui, làm phí một thời thủa chưa biết tiêu, làm nhạt một mặn nồng thủa chưa muốn hưởng!

Làm sao giải thích chàng hiểu có một cuộc tình như đêm trăng, ngắm thôi, không ôm được vào lòng?

*

Cái chết đột ngột của một cô gái làm rộn khu phố nhỏ. Bà chủ nhà thì lắc đầu "Thiệt... con nhỏ điên quá!"; ở bến xe bà Juanita cố nhớ lại điều gì, rồi lẩm bẩm "Nó học bác sỹ mà, người ta bảo nó lạm thuốc là sao?"; còn Toni thầm thì chi đó với bà Jennifer ngồi trầm ngâm điếu thuốc lá, và nó chỉ ngưng khi bà reo thầm "Xe tới... vậy là hôm nay trống một chỗ ngồi!"; riêng ở trường Y chắc có nhiều tin tức chính xác hơn, do thế người ta xầm xì nhắc lại chứng đột tử "đi trong giấc ngủ" mươi năm trước thấy xuất hiện trong cộng đồng Lào, H'Mong và Thái; còn ở chùa bá tánh lại gặp nhau ở chữ "tội nghiệp!", và "tội nghiệp" ấy xem ra còn có kín đáo đính thêm những dấu hỏi vào chuyện tình hai người đồng hương. Ông Hoặc cúi đầu nhận sự chia buồn như nhận mớ hoa giả ném xuống mồ. Ông hiểu, nhưng nói làm sao nguồn cơn của tai biến, thành ra ông yên lặng, một sự yên lặng chì chiết làm bạc nhanh mái tóc ông cách không ngờ.

Đời ông cũng mất mát nhiều, quá nhiều, chẳng sót gì nguyên vẹn, có thể cả lòng trung thành với một hình bóng; phải vì thế chỉ sau lần giỗ đầu cô gái được ông đứng ra tổ chức ở chùa với tràn ngập hoa Huệ, người đồng hương không ai gặp lại ông nữa trong thành phố thung lũng San Gabriel những ngày sau đó.

CỘI MAI

Ninh Hạ NGUYỄN ĐỨC TÂM

(Tiếp theo và hết)

Mười năm chớp bể mưa nguồn đó
Người thức mong buồn tận cõi xa
t.t.y.

Giờ Trúc nhận ra rằng, thủy chung không phải là tự ép mình tuân phục những định ước luân lý, đạo đức, hay sợ người đời cười chê. Nếu chỉ như vậy, khi gặp hoàn cảnh đẩy đưa, sẽ có sẵn cả trăm cả ngàn lý lẽ để thuyết phục, để bào chữa, để bênh vực cho sự trở lòng của mình.

Ngoài chợ, mỗi khi rảnh rỗi thong dong, mấy chị em cùng hoàn cảnh, tụ họp nói chuyện gẫu thì thế nào cũng lôi những tin mới nhất về mấy bà bỏ chồng. Bà tá nầy lấy tài xế cũ, bà úy nọ lấy công an, cán bộ... rồi cười chê, bêu rếu.

Trúc nói:

"Mỗi người một hoàn cảnh. Gặp đúng hoàn cảnh như họ chưa chắc mình đã làm khác đi được. Nghĩ cho cùng đều đáng thương, tất cả đều là nạn nhân của oan khiên nghịch cảnh."

Trúc thầm nghĩ. Hành động phũ phàng đối với Biên là nhằm khước từ một hoàn cảnh đang mon men đến với mình. Nếu không, phần kết cục chắc cũng chẳng khác hơn ai.

Hậu không chịu:

"Nói như mi, hoàn cảnh gì cái con Lý? Chồng đi mới hai tháng đã mang bầu với thằng bác sĩ Lưu bạn của chồng nó. Chưa hết. Nó ác đến nỗi, lấy thư của thằng bồ gói đồ gửi vào trại cho chồng chơi. Ăn ở thất nhơn thất đức. Đồ đĩ ngựa. Đồ trời đánh thánh đâm. Đồ voi chà ngựa trướng. Đồ...Đồ..."

Nó nổi khùng chửi vung mạng. Mấy chị em cười chảy nước mắt. Chị Liên, người lớn tuổi nhất, đẹp như một mệnh phụ về chiều, đứng đắn, dễ thương. Chị lên tiếng:

"Mấy thứ đó thì nói làm chi. Con Trúc nó nói cũng đúng. Nhưng đã không yêu thương mà lại coi thường chồng thì còn gì níu kéo mà không bỏ. Lỗi cũng tại mấy ông nữa chứ! Thuở lên voi có ông xử với vợ bạc như vôi. Nhân tình nhân ngãi bỏ bịch hàng tá. Nhưng thôi xí xóa đi. Cũng nên chờ. Phần vì hoàn cảnh mấy ông xuống chó, sa cơ lỡ vận, bỏ cũng bất nhân.

Không tình thì còn cái nghĩa, còn đạo lý. Và, nhất là... vì con, vì con!"

Hậu bớt nóng, nhưng còn ức:

"Mấy bà bỏ đi theo kép cũng lấy cớ...vì con!

3

Mai Trúc không ghé nhà, đi thẳng ra chợ gặp Hậu, cho bạn biết Nguyên đau nặng nên mình định thu xếp ra thăm. Thở dài, Hậu buồn ra mặt:

"Tội nghiệp cho mi. Con mới khỏi, giờ đến lượt chồng. Người răng mà lao đao, lận đận rứa?"

Suy nghĩ, Hậu nói:

"Lúc trước hẹn hai đứa cùng đi. Nhưng giờ thì không được rồi. Mi ra thăm trước, tau gửi theo đồ nuôi chồng tau luôn thể. Lần sau đến phiên tau đi. Bỏ đi cả hai, về mất mối mất lái, nguy lắm. Phải thủ!"

Hậu quan tâm:

"Tiền bạc thế nào? Mấy chỉ vàng Trúc trả, mình còn giữ chưa xài tới, cầm bán mà đi. Đừng lo mấy đứa ở nhà. Mình cho con Bê lớn qua ở trông chừng. Mỗi chiều, bán buôn xong mình đi chợ, ghé qua đưa thức ăn và thăm mấy cháu."

Trúc thấy Hậu thu xếp đâu vào đấy, yên tâm. Có đứa bạn như vậy đã là phước ba đời. Không muốn phiền và làm bạn bận tâm thêm về mình, Trúc nói dối:

"Tiền bạc tao đã có cách, mày đừng lo."

"Thôi về sớm đi chạy giấy tờ. Ngoài nầy để mặc tau."

Trúc đạp thẳng đến nhà bà Dung ở xóm trên nhờ lo giấy tờ đi đường. Dung trung gian chạy lo đủ mọi thứ giấy tờ dây dưa đến công an và chính quyền từ phường, từ quận đến thành phố. Sau khi nêu ra đủ mọi thứ khó khăn trở ngại, mụ hứa sẽ chạy lo.

Chỉ hôm sau Dung trở lại, ăn mặc chưng diện. Môi son, móng tay đỏ choét, cỡi chiếc xe Honda đời mới cáo cạnh, láng bóng. Mụ tả oán. Gần tết việc đi ra Bắc khó khăn, hơn nữa là vợ sĩ quan chế độ cũ, do đó người ta đòi giá hơi cao. Hai chỉ vàng.

Trúc mắng thầm. Nếu không phải là vợ sĩ quan cũ, không đi Bắc mà đi Cần thơ thì cần gì cái mặt bà. Trúc nhăn mặt:

"Hai chỉ vàng! Chị bớt cho em chút đỉnh làm lộ phí."

"Không được!"

Mụ nói chắc nịch. Biết không cò kè gì được, Trúc gỡ gạc:

"Thôi em đành chịu. Nhưng nhờ chị giúp mua cho vé tàu hỏa. Tiền vé em đưa đủ. Ngày nào đi em tự đi đăng ký lấy."

Ngẫm nghĩ ra chiều thương hại:

"Thấy hoàn cảnh em cũng đáng thương. Được, để chị lo. Chuẩn bị sẵn vàng có giấy thì... tiền trao cháo múc."

Ra tới cửa, mụ còn quay đầu dặn, giọng ngọt xớt răn đe:

"Vàng đúng tuổi nghe em! Vàng xanh quá người ta không chịu, mất công!"

Quả thật. Hai ngày sau chị ta đến đưa vé tàu và giấy phép đi đường. Dấu phường, dấu quận, dấu thành phố đỏ chói. Nơi đến, Hà Nội. Lý do, công tác. Họ tên, Nguyễn Thị Mai Trúc. Nơi công tác, xí nghiệp tôm đông lạnh thành phố. Thời hạn, hai tháng. Trúc nhẩm tính, đi về ít nhất cũng mất mười ngày. Còn hơn một tháng để gom mua thực phẩm thuốc thang nuôi chồng. Tiền, thức ăn để nhà cho con. Đi cũng lo, cũng phập phòng theo mấy núm ruột ở nhà. Không đi thì chồng đói bệnh làm sao đây! Lòng thương chồng, lo cho chồng và một phần nhỏ muốn tạ lỗi với chồng vì sự việc xảy ra với Biên, tất cả đã giúp Trúc mạnh dạn liều đi.

Trong nhà chẳng còn gì đáng giá. Hai chỉ vàng đưa lo giấy tờ là hai chiếc nhẫn cưới.

Ngày đám cưới, mẹ chồng đeo cho hai đứa hai chiếc nhẫn lá hẹ vàng ta. Trúc đùa với Nguyên. Nhẫn cưới vàng tây mười tám mới đúng. Đeo vàng ta vừa mềm méo mó, lại...quê một cục! Nguyên nói. Khi đi sắm cả nhà có ý kiến như vậy. Chê mẹ quê quá. Mẹ vẫn giữ một ý. Mẹ nói. Vàng tây không có giá. Rủi khi túng bấn làm sao bán được. Cả nhà ào ào phản đối. Mấy đứa cháu lớn nói. Nội ơi ai lại đi bán nhẫn cưới bao giờ, hả nội! Bà nội đuối lý, phát cáu. Im cái miệng thúi tụi bay lại! Bà sợ tụi cháu nói gỡ.

Nguyên đi học ngoại quốc, mua cho hai vợ chồng hai chiếc nhẫn thật đẹp thay thế. Từ đó, Trúc gói cất làm kỷ niệm ngày hạnh phúc đôi lứa. Bao lần túng quẩn con đau, con đói, thương con chị đi cầm, chịu tiền lời cắt cổ, để có tiền xài tạm. Rồi cũng lo chuộc về. Thế mà cũng đã đau lòng lắm rồi, chị chưa hề nghĩ đến chuyện bán.

Nay vì chồng tù đày, bệnh nặng, đói khát, muốn có cái giấy đi thăm, chị đau đớn tay run run cầm đưa cho mụ Dung hai chiếc nhẫn vàng bóng láng, buộc chung bằng sợi chỉ, để trên miếng bông gòn trắng, đựng trong chiếc hộp con hình trái tim màu đỏ.

Đêm đó, khi các con đã yên giấc, Trúc khóc nhớ bà mẹ chồng hiền lành đạo đức, coi con dâu như con ruột, đã nhìn xa thấy trước cái ngày cơ cực hôm nay.

Thương chồng, thương con, thương thân,

Trúc căm thù chúng nó. Thù cả những bà con làm việc cho chúng. Ai ở bưng hay tập kết về đến thăm, chị lạnh nhạt ra mặt.

Có lần ông anh chồng, cán bộ cao cấp đến thăm "động viên," khuyên Trúc nên đi vùng kinh tế mới để chồng sớm được cứu xét thả về. Trúc trả lời cộc lốc:

"Tui không nghe mấy người đâu. Không đi đâu hết. Dụ chồng tui đi cải tạo một tháng, chưa đủ hả? Giờ đến dụ tui đi vùng kinh tế mới để cướp nhà à!"

Ông anh chưng hửng:

"Thím là cô giáo mà... mà... mà ăn nói như vậy hả!"

"Trước kia tui là cô giáo. Nhờ ơn bác và đảng tôi nay đã... mất dạy, mà anh!"

Ông anh giận dữ đứng dậy:

"Đúng là phản động. Ăn nói như vậy có ngày rục tù, đừng than trách!"

Sau này gặp lại, ông chẳng còn dám mở miệng lên lớp.

Hôm nay đã cận Tết. Giấy tờ thì có rồi, nhưng còn tiền xe, tiền ăn uống dọc đường, tiền mua thêm thực phẩm thăm nuôi. Một lần đi một lần khó. Tính ra cũng cần thêm hai ba chỉ vàng nữa. Đào đâu ra! Chạy mượn lung tung chẳng nơi nào có được. Người thân ruột thịt thì còn tiền còn vàng, nhưng còn lo thủ thân, lo sẵn vàng chờ mối vượt biên. nhưng cho nó mượn rồi lấy gì mà trả. Tất cả đành ngoảnh mặt làm ngơ. Bạn bè là nơi nhờ cậy được, chia sẻ được thì đều rách bươm như nhau.

Nghĩ nát óc Trúc cũng không tính ra. Giờ mới thấy mình nông nỗi, không tính trước tính sau. Nếu chạy không ra đủ tiền, hết hạn giấy phép là mất toi hai khâu vàng nhẫn cưới. Hay đành nói thật với Hậu? Không, đã lỡ cương ẩu rồi, phải theo.

Rối ruột, Trúc thơ thẩn bước ra sân. Sân không rộng lắm nhưng gọn và đẹp. Chị yêu mảnh sân hơn ngôi nhà thừa tự cha mẹ để lại. Anh chị em đều có cơ ngơi riêng. Trúc con út ở với mẹ. Mẹ mất, vợ chồng chị ở lo hương khói thờ tự. Nhà khá rộng, nhưng cất theo lối cổ. Nhiều lần vợ chồng bàn tính sửa sang lại cho tân thời. Mấy ông anh bà chị chưa đồng ý. Đến khi quyết định sửa, kêu thợ vẽ kiểu tính toán, thì sập tiệm.

Mảnh sân con ngăn cách ngôi nhà và đường lộ. Nguyên nói, ở giữa Sài Gòn mà có được một giang sơn riêng như thế này là số zách!. Hàng cây Trạng Nguyên và cây sứ cùi trồng xen kẻ sát hàng rào trúc. Đến tháng chạp trở đi, trời se lạnh, trong không khí rộn ràng đón Giáng sinh, đón Tết... lá Trạng Nguyên trở màu đỏ chói. Cây sứ rụng lá trơ cành, cành và gốc sần sùi. Hoa sứ trắng nhị vàng, hương thơm tỏa ngát tận sau nhà. Mấy đứa con, lũ học trò thường chui rào, nhặt hoa rơi kết thành cầu đá kiện. Cánh hoa không nát mà chỉ mềm dai ra.

Nhưng chị quý nhất là gốc mai giữa sân. Mai không cao lắm, vừa tầm với. Gốc mai chỉ ngắn quá gối, sần sùi u cục. Cành mai gầy gọn, khúc khuỷu. Toàn cội mai nở hoa trông đẹp như một bức tranh thủy mạc Tàu. Hoa mai nở có cái đếm được tám, mười cánh. Ai cũng xít xoa khen. Hèn gì nhà phát tài phát lộc!

Cội mai là niềm vui ấp ủy kỷ niệm gia đình qua bao thế hệ.

Thuở còn quây quần hạnh phúc, dưới cội mai Nguyên kê một chiếc bàn tròn thấp và nhiều ghế mây nhỏ xinh. Nguyên và bạn bè thường hay ngồi nhâm nhi cà phê, khề khà uống trà đấu láo. Hay chiều chiều cuối tuần nhậu nhẹt lai rai đến tận khuya. Giờ đây, mỗi khi nhìn con vui đùa đuổi bắt trong sân, Trúc thấy nhớ chồng và những ngày tháng cũ.

Hàng năm, cứ đúng ngày rằm tháng chạp, cha con vợ chồng cùng nhau ríu rít trẩy lá. Khoảng hai bảy, hai tám tết, trong không khí tưng bừng đón xuân, pháo nổ đì đùng rải rác đầu trên xóm dưới, mai bắt đầu trở nụ xanh bụ

bẫm. Qua giao thừa hoa nở. Sáng mồng một giữa sân là một cội mai vàng rực với vô số nụ xanh hé mở.

Năm nào cũng vậy. Chỉ có xuân năm bảy lăm, tự dưng các nụ hoa rơi đồm độp đầy gốc. Cả đêm giao thừa hai vợ chồng hồi hộp lo theo mai không ngủ được. Sáng mồng một, mở cửa sớm ra sân, sửng sốt nhìn nụ hoa rơi rụng gần hết, chỉ còn lác đác mấy hoa lẻ loi trên cành. Nguyên dị đoan, lo điềm xấu cho gia đình. Đâu ngờ, không riêng cho gia đình mình mà cả toàn miền nam mang đại họa.

Từ ngày Việt cộng vào thành phố, cờ đỏ la liệt đầu đường xó chợ. Bích chương biểu ngữ khẩu hiệu cũng đỏ. Trúc tức mình chặt luôn cả hàng Trạng Nguyên lá đỏ. Mấy đứa con hỏi. "Sao vậy mẹ?" Trúc trả lời gọn "Tự dưng mẹ ghét màu đỏ!" Hai đứa lớn cùng nói. "Con cũng vậy mẹ ạ!" Từ đó chẳng đứa chịu mang khăn quàng đỏ, dù cho cô giáo mấy lần cảnh cáo răn đe.

*

Hôm nay lại đã là hăm ba Tết, ngày đưa ông táo.

Trúc và các con ngồi dưới cội mai thái củ cải, cà rốt để ngâm nước mắm. Dù túng thiếu cách nào Trúc cũng lo cho các con tươm tất và có cái ăn ngon trong ba ngày Tết. Các con vui, tíu tít. Riêng chị còn canh cánh mối lo về khoảng tiền chưa chạy được, nên tư lự. Hai đứa lớn biết, cố moi mọi thứ chuyện để làm mẹ vui:

"Mẹ ơi, tối qua tụi con đi xem chợ hoa trước trường Mỹ Thuật. Đẹp ơi là đẹp! Nhiều loại hoa con mới thấy lần đầu, mọi năm đâu có. Nhưng đẹp nhất vẫn là mai, mẹ ạ. Mai cành, mai chậu và cả nhiều cây mai bứng nguyên gốc."

Con em xen vào phụ họa:

"Có gốc họ đòi đến hai ba chỉ vàng. So với cội mai nhà mình không bằng một góc."

Nghe con nói, Trúc nhìn lên thấy những nụ mai nhỏ xinh đang trổ đầy trên cành. Chợt Trúc thoáng nghĩ. Hay bí quá đành bứng cội mai đi bán vậy.

Đem đôi nhẫn cưới, kỷ vật cuối cùng của vợ chồng, để lo lót cho công an đã làm chị đau đớn ray rứt, nhiều đêm khó ngủ. Chẳng phải chị tiếc vàng, tiếc chút gia tài nhỏ nhoi còn sót lại. Chị đau vì cái biểu tượng hạnh phúc riêng của mình, cuối cùng cũng lọt vào tay bọn ngợm. Cội mai, qua bao đời như còn ghi dấu những ngày vui của ông bà, cha mẹ và của vợ chồng con cái, của hơi ấm gia đình.

Trúc còn nhớ cha mình kể lại.

...Khi ông nội làm quan tận ngoài Thuận Hóa, có người muốn đền ơn một vụ án được giải oan. Nhân lúc ông về hưu, biết ông nặng tình với hoa Mai, đem biếu một cây Hạc Đính Mai, giống quý từ bên Tàu. Ông nội đem về trồng ngay giữa sân, chỗ hiện nay. Ông quý lắm, tự tay chăm bón hàng ngày.

Bà nội là vợ thứ nên còn trẻ, chỉ suýt soát tuổi con gái đầu vợ cả của ông nội. Mỗi năm mẹ thứ và con gái trưởng có bầu và sanh con năm một. Cậu cháu, từng cặp cùng tuổi, cách năm, hợp nhau chơi đùa phá như giặc!

Một chiều ba mươi tết, con cháu tụ họp đông vui, cúng đón ông bà. Bầy trẻ cậu cháu chạy đuổi tưng bừng, đâm vào làm cây mai gãy làm hai. Biết nguy to, tất cả ngừng chơi, nhìn gốc mai, thè lưỡi lo lắng.

Đang ngồi vuốt râu trên bộ trường kỷ, ông chợt thấy tiếng cười đùa huyên náo của lũ trẻ bỗng dưng im bặt. Biết có chuyện gì xẩy ra, ông nội chống gậy hấp tấp ra sân. Thấy bọn trẻ đang nhỏ to chỉ chỏ gốc mai. Ông quát:

"Gì đó!"

Cậu cháu đứng im, lấm lét nhìn nhau, mặt cúi gầm xuống đất, không đứa nào dám lên tiếng. Bước tới, nhìn thấy cây mai đã gãy làm đôi, ông thốt lên:

"Thôi rồi!"

Từ từ ngồi xuống, buông gậy cầm lấy phần mai gãy, chống gậy từ từ đứng lên:

"Đứa nào làm gãy?...Khai ra!"

Lũ trẻ nín khe.

"Không khai ra, ông đánh đòn cả đám!... Đứa nào? Tự động bước ra đây!"

Thấy tụi nhỏ bao che cho nhau, nhìn bộ mặt tinh quái, sợ sệt của chúng, ông cũng muốn cười. Tiếc cây mai quý nhưng ông biết không thể làm nó liền lại được. Ông làm bộ nóng giận, dọng cây gậy xuống đất lấy uy, một tay để sau lưng, đi tới đi lui:

"Không khai?...hừm... Được!"

Ông đánh đòn tâm lý, dụ dỗ:

"Thôi thì đứa nào đã lỡ tay, biết lỗi nhận lỗi, ông tha cho!"

Mấy đứa vẫn đứng im thin thít.

Mấy chục năm ngồi trên công đường, ông xử không biết bao nhiêu vụ án hóc búa. Bọn tội phạm đều phải khai hay chỉ điểm nhau. Xử mấy thằng nhóc, vừa con vừa cháu này, xem ra khó! Suy nghĩ một lát, ông ra lệnh:

"Sắp thành hàng ngang, hết cậu đến cháu!"

Mấy chú, mấy dì... chạy ra sân, thấy ông thì hung hăng giả bộ, cháu thì co rúm sợ sệt, tất cả nín cười, che tay quay mặt cho bọn trẻ khỏi thấy.

Ông nội xăm xăm đi vội ra hàng rào cây

trúc. Trở vào. Ông xoè bàn tay, trên có đủ tám đọt trúc như tám cái lông con nhím, một đầu thì nhọn xanh, đầu kia thì trắng mủn và mềm. Ông thận trọng cắt ngắn đồng đều như nhau. Mấy đứa trẻ liếc nhìn, hồi hộp. Ông ra lệnh:

"Há miệng ra!"

Thấy điệu bộ ông, có đứa đã bớt sợ nhưng chưa dám cười. Ông bắt mỗi đứa ngậm một đọt trúc, phía đầu mềm. Ông ra lệnh tiếp:

"Ngậm miệng lại!"

Mấy cháu lại răm rắp tuân lệnh. Ông nói:

"Đứa nào làm gãy cây mai mà không chịu khai thì đọt trúc sẽ dài ra. Tao chỉ cần so lại với nhau là tao biết. Khỏi cần đứa nào khai cả!"

Sau một lúc, ông đến rút từng đọt trúc ra khỏi miệng từng đứa. Hết lượt, ông khoái trá hét lớn:

"Thằng Đôn tới nằm sấp trên bàn. Thằng Đức chạy bắt ghế lấy cây roi mây trên chái nhà ra đây mau! Hà... hà... Chạy trời không khỏi nắng!"

Lũ trẻ và cả nhà chưa ai hiểu ra, Đôn chạy đến bên cha, quỳ khóc sướt mướt, nài nỉ, van lơn:

"Thưa ba con biết tội, xin tha cho con, lần sau con không dám nữa."

"Không được! Nếu tự giác thì tao tha. Bắt được... mười roi!"

Biết cả nhà thắc mắc, ông giải thích:

"Thằng Đôn làm gãy cây mai. Nó sợ đọt trúc dài ra nên nhè nhẹ cắn bớt... cho vừa. So ra, đọt trúc của nó ngắn chỉ còn một nửa!"

Lừa được đám con cháu nhỏ nghịch ngợm, ông cười ha hả, đắc chí chống gậy vào nhà lo lên hương đèn khấn mời ông bà tổ tiên về ăn tết.

Mỗi năm, cứ mỗi lần quây quần quanh cội mai ngày tết đón xuân, ba của Trúc lại thích thú khề khà kể cho con cho cháu nghe kỷ niệm bài học về cái ngu ngây thơ đầu đời của mình.

Có một điều lạ lùng mà ông nội Trúc không hề biết được. Nhờ chỗ gãy hai đó mà cội mai càng già dáng dấp càng đẹp, đẹp vô cùng. Gốc mai bị gãy không phát triển được theo chiều dài, càng ngày càng to sần sùi u cục khúc khuỷu. Từ chỗ gảy, mai đâm chồi trổ nhiều cành gảy khúc, vặn vẹo đâm chéo, to nhỏ vấn vít lấy nhau. Toàn bộ cội mai là một bố trí mỹ thuật tuyệt vời, như trong những bức tranh thủy mạc Mai Hoa tuyệt tác, bất hủ của các danh họa Vũ Tích, Tử Hy đời Đường, đời Ngũ Đại.

Mỗi năm, vào dịp tết, trong giờ dạy văn, nhân nói về phong tục và thú vui thưởng xuân, Trúc đã giảng cho học trò nghe về thú chơi mai, Trúc tả cho học sinh của mình thấy được nét tình tứ của gã si tình Trụ Vương, qua lời Phí Cung An đời Minh. "Đắc Kỷ ái lãm hàn mai, Trụ tằng ngự tuyết đồng lãm chi"... Đắc Kỷ thích ngắm mai trong giá lạnh, Trụ Vương đội tuyết cùng thưởng hoa... Lãng mạn đến thế là cùng!

Học sinh có đứa giơ tay hỏi:

"Thưa cô, tuyết lạnh thì làm sao có mai được? Ở miền bắc nước ta, chỉ lạnh sơ sơ chưa có tuyết, mà mai còn không mọc được, huống hồ nơi có tuyết!"

Mấy đứa khác ào ào tán đồng ý kiến của bạn:

"Phải rồi, thưa cô. Hà Nội ngày tết chỉ có hoa đào!"

Trúc hứng khởi trước vặn lý rất thông minh của học sinh mình:

"Các em nói đúng. Theo cô nghĩ, Mai ở đây có thể là Bạch Mai, sắc trắng như tuyết; Hồng Mai, sắc đỏ máu hay màu hồng phấn; Thanh Mai, màu trắng ánh xanh... Cùng với cây Tùng, cây Trúc, Mai thuộc nhóm "Tuế Hàn Tam Hữu." Ba loại cây chịu được lạnh nên được ví

TRẦN VẤN LỆ

KÍNH MỪNG THẦY
NGUYỄN ĐĂNG THỤC CHÍN MƯƠI TUỔI

Thầy chín mươi rồi?
Chín chục sao?
Trời ơi con tưởng con chiêm bao!
Đông Phương * nguồn Triết sông không cạn
Tây Vực tình xa sóng vẫn gào!
Văn Hóa Việt Nam ** công sức dựng
Tinh Thần Đạo Học * dễ chi chao!**
Ôi Thầy là dãy Trường Sơn, đó
Sừng sững thời gian giữa biển dâu!

* Lịch Sử Triết Học Đông Phương 1956
** Văn Hóa Việt Nam Với Đông Nam Á 1961
*** Tinh Thần Khoa Học Đạo Học 1967

với bậc trượng phu quân tử, những người vượt qua được phong ba nghiệt ngã của đời."

Học trò vỗ tay tán thưởng. Lớp học trở nên sôi nổi, hứng thú. Đứa học sinh không chịu thua dễ dàng, hỏi tiếp:

"Thưa cô, trong mấy loại Mai vừa nhắc đến, em không thấy cô đề cập đến Mai vàng!"

Trúc thấy lúng túng:

"Ở Trung quốc cũng có mai vàng gọi là Hoàng Mai. Theo sách Tàu, sắc hoa màu vàng đậm hay vàng tươi, tương tự như mai vàng của ta. Khi hoa tàn thì tụ quả màu xanh. Còn mai vàng của mình tại sao không chịu được khí hậu lạnh miền bắc, thì cô... cô xin chịu. Em sang hỏi... thầy Đỉnh dạy vạn vật!"

Cả lớp cười rồ lên vì biết cô mình... bi sắc bí! Một em khác lại... phỏng vấn:

"Thưa cô, cô thích hoa mai hay hoa đào?"

"Cô thích mai."

"Tại sao?"

"Tên cô là Mai Trúc, ai lại không thích tên mình. Phải không?"

Trúc chỉ đùa. Ngưng cho học sinh chú ý, giảng tiếp:

"Sân nhà cô có một cội mai tuyệt đẹp. Nhiều em đến thăm cô đã có dịp chiêm ngưỡng rồi. Hình ảnh mai vàng và ngày tết từ lâu, lâu lắm rồi. Điều khác nữa. Cô thích mai vì màu vàng của mai không hề nhạt. Khi còn ấp trong nụ, khi nở ra và đến khi hoa tàn rụng cánh, sắc hoa vẫn vàng tươi không hề phai. Nhiều người theo tây phương cho rằng, màu vàng là màu phản bội. Cô cho rằng màu vàng của hoa mai tượng trưng cho sự thủy chung không thay đổi."

Mai Trúc trầm ngâm quay về nuối tiếc với kỷ niệm của trường của lớp của những ngày đi dạy học. Con liếc nhìn, gọi:

"Mẹ! Mẹ! Mẹ nhớ ba hả? Đừng nhắc thầm tên ba. Ngoài trại ba nhảy mũi hắt xì liên tục tưởng bị cảm cúm, tốn thuốc nghe mẹ!"

Sực tỉnh, Trúc cười:

"Con ba hoa dữ há!"

Sau hai ngày cố chạy thêm để vay mượn mà không được, Trúc dứt khoát quyết định bứng cội mai già đem bán chợ tết. Mấy đứa con nhao nhao phản đối. Nghe mẹ giải thích, đứa lớn thông cảm với mẹ, nói một câu như bà cụ non:

"Ba đi tù, nhà mình mất mát cũng gần sạch. Mất thêm một cây mai nữa cũng không sao. Miễn sao có thuốc, có đồ ăn nuôi ba để ba về với mẹ con mình là được. Há mẹ?"

Chị ôm con. Hai mẹ con đều khóc.

*

Trúc sai con vô xóm trong gọi bác Tư xe ba gác ra bứng và chở mai ra chợ.

Trước bảy lăm, bác Tư chạy tắc xi. Xe vào hẻm không lọt, thường đậu xe trước hàng rào nhà chị, nơi Nguyên thường đậu xe jeep. Nhiều lần đi làm về thấy bác Tư choáng chỗ, Nguyên vui vẻ chạy thẳng xe vô sân. Gặp bác Tư ở đâu cũng chào hỏi thân mật. Bác Tư hay ẵm bồng, khen mấy cháu nhỏ lễ phép, đã xinh lại còn ăn mặc đẹp. Sau ngày ba mươi tháng tư, mới biết bác là Việt cộng nằm vùng. Làm việc trên phường kiêm luôn tổ trưởng dân phố, bác đối xử tử tế, thường an ủi Trúc, thăm hỏi Nguyên. Mọi người đều nhờ bác, nhất là những người thuộc chế độ cũ. Không lâu, bác chán ngán vỡ lẽ về những điều đã bị tuyên truyền mê hoặc, ghét mấy đứa đảng viên ngoài bắc vào làm cha, lo vơ vét hối lộ... bác bỏ tất cả, về chạy xe ba gác. Trong nhà cần việc gì, bác ít khi từ chối.

Nghe Trúc nhờ, bác và đứa con trai đầu lòng đến hì hục, nhẹ nhàng bứng cội mai. Cẩn thận lấy bao tải quấn quanh bầu đất. Biết nỗi đau thầm lặng của Trúc, bác an ủi:

THƠ

TRẦN MỘNG TÚ

GỌI TÊN

Chàng có đôi chân thật dài
Chàng đi bộ
băng qua những cánh rừng thông
chiếc đầu tròn ngửng cao
thỉnh thoảng lại vướng vào
những ngọn cây

Tôi đứng đón chàng
ở bìa rừng Tây Bắc

Khi chúng tôi gặp nhau
chàng cúi xuống hôn tôi
cả hai cùng khóc
nước mắt chàng nhuộm vàng
thân thể tôi
tôi bật gọi tên chàng

Trăng ơi!

Rằm tháng Giêng Đinh Sửu

"Thôi cô giáo. Đúng là, ba đời ta một đời nó. Tiếc thật. Nhưng gặp thời thế, thế thời phải thế. Mấy ông Bắc kỳ vào thì họ mua, mình Nam kỳ thì chỉ có bán ra. Cô giáo cứ ra giá bốn chỉ. Thời trước cả chục cây vàng dễ gì bán."

Bác Tư đạp xe, hai mẹ con Trúc đi bộ theo sau. Tới khu chợ hoa rộn rịp, bác Tư xông xáo tìm chỗ có đông người lui kẻ tới thuận đường. Bác đề nghị:

"Cứ để mai trên xe. Đem lên đem xuống động rễ mai chết. Không ai mua, còn đem về trồng lại."

Trúc không chịu:

"Không được. Bác còn phải đem xe chở hàng cho người ta. Neo xe, mất của bác một ngày."

"Cô giáo đừng lo. Hôm nay tôi nghỉ lo quét dọn bàn thờ."

Bác cười vui vẻ. Trúc cảm động vì biết bác nói dối cho mình an lòng.

Người qua kẻ lại ngắm mai, chỉ chỏ trầm trồ ngợi khen. Khi hỏi giá thì thè lưỡi lắc đầu. Ngày sắp hết. Đèn đường, đèn chợ đã lên. Khu chợ hoa sáng rực, đủ màu. Người mua thì ít, người ngắm hoa thì nhiều. Bên cạnh cái vẻ mặt kênh kênh, háo hức của giai cấp mới là những nét mặt gượng vui, phờ phạc lo âu thiếu thần sắc.

Hỏi nhiều mà chẳng ai mua. Trúc bắt đầu thấy nản, bảo con về lo cơm nước cho em xong vô kêu bác Tư ra chở cội mai về. Khi mới ra chợ, một đàng Trúc mong có người mua cho đủ tiền thăm chồng; một đàng cầu không ai mua được, để đem mai về, có cớ mượn tiền Hậu.

Đang lúc não nề, một tên cán bộ len phen tới. Trời tối rồi vẫn chiếc nón cối trên đầu, quai nón da thắt chặc quanh cái cằm lún phún râu. Mặt chiếc áo môngtagu láng óng ánh màu măng cụt, loại áo mốt đắc tiền trước bảy lăm. Vai mang sà cột. Miệng phì phèo điếu thuốc cán. Hàm răng hô, kẻ răng đen sì đóng khớm nhựa thuốc lào và nước chè đặc lâu ngày.

Ngắm nghía kỹ gốc mai. Đứng gần, đứng xa, nhìn phía trước, nhìn phía bên. Gật đầu nhè nhẹ ra chiều thích lắm. Hỏi giọng trọ trẹ:

"Đồng chí bán bao nhiêu đấy?"

Trúc nghĩ thầm. Ông nội mày, tao mà đồng chí của bọn bây, giờ này tao đi mua mai chưng tết, chứ đâu có đào mai đi bán. Thấy nó chị cũng không có hứng để bán. Trả lời cộc lốc:

"Bốn chỉ."

"Một chỉ rưỡi, tôi mua. Nhiều hơn tôi không... khả năng."

"Không!"

"Được giá đó , bán đi không tôi về."

Thấy Trúc hờ hững không trả lời, hắn tiếc rẻ dắt xe Honda chen lấn ra khỏi đám đông. Vừa đi vừa ngoái nhìn, hy vọng "đồng chí" bán hoa đổi ý.

Trời đã về khuya, người xem hoa, mua hoa vẫn đông đúc náo nhiệt. Bao nhiêu người trả giá, chưa ai trả hơn một chỉ. Bác Tư ra đến nơi. Trúc vừa mệt, vừa đói, vừa nản, buồn bã phụ bác Tư lấy dây chằn gốc mai đẩy về. Chợt thấy tên cán bộ trở lui, vội vã chen tới:

"Đồng chí, hai chỉ nhé."

Trúc quyết định nhanh, tính chị là vậy.

"Khuya rồi, bán cho anh đó."

Hắn đắc chí mua được mai. Lận ví lấy hai khâu vàng, đưa cho Trúc.

Anh và tôi bước qua hàng vàng bên chợ thử vàng.

"Thử làm chi. Cán bộ cách mạng đâu có lường gạt nhân dân!"

"Ở đó mà tin!... Bác Tư đứng giữ mai dùm tôi."

Nói xong hai người hối hả đi về phía chợ. Trao vàng xong, hắn thuê luôn xe bác Tư chở về. Bác đòi giá xe cắt cổ, hắn không cò kè thêm bớt gì. Chắc tiền không đổ mồ hôi nước mắt nên không tiếc.

Hết một phần lo, nhưng Trúc thấy lòng mình buồn rười rượi. Bước chậm, cúi đầu, một tay thọc vào túi áo nắm chắc hai khâu vàng, Trúc mệt mỏi, chán nản về nhà. Sân nhà trống vắng lạnh lẽo. Cội mai bứng đi còn để lại hố đất sâu chưa kịp lấp. Chiếc bàn nhỏ và mấy chiếc ghế mây lăn lóc. Trúc gạt nước mắt đi nhanh vào nhà. Các con đã ngủ. Đến trước bàn thờ cha mẹ, thắp ba cây nhang. Trúc thổn thức, cầu xin tha lỗi.

Để nguyên áo quần, đi về phía bàn học của các con. Vặn to ngọn đèn dầu cho sáng thêm. Hôm nay nhằm ngày cúp điện. Trúc lấy hai chỉ vàng ra xem. Tim bỗng nhói lên. Hai chiếc nhẫn vàng bóng chói với sợi chỉ buộc thân quen. Trúc run rẩy vặn thêm đèn, soi sát, nhìn kỹ mặt trong chiếc nhẫn.

Mắt hoa lên. Ngồi bệt xuống nền nhà lạnh:

"Trời ơi! Hèn gì thấy mặt thằng nầy quen quen."

Trúc bỗng sực nhớ ra:

"Đúng. Đúng hắn là thằng công an trên quận."

Ôm đầu đau đớn, trong mắt Trúc còn hiện rõ hình ảnh hai chữ Nguyên và Trúc khắc đan chéo vào nhau bên mặt trong đôi nhẫn cưới của mình.●

Chicago, October 96

MƯỜI THỪA

HOÀI CẨM LÊ VĂN HƯNG

Xóm Chùa, Xóm Nhà Thờ, Xóm Tư Quyền... Những tên xóm lao động ấy nghe thật nôm na, dễ hiểu. Chúng được đặt thành danh như vậy là vì trong những xóm ấy có một cảnh chùa cổ, hoặc một ngôi nhà thờ, hay một ông tên là Tư Quyền suốt ngày say sưa và hay lội sình câu lươn, câu cá để nhậu.

Riêng Xóm Chùa, xóm mà tôi ở từ những năm bắt đầu tiểu học khi cả gia đình tôi mới dọn từ miền Trung vào cho đến ngày tôi vượt biên, thì rất nổi tiếng. Nó vang danh không phải vì có nhiều ông Cử, ông Tú, cũng không phải vì danh lam thắng cảnh, lại càng không phải vì thổ sản địa phương, mà là vì... du đãng! "Xóm Chùa!" Chỉ nội hai tiếng ấy khi được ai nhắc đến cũng làm cho các tay anh chị của các xóm xung quanh phải chột dạ.

Thật ra, suốt thời gian trên dưới hai chục năm sống tại đó, tôi ít khi thấy đám anh chị của Xóm Chùa gây rắc rối tới bà con trong xóm mấy. Dĩ nhiên trong "gia đình" làm gì không có chuyện "anh em trong nhà" xích-mích một đôi lần, nhưng không đến nỗi trầm trọng, rồi đâu cũng "dô" đó. Còn phần đông thì họ "đi mần ăn xa" ở các xóm khác.

Bây giờ ngồi "điểm danh" lại những khuôn mặt của các tay "hảo hớn" trong xóm, tôi rút ra một nhận xét khá lý thú: Những tay hung hăng, đánh lộn đánh lạo, mở miệng ra là chửi thề chỉ là những tay "miệng hùm gan sứa." Khi đi lính ra mặt trận, họ là những kẻ đào ngũ trước tiên. Còn những anh con nhà đàng hoàng, hiền lành thì lại là những tay gan lì nhất mỗi khi đụng trận. Thật thế, thời đó, mặc dù chưa đến tuổi thi hành quân dịch nhưng đa số các tay anh chị lại thường xin đi đầu quân sớm. Mà khốn thay, họ không bao giờ xin gia nhập vào Bộ binh, Nghĩa quân hay Địa phương quân đâu vì, theo họ, những binh chủng đó trông yếu lắm! Phải là Biệt kích, Nhảy dù, Biệt động, Thủy quân lục chiến, Hắc báo... cơ!

Sau khi mãn khóa huấn luyện, họ về thăm nhà với màu da rám nắng, tóc cắt ngắn ba phân và bộ quân phục rất đúng "mốt" "hip-pi" (?!) — quần thì may thật bó, mà áo thì rộng với chiếc nón "beret" vắt trong cầu vai. Còn hình ảnh nào oai hùng hơn kia chứ! Bà con trong xóm thấy họ đi ra đi vào rất bận rộn. "Những ngày phép của lính ngắn lắm!" bà con trong xóm cũng hiểu điều đó. Thế rồi một tháng trôi

qua, hai tháng trôi qua, năm tháng trôi qua... Bộ quân phục, theo với những ngày phép và những ngày không phải phép, đã từ từ vắng bóng. Ai đó có hỏi thì... mà bố ai dám hỏi. Thế là anh "lính mới tò te" đã tự cấp giấy phép cho mình trở về đời sống "civil." Nếu anh chàng chịu ở yên để câu chuyện chấm dứt tại đây thì chuyện tôi kể ít ra, theo các cụ, cũng còn có hậu. Đằng này, một thời gian sau, có lẽ đời sống thanh bình, êm đềm trong vòng tay của mẹ (một bà mẹ lam lũ, hàng ngày phải oằn vai dưới đôi quang gánh chất đầy bắp nấu, chuối nấu, chuối xào dừa, khoai, sắn... đi bán để có tiền nuôi sống gia đình và "ông mãnh," đôi khi lại là một ông quí tử nghiện ngập xì ke ma túy) làm cho anh ta chán, hoặc là máu anh hùng vặt trong người thức dậy sau một thời gian ngủ quên, chàng tuổi trẻ (nhưng vốn không phải dòng hào kiệt) lại xếp ống chích, chai lọ để lên đường tòng quân nhập ngũ... Cứ thế và cứ thế, chàng khoác lên mình quân phục của đủ các binh chủng, nhưng đáo đầu thì cũng lại trở về bên yếm của mẹ. Thật cơ khổ!

Trái lại, những thanh niên tưởng chừng trói gà không chặt, trông hiền như cục đất, chăm chỉ học hành, khi được động viên thì lại sẵn sàng gia nhập bất kỳ binh chủng nào, vì đối với họ sắc áo nào cũng là phục vụ tổ quốc cả. Và chính những cậu thanh niên này đã viết nên bao trang sử oai hùng của đất nước, dân tộc.

Bây giờ trở lại với giới giang hồ. Trong giới này của xóm tôi, phải kể đến một anh chàng vai u thịt bắp. Y không được cao lắm, đầu tóc cắt nhấn, trán thấp và hẹp, đôi mắt lườm lườm, cổ bạnh, vai hơi gù, lưng tấm phản, bước đi nặng nề, tướng đi hơi lủi về phía trước. Đó quả là hình tướng của một con gấu, là biểu hiệu sức mạnh thể chất của một kẻ võ biền. Ngoài sức mạnh và tính tình hung dữ thô tục ra, dưới tay y còn có cả một đám đàn em. Mọi người từ dân chúng cho đến những tên du côn đều phải kiêng mặt y.

Y cũng không ở ngoài thông lệ của các tay du đãng trong xóm, nghĩa là cũng đầu quân đủ các thứ lính rồi lại đào ngũ rồi lại đầu quân. Lần cuối cùng mọi người thấy y đi lính Thủy-quân lục chiến. Ai cũng nghĩ thầm, "Lần này chắc cũng lại đào ngũ y như lần trước thôi." Nhưng, không! Thế mới là chuyện lạ. Khó tin nhưng có thật. Tới ngày hết phép, y hiên ngang lên đường và bảo rằng đi trình diện. Y còn xắn tay áo chỉ cho mọi người thấy một câu "xanh dờn" xăm trên cánh tay trái, "Một Đi Không Trở Lại:"

"ĐM! Thấy gì chưa mậy? Xin lỗi mầy chớ, thằng này đ... sợ thằng nào hết! Mười Thừa mà mầy!"

Vừa nói y vừa vung vẫy nắm tay một cách hung hăng, người ta thấy lấp ló ở cánh tay kia là hình một trái tim rướm máu có mũi tên xuyên qua với một câu thật lạnh lùng "Hận Kẻ Bạc Tình" và câu "Xa Quê Hương, Nhớ Mẹ Hiền." Đây là một kiểu trang sức thời thượng, vì tay anh chị nào cũng xăm những câu giống y như nhau, có khác chăng là ở chỗ xăm: kẻ thì xăm ở cánh tay, người thì xăm ở ngực. Thế thôi.

A! Thì ra tên y là Mười Thừa, tôi đã nghe tiếng từ lâu nhưng chưa biết mặt vì y ở tận mãi trong xóm, còn tôi thì ở phía ngoài, vả lại y ít khi có mặt ở địa phương. Như vậy có nghĩa là trong gia đình y tối thiểu phải có mười "đấng," chưa kể cha mẹ. Chả trách y hư hỏng, vì một gia đình có mười hai nhân khẩu thì làm sao mà việc giáo dục chu đáo cho được, nói chi đến việc gửi con cái đến trường. Lo chạy gạo mỗi bữa cho từng miệng ăn cũng đủ "bở hơi tai." Sống mãi trong một xóm lao động như xóm tôi, hằng ngày phải chứng kiến sinh hoạt của dân chúng, tôi đâm ra triết lý vụn: Tôi nhận thấy ở Việt Nam ta có hai căn bệnh thường đi đôi với nhau. Muốn trị bệnh nầy thì phải trừ tuyệt nọc bệnh kia và ngược lại, đó là bệnh nghèo và bệnh đông con. Hễ nghèo thì đông con, mà hễ đã đông con thì nhất định là phải nghèo. Đúng không thể chạy đi đâu được cả! Nếu theo lối triết lý rẻ tiền thì phải nói, "Tất yếu nó phải như thế."

Bẵng đi một thời gian ý chừng cũng cả năm không ai nghe tin tức gì về Mười Thừa. Dân chúng trong xóm vì mải lo miếng cơm manh áo của một đời sống lam lũ nên cũng quên hẳn cái tên ấy.

Cuộc sống của Xóm Chùa êm ả trôi...

Êm ả đến buồn nản. Ở một xóm lao động nếu không có chuyện gì xảy ra thì lấy đâu đề tài để các bà, các cô vô công rỗi nghề ngồi lê đôi mách. Lũ trẻ chơi đánh đáo, nhảy dây, tạt lon mãi cũng chán. Các tay bợm nhậu cũng cần có chuyện để làm quà trong bữa rượu nữa chứ. Nhất định phải có một cái gì đó xảy ra mới được. Bất cứ cái gì để khuấy lên bầu không khí yên tĩnh bất bình thường của xóm nầy. Xóm lao động mà quá yên tĩnh thì còn gì là xóm lao động nữa.

Thế rồi, một buổi tối mùa hè, mọi người uể oải sau bữa cơm chiều đang ngồi hóng mát nơi hàng ba. Ông cụ hàng xóm người Tàu của tôi đang nằm trên ghế bố, tay phe phẩy chiếc quạt lông. Mấy anh em Nhân Dân Tự Vệ trong Trụ sở đang phân chia phiên gác đêm. Bà "Tám

bánh mì" đang cán khô mực bán cho đám khách trẻ con, mùi mực nướng xông lên thơm ngào ngạt. Bỗng nhiên có tiếng ồn ào vang lên từ đầu ngoài của con hẻm. Con hẻm vốn đã nhỏ nay lại càng có vẻ nhỏ hơn khi dân chúng hai bên hẻm đổ dồn ra xem. Một đám đông, đa số là các tay du đãng nhi đồng đang "hộ giá" một người bận áo quần bà ba trắng, hai mắt có quấn băng. Vì người này không thấy đường nên có hai nhóc cặp nách y dẫn đi. Con hẻm rầm rập bước chân đi, tiếng gọi nhau ơi ới, tiếng xô đẩy, la ó, cãi cọ, cười giỡn vang rân.

Tiếng một người đứng tuổi hỏi có vẻ kẻ cả:

"Chiệng gì dậy tụi bây?"

Mọi người nhận ra đó là tiếng nói của ông Kỳ.

Một đứa choai choai trong đám trả lời:

"Dạ, anh Mười Thừa mới dề, anh Kỳ."

Tiếng ông Kỳ:

"Sao dậy mậy, Mười Thừa?'

Lần nầy Mười Thừa, vì người bận bà ba trắng đó chính là Mười Thừa, lên tiếng:

"Dạ, em bị thương trong trận Rừng Sát, chở dề Bịnh Diệng Cộng Gòa, tụi nó múc hết hai con mắt của em rồi, anh Kỳ."

Những ngày sau đó, tuy mất hết cả hai con mắt nhưng trên vẻ mặt của Mười Thừa lộ vẻ hể hả. Dù sao đi nữa thì trong mắt của mọi người ở cái Xóm Chùa nầy y không phải là một anh hùng thì là gì. Y "đi" Thủy quân lục chiến và bị thương ở trận Rừng Sát chứ phải chuyện chơi đâu!

Lũ trẻ cũng như người lớn thường bu quanh Mười Thừa để nghe y kể lại trận đánh trời long đất lở khiến y phải bỏ lại hai mắt nơi chiến trường. Nhưng câu chuyện dầu hay đến mấy nghe hoài cũng phải chán. Lũ trẻ tản dần đi, và người lớn còn phải quay về với công ăn việc làm để kiếm cơm nữa chứ.

Sau khoảng một tháng tận hưởng cái hào quang anh hùng ấy, Mười Thừa trang bị một cái lon sữa bò, một cây gậy, một cái nón và mỗi ngày y xuống khu Tân Định ngồi bên hông chợ cạnh y viện để xin ăn.

Có nhiều hôm, khách bộ hành bỗng thấy những người đàn bà đi chợ chạy dạt ra sát lề đường và la oi ói. Thì ra một người nào đó thấy ông ăn xin tội nghiệp nên bỏ vào lon một ít tiền lẻ bị Mười Thừa chửi thề, chê ít và lấy gậy quơ đánh.

Vài tháng sau, đám "đệ tử" thân tín của Mười Thừa kháo với nhau rằng thật ra Mười Thừa có đi đánh trận Rừng Sát nào đâu vì y đã đào ngũ từ "hồi nẫm." Sau khi đào ngũ y trốn ở một địa phương nào đó, rồi vì quen thói xưng hùng xưng bá và vì dành gái nên bị tình địch chém lén một dao ngay mặt làm y hư cả hai mắt. Lời đồn này không biết có đáng tin cậy hay không, nhưng quả thật Mười Thừa còn mang một cái thẹo to tướng nằm vắt ngang hai mắt, sống mũi bị gãy cụp xuống. Trông giống hệt như một vết dao chém.

Issaquah, 9/23/1996

(Đây chỉ là sản phẩm của tưởng tượng, nếu có sự trùng hợp nào với những nhân vật ngoài đời thì đó là ngoài ý muốn của tác giả).

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

Chỉ cần mang cây đàn đến AV TRAVEL là có thể vừa đi du lịch vừa hát du ca!

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

XUÂN ĐÃ VỀ

LÊ ĐÌNH ĐIỂU và NGÔ MẠNH THU ghi

Nhân dịp từ Pháp qua California, nữ nghệ sĩ **Bích Thuận** đã đến thăm tòa soạn TK 21, và trả lời một cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh VNCR. Cuộc phỏng vấn xoay quanh nhiều đề tài, từ cải lương đến ngâm thơ và hát dân ca, vì Bích Thuận đã thành danh từ nhiều thập niên trước về các bộ môn này. Người nữ nghệ sĩ khả ái của sân khấu Việt Nam không giấu tuổi của mình, khi bà nói trên đài phát thanh rằng tuổi thật 66 và tuổi trong khai sinh 71, nhưng tiếng nói và giọng hát của bà vẫn cứ mãi mãi thanh xuân.

Nữ nghệ sĩ Bích Thuận

Đúng ra chuyến đi này là một chuyến lưu diễn, theo lời mời của cộng đồng người Việt ở San Jose, để giới thiệu các làn điệu dân ca Việt Nam nhân dịp đón Xuân Đinh Sửu. Với không khí rộn ràng và ấm cúng đầu mùa xuân, cuộc hội ngộ của người nghệ sĩ từ Pháp qua và TK 21 ghi lại một kỷ niệm khó quên.

Họa sĩ **Nguyễn Huê**, đã từng theo học trường Cao đẳng Mỹ Thuật Saigon cuối thập niên 1960, định cư tại Mỹ từ 1975, vẫn tiếp tục vẽ, nhưng ít xuất hiện trong cộng đồng người Việt.

Tiếp xúc với tòa soạn TK 21, họa sĩ Nguyễn Huê cho biết ông đang chuẩn bị để bày tranh tại phòng triển lãm của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) — cuộc triển lãm đầu tiên của mùa Xuân 1997 tại VAALA. Tranh của ông có bức hiện thực, có bức ấn tượng, nhưng nhìn chung có đường nét mạnh bạo, với nhiều màu nóng. Ông khai thác các đề tài tại chỗ, đặc biệt hình ảnh những người Da Đỏ trong xã hội Mỹ hôm nay.

Họa sĩ Nguyễn Huê

Tuy ít xuất hiện trong cộng đồng Việt Nam, nhưng họa sĩ Nguyễn Huê cho biết ông vẫn theo dõi các sinh hoạt của người Việt, và rất thích thú với tờ TK 21, mà ông gọi là một diễn đàn tự do đúng nghĩa.

Giữa tháng Ba 1997, giáo sư tiến sĩ âm nhạc **Trần Văn Khê** đã đến Hoa Kỳ theo lời mời của Hội Pháp Văn Đồng Minh ở New York, để thuyết trình trước một cử tọa thuộc nhiều thành phần quốc tế về âm nhạc cổ truyền Việt Nam.

Giáo sư Trần Văn Khê

Sau buổi thuyết trình ở miền Đông, giáo sư Trần Văn Khê đã sang miền Tây thăm một số thân hữu, và đã ghé tòa soạn TK 21.

Nhân dịp này, giáo sư đã nói chuyện trên đài VNCR về việc sưu tầm và bảo trì các tài liệu cũng như các làn điệu dân ca, dân nhạc Việt Nam. Trong cuộc tiếp xúc thân mật với một số anh chị em trong tòa soạn tạp chí *Thế Kỷ 21* và nhật báo *Người Việt*, giáo sư Khê cũng bày tỏ mối ưu tư của ông trước sự tấn công của các dòng văn hóa khác, khiến cho việc bảo tồn nền âm nhạc cổ truyền đích thực của dân tộc Việt Nam thêm khó khăn.

Ở tuổi 77, giáo sư Trần Văn Khê bị bệnh nhức xương, nhưng giọng kể chuyện của ông vẫn dí dỏm, hấp dẫn, và giọng hát của ông để minh diễn cho những luận cứ về nhạc học của ông vẫn làm người nghe thích thú.

LÊ TAM CA

VIỆT NAM

Lễ mừng đại thọ 90 tuổi giáo sư Nguyễn Đăng Thục

Tin từ trong nước gửi ra cho biết hôm Chủ Nhật mùng 2 tháng Ba 1997, một nhóm cựu sinh viên đại học Văn Khoa và sư Phạm Saigon đã tổ chức lễ mừng đại thọ 90 tuổi giáo sư Nguyễn Đăng Thục tại nhà riêng của giáo sư.

Ngoài số trên 20 người ở Saigon và vùng phụ cận đến chúc mừng, còn có một cựu nữ sinh viên Văn Khoa từ Mỹ về dự, và nhiều cựu sinh viên ở Canada, Pháp, Úc, Nhật, Mỹ, đã gửi thư viễn ấn và hoa về đúng ngày khánh thọ. Hiện diện còn có bà Nguyễn Đăng Thục và hai con trai của ông bà là các anh Thạch và Thạc.

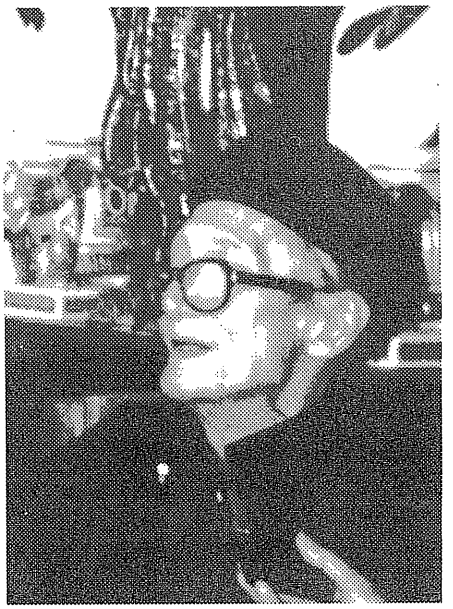
Giáo sư Nguyễn Đăng Thục

Giáo sư Nguyễn Đăng Thục giảng dạy môn Triết học Đông phương từ năm 1952 ở Hà Nội, di cư vào Saigon vẫn tiếp tục dạy tại các trường Văn Khoa, Sư Phạm của các đại học Saigon, Huế, Dalat, Vạn Hạnh và Cần Thơ.

Học trò của ông có người nay đã 70 tuổi. Phần lớn những người khác cũng đã ở lứa tuổi 50, 60.

Cùng dạy ở Văn Khoa, và cùng tuổi thọ với giáo sư Nguyễn Đăng Thục, còn có giáo sư Nguyễn Khắc Kham chuyên về ngữ học, hiện cư ngụ tại San Jose, tiểu bang California. Trong buổi lễ khánh thọ giáo sư Thục, mọi người cũng nhắc nhở và gửi lời chúc thọ tới giáo sư Nguyễn Khắc Kham nữa.

Giáo sư Nguyễn Đăng Thục hiện nay tuy vóc người gày gò, nhưng vẫn mạnh khỏe. Ông đi lại không cần chống gậy. Giọng nói của ông vẫn rõ ràng, mạch lạc.

Trong buổi tiếp học trò cũ đến mừng thọ 90, giáo sư Thục đã nói lời nhắn nhủ dài tới 20 phút, y như ông đang giảng một khóa Triết Đông tại Đại Học Văn Khoa ngày nào.

Việc mừng thọ một thày giáo cũ tuy chỉ là việc làm của một nhóm nhỏ, nhưng trong giai đoạn đất nước đảo điên này, đó lại là một hành động nói lên nhiều ý nghĩa của tình thày trò, của lòng tôn trọng những giá trị văn hóa và tinh thần vốn đã ăn sâu vào nếp sống của người Việt Nam. (Theo *Vũ Hiệp*)

LOS ANGELES

Họa sĩ Rừng triển lãm ở *La Artcore*

Cuộc triển lãm được đặt tên là *Phiêu Du Giữa Ánh Sáng và Bóng Tối*. Chỉ với tiêu đề đầy tính văn chương của cuộc triển lãm người ta cũng thấy họa sĩ Rừng có thể còn là một nhà văn.

Đúng vậy, khi cầm cọ, ông là họa sĩ Rừng, đã thành danh trước 1975 ở miền Nam Việt Nam. Trên phương diện chữ nghĩa, ông là một ngòi bút cũng thành danh của văn học miền Nam trước 1975, với bút hiệu Kinh Dương Vương, và gần đây ông còn dùng tên khai sinh trong một số sáng tác văn học: Nguyễn Tuấn Khanh. Ông đã đóng góp nhiều truyện ngắn cho các tạp chí văn học trong và ngoài nước.

Cuộc triển lãm loạt tranh sơn dầu mới của ông khai mạc ngày mùng 4 tháng Ba và kết thúc ngày 28 tháng Ba, 1997, tại Trung tâm mang tên *La Artcore* ở Los Angeles. (Theo *Người Việt*)

SAN DIEGO

Ngày Nghệ Thuật Tân Niên

Hiệp Hội Người Việt San Diego đã tổ chức một "Ngày Nghệ Thuật," với các sinh hoạt phong phú gồm: triển lãm tranh, biểu diễn nghệ thuật cắm hoa, trình diễn văn nghệ, vào ngày thứ Bảy 22 tháng Ba 1997, tại Nhà Cộng Đồng, trên đường Linda Vista.

Nhà Cộng Đồng là một kiến trúc lớn, với hội trường chứa được khoảng 600 chỗ ngồi, nhiều phòng họp và phòng làm việc bao quanh. Ông Bùi Quang Tiến, dược sĩ chủ nhân

một nhà thuốc tại San Diego, hiện là chủ tịch của Hiệp Hội Người Việt San Diego, cho biết tại Nhà Cộng Đồng này, Hiệp Hội và gần 40 tổ chức ở địa phương đã có những sinh hoạt văn hóa, xã hội, chính trị trải dài trong năm.

Tiến sĩ Lê Phục Thủy với bút hiệu Duyên Hà,là người chịu trách nhiệm tổ chức phòng tranh.

Trong số 21 họa sĩ có tranh treo trong phòng triển lãm kỳ này, Duyên Hà là người duy nhất vẽ chân dung người bản xứ, với mắt xanh, tóc vàng. Các họa sĩ khác như Bé Ký, Hồ Thành Đức, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng, Phạm Hoàng, Vi Vi, Hồ Anh, Văn Mộch vẫn dùng hình ảnh người Việt làm đề tài. Một số họa sĩ khác đi vào thế giới trừu tượng và siêu thực, như Khánh Trường, Rừng, Nguyên Khai, Nguyễn Việt...

Phòng triển lãm còn rực rỡ với những bát hoặc chậu hoa cắm theo nhiều trường phái Việt Nam, Nhật Bản, và Tây phương, của các thành viên nhóm Mimosa, như Lê Ngọc Châu, Đào Giao Chi, Lệ Hà, Hồng Phúc, Nguyễn Hải và Francine Kofla.

Do nhạc sĩ Tạ Chương điều hợp tổng quát, chương trình văn nghệ phong phú vào buổi tối có sự góp mặt của các ban Ngàn Khơi, Lạc Hồng, và các ca sĩ Quang Tuấn, Lê Hồng Quang,... Đôi vợ chồng Nguyễn Văn Nam - Anh Thư và cô cựu sinh viên Chính Trị Kinh Doanh Dalat Diệu Hương đã trình bày những ca khúc do chính họ sáng tác, bên cạnh tiếng hát trầm ấm của Tạ Chương, tiếng đàn dương cầm điêu luyện của Lương Kiều Miên, tiếng đàn tranh mượt mà của Chương Thu, cho thấy tiềm năng văn nghệ San Diego không thiếu. Hai bản hòa tấu đàn mandoline của Đỗ Quân Phong, với guitar của Đỗ Thu Giang, và với piano của Phạm Hoàng, là những tiết mục được tán thưởng nồng nhiệt.

QUẬN CAM

Học giả Thái Văn Kiểm nói về văn hóa mới

"Người Việt hải ngoại cũng như trong nước, trước thềm thiên niên kỷ thứ ba, cần chuẩn bị một chính sách văn hóa mới." Đó là đại ý một câu trong bài thuyết trình của Tiến sĩ Thái Văn Kiểm đọc trong cuộc họp mặt của Hội Thân Hữu Huế-Thừa Thiên, cuối tháng Hai vừa qua.

Học giả Thái Văn Kiểm

Một bản tin trên tạp chí *Khởi Hành* cho biết thêm rằng "bài nói chuyện của học giả Thái Văn Kiểm rất hàm súc, luôn hướng người nghe tới chuyện đất nước. Theo ông thì văn hóa Việt Nam tự nó đã rất phong phú, với nhiều đặc thù đượm màu sắc dân tộc, vốn đặt tinh thần lên trên vật chất, khác với chủ thuyết duy vật biện chứng vô thần, vì đã sớm biết dung hợp ba nguồn văn hóa: bắc phương (Trung Hoa), nam phương (Mã Lai, Ấn Độ, Nam Dương), và tây phương trong thời kỳ hiện đại."

Vẫn theo học giả họ Thái, Việt Nam đã khéo léo dung hợp được cả ba chiều là duy tâm (của Trung Hoa), duy linh (của Ấn Độ), và duy lý (của tây phương), cộng thêm với duy Việt (*Vietnamité*), tạo thành một nền văn hóa độc đáo và phong phú, được thể hiện bằng một nền văn minh quân bình, đa dạng và đa năng.

Tuy nhiên, ông Thái Văn Kiểm cho rằng ta phải chuẩn bị một chính sách văn hóa mới khai quan cho thế kỷ 21.

Tiến sĩ Thái Văn Kiểm hiện là Viện sĩ Viện Hàn Lâm Pháp quốc Hải ngoại, cư ngụ tại Paris

PARIS

Nghệ sĩ Hữu Phước qua đời

Nghệ sĩ cải lương Hữu Phước sinh ngày 24 tháng Bảy 1933, tại Sóc Trăng. Ông theo đuổi ngành nghệ thuật sân khấu cải lương rất sớm, và cả đời ông gắn bó với nghề.

Ông có hai con gái cũng nối nghiệp cha là các nữ ca sĩ Hương Lan và Hương Thanh.

Ông qua đời hồi 3 giờ chiều ngày thứ Sáu 21 tháng Hai, tại Lognes, ngoại ô Paris, sau một thời gian khá dài bị bệnh.

Ngày Chủ Nhật, 23 tháng Hai, Hương Lan và khoảng 100 nghệ sĩ thân hữu đã tổ chức một buổi trình diễn văn nghệ, tại thính đường trường Valley High, thành phố Santa Ana, dự trù để vinh danh người nghệ sĩ tài hoa được đông đảo khán giả mến mộ. Nhưng nghệ sĩ Hữu Phước đã từ trần, không kịp nhận vòng hoa vinh danh mà ông rất xứng đáng được choàng sau nửa thế kỷ phục vụ nghệ thuật. Hơn 1,000 khán giả tham dự chương trình đã ngậm ngùi chia sẻ với nữ ca sĩ Hương Lan nỗi đau của người con mất cha, trong lúc ở hậu trường sân khấu các nghệ sĩ đã xếp hàng để vái trước bàn thờ nghệ sĩ Hữu Phước.

POMONA, CALIFORNIA

Triển lãm "Năm"

Một cuộc triển lãm nghệ thuật tạo hình, với các tác phẩm hội họa và điêu khắc của năm người, được đặt tên ngắn gọn là 'Năm," tại Cal Poly Pomona, từ 20 tháng Hai đến 21 tháng Ba 1997.

Năm người đó là Ann Phong, Long Nguyễn, Vi Lý, Hoàng Vũ và Chi Lê. Tất cả đều thuộc lớp trẻ, tốt nghiệp tại Mỹ, và sáng tác với sự hăng say qua nhiều đề tài và phong cách mới.

Qua Vi Lý và Long Nguyễn, người thưởng ngoạn tìm thấy những đường nét và màu sắc mạnh của tuổi trẻ, nhưng thể hiện những ưu tư, dằn vặt của thời đại. Ann Phong bên ngoài là một phụ nữ dịu dàng, nhưng tranh của cô là những mảng tâm tư bão tố, mang dấu ấn của cơn biến loạn thời đại và những giằng xé của hai nền văn hóa trong một con người. Hoàng Vũ dùng hình thức và chất liệu mới (như giấy, plastic, dây kẽm...) để mô tả những trói buộc của cuộc sống hôm nay. Và Chi Lê đi vào thế giới điêu khắc để thể hiện không gian ba chiều trong các tác phẩm mới của cô, với màu sắc nóng và dữ dội đã có trong tranh của cô trước đây.

QUẬN CAM

Triển lãm "Hòa Bình Trên Dương Thế" của Suzie Vương

Cuộc triển lãm mang tên 'Hòa Bình Trên Dương Thế'' (*Peace on Earth*) của nữ họa sĩ Suzie Vương đã khai mạc hôm mùng 1 tháng Ba 1997, tại ''làng họa sĩ'' Santora Arts Complex ở thành phố Santa Ana.

Ngoài những bức tranh vẽ theo lối ấn tượng, loạt tranh mới nhất của nữ họa sĩ họ Vương mang dấu ấn của trường phái 'bán trừu tượng'' (*semi abstract*) đầy màu sắc bằng sơn dầu và acrylic trên bố (*canvas*).

Đây là cuộc triển lãm mở đầu cho cả một năm hoạt động của trung tâm nghệ thuật này. Các chương trình tiếp theo được hoạch định khai mạc vào các ngày khác trong năm như sau: 19 tháng Tư, mùng 7 tháng Sáu, 26 tháng Bảy, mùng 6 tháng Chín, 11 tháng Mười, và mùng 6 tháng Mười Hai 1997.

Suzie Vương Gallery là một trong số trên 25 phòng vẽ và phòng triển lãm trong khu Santora Arts Complex, với trên 40 nghệ sĩ tạo hình dùng nhiều chất liệu và qua nhiều thể loại khác nhau, làm việc thường xuyên.

Suzie Vương hiện là thành viên Hội đồng Quản trị của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA). Tác phẩm của Suzie đã và đang được trưng bày ở nhiều phòng triển lãm và viện bảo tàng của nhiều quốc gia trên thế giới.

Bên cạnh phòng tranh Suzie Vương còn có những tác phẩm điêu khắc trên đá của Ý với những đường cong tuyệt mỹ muôn đời của người phụ nữ, do điêu khắc gia, và cũng là khoa học gia, người Mỹ, John Lambie.

PHÁP

Khi nhà văn viết bằng mí mắt

Jean-Dominique Bauby, mới 45 tuổi, bị tai biến mạch máu não vào tháng Mười Hai 1995, bị hôn mê ba tuần liền, và sau đó bị liệt toàn thân trừ cái đầu.

Ông từ trần hôm Chủ Nhật mùng 9 tháng Ba 1997, sau khi hoàn tất cuốn sách hơn 100 trang, viết bằng... mí mắt của ông.

Jean-Dominique Bauby là một nhà báo Pháp, chủ bút tờ báo thời trang nổi tiếng thế giới, tờ *Elle*, nằm bẹp trên giường bệnh. Nhưng với quyết tâm, với sự luyện tập gian khổ, và sự giúp đỡ của Claude Mendibil, một trợ bút của nhà xuất bản Robert Laffont, ông

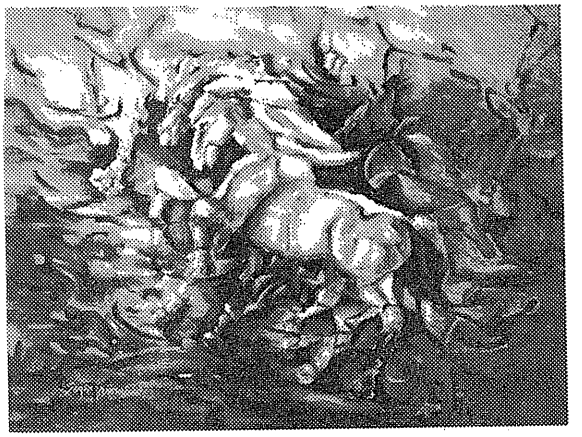

Suzie Vương, Ngựa Phi -- acrylic trên bố - 24 x 30

Bauby đã hoàn tất cuốn sách nhan đề 'Bộ Đồ Lặn Và Con Bươm Bướm'' (*Le Scaphandre et le Papillon.*''

Với tình trạng bị liệt toàn thân, Bauby nằm trên giường tập đọc ám tả cho cô Claude Mendibil bằng cách nháy mắt. Nháy một cái là ''có,'' nháy hai cái liền là 'không.'' Cô Mendibil cầm một bảng mẫu tự và chỉ vào các chữ cái từ A tới Z.

Mendibil tính ra Bauby đã phải 'nháy'' khoảng 200,000 lần mới xong cuốn sách trên 100 trang, trong đó Bauby kể chuyện đời sống tê liệt của ông, được ví như một người bị bó trong bộ đồ lặn cứng nhắc, còn những ý tưởng, những hồi ức và những ước mơ của ông bay khắp trời như những cánh bướm mùa xuân.•

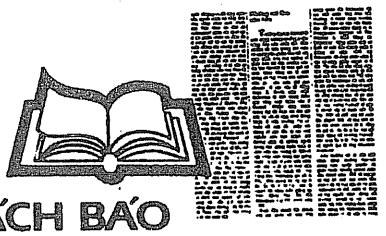

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Việt Nam, Ngày Tôi Trở Về

tiểu luận của **Lê Thị Thấm Vân**, Anh Thư xuất bản 1996, 109 trang, giá US$8.00. Liên lạc: Trần Mạnh, P.O. Box 360923 Milpitas, CA 95035, USA.

Tác giả, xa Việt Nam ở tuổi lên mười, hai mươi năm sau từ Hoa Kỳ trở về thăm quê cha đất tổ, đã ghi lại những cảm nhận và suy nghĩ của mình trong những bài viết ngắn. Lớn lên và học hành tại Mỹ, đối với những vấn đề Việt Nam Lê Thị Thấm Vân có cái nhìn thẳng thắn, hiểu biết và đôi lúc mới mẻ so với cung cách cố hữu của người Việt. Việt Nam trong ký ức tuổi thơ của tác giả là chiến tranh, Việt Nam trong lần tái ngộ sau hai mươi năm là nghèo nàn, tang thương, ngu dốt. Sự phẫn nộ và cay đắng của *Việt Nam, Ngày Tôi Trở Về* lộ ra trong từng dòng chữ, có thể tóm tắt trong mấy câu thơ trích từ bài thơ ở đầu sách:

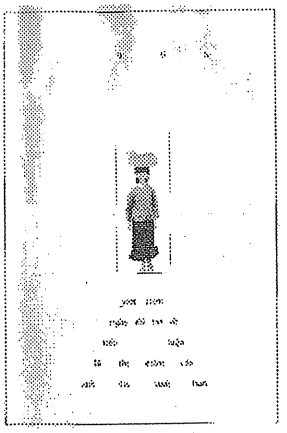

Việt Nam ngày tôi trở về
Tai không còn nghe tiếng đạn bom; còi hụ giới nghiêm, tin tức chiến trường;
...
Việt Nam ngày tôi trở về
Người biến thành thây ma,
Lang thang, vất vưởng, bầy đàn
Người sống phô bày trọn vẹn bản năng tiền sử.
Thời gian dừng lại cả ngàn năm.

Thơ nặng cảm xúc, nhưng những bài viết cũng mang đầy một không khí u ám chứng tỏ nỗi thất vọng rất lớn của tác giả khi gặp lại quê hương. Hình như không một hình ảnh nào, một vấn đề gì từ cái đất nước Việt Nam ấy làm cho cô vui và đồng tình. Cô không rung động được với đồng quê Việt Nam, cô không chịu được hình ảnh lam lũ ngàn đời của người dân quê mà cô không ngần ngại mô tả: *Những mặt trâu và mặt người, thoạt nhìn, hai mặt tựa tựa như nhau, nhưng nhìn kỹ, mặt trâu lộ chút hân hoan hơn mặt người. Nếu phải chọn một trong hai, trâu sẽ được chọn, không cần đắn đo suy nghĩ.* Cô muốn rằng người Việt Nam đừng ôm mãi quan niệm sống với "chủ nghĩa anh hùng" thì đất nước mới có cơ tiến bộ. Cô "vào lăng thăm bác" và đặt ra một loạt vấn nạn với Hồ Chí Minh, đồng thời nhìn việc ướp xác làm lăng như là *giam giữ xác ông nơi đây, rồi tô son bôi phấn, uốn nắn ông như người nộm, mục đích để mọi người đến nhìn cho thỏa tính tò mò.* Cô cực lực phản đối việc thơ mộng hóa cái nghèo, kiểu *dù nghèo mà vui.* Nói chung cô cho chế độ cộng sản như là nhân tố chính đưa Việt Nam vào tình trạng hiện nay mà cô nhìn như một thảm họa. Cô có cái thẳng thắn của người được đào tạo trong nền giáo dục Tây phương, và có cái tình đối với nước xưa mà cô biết mình còn yêu mến và nặng nợ tinh thần. Tuy nhiên đôi khi cô có cái nhìn khá lệch lạc đối với văn hóa Việt Nam, thứ nhất vì cô không thâm cảm đủ về nền văn hóa ấy, thứ nhì vì cái nhìn của cô nặng tính duy lý của Tây phương.

Cò Đùm

tập truyện ngắn của **Doãn Quốc Sỹ**, Văn Nghệ xuất bản 1997, 137 trang, giá US$8.00, ngoài Hoa Kỳ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683, USA.

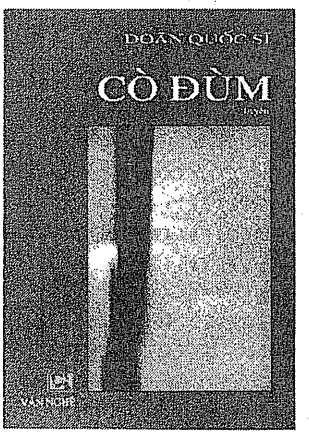

Cò Đùm là tên một truyện ngắn trong tập gồm ba truyện và một vở kịch. Lòng nhân ái là một tính chất không thay đổi trong các tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ, từ Dòng Sông Định Mệnh, Khu Rừng Lau... cho đến bây giờ. Cò Đùm là hình ảnh điển hình bất biến của người Việt Nam, như Hoàng Khởi Phong nhận xét, là *những người dân quê tuy hiền lành, nhưng bướng bỉnh, duy trì những mạch đời, liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự khôn ngoan của "Cò Đùm"*

không thể là cái khôn ngoan rút được từ trong sách vở. Sự khôn ngoan đó là kinh nghiệm sống của nhiều kiếp con người.

Càng về sau Doãn Quốc Sỹ càng viết ngắn lại. Ông không chú trọng nhiều về tình tiết, kịch tính để dẫn người đọc đi vào cảm xúc các loại. Có lẽ vì muốn tìm con đường gần nhất để đưa người đọc đến với sự nhân ái, hầu như ông đã tinh giản tác phẩm của mình, giống như người họa sĩ loại bỏ nhiều chi tiết để chỉ làm nổi lên chủ đề chính. Người đọc nhận sự đơn sơ ấy như nhận một thông điệp, một cách trực tiếp, dễ dàng, vì không vướng víu cái phức tạp của các tác phẩm đồ sộ.

Thơ Từng Ôm và Mặt Trời Từng Hạt

Tuyển tập thơ của **Nhất Hạnh**, Lá Bối xuất bản, 336 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Lá Bối, P.O.Box 3189 Walnut Creek, CA 94598, USA.

Nhan đề cuốn thơ đã như là một câu thơ gây ấn tượng: một cảm giác tràn đầy, rộng lớn mà không bỏ sót một đường tơ, một kẻ tóc. Đọc tập thơ, người ta mới nhận biết rằng thơ luôn luôn bắt nguồn từ tình cảm, nhưng tình cảm của con người quả có nhiều tầng khác nhau, tùy theo từng trình độ nhận thức của người thơ. Tác giả Nhất Hạnh, ngoài tính chất "văn nghệ" của một người làm thơ, còn là một thiền sư nổi tiếng trong đạo hạnh cũng như trong công tác giúp đời. Thơ của thiền sư là kết tinh của tài hoa cùng kinh nghiệm phong phú về mặt tâm linh và về mặt đời sống. Đó là một thế giới thanh nhã, nhẹ nhõm, nhưng chứa rất nhiều sức mạnh vô hình có khả năng đánh động, chuyển hóa tâm thức người đọc.

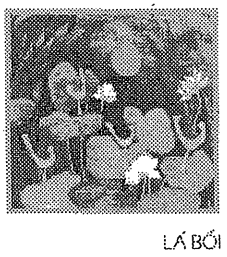

Himalaya *là dãy núi nào?*

Trong tôi có một ngọn hùng phong đỉnh vươn cao trời mây khói

...

Sông Cửu Long *chảy nơi đâu?*

Trong tôi có một trường giang cuồn cuộn

không biết đã bắt nguồn tự chốn thâm sơn nào

...

Andromeda *là tên của một đám mây sao nào?*

Trong tôi có một tinh hà chuyển vận âm thầm muôn triệu tinh cầu sáng chói

...

Homo sapiens *là tên giống sinh vật nào?*

Trong tôi có một chú bé tay trái vén màn đêm,

tay phải cầm một bông hoa mặt trời làm đuốc

Đọc những câu như thế của bài *Uyên Nguyên*, người đọc bỗng đụng phải một cách "đặt vấn đề" rất kinh khủng, và bàng hoàng trước khả năng bao la của chính mình, cái kho châu báu là chính bản thân mình mà chẳng bao giờ mình ý thức được một cách trọn vẹn. Trên phương diện khoa học, người ta có thể có rất nhiều kiến thức về con người, về các khả năng của nó, nhưng chỉ có các câu thơ lớn lao mới là những tiếng thét làm rung chuyển tâm linh, làm bùng vỡ sự trực ngộ về chính mình. Và biết vị trí mình ở đâu

Đâu là uyên nguyên? đâu là quy xứ?

đường về có những ngã nào?

Đây là một tập thơ chứa đầy sự bừng sáng của tâm thức, tâm linh qua ngôn ngữ của nghệ thuật. Sự bừng sáng ấy có khi như từng đốm nhỏ, khi là cả một không gian rực rỡ. Có bài dài vài ba trang, có bài vài ba câu, nhưng phần lớn đều chứa khả năng chuyển hóa lòng người hoặc đặt ra những dấu hỏi lớn tràn ngập tâm trí người đọc. Nhà phê bình văn học Morgan Gibson đã viết về nhà thơ thiền sư Nhất Hạnh: *"Thầy là một nhà thơ lớn, thơ của Thầy thâm sâu, uyên áo, nói lên được những gì mà ngôn ngữ không thể diễn tả hết được. (...) Có nhiều độc giả khó tính cho rằng Thầy chỉ làm thơ để giải trí cho vui, nhưng thi sĩ Robert Lowel, một người rất ngưỡng mộ Thầy, đã xem Thầy là một nhà thơ "thư thiệt" có tâm hồn tao nhã hiếm có và trí tuệ sáng ngời."*

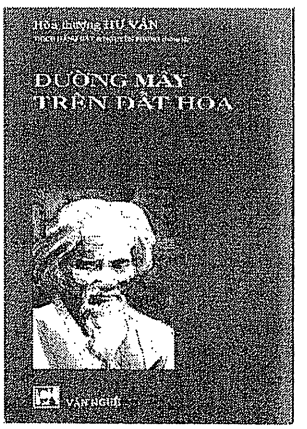

Đọc *Thơ Từng Ôm và Mặt Trời Từng Hạt* có thể bắt gặp những gì rất gần gũi, thân thiết, nhưng cùng lúc cũng gặp cái vĩnh cữu ẩn đằng sau những gì gần gũi thân thiết ấy.

Đường Mây

Trên Đất Hoa

tự truyện của Hòa Thượng Hư Vân, do Thích Hằng Đạt và Nguyên Phong phóng tác, Văn Nghệ xuất bản, 264 trang, giá US$13.00, ngoài nước Mỹ thêm US$2.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O.Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Hòa Thượng Hư Vân qua đời nam 1959, thọ 120 tuổi. Đọc tiểu sử của ngài chúng ta sẽ sửng sốt vì có một vị Thánh Tăng sống cùng một thế kỷ, nếu không phải cùng một thời đại với chính mình. Nếu không phải chính ngài thuật lại cho đệ tử chép, hay chính các đệ tử ngài chứng kiến và tường thuật, thì chúng ta khó tưởng tượng được bao nhiêu biến cố trong hành trạng của ngài là sự thật. Năm ngài 95 tuổi (1935) một con cọp đến chùa, đã nghe ngài giảng pháp, cúi lạy rồi trở về rừng. Năm 78 tuổi (1917) ngài Hư Vân dùng hai tay không nâng một tảng đá mà tám người khiêng chưa chắc đã nổi, chính ngài cũng không biết tại sao mình có sức mạnh đó, nếu không có sức mạnh siêu nhiên trợ lực.

Trong cuộc đời tu hành, ngài Hư Vân đã đi gần khắp Trung Hoa, trùng tu hàng trăm, hàng ngàn cảnh chùa, trong đó có chùa Nam Hoa (của Lục Tổ Huệ Năng), chùa Phật Ngọc (Thượng Hải) v.v. Ngài từng đi bộ trong hai năm đến Ngũ Đài Sơn, mỗi bước đi lại ngừng để lễ và niệm Phật.

Năm 1949 khi Cộng sản chiếm Hoa lục, ngài Hư Vân đang ở Hồng Kông, nhưng ngài quyết định trở về Hoa lục để tiếp tục hoằng pháp. Ngài đã bị CS bắt, biệt giam, chùa bị phong tỏa hàng tháng trời.

Nguyên Phong đã phỏng dịch và thay đổi cách trình bày bản tự truyện bằng tiếng Anh, và Thích Hằng Đạt đã giúp phiên âm các danh từ Hán Việt dựa vào bản chữ Hán. Cách phỏng dịch của Nguyên Phong rất tự do, không hoàn toàn theo nguyên bản. Lối văn rất sáng sủa và dễ hiểu của Nguyên Phong lâu nay vẫn được độc giả hâm mộ. Tuy nhiên, khi phiên âm Khúc Giang trong tỉnh Quảng Đông thành ra Triết Giang, đạo tràng Linh Thọ đổi ra Long Thọ (trang 129), hay xứ trưởng công an Trương Kiến Dân thì lại ra là Giang Trạch Dân, thì khi tái bản, dịch giả Thích Hằng Đạt, người dùng bản chữ Hán, cần sửa lại cho đúng.

Việc xuất bản cuốn tiểu sử Hòa Thượng Hư Vân thật đáng ca ngợi, vì không có bài giảng về đạo lý nào hùng hồn hơn cuộc đời của các vị thánh nhân. Độc giả sẽ hưởng nhiều lợi lạc khi đọc truyện ngài Hư Vân. (Vương Hữu Bột)

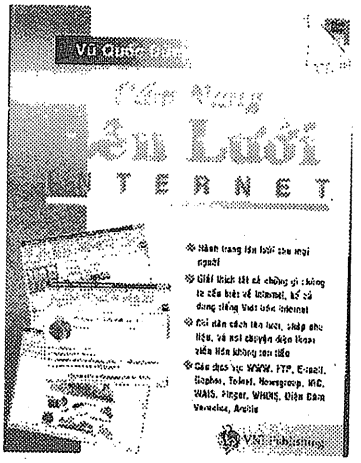

Cẩm Nang Lên Lưới Internet

biên khảo của **Vũ Quốc Dũng**, VNI xuất bản, 369 trang, giá US$34.95. Liên lạc: VNI 15103 Moran St. Westminster CA 92683, USA.

Ngay ngoài bìa, người ta đã đọc thấy những dòng tóm tắt tổng quát nội dung cuốn sách:

- Hành trang lên lưới cho mọi người
- Giải thích những gì chúng ta cần biết về Internet, kể cả dùng tiếng Việt trên Internet
- Chỉ dẫn cách lên lưới, chép nhu liệu, và nói chuyện điện thoại viễn liên không tốn tiền
- Các dịch vụ: WWW, FTP, E-mail, Gopher, Telnet, Newsgroup, IRC, WAIS, Finger, WHOIS, Điện Đàm, Veronica, Archie

Một cuộc cách mạng về truyền thông điện toán đang diễn ra trên hoàn cầu với Internet (Liên Mạng). Mạng lưới này đã trở thành một phương tiện của đại chúng, đang đưa chúng ta vào "Không gian Điện toán" (Cyberspace). Nó có ảnh hưởng gì tới đời sống của chúng ta? Chúng ta làm được gì với Internet? Làm sao để tham gia vào Internet?... Những câu hỏi như thế đã được tác giả Vũ Quốc Dũng trả lời bằng những chương sách sáng sủa, cụ thể và rất đầy đủ. Đây là cuốn sách bằng tiếng Việt đầu tiên về loại này, đúc kết từ những tài liệu hiện đại nhất.

Có cuốn sách này, người ta sẽ dễ dàng đi vào lãnh vực Internet, và sẽ không còn cảm thấy lạc hậu quá đối với sự kiện lớn lao nhất của thời đại ngày nay, là sự bùng nổ thông tin điện tử.

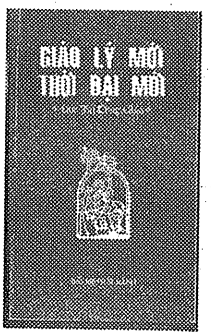

Giáo Lý Mới, Thời Đại Mới - Đức Tin Công Giáo nguyên tác tiếng Hòa Lan *De Nieuwe Katechimus* do Học Viện Giáo Lý Cao Cấp Hòa Lan biên soạn, **Nguyễn Ước** dịch theo bản tiếng Anh *A New Catechism, Catholic Faith for Adults*, Đất Mẹ xuất bản 1996, 517 trang, giá US$20.00. Liên lạc:

Nguyễn Phi Thọ, P.O.Box 721113, Houston TX 77272, USA. Tel & fax: (713) 530-6928.

Đời sống nhân loại nói chung luôn luôn tiến hóa, với trí tuệ ngày càng phát triển hơn, đời sống văn minh hơn, và do đó, điều kiện sống và tâm lý con người ngày càng có nhiều biến chuyển và có những vấn đề mới. Chữ "Thời đại mới" bao gồm ý nghĩa đó. Các tôn giáo, vốn được thành lập từ thời xa xưa, nếu vẫn khư khư giữ lấy những lề luật cũ thì có khi không còn sức sống trong hiện tại. Vì thế có nhu cầu phải đề ra"Giáo lý mới." Cuốn *Giáo Lý Mới, Thời Đại Mới - Đức Tin Công Giáo* chính là một sự rà soát lại giáo lý của đạo Công Giáo cho thích hợp với thời đại ngày nay, theo các nỗ lực canh tân của Công Đồng Vatican Hai.

Cuốn sách đề cập đến rất nhiều vấn đề liên quan đến giáo hội Công giáo qua nhiều thời kỳ lịch sử, được viết với một lối văn bình dị và trí tuệ chứ không phải được trình bày bằng những công thức ngắn gọn như các sách giáo lý trước đây. Về cái "mới" của cuốn sách, trong "Lời nói đầu," các Giám Mục Hòa Lan đã viết: *"...Toàn bộ thông điệp, toàn bộ đức tin vẫn giữ nguyên, nhưng phương thức; ánh sáng mà trong đó đức tin được nhìn thấy, là mới mẻ. (...) Mục tiêu của cuốn sách này là rao giảng thông điệp của Đức KiTô bằng ngôn ngữ thông thường, để trình bày nền tảng của thông điệp ấy một cách ung dung, và để soi sáng các vấn đề của ngày nay bằng Phúc Âm."*

Bản dịch cũng theo ngôn ngữ thông thường dễ hiểu chứ không phải "ngôn ngữ kinh thánh" vốn dùng chữ và hành văn rất xưa khiến người không quen đọc dễ cảm thấy bối rối. Với nội dung và hình thức như thế, đây là một cuốn sách không những cần cho tín đồ Công giáo mà còn là một cuốn sách đọc rất thú vị cho tất cả những ai muốn tìm hiểu về đạo này.

Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo

tập truyện ngắn của **Hoàng Thị Bích Tỉ**, Văn Mới xuất bản 1996, 140 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Nxb Văn Mới, 1528 S. La Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

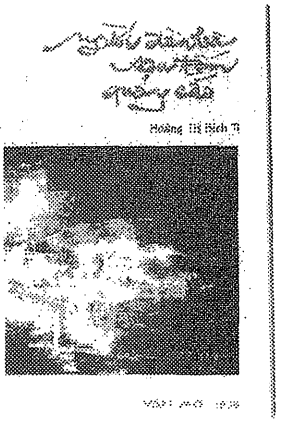

Sách gồm 10 truyện, là những truyện mới nhất của tác giả đã đăng tải trên các tạp chí trong năm 1996, dưới những bút hiệu khác nhau. Đó là công việc mô tả những nỗi đau, ở những dạng và mức độ khác nhau, nằm rải rác đâu đó trong cuộc đời. Ngòi bút của tác giả không biến những nỗi đau ấy thành lưỡi dao sắc nhọn cứa vào lòng ta, mà chỉ tạo một cảm giác bàng bạc, bâng khuâng về nỗi đa dạng của cuộc sống vật chất hay tinh thần. Đó là "trích đoạn" những mảnh đời mà trong đó bi kịch đang xảy ra, với biến chuyển tâm lý của các nhân vật trải dài, không kịch tính, không thắt mở. Lối viết như thế không gây ấn tượng mạnh, người đọc không cảm thấy thích thú hoặc đau đớn một cách rõ rệt, nhưng tâm hồn nhiễm từ từ một trạng thái tùy theo khí hậu văn học mà tác giả tạo ra. Để tả một cảnh đời, đôi khi tác giả còn dùng lối nhân cách hóa những thứ không phải là con người (một con vịt, một chiếc áo) để cho nó kể chuyện, những chuyện rất hiện thực của con người, chứ không ngụ ý ẩn dụ gì cả; trong những truyện như thế, người ta thấy việc nhân cách hóa không mang một dụng ý nào, mà chỉ là một cách thay đổi lối diễn đạt cho đỡ nhàm chán.

Tuy viết về những cái không vui của cuộc đời, tác giả không phải là một người bi quan, vì đã nghĩ rằng: "Tập truyện Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo tuy được viết nên từ những cảnh ngộ bi đát, nhưng bên cạnh những thương tâm mà những câu chuyện trình bày, chúng vẫn khiến chúng ta biết ơn những hạnh phúc tầm thường nhỏ nhoi của một ngày được sống."

Dòng Đời

tập truyện của **Nguyễn Viết Hưng**, tạp chí Tiếng Việt xuất bản, 275 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Nguyễn Viết Hưng, 8931 Westminster Ave. Garden Grove, CA 92844, USA. Tel: (714) 899-8421.

Dòng đời của người Việt tị nạn trong hơn hai mươi năm qua, vì hoàn cảnh khác thường của nó, đã chuyên chở nhiều trăn trở, bất hạnh, đau thương. Trong tập truyện của mình, Nguyễn Viết Hưng đã mô tả nhiều chuyện. Đó là *Lấy Mỹ*, cuộc hôn nhân gây nhiều tranh cãi trong gia đình, là niềm ưu tư, buồn bực của bậc cha mẹ, nỗi băn khoăn, xâu xé của tuổi trẻ và mối bất hạnh theo quan niệm của người già. Đó là *Nỗi Truân Chuyên* của một cô gái Việt trên đước vượt biên gặp hải tặc. Đó là *Thêm Nữa Đợi Chờ* của đôi trai gái cách nhau cả một đại dương. Đó là *Cho Thơm Tình Yêu*, tâm niệm của đôi lúa yêu nhau, nhưng lỡ dở vì thời cuộc, để rồi ngỡ ngàng gặp nhau nơi hải ngoại.

Những truyện vừa kể là tiêu biểu cho sáu truyện vừa trong *Dòng Đời*.

Mạch văn xuôi chảy, dễ dàng. Những vấn nạn gai góc của cuộc đời như vấn đề hôn nhân dị chủng, mối tình tay ba, hay những tình cảm trái ngang của cuộc đời tị nạn được tác giả lý giải một cách khéo léo, hợp lý, không gượng gạo gò ép. Phảng phất qua cái hư cấu của tiểu thuyết là những cảnh đời rất sống thực mà tác giả đã kinh qua hoặc góp nhặt từ những người quen biết, như tác giả đã nói trong lời mở đầu.

Tuyển tập có năm phụ bản nhạc, mà lời là những bài thơ của Nguyễn Viết Hưng. Trước đây ông đã ấn hành một thi tập mang cùng tên với tập truyện này: Dòng Đời. (Trần Quán Niệm)

Những Vần Thơ Vịnh Kiều

và **Thơ, Trường Ca... Quá Nửa Cuộc Đời**

hai tập thơ của **Nhật Hồng Nguyễn Thanh Vân**, tác giả xuất bản, mỗi tập 104 trang, giá như nhau: US$10.00. Liên lạc: Tu Quynh Books & Warehouse, 7481 Anconda Ave, Garden Grove, CA 92841, USA.

Tác giả là một cựu sĩ quan Quân lực VNCH, sau 1975, trong tám năm trải qua các trại tù cộng sản, đã âm thầm sáng tác những bài thơ vịnh Kiều, để, như tác giả tâm sự, *hầu quên đi những nỗi nhục nhằn lao dịch*, và cũng để bày tỏ lòng bất khuất, một sự chống đối tiêu cực đối với chủ nghĩa duy vật. Không thể chối cãi là tác giả say mê truyện Kiều, với một thể thơ duy nhất là Đường luật, ông đã vịnh hầu hết nhân vật và các tình huống đáng ghi nhớ trong truyện. Thể thơ cổ, đề tài không mới, nhưng lời lẽ nghiêm chỉnh, trau chuốt, nhiều khi sinh động. Đặc biệt ông có một bài thơ "thuận nghịch độc" khá đặc sắc chứng tỏ tài thi phú của ông. Bài thơ không những đọc xuôi và ngược đều có vần, có nghĩa, và hay, mà còn có thể biến hóa thành 14 cách đọc khác nhau, tất cả đều tạo nên những bài thơ hoàn chỉnh. Ngay trong thời kỳ còn cái học từ chương, chuyên gò câu gọt chữ cũng hiếm thấy ai có thể "chơi văn giỡn chữ" đến mức này, thế mà nay, một người theo tân học, chuyên huấn luyện về mìn tại Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ, lại có thể tạo ra một bài thơ như thế này thì phải xem là chuyện hiếm có.

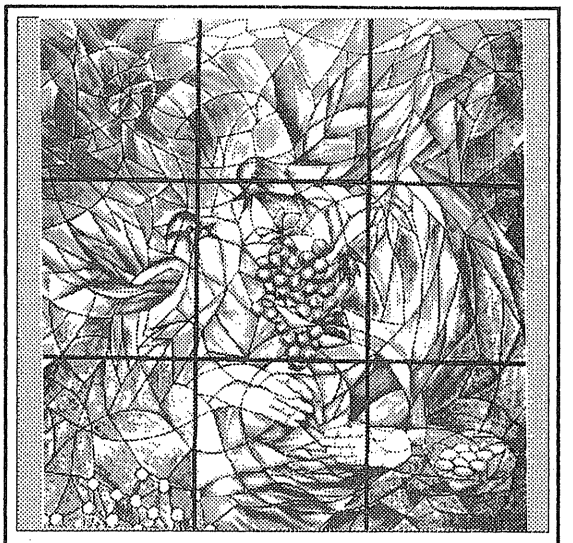

GRAND OPENING

SUZIE VUONG
Gallery

SANTORA ART COMPLEX
207 N. Broadway, Suite #3
Santa Ana, CA 92701

Tel: **(714) 558-8218**
Pager: **(714) 967-7571**
Fax: **(714) 444-1082**
http://kicon.com/art/SuzieVuong

Kính mời Quý vị và các bạn đến xem triển lãm tranh của nữ họa sĩ
SUZIE VUONG
"Peace on Earth"
Tối Thứ Bảy 19 tháng Tư, 1997
Tiếp tân: từ 7 giờ đến 9 giờ tối
Triển lãm tiếp tục đến ngày 30 tháng 5

Ngày giờ mở cửa:
Thứ Bảy: 12 giờ trưa đến 55 giờ chiều
Những ngày khác xin theo hẹn

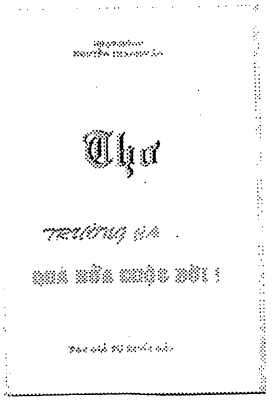

Những cuốn *Thơ, Trường Ca... Quá Nửa Cuộc Đời* mới thật là nỗi lòng tác giả. Bản trường ca 400 câu nói về cuộc đời mình mà cũng là cuộc đời của bao người cùng thời, lớn lên trong cuộc chiến tranh, tham dự cuộc chiến, làm kẻ thua trận, bị tù đày và cuối cùng đi tị nạn ở xứ người khi tóc đã pha sương. Các bài thơ khác cũng mang nhiều bản sắc của tác giả, có khi đầy cảm khái, có khi cười cợt, giọng thơ tự do, chân tình, ít tính cách cổ điển như những bài thơ vịnh Kiều. Một ông đồ nho và một thi sĩ tân thời cùng tồn tại trong một con người, cũng là điều đặc biệt!

Bước Tới Thành Thơi

Giới luật và uy nghi của các vị Sa Di, do Hội Đồng giáo thọ đạo tràng Mai Thôn biên soạn. Lá Bối xuất bản. 220 trang, không đề giá. Liên lạc: Lá Bối, P.O.box 3189 Walnut Creek, CA 94598, USA. Tel (510) 686-2908.

Chúng ta biết rằng truyền thống tu học trong tu viện có từ thời Phật Thích Ca còn tại thế, cách đây hơn 2500 năm. Kinh nào của đức Phật cũng nhắc tới giáo đoàn 1200 vị tỳ kheo tu học theo Phật. Đời sống trong tu viện của các học tăng giúp cho Phật hiểu được những vấn đề của người đi tu, nên đặt ra các giới luật để giúp họ chuyển hóa khổ đau. Các sa di là những người mới tu học, chỉ thọ 10 giới, nhưng họ phải thực tập chánh niệm để giữ được uy đức và nghi tắc trong mọi sinh hoạt hàng ngày, biểu lộ cái đẹp tâm linh của người xuất gia.

Cuốn *Bước Tới Thành Thơi* gồm có năm phần chính. Ngoài mười giới (chương 2), ba mươi chín thiên uy nghi (chương 3), còn có phần thi kệ thực tập chánh niệm (chương 1), lời cảnh giác và khích lệ của thiền sư Quy Sơn (chương 4). Chương chót là bài "Nói với người xuất gia trẻ" của Thiền Sư Trừng Quang Nhất Hạnh, trong đó các học tăng mới được hướng dẫn một cách ân cần để họ rõ hướng đi và biết những phương pháp tu học cụ thể, có thể tiến tới sự chuyển hóa tự thân trước khi họ thọ giới tỳ kheo, đi hoằng pháp độ người.

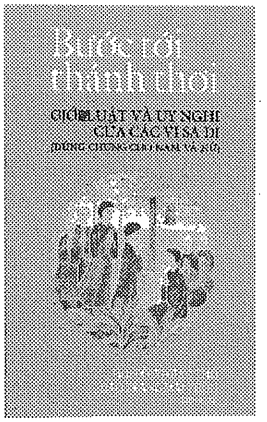

Cuốn sách này do một cộng đồng tu học biên soạn từ những kinh nghiệm sống thực nhưng căn cứ vào tinh ba và phương pháp của các sách căn bản cổ xưa như "Tỳ ni nhật dụng thiết yếu" của thiền sư Độc Thể; "Sa di luật nghi yếu lược" của thầy Châu Hoằng và "Sa di thập giới uy nghi lục yếu" của thầy Trí Húc.

Tuy đây là cuốn sách về giới luật và uy nghi của các tu sĩ, nhưng độc giả thường chúng ta cũng có thể học hỏi được rất nhiều. Ngoài chuyện hiểu biết thêm về giới luật và uy đức của các tu sĩ, còn có nhiều bài thi kệ rất hay để áp dụng. Những lời nhắn nhủ của ông thiền sư cho học trò cũng là những chất liệu rất tốt gây hứng khởi cho người đọc trên con đường tu dưỡng tâm linh. (Tiểu Huyền)

Trân trọng mời quý độc giả và thân hữu tới dự buổi

tưởng niệm TỪ CHUNG

cố Tổng Thư Ký Tòa Soạn nhật báo *Chính Luận* Saigon,
bị Việt Cộng sát hại cách đây 30 năm

tại Phòng Sinh Hoạt Nhật báo Người Việt
14901 Moran Street, Westminster, California
vào hồi 3 giờ chiều thứ Bảy 12 tháng Tư 1997

Báo *Ngày Nay* (Houston, Texas)
Báo *Xây Dựng* (San Jose, Bắc California)
Báo *Thế Kỷ 21* (Garden Grove, Nam California)

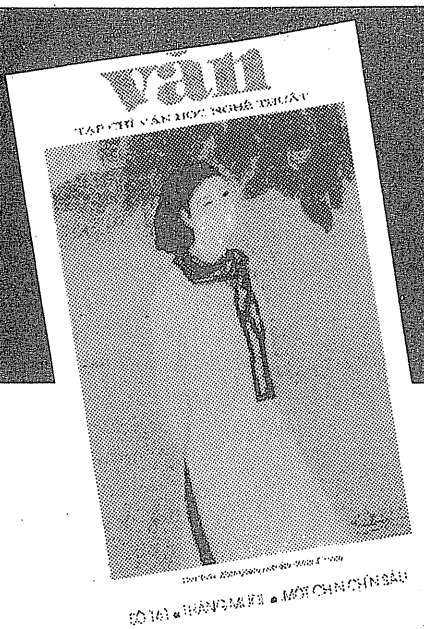

văn

tạp chí văn học nghệ thuật
phát hành hàng tháng

Chủ nhiệm: MAI THẢO
Chủ bút: NGUYỄN XUÂN HOÀNG
ĐT: (714) 531-7297

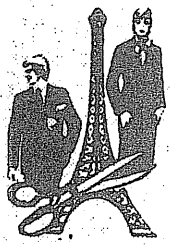

"THUẬN" PHOUTTA PHASOUK

Master Tailor
Diplome d'Honneur L'Académie Internationale
De Coupe de Paris

** Từ 1963 đã từng may mặc cho Hoàng Gia Lào và giới ngoại giao tại Vientiane*
** Hoạt động trong ngành May Mặc Paris trong 15 năm:*
Làm Huấn luyện viên tại Académie Internationale de Coupe de Paris
Làm Coupeur cho Trường Ecole Superieure de Guerre.

• Nhận cắt may đồ Veste, sang trọng và nghệ thuật
• Huấn luyện từ A đến Z những ai muốn học nghề may hoặc muốn tu nghiệp nâng cao tay nghề.

7871 Hazard Ave.,#B (at Beach) Westminster, CA 92683
Điện thoại: **(714) 373-4085**

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không)
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* **GIẢI PHẪU**
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* **PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:** (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* **TIA LASER:**
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* **HÚT MỠ:**
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* **Cấy tóc.**
* **Chích Mỡ**
* **Chữa trị các hình thức Silicone.**
* **Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN:

* *Facial*
* *Lột da mặt*
* *Dầu thơm Pháp*
* *Dưỡng Da*
* *Xâm Thẩm Mỹ*
* *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*
* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

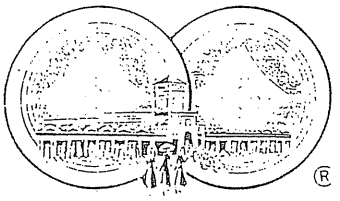

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

California Lottery
LOTTO
DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

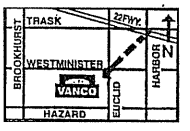

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

HOÀN TOÀN MỚI

Hân Hạnh Giới Thiệu

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ TOÀN NĂNG

HOÀN MỸ EV-97

BA BỘ TỰ ĐIỂN ĐẦY ĐỦ, LỚN NHẤT

ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-ANH

- Căn bản cho người học, dùng và nói tiếng Anh thường xuyên với bộ ANH-ANH hoàn chỉnh.
- Tự điển ANH-VIỆT lớn hơn các máy đã có trên thị trường.
- Thêm phần đặc biệt các tự điển chuyên môn Bách Khoa
- Tra cứu trực tiếp và đối chiếu (tra chéo) giữa các bộ

EV-96	EV-97
$249	$279

VEC-888
$289

** Giá có thể thay đổi tùy theo thời gian. Xin gọi để biết chi tiết*

ĐẶC BIỆT VỀ NGÀNH THẨM MỸ

Không một máy nào trên thị trường hiện nay có được:

- Luyện thi Thẩm Mỹ, với các câu hỏi trả lời có phê điểm đúng sai.
- Hỏi đáp có phát âm
- Từ điển Thẩm Mỹ, đủ các từ chuyên môn cần thiết.
- Một công trình biên soạn để đáp ứng nhu cầu thị trường lớn nhất nước Mỹ

TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA CHUYÊN NGÀNH:

- Y KHOA
- ĐIỆN TỬ
- TOÁN HỌC
- ĐIỆN TOÁN
- CƠ KHÍ
- KINH TẾ
- THƯƠNG MẠI

Giáo sư Lê Chính Long: "Tôi giới thiệu bộ tự điển này."

Nếu quý vị không có nhu cầu dùng tự điển ANH-ANH
nên mua
THẾ KỶ HOÀN MỸ EV-96
Trên 40 công dụng - Máy tuyệt hảo, ổn định và xinh đẹp; không thiếu một chức năng nào, màn

HỆ THỐNG BẢO HÀNH TỐT NHẤT, UY TÍN NHẤT, BẢO VỆ

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI.
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT BERKELEY - USA.

DO Whizmate
PHÂN BỘ CỦA GOLDEN MATE INC. THỰC HIỆN

ĐÃ CÓ BÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Xin liên lạc đại lý bán máy gần nhất hoặc trực tiếp với các nơi dưới đây:

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA:
GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE. EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898 Fax: (818) 279-9999
nói tiếng Việt:
1-800-248-3948, 818-279-9911

LITTLE SAIGON 9200 BOLSA AVE. #225 WESTMINSTER, CA 92683 **Tel: (714) 897-9808**	**PACIFIC GIFTS & SHOES** 2057 SENTER RD. #M SAN JOSE, CA 95111 **Tel: (408) 226-2383**	**PHONG LE CO.** 103 WESTBANK EXPWY GRETNA, LA 70053 **Tel: (504) 366-8758**
PHƯƠNG MY LASER & VIDEO 8210 BELLAIRE BLVD. # 153, HOUSTON, TX 77036 **Tel: (713) 623-1131**	**SOUND CITY** 1012 WEBSTER ST. OAKLAND, CA 94607 **Tel: (510) 444-7800**	**VIETNAM BOOKSTORE (CANADA)** 415 SPADINA AVE TORONTO, ONT M5T 2G6 **Tel: (416) 595-5199**

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim